



NỐI TRUYỀN THÍCH CA CHÁNH PHÁP
ĐẠO PHẬT KHẮT SĨ VIỆT NAM

ĐUỐC SEN

HAPPY NEW YEAR

Chúc Mừng Năm Mới



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG KHẤT SĨ LẦN VII



Chư Tôn Đức Tăng tham gia khóa tu Truyền Thống Khất Sĩ lần VIII



Thiền tọa



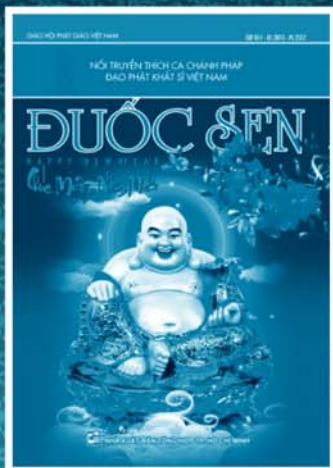
Thiền hành



Khất thực



Độ ngo



CHỨNG MINH

Hòa Thượng Giác Tường
Hòa Thượng Giác Ngộ
Hòa Thượng Giác Giới
Hòa Thượng Giác Hà
Hòa Thượng Giác Dũng (GD III)

CHỦ BIÊN

Hòa Thượng Giác Toàn

THƯ KÝ

Đại Đức Giác Hoàng
Ni Sư Tín Liên

BIÊN SOẠN

Thượng Tọa Minh Thành Ph.D
Đại Đức Giác Nhưông
Đại Đức Giác Đoan
Sư Cô Tuệ Liên

THIẾT KẾ TRÌNH BÀY

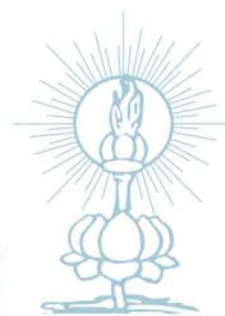
Vô Trí Sĩ

THƯ TỪ, BÀI VỞ

Xin gửi về:
TỊNH XÁ TRUNG TÂM
21 Nguyễn Trung Trực
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Email: tapsanduocsen@gmail.com
thichminhthanh@gmail.com

ẢNH BÌA 1

Mừng Xuân Di Lạc - PL.2556



ĐUỐC SEN

TRONG TẬP NÀY

KINH THƠ

67. Khuyến phát Tâm Bồ Đề
(SC. Tuệ Liên dịch, NS. Minh Liên chuyển thơ)

GIÁO LÝ

70. Khám phá sự tinh tế trong giáo lý Duyên Khởi
(TT. Minh Thành Ph.D)

73. Lợi ích thiết thực của lòng tin (TK. Minh Viên)

75. Phật tánh bình đẳng (Liên Anh)

77. Thế nào là tu? (Nhật Thăng)

VĂN HỌC PHẬT GIÁO

78. Những thành tựu của văn học Phật giáo
Trung Quốc (Lý Kiến Hân, TKN. Tuệ Liên dịch)

80. Lạnh như bá súng (Thế Như)

TRUYỆN NGẮN

82. Tôi đã được khóc (Thế Như)

84. Hạnh phúc ở đâu (TKN. Tuệ Liên)

KHÓA TU

86. Pháp ngữ của HT. Giác Giới
(TK. Minh Diệp lược ghi)

91. Khóa tu Hệ phái lần thứ 8
tại Tịnh xá Ngọc Nhơn (TK. Giác Hoàng)

93. Cảm tưởng của hành giả tham dự khóa tu
lần thứ 8 (TK. Giác Mạnh)

95. Ni giới hệ phái Khất Sĩ tổ chức khóa tu
Giới Định Huệ lần thứ 6 (TKN. Tuệ Liên)

97. Báo cáo khóa tu lần 7
do Ni giới Khất Sĩ tổ chức (NS. Tín Liên)

100. Cảm ơn khóa tu do Ni giới
Hệ phái Khất Sĩ tổ chức lần 7 (Thiện Hữu)

102. Tóm tắt Khóa tu lần 2 do Giáo đoàn III tổ chức
(TK. Giác Đoan)

TẢN VĂN

106. Hành trình phía trước (Chơn Duyên)

109. Phóng sanh trên miền Tây sông nước
(Lê Quỳnh)

THÔNG TIN PHẬT SỰ

111. Tiến độ thi công Pháp viện Minh Đăng Quang
(Giác Minh Thịnh)

112. Tịnh xá Trung Tâm — Q. Bình Thạnh
Tổng kết Phật sự 6 tháng cuối năm
Nhâm Thìn 2012 (Giác Minh Luật)

114. TX. Lộc Uyển - Tổng kết Phật sự cuối năm
(ĐĐ. Giác Nhuận)

116. Giới thiệu trang web www.daophatkhatysi.vn
(TK. Giác Hoàng)

118. Câu lạc bộ Tám Lòng Vàng "Về nguồn"
(Viên Anh)

2. Lá thư xuân (HT. Giác Toàn)

XUÂN QUÝ TỶ

4. Rán thiêng hóa kiếp (Trần Quê Hương)

5. Chùm thơ xuân (HT. Giác Tuấn)

6. Xuân Quý Tị (NT. Tân Liên)

7. Nụ cười Di Lạc (TK. Giác Đoan)

9. Xuân về khắp nẻo (Nguyễn Thọ)

9. Xuân quê tôi (Nhật Thăng)

10. Xuân về (Yến Phụng)

11. Mừng xuân Quý Tỵ - 2003 (Ngọc Châu)

12. Đi tìm một mùa xuân (TK. Minh Phát)

14. Góc nhìn mùa xuân (Thục Oanh)

15. Lắng nghe yêu thương trong mùa vui
(Kim Dung)

16. Xuân quê hương (Liên Vinh)

18. Mùa xuân miên viễn (Ngọc Chơn)

20. Khoảng lặng cuối đông (Thuồng Như)

22. Làm gì đây giữa kiếp người
(Giác Minh Luật)

24. Ước nguyện (Viên Anh)

PHẬT THÀNH ĐẠO

25. Sự trưởng thành của thái tử Tất-đạt-đa
(TK. Minh Diệp)

28. Mừng ngày Phật xuất gia và thành đạo
(Tô Châu)

29. Đóa sen dâng Phật (Ngọc Định)

CHƠN LÝ

32. Đọc Chơn Lý "Thập Nhị Nhân Duyên"
Tiếp theo và hết
(TT. Minh Thành Ph.D)

36. Chơn Lý "Diệt Lòng Ham Muốn"
(KS. Minh Bình)

THIỆN HỌC

40. Tình trạng thất niệm và cơ chế tự động
lãng quên mặc định (TT. Minh Thành,
Bùi Công Tiệp phiên tả)

48. Hành thiền (Viên Đạo)

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

50. Những đặc trưng của tinh thần giáo dục
Phật giáo - Tiếp theo & hết (TK. Minh Khôi)

54. Vài suy nghĩ về giáo dục người xuất gia trẻ
(Giác Minh Tường)

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TRỤ TRÌ

61. Đôi nét người trụ trì
Tiếp theo & hết (ĐĐ. Giác Nhuận — đoàn VI)



ĐỨC SEN

TẬP 017 - 01.2013 - PL.2557

Lá thư Xuân

● SA MÔN GIÁC TOÀN

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,
Thưa quý Phật tử cùng độc giả gần xa,

Hân du một vòng rồi mây cũng trở về với đất mẹ qua những cơn mưa giọt ngắn, giọt dài. Trôi đất quay hết một vòng quanh trục tạo ra ngày và đêm để rồi đưa đẩy chúng ta trôi qua biết bao năm tháng trên cuộc đời này, bắt đầu từ xuân, đến hạ, đến thu, đến đông, rồi trở lại xuân. Xuân đến với thế nhân mang hoa tươi nắng đẹp, tô điểm cho vạn vật nhiều màu sắc trong bức tranh hoàn mỹ, để con người vui sống và cống hiến trọn vẹn một đời, ... rồi xuân lại ra đi.

Không khí se lạnh của thời tiết và vài cơn mưa nhẹ nhẹ giữa lòng thành phố, như để báo hiệu một mùa xuân mới lại về trên quê hương Việt Nam. Đặc biệt, đối với những người con Phật, ngọn lửa tâm linh như được bùng sáng hơn trong hương xuân đạo pháp. Suốt bao ngày tu tập và hành đạo, người Khất Sĩ du phương cũng tạm dừng bước chân sen, nhẹ mở cõi lòng trong sự chan hòa của nàng xuân tịch tĩnh. Trong phút tương giao giữa tâm thanh tịnh và sự bình yên của đất trời, cũng là lúc chúng ta có dịp nhìn lại quãng đường mình đã đi qua trong một năm dài. Suốt 12 tháng tiếp nối sự nghiệp tu hành, hoằng pháp và các Phật sự chăm lo cho xã hội đều là những nội dung mà ta cần quán xét như một đề mục nhà Thiền, để mỗi người tự nhìn lại về sự cống hiến của mình cho đạo pháp và dân tộc.

Suốt một năm qua, hệ phái Khất Sĩ luôn gắn bó keo sơn trong khối thống nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam để hoàn thành nhiều Phật sự rất khả quan. Thành tựu này là nhờ công lao lãnh đạo sáng suốt của chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội, lãnh đạo Hệ phái, lãnh đạo Giáo đoàn và từng vị trụ trì. Kiện toàn cho sự thành công chung đó là mỗi Tịnh xá trực thuộc cũng như từng cá nhân chư Tôn đức Tăng Ni đã nỗ lực hết mình tu tập trưởng dưỡng đạo lực tự thân và dẫn thân phục vụ nhân sinh trong tinh thần đoàn kết.

Nỗ lực học tập, nghiên cứu và ứng dụng, hành trì giáo lý của đức Từ phụ đúng theo tôn chỉ của đức Tổ sư Minh Đăng Quang luôn là mối quan tâm hàng đầu của Hệ phái. Trong năm nay, 3 khóa tu Truyền thống Khất Sĩ lần 7, 8, 9 lần lượt diễn ra tại các đạo tràng: Tịnh xá Ngọc Tường – Tiền Giang, Tịnh xá Ngọc Nhơn – Quy Nhơn và Tịnh xá Ngọc Hưng – Đồng Nai. Chư Tăng đã khép mình hành trì theo thời khóa thanh tịnh, hòa hợp, thấm tinh đạo vị. Đạo phong uy nghiêm, mẫu mực toát ra từ chư Tôn đức đã tiếp thêm nguồn sinh lực cho đàn hậu tấn. Tinh thần cầu học và tinh tấn tu tập được hiện rõ qua lối sống tu học của chư Tăng trẻ. Về phía chư Ni, cũng đã diễn ra 6 khóa tu tại các đạo tràng như: Tịnh xá Bửu Quang – Bình Định, Tịnh xá Ngọc Phương – TP. HCM, Tịnh xá Ngọc Tâm – Long An, Tịnh xá Mộc Chơn – Tiền Giang, Tịnh xá Ngọc Liên – Cần Thơ, Tịnh xá Ngọc Thành – Daklak. Qua những khóa tu, đường lối tu học của Phật - Tổ - Thầy đã được khẳng định một cách đậm nét hơn, cả về giáo lý lẫn sự hành trì. Đây là tiền đề cho con đường chuyển hóa nội tâm của mỗi hành giả và ứng dụng độ sanh trên tinh thần đền đáp ân đức đấng Từ phụ Bốn sư, Tổ sư cùng chư vị tiền bối. Mỗi khóa tu chỉ với thời gian 7 ngày ngắn ngủi nhưng có ý nghĩa lớn lao về tâm linh và tinh thần hòa hợp của Hệ phái. Đây là môi trường tu hành gần nhất với thuở ban sơ mà đức Tổ sư đã truyền dạy: “Nên tập sống chung tu học”.

Về các công tác, hoạt động khác của Hệ phái, nương theo gương hạnh của các bậc Thầy hiện tiền, chư Tăng Ni trẻ với lòng nhiệt huyết cống hiến, phụng sự đã ngồi lại với nhau, phân chia công tác Phật sự để san sẻ trách nhiệm cùng chư Tôn giáo phẩm. Đặc biệt, công tác văn hóa, giới thiệu về giáo pháp giác ngộ của đức Thế Tôn và con đường Đạo Phật Khất Sĩ là nội dung cốt lõi. Trong đó, trang web www.daophatkhatsi.vn được ra mắt là một bước khởi động tích cực, đánh dấu pháp âm của đức Phật và

đường lối của Tổ sư được lưu bố rộng khắp hơn nữa.

Hòa mình trong không khí đầy mạnh công tác hoàng pháp của Giáo hội cũng như không khí tu học của cả nước, nhiều đạo tràng tịnh xá mở ra lớp Thọ bát quan trai, lớp giáo lý, khóa tu một ngày đến bảy ngày an lạc, khóa thiền tập... diễn ra nhẹ nhàng trong từng Giáo đoàn. Các ngày lễ lớn như Phật đản, Vu Lan, hoa đăng vía Bồ-tát Quan Âm, hoa đăng vía Phật A Di Đà,... đã được diễn ra ở nhiều đạo tràng, chuyển tải nét đẹp văn hóa tâm linh, tinh thần nhân văn sâu sắc, góp phần tôn vinh nét đẹp văn hóa của dân tộc, thắt chặt mối liên hệ mật thiết giữa đạo pháp và dân tộc.

Sự phát triển của Hệ phái được điểm tô qua công tác xây dựng tịnh xá mới và trùng tu các trụ sở ở từng Giáo đoàn. Sự tiếp nhận người xuất gia và đào tạo Tăng Ni trẻ cũng có chiều hướng ngày càng ổn định. Từ những cơ sở tịnh xá và số lượng nhân sự đó mà con đường nối truyền chánh pháp được tiếp nối và lan tỏa, góp phần đem ánh sáng giác ngộ của đức Từ Phụ đến mọi nơi. Đây là một niềm khích lệ lớn lao cho toàn Hệ phái.

Cuối cùng trong những Phật sự ý nghĩa đó là công tác từ thiện xã hội. Trong năm qua, từng Giáo đoàn đã thực hiện nhiều công tác rất ý nghĩa để cùng Nhà nước xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, như: ủy lạo đồng bào gặp thiên tai, dân quê nghèo túng, xây nhà tình thương, hiến máu nhân đạo, xây cầu nơi vùng sâu vùng xa,... giúp cho các mảnh đời bất hạnh vui với bớt phần nào nỗi khổ đau của kiếp người.

Nhìn chung, những thành tựu về mọi mặt trong một năm qua là một điểm son ghi lại một dấu ấn trong bước tiến dài của sự phát triển nguồn mạch đạo pháp. An lạc với những thành quả đạt được, chúng ta cần phải tỉnh tấn để giữ vững những thành quả này và làm cho nó ngày càng thăng hoa hơn. Muốn được thế, từng Giáo đoàn, từng Tịnh xá và từng cá nhân Tăng Ni phải chung sức đồng lòng đi theo và duy trì ngọn đèn chơn lý mà Tổ sư đã thắp lên và các đức Thầy đã truyền thừa.

Đuốc Sen ra mắt bạn đọc lần này cũng là một nỗ lực của nhiều Tăng Ni và Phật tử trong Hệ phái. Một số bài viết còn chơn chất, giản đơn trong ngôn ngữ và ý tưởng. Một số bài thơ có thể còn lỗi nhịp gieo vần, nhưng trong đó là cả một tấm lòng vì lý tưởng giác ngộ, vì đạo, vì đời. Một số bài viết mang tính nghiên cứu chuyên sâu, thể hiện nhận thức vững vàng của những Tăng Ni có năng lực được đào tạo từ các trường lớp. Bên cạnh đó, pháp ngữ từ khóa tu do chư Tôn đức thuyết giảng hoặc là những cảm nhận sâu sắc, chân thành từ các hành giả... đều là những nét chấm phá trong một bức tranh tổng thể của một nền văn hóa, văn học Khất Sĩ.

Bước sang năm mới, thay mặt Thường trực Giáo phẩm Hệ phái xin bày tỏ lòng tri ân đối với chư Tôn đức Tăng Ni đã hết lòng phụng sự đạo pháp và dân tộc trong một năm qua. Kính tri ân đến chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các cấp chính quyền Trung ương đến địa phương. Xin ghi nhận và tán thán công đức lành của quý Phật tử gần xa đã phát tâm hộ pháp cúng dường.

Nhân dịp năm mới, kính chúc chư Tôn đức pháp thể khinh an, đạo quả chóng viên thành. Kính chúc các cấp chính quyền vạn sự kiết tường như ý. Kính chúc quý Phật tử năm mới được tấm mình an lạc trong hào quang của mười phương chư Phật. Trân trọng kính gửi đến chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử lời chúc nhân mùa xuân mới:

CHÚC xuân phúc lộc thiên sanh
MỪNG xuân Quý Tỵ hương lành nguyên trình
NĂM thời gian đẹp an bình
MỠI không gian, rộng rãi tình quê hương
BẠN tri âm khắp bốn phương
ĐỌC đi đọc lại hạnh gương sĩ hiền
THÂN bằng quyền thuộc hiện tiền
HỮU tâm hữu tánh phúc duyên thể trần
TẬP tu sửa khẩu ý thân

SAN sẽ tri kiến chân thân pháp mầu
ĐUỐC thiên chiếu diệu minh châu
SEN thiêng thơm ngát đạt dào phạm âm
TÂN niên Di Lạc thậm thâm
XUÂN về mai cúc... thập phần thêm xinh
QUÝ ân vô lượng hữu tình
TỴ hiềm thiện ác huyền hình mong manh
HAI phương thiên địa hóa thành
KHÔNG không thân chứng Tịnh Danh ta bà

Tịnh xá Trung Tâm, 28.11 Nhâm Thìn
TM. Giáo phẩm Hệ phái kiêm Chủ biên
Sa-môn GIÁC TOÀN



Rắn thiên hóa kiếp

• Trần Quê Hương

1.
Trước dòng sông sanh tử
Trong vô lượng kiếp luân hồi
Tôi lang thang, lang thang
Với tâm thức vô minh
Với tự ngã chấp thủ
Tôi mê lầm ảo tưởng
Chạy theo tình, tiền, danh lợi
Chạy theo thất tình lục dục
Tích tụ nuôi dưỡng tham, sân, si
Ôi! Con rắn độc ngàn năm.
Nó ẩn náu trong tôi
Tôi thấy, tôi nghe, tôi biết
Trôi lăn theo dòng sông sanh tử
Tôi vui, tôi buồn, tôi mừng, tôi giận...
Tất cả như ngấm dần... ngấm dần
Như mây trời lãng đãng bay bay
Mỗi kiếp, mỗi đời, mỗi hình hài
Có khi tôi là cỏ, là cây
Có khi tôi là kiến, là trùng, là đế
Là cào cào, châu chấu
Là gián nhện, là bọ hung
Là cạp, là beo, sư tử
Là voi, là khi vượn, dã nhân...
Với lòng ích kỷ và tánh tham lam
Mỗi ngày mỗi chắc lọc và làm nên nọc độc
Ôi! Con rắn độc ngàn năm.
Nếu như,
Con người ở đời, gặp việc không vừa lòng
Con người bức mình, sùng sộ, sân si...
Còn rắn độc khi đối diện mọi trở lực
Nó cất đầu lên cảnh giác, khè khè...
Ôi! Hành động ác, lời nói ác và tâm ý ác của con người
hại con người...
Có khác gì nọc độc của loài rắn hổ mang!

2.
Quả đất và bầu trời
Không gian và thời gian
Con người và vạn vật
Ánh sáng và bóng tối
Ban ngày và ban đêm
Thiện lành và ác quỷ
Sanh tử và âm dương...
Sự sống của muôn loài mầu nhiệm thiêng liêng
Tứ đại — Đất nước lửa gió... sinh thái diệu huyền
Tự cân bằng — Sáng trưa ngày đêm, mưa nắng...
Tự cân bằng — Trắng đen, mập ốm, vui buồn...
Tự cân bằng — Sinh diệt, có không...

3.
Nhâm Thìn khứ, Quý Tỵ lai...
Trời đất thiêng, thời gian thiêng
Rồng thiêng, Rồng hiền, Rồng bay
Văn minh, khoa học tiến dài... nẻo xa
Lòng người tỉnh thức thăng hoa
Chân hòa sự sống kết tòa nhân sinh
Thiện hữu tri thức pháp tình
Hiện thân cất cánh tâm linh thượng ngàn
Rắn xưa đổi sắc hương vàng
Năm thiêng rũ bỏ ác gian nhiều đời
Tháng thiêng miệng độc nay cười
Ngày thiêng tánh độc... nay khơi tánh hiền
Giờ thiêng Rắn hóa Rồng thiêng
Quý Tỵ, thanh lọc não phiền rũ buông
Quý là phúc lộc cát tường
Tỵ là bỏ ác... ấy phương hộ đời
Nọc độc hết độc... thuốc trời
Tham sân si lắng... thời thời tịnh yên
Rắn nay hóa kiếp Rồng Tiên
Ta bà thế giới phúc duyên thanh bình.

Xuân Quý Tỵ — 2013



Chúc xuân

HT. Giác Tuấn (Trưởng đoàn VI)

Mai, đào đua nở đón xuân sang
Kính chúc xa gần được an Khang
Sớm bỏ sân si nương cửa Phật
Mau buông tham ác đảo Tây phang
Sáng kệ, chiếu kinh lo tu tỉnh
Khuya thiền, tối niệm nhất tâm an
Mừng xuân Di Lặc tròn đạo đức
Viên mãn đường tu hưởng Niết-bàn.

Cảm nhận xuân

HT. Giác Tuấn (Trưởng đoàn VI)

Đất trời đang độ vào xuân
Quê hương trăm nẻo xa gần xuyên xao
Xuân lòng hạnh phúc thanh tao
Cội nguồn Chơn lý ngọt ngào thiên môn
Nắng xuân rực ánh hoàng hôn
Hào quang tịch chiếu, vô ngôn pháp mẫu
Vui xuân tịnh lạc thâm sâu
Sống đời, vui đạo: nhịp cầu Sắc - Không.

Hoa mai vàng

Như Mai

Hoàng Mai nức tiếng chốn Ta bà
Giữa nắng khoe mình hê nụ ra...
Điểm lệ màu sang tươi nhuận cảnh,
Thanh tân nét quý đẹp xinh nhà
Hoa duyên yếu điệu... trao người đến
Lộc thắm mặn mà gọi khách xa...
Điểm tuyết non sông tình ý đượm
Muôn năm nức tiếng mãi không nhòa.

Sắc Xuân

Như Mai

Cánh én mang xuân đến muôn nhà
Gió hát êm đềm gợi khúc ca
Điểm lệ đào, mai khoe sắc thắm
Yêu kiều hồng, cúc tỏa hương hoa
Nắng vàng óng ả cùng nơi chốn
Mây biếc lung linh khắp nẻo xa
Thắm đượm đất trời duyên tương hội
Ngàn năm xuân mãi... trẻ không già.





Xuân Quý Ty

• NT. Tân Liên

Mùa xuân đến bầu trời quang đãng,
Chốn Phật đường chói rạng niềm tin.
Thiện nam tín nữ kiền thành,
Đón xuân đạo đức tịnh thanh nhiếp trần.
Ngày xuân đến nhân dân mong ước,
Cho người người hưởng được vui an.
Không còn những cảnh tai nạn,
Không còn những cảnh lâm than khổ sầu.
Ngày xuân đến cùng nhau hội hiệp
Lòng nguyện cầu hòa nhịp điển linh
Xuất gia cư sĩ đồng thanh
Hòa âm dị khẩu tâm lành triển khai
Lời Phật dạy trần ai khổ trước
Pháp tu hành bồi đức góp công
Phước duyên cao thượng gieo trồng
Cho tăng trí huệ cho lòng thấm tươi
Cõi giải thoát an vui hòa ái
Không buộc ràng oan trái ghét thương
Tâm không ô nhiễm tình trường
Khen chê danh lợi nhiều nhường xa lìa
Cõi trần thế phân chia khôn đại
Chốn đạo tràng rộng rãi bao la
Cảm thương người vật ruột rà
Tình thương bình đẳng dầu là bò bay
Lời khuyến nhủ trong ngày xuân mới
Chúc cư gia nhuần gội Phật ân
Sáng tâm tỏ tánh vững thân
Đường tu tịnh tấn xác thân mạnh lành
Chúc tất cả gia đình quý quyến
Đồng phát tâm đồng nguyện tu hành
Trì trai giữ giới phóng sanh
Phước duyên đầy đủ tâm linh nhẹ nhàng
Ngày mãn kiếp Tây Phang thọ hưởng
Cõi trường xuân lý tưởng xiết bao
Hằng nghe kinh pháp nhiệm mầu
Về nương Phật quốc thanh cao đời đời. ■

Gò Công, ngày 26 tháng 11 năm 2012



NỤ CƯỜI DI LẶC

● TK. Giác Đoan

Thời gian cứ tuần tự trôi, hết thu sang đông, lại đến xuân... Cứ như thế tiếp diễn từ năm này sang năm khác một cách tuần hoàn. Mỗi mùa đều có nét đặc thù riêng. Thực vật thì thường thay lá vào Thu và làm tiền đề, cảm hứng cho thi nhân sáng tác nên những áng thi ca;

nhưng Đông đến lại là thời gian mà thiên nhiên thử thách lòng kiên trì của vạn vật, để khẳng định tính quân tử của tùng bách. Và khi làn gió xuân ấm áp trở lại để đẩy lùi tiết lạnh cũng chính là lúc vạn vật thi nhau đâm chồi nảy lộc, dâng tặng cho đời sắc thắm tươi, và đây cũng là lúc mà mọi người hoan hỷ với nụ cười trên đôi môi để đón chào xuân.

Khi tiết xuân qua đi thì nụ cười ấy cũng tan biến theo quy luật của cuộc sống. Nhưng có một nụ cười hỷ lạc, không bị chi phối bởi không gian và thời gian, để giúp cho cuộc sống luôn ấm áp hương xuân, ấy là nụ cười hoan hỷ tự tại của đức Phật Di-lặc.

Chúng ta thường thấy Ngài có rất nhiều hình tướng khác nhau, nhưng đều có điểm chung là luôn luôn có nụ cười hoan hỷ trên khuôn mặt cùng với chiếc bụng lớn, bởi thế Ngài được tán thán:

"Đại đồ năng dung, dung thế gian nan dung chi sự."

"Hàm nhan vi tiểu, tiểu thế gian nan tiểu chi nhân".

Nghĩa là: Bụng lớn có thể dung chứa những việc mà người đời không thể dung chứa. Miệng nở nụ cười với những điều mà người đời khó có thể cười được.

Ngài được mệnh danh là vị Phật hoan hỷ. Nhưng tại sao vị Phật này lại có hình tướng kỳ quái như vậy, khác xa hình ảnh nghiêm trang của chư Phật mà chúng ta thường thấy? Sao lại phơi bày cái bụng to tướng không có được mảnh vải che, mấy đứa bé lại vây quanh chọc phá.... mà ngài vẫn tự tại với nụ cười hoan hỷ? Tại sao ai ai cũng tôn kính và rất hoan hỷ khi gặp Ngài dù chỉ là tôn tượng? Có phải chăng do thân tướng kỳ quái cùng khả năng ban phước giáng họa nên mọi người lo sợ, hay là do đức Từ Thị đã toát ra niềm hỷ lạc vô nhiễm phủ khắp nơi?

Đối với người con Phật hay những ai có cái nhìn chân chánh thì chắc hẳn biết rằng chư Phật đâu có khả năng ban phước giáng họa, hay xoay chuyển nhân quả giúp cho mọi người. Vậy đó chính là sự tôn kính xuất phát từ việc ngưỡng mộ đối với tinh thần hỷ lạc của một tâm thức hoàn toàn thanh tịnh, không chút nào phiền. Phải có sự chuyển hóa tâm thức, và chỉ có khi nào tâm thức hoàn toàn trong

sạch, không cấu bẩn, mới có thể biểu hiện được nụ cười hỷ lạc vô nhiễm trong bất cứ hoàn cảnh, thời gian nào như Ngài được. Chính nụ cười hỷ lạc ấy đã nhiếp phục và khiến cho sanh chúng tôn kính, dù thân tướng của Ngài có như thế nào đi nữa.

Ở đây đức Từ Thị đã lấy sự hoan hỷ làm chất liệu cho con đường mang lại lợi lạc quần sanh. Chất liệu này chính là sự kết tinh của hai yếu tố Bi và Trí, là nền tảng mang lại hạnh phúc và giải thoát những nỗi phiền khổ đau. Qua thân hành của mình, Ngài đã thiết lập cho mọi người con đường đưa đến niềm hỷ lạc.

Như lời ca ngợi đã được đề cập ở trên, chúng ta thấy rằng muốn có được hỷ lạc thì trước phải thể nghiệm tinh thần bao dung như đã nói "dung thể gian nan dung chi sự". Vậy những gì mà thể gian khó dung? Phải chăng thể gian nhỏ hẹp quá nên không thể chứa được; hay do cái tham, cái sân, cái si quá lớn nên khó mà dung được? Một khi tự ngã cùng tam độc của mình lớn quá nên không thể tha thứ, bao dung thì làm sao có được niềm vui, sự hỷ lạc kia chứ.

Mọi người khi gặp những chuyện trái ý, nghịch lòng, thường cơn giận nổi lên, chính mình chịu thiệt thòi trước, trong lòng khó chịu, nỗi phiền từ đó mà sanh và đưa đến khổ đau cho chính mình. Trái lại, khi được lợi lộc hay được mọi người ca ngợi, tán tụng thì chúng ta vui mừng, thỏa mãn nhưng trong chốc lát lại tan biến, và tiếp tục bị chi phối bởi hỷ, nộ, ái, ố... thất tình lục dục mà không thể nào giữ được niềm vui.

Chính vì tâm thức của chúng ta chứa đựng quá nhiều cấu bẩn do tham sân si chỉ huy nên không thể nào dung chứa, tha thứ bằng tình thương được; hoặc giả lòng chúng ta rộng nhưng lại không



chứa lòng tha thứ, thương yêu thì niềm vui ấy sao có thể tồn tại lâu dài được. Ngược lại, đức Từ Thị đã sử dụng tình thương, lòng bao dung tha thứ cho mọi người mà không hề chứa đựng một chút mảy may tâm sân giận nào nên trên khuôn mặt Ngài luôn nở nụ cười rất hoan hỷ. Điều này mọi người có thể thấy rõ qua hình ảnh lục tặc quấy phá Ngài: đưa thì kéo áo, đưa thì béo tai, đưa thì thọc ngón tay vào lỗ rún... nhưng đức Từ Thị vẫn bao dung hoan hỷ với chúng. Ngài đã dung được những thất tình lục dục, những thực phẩm độc hại tham sân si từ tha nhân mang đến mà vẫn không bị nhiễm độc và làm tổn hại. Ngài đã dung chứa những điều thể gian khó dung.

Chỉ có nụ cười không thôi mà sao lại khó khăn quá vậy! Chắc mọi người nói rằng trong cuộc sống thường ngày ai lại không cười, phải không? Nhưng đã có ai tự hỏi lại rằng: nụ cười của mình được nuôi dưỡng bằng thực phẩm của sự bao dung tha thứ, của tình thương, hay là của những độc hại tham sân si?

Chẳng hạn như khi bị lãnh đạo khiển trách, sao chúng ta vẫn phải nở nụ cười trên môi, ngược lại, với những người thân trong gia đình lại dễ quát tháo? Vậy nụ cười ấy được nuôi dưỡng bằng chất liệu gì, có thật sự là một nụ cười, hay chỉ là cái cười

gượng gạo do lo sợ mất đi quyền lợi mà có? Phải chăng môi vẫn nở nụ cười, nhưng nước mắt lại chảy ngược và đau thấu tâm can? Cho đến cái cười tuyệt đẹp mà thể gian khó bao giờ tìm thấy được "nhất tiểu khuynh thành, tái tiểu khuynh quốc", đủ khả năng làm chao đảo thiên hạ đi nữa thì cũng chỉ là tầm thường trước nụ cười hỷ lạc của đức Từ Thị mà thôi.

Vì sao lạ vậy? Vì nụ cười ấy đã chứa đựng những mầm mống của sự khổ đau, của cảnh phân ly và làm cho mọi người bất an lo lắng. Chỉ có bao dung với tâm từ mới có thể mỉm cười hoan hỷ được! Chính vì thế mà mệnh đề "*Hàm nan vi tiểu, tiểu thể gian nan tiểu chi nhân*" xuất hiện để ca tụng niềm hỷ lạc của vị Phật cười này.

Nói như vậy để chúng ta thấy được chân giá trị của niềm hỷ lạc, không phải để nản chí và đánh mất đi chính mình. Nếu chúng ta không đủ khả năng làm được thì đức Từ Thị đâu có vạch ra cho ta con đường đi đến nụ cười vô nhiễm ấy. Con đường ấy chính là cái lộc đầu năm mà đức Từ Thị đã dành tặng cho mọi người. Cho nên, đầu năm đi chùa lễ Phật, cầu nguyện, không gì thiết thực hơn là chúng ta thực hành con đường mà Ngài đã chỉ dạy để đưa đến nụ cười hỷ lạc, nhằm mang lại hạnh phúc chân thật cho chính mình cùng mọi người xung quanh.

Giờ đây con đường đã hiển hiện ra trước mắt, chỉ chờ chúng ta cất bước để hiện thực hóa chúng mà thôi. Thế nên đón xuân là chúng ta đón chào nụ cười và làm cho nụ cười hỷ lạc ấy luôn hiện hữu trên đôi môi. Và đặc biệt hơn là giữ cho nụ cười ấy đi theo ta suốt hành trình của cuộc sống, và là hiện thân của nụ cười Di-lặc trong cuộc đời, để hương xuân luôn sưởi ấm cho mọi người. ■

Xuân quê tôi

Nhật Thăng

Bờ đê vắng sương mù như giăng sớm,
Hơi lạnh về luyến tiếc buổi tàn đông.
Tiếng cu kêu cho ấm lại tấm lòng,
Như tiếng gọi đón mời mùa xuân đến.

Gió chướng thổi gốc mai vàng xơ xác,
Lác đác trên cành trở sớm vài bông.
Chợt nghe như xao xuyến tận cõi lòng,
Nghe nhớ quá quê nghèo ngày xưa ấy!

Dòng sông nhỏ lượn bờ tre làng cũ,
Bóng con đò thiếu vắng khách sang sông.
Buổi tàn đông sương thoảng nhẹ vương đồng,
Hay khói bếp nhà ai đang lan tỏa.

Ôi thương quá! Quê hương buồn lặng lẽ,
Đội Xuân về ấm lại buổi đoàn viên.
Cho thương yêu thêm lại lắng êm đêm,
Như vị ngọt mùi chuối khô đốt nắng.

Tiếng rộn rả nhịp chài ai quét bánh,
Chợt nghe thêm trà bánh nướng ngày xưa.
Bóng cây nêu theo gió ngã dong đưa,
Tiếng lục lạc khua vang mừng đón Tết.

Cha lặng lẽ góc hè chùi lư củ,
Chái bếp Mẹ ngồi gói bánh mừng Xuân.
Tay nâng niu trở từng ánh mắt gừng,
Đưa em gài bên bếp hồng ửng má.

Tiếng tí tách sân sau bùng ánh lửa,
Nổi bánh chưng lộc Tết cúng Ông Bà.
Tạch, đi đùng vang tiếng pháo xa xa,
Quê tôi đó! Đón Xuân như thế đó!



Xuân về khắp nẻo

Nguyễn Thoại

Xuân về én liệng thành thơ
Non sông gấm vóc khắp nơi rộn ràng
Người dân xuôi ngược lo toan
Quanh năm phấn đấu bảo tồn mưu sinh
Hoa xuân rạng rỡ hương trinh
Trời thanh thoáng mát, long lanh nắng vàng
Núi cao rừng thăm bạt ngàn
Suối tuôn ngọc tuyết, gió đàn thông reo
Đầu non vương vấn mây chiều
Lòng người mở rộng thêm nhiều nghĩa nhân
Cùng nhau tương ái, tương thân
Xóa mờ giai cấp, gieo nhân thiện lành
Ngày xuân ngọt lịm tình anh
Tâm hồn cội mở đượm tình hương quê
Quên phiền muộn, rủ nhau về
Chung tay hành thiện Bồ-đề nở hoa
Ngày xuân đoàn tụ hoan ca
Cháu con vui vẻ thuận hòa mến yêu
Xóm làng rộn rịp sớm chiều
Người người cầu chúc những điều hạnh thông
Cùng năm, mãn tháng mạnh lành
Gia đình hạnh phúc công danh vẹn toàn
Hiếu tâm, hiếu đạo hiền ngoan
Xã lý diên đảo nơi dàng thánh nhân
Cho cõi đời bớt đau thương
Cho ngày xuân đẹp quê hương thái bình
Chúc bá tánh thấy an lành
Đoạn lia nghiệp chướng đắc sanh phẩm vàng.

Tuy Hòa, mùa xuân Quý Tỵ - 2013.

Kia đoàn người nô nức đến chùa lễ Phật, cầu cho mưa thuận gió hòa; cầu sức khỏe, bình an, thành đạt, hạnh phúc,... Vậy bất hạnh, thất bại,... sẽ luôn đến với ai chẳng cầu xin chẳng? Trong cuộc sống nhân thế, ai dám chắc mình mãi hạnh phúc, ai không hy vọng mình chẳng khổ đau? Nhưng nào ai chẳng có vui buồn lẫn lộn, như ngày qua rồi, đêm lại đến thôi.

Thời Phật còn tại thế, thanh niên Subha đã hỏi Thế Tôn: “Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, duyên gì, giữa loài người với nhau lại có người liệt, có người ưu? Có người đoản thọ, có người trường thọ? Có người nhiều bệnh, có người ít bệnh? Có người đẹp sắc, có người xấu sắc? Có người trí tuệ kém, có người trí tuệ đầy đủ? v.v...”. Thế Tôn đáp: “Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng mà từ đó con người được sanh; nghiệp là quyến thuộc, là nơi nương tựa. Nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt, có ưu. Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông sát sanh tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các



Xuân về

● Yến Phụng

loại. Do nghiệp ấy, khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục. Ở đây, khi mạng chung nếu được đi đến loài người, chỗ nào nó sanh ra, nó phải đoản mạng. Nhưng nếu có người đàn bà hay đàn ông từ bỏ sát sanh, có lòng từ, sống thương sót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh. Do nghiệp ấy, khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới ở đời. Ở đây, khi mạng chung nếu nó đi đến loài người, chỗ nào nó sanh ra, nó được trường thọ v.v...¹”

Vậy là mọi sự khác biệt nào do chư Phật hay thần linh định đoạt, ban phát được đâu! Chính ta mới là cứu tinh của ta. Cổ nhân đã dạy: “Tác nhân kết quả, vô sở đảo đã”, dịch thoát là: Gây nhân thành kết quả rồi / Vái cầu lễ lạy bởi hồi tưởng

công. Và “Dục hữu tương lai, mạc tác thất đức” (Tương lai muốn có an lành / Đừng làm thất đức mới thành ý mong).

Xuân về, từ nữ hoàng các loài hoa đến những em cỏ dại, đều xênh xang trong cánh áo mới để đón chào lũ khách viếng thăm. Nhưng... bao mầm non trên cành như trẻ thơ cần nguồn sữa mẹ, đã rời cành, lịm dần sức sống để thỏa lòng những người muốn nhận lộc Trời đất ban cho. Nếu dựa theo lời Phật dạy: “Tất cả tài vật có chủ, dầu là của quý thần hay của kẻ giặc cướp, nhãn đến một cây kim, một ngọn cỏ đều không được trộm cướp...”² thì chúng ta đã vô tình trở thành kẻ “trộm cướp”. Bạn ơi, xin để dành những chồi non, những bông hoa xinh đẹp trên cành, cho tôi vui ké niềm vui của bạn, cho muôn loài vạn vật giữ nét xuân sang.

Xuân về, bao người trong số chúng ta sẽ quỳ dưới chân Phật đà hay Thánh nhân để cảm niệm ân đức của Người, để ôn lại đức hạnh của Người và thầm nguyện nối gót Người đã đi? Nguyện luôn tinh tấn học và hành theo những lời Người đã chỉ dạy? ■





Chùm thơ Xuân Ngọc Châu

Mừng Xuân Quý Tỵ 2013

1.
Pháp bùa trấn gian rặng cỏi hồng
Muôn màu tịnh khiết nhuộm non sông
Thơm hương hỷ xả tươi nhuận cỏi
Đẹp sắc từ bi sáng rực lòng
Cửa đạo bình an thôi tưởng nhớ
Đường đời hạnh phúc khởi trông mong
Thanh nhàn cuộc sống bầu yên tĩnh
Đón một mùa xuân rạng ánh hồng.
2.
Hồng ân Tam bảo phủ dương trần
Đạo pháp tinh người thoát mê tân
Ánh sáng Chân Như ngồi bất diệt
Hào quang Bát Nhã chiếu vô ngần
Trao duyên phước lạc cho nhân loại
Tặng đức an bình đến chúng dân
Gió hỷ, hương từ giảng khắp chốn
Dương gian ánh đạo sáng tinh thần.
3.
Tinh thần nhẹ nhõm tiệc thanh trai
Tương, muối, cà, dưa hướng Phật đài
Đuốc huệ rạng ngời soi quá khứ
Sen từ sáng rõ chiếu tương lai
Hương xuân hạnh phúc hoa tươi mãi
Vị tết bình an quả ngọt hoài
Cửa đạo thơm nồng hương giải thoát
Rực vườn Bát Nhã nở cành mai.
4.
Cành Mai e ấp giọt sương long
Thắm đượm an lành đẹp núi sông
Gió tết êm êm hương dịu ngọt
Trời xuân ấm áp vị thơm nồng
Cõi chơn tâm thúy lòng mơ tưởng
Nẻo chánh diệu huyền ý đợi trông
Giọt nước, nhành dương xua não hại
Ngàn năm đẹp mãi giống Tiên Rồng.
5.
Tiên Rồng con Phật trái năm châu
Tỏa chiếu mười phương ý nhiệm mầu
Thắng Pháp, Hoa Nghiêm trồng cội vững
Lăng Già, Bát Nhã cấy mầm sâu
Mây tươi Thánh Đức lia mê tưởng
Nắng ngọt Thiên Na dứt vọng cầu
Giới — Định cần tu nguồn giải thoát
Xuân hồng thuần khiết sắc minh châu.
6.
Minh châu pháp lạc nhuộm xuân ngời
Nắng hỷ, mưa từ rải khắp nơi
Giúp chúng qua sông trừ nghiệp cảnh
Điêu nhân vượt biển rừ duyên đời
Đồng chân lạc tịnh ươm màu thắm
Cửa đạo an bình nhuộm sắc tươi
Hương nẻo Tây Phương tròn một niệm
Mùi hương Bát Nhã ngọt giảng trời.
7.
Trời xuân gió đạo ngọt hương thiên
Đập tắt mê trần phá thủy miền
Cội giác vun phân nhuận nhánh thiện
Mầm từ tưới nước nảy cành thiêng
Khai dòng Pháp Tạng trao muôn cỏi
Mở cửa Kinh Thư tặng khắp miền
Vạn Hạnh nước Nam danh nức tiếng
Nhờ ơn giáo dưỡng bậc Tôn Hiền.
8.
Tôn Hiền dụng pháp ướp trời xuân
Đại hạnh cao sâu tánh nhuận
Khép cửa tham sân đời chánh tịnh
Khóa lòng dục ái đạo chơn thuần
Nơi gương Đại Sĩ lành am luyện
Nối gót Phật Đà tánh tập huân
Bốn biển, năm châu hồng thắm sắc
Chơn truyền Khất Sĩ ướp trời xuân.
9.
Xuân đem Pháp bảo tặng trao người
Vị ngọt thơm lòng sắc thắm tươi
Hạnh đức trau dồi cần phải gắng
Tâm minh luyện đưa chớ nên lùi
Giờ giờ, phút phút vang câu niệm
Tháng tháng, năm năm rộn tiếng cười
Cuộc sống yên bình trong hạnh phúc
Luôn luôn ấm áp cảm tình người.
10.
Người say cảnh vật sắc tơ đào
Ướp nhuộm tâm hồn đến xuyên xao
Gió Xả, mây Từ đường thiện bước
Mưa Bi, nắng Hỷ cỏi chân vào
Mùi hương Bát Nhã xua phiền muộn
Giọt nước Cam Lộ đuổi khổ lao
Giới đức tô màu tươi vĩnh viễn
Cho Xuân đẹp mãi sắc hương ngào.

Đón xuân

Hương xuân rạng rỡ sắc vui chào
Cảnh vật nồng nàn dạ xuyên xao
Trời đất yêu kiều màu mỹ lệ
Núi sông rạng rỡ nét thanh tao
Hoa xinh vẻ thắm nồng hương tặng
Cỏ đẹp màu tươi đượm sắc trao
Vui vẻ hân hoan mừng chúc phúc
Thêm duyên vị Tết ngọt men ngào.

Vịnh hoa mai

Giữa nắng cành hoa óng ả vàng
Thơm nồng quyến rũ vẻ cao sang
Xông hương đón Tết lòng hoan hỉ
Tỏa sắc mừng xuân ý rộn ràng
Kiếp sống thanh cao đời chúc tụng
Trọn đời quý phái đạo ca vang
Kính dâng nét đẹp xuân thuần khiết
Thắm đượm yêu thương thoả nhẹ nhàng.

Xuân đạo

Xuân gieo Chánh pháp ngọt tình thương
Xuân diệt tử sanh thoát đoạn trường
Xuân dứt hôn trầm xua ý sở
Xuân lia trạo cử phá tâm vương
Xuân đời rạng thắm màu an tịnh
Xuân đạo tươi thanh sắc lạc thường
Xuân phúc mây hiền tươi khắp cỏi
Xuân lành gió thiện sáng muôn phương.

Cảnh xuân

Nắng hồng sáng rạng ngời cảnh vật
Cây cỏ xinh nhan sắc mỹ miều
Nét duyên thắm đượm thương yêu
Chứa bao tươi tắn ướp nhiều mộng mơ.
Ánh xuân quang lồng thơ quện nhạc
Ngọn xuân phong tỏa ngát hương nồng
Huyền vi sắc sắc, không không
Ngộ mê chẳng vướng bận lòng thi nhân.
Màu huệ trí bình an thoát tục
Sắc bi từ hạnh phúc cao thanh
Trần gian ướp đượm pháp lành
Tâm chân, lòng tịnh phát sanh trí mầu.
Xuân cửa đạo cao sâu diệu viễn
Xuân dương trần bất biến thời gian
Xuân muôn năm rạng ánh vàng
Xuân cao quý mãi giữa ngàn sắc xuân.



Đi tìm một mùa Xuân

● TK. Minh Phát

C hữ Xuân trong chữ Hán được viết dưới dạng 春, được ghép từ bộ 三 (tam là ba) cộng với bộ 人 (nhân là người) và cuối cùng là bộ 日 (nhật là ngày). Nghĩa là khi đến ngày Xuân, ngày Tết thì “nhiều người tụ hội lại để vui Xuân trong những ngày Tết” (三 + 人 + 日 > 春), vui này không phải một người, hay hai người mà phải ba người trở lên thế mới gọi là Xuân.

Theo quy luật thời gian. Hạ qua, Thu tàn, Đông hết nhường chỗ cho mùa Xuân. Mùa mà hầu như mọi người thế gian ai cũng mơ ước, khi nghe đâu đâu vang vẳng lời bài hát:

“Xuân đã về, Xuân đã về! Kìa bao ánh Xuân về tràn lan mênh mông. Trên cánh đồng, chim hót mừng, đang thiết tha cùng đàn từng bay vui say. Xuân đã về, Xuân đã về. Ngàn hoa hé môi cười vui đón gió mới. Xuân đã về, Xuân đã về! Ta hát vang lên câu ca mừng chào Xuân...”

Khi nghe lời bài hát ấy dù chưa đến Tết, ngày Xuân dù ở rất xa nhưng gọi cho lòng người ta sự nhớ nhung, bồi hồi, thốn thức khi xa nhà, xa quê hương xứ sở. Ao ước được gần đến ngày Xuân, ngày Tết để được về gần người thân gia đình vui chơi trong chung rượu, tách trà, cái bánh... như các bạn trẻ vẫn thường ao ước:

“Vui làm sao Xuân về hai tuổi

*Tuổi hai mươi là tuổi của niềm vui
Mong thời gian đi mãi chẳng đi lùi*

Biết Xuân đến vui Xuân là hạnh phúc.”

Đối với tuổi trẻ thì thế, lúc nào cũng ngây thơ, hồn nhiên vô tư lự, chỉ mong đến Tết để được nghỉ học, vui chơi hay được tiền lì xì, thỏa thích sau bao tháng ngày miệt mài học tập. Nhân cơ hội ngày mà ngàn hoa cũng đua nhau khoe sắc thắm, ta thấy trên khuôn mặt mọi người cũng trẻ trung hơn, mọi cảnh vật như được thẩm mỹ bằng những màu sắc thanh tân, lịch lãm. Đây cũng là cơ hội cho những ai xa xứ sở quê hương trở về thăm cố hương, ông bà cha mẹ



với những phần quà biểu hiện lòng chí thành hiếu đạo của hàng con cháu, hậu lai đối với bậc tiền nhân, cổ bối. Là dịp để người ta nghỉ ngơi trao đổi những nỗi niềm tâm sự, trút bỏ mọi gánh nặng của công việc, của trách nhiệm để được trầm mình trong hơi ấm, thoải mái của ngày Xuân, để được đoàn tụ với người thân.

Vui Xuân, chơi Xuân, hưởng thụ những lạc thú thanh tao của cuộc đời là điều hầu như ai ai cũng mơ ước. Tuy nhiên, theo tinh thần giáo lý Phật giáo, phải có sự tỉnh thức, phải có sự chánh niệm trong giáo pháp kéo bị hụp trôi lẫn sâu trong niềm vui say tục lụy đánh mất bản thân. Có đôi khi đắm mình trong vui say chè chén trong ăn uống thái quá để rồi bị vòng xoáy vô minh cuốn trôi theo nẻo luân hồi của ngũ dục. Thế nên các bậc Tổ Đức dạy chúng ta phải ý thức cuộc đời vô thường, mỗi ngày trôi qua dù nhỏ hay lớn, sang hay hèn, quyền quý hay bần tiện, cao thấp xấu đẹp, phải ý thức mạng sống chúng ta đang bị ngắn dần khi mỗi giây mỗi phút lần lượt trôi qua:

Ngày nay lại đã qua rồi

Mạng căn huyết mạch lẫn hồi khô khan.

Dường như cá cạn ở ao

Khổ thêm thời có chút nào vui đâu.

Cần tu tợ lửa đốt đầu

Đừng cho sái buổi như châu đế vương.

Biết thân mỏng mảnh vô thường

Sớm còn tôi mất lo phương tu hành.

Bởi thế chúng ta phải ý thức tỉnh giác trong từng cử chỉ, lời nói, hành động của thân, nâng cao hơn nữa là theo dõi sự tư duy của ý, dù là sống trong bất cứ hoàn cảnh nào, hay bát phong cuồng dậy ta vẫn giữ mình:

"Dù phải chịu muôn ngàn gian khổ,

Con dốc lòng vì đạo hy sinh."

Một hành giả khi đã thực hành, sống trong sự tỉnh giác, giữ

được tâm "Thường lạc, ngã tịnh", khi mùa Xuân có đến đi vẫn không bị thất tình náo loạn. Mùa Xuân có đến đi vẫn như như, không vui buồn như tâm Như Lai dù ai có khen chê đối với Ngài vẫn vậy. Thế nên Mãn Giác thiền sư có cảm nhận về Xuân bằng một bài kệ:

春去百花落

春到百花开

事逐眼前過



老從頭上來

莫謂春殘花落尽

庭前昨夜一枝梅

Phiên âm:

Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhân tiền quá

Lão từng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Trần Quê Hương dịch thơ:

Xuân đi hoa rụng ngậm ngùi

Xuân về hoa nở, niềm vui ngập tràn

Dòng đời thấm thoát mơ màng

Trên đầu tóc bạc ngõ ngang trăm

năm

Đừng tưởng Xuân hết hoa tàn

Đêm qua – một đoá mai vàng

trước sân.

Thật vậy, theo quy luật tuần

hoàn của vũ trụ, bốn mùa lần lượt thay chỗ cho nhau. Mặc dù thế sự có dời đổi, Mặt trời Mặt trăng che khuất lẫn nhau nhưng cõi lòng của người tu, của người hiểu chánh pháp, thực hành lời dạy của Phật, đang tiến về bảo sở theo gương hạnh của bậc chánh giác vẫn an nhiên tự tại. Trong bối cảnh Xuân đến, Xuân đi để rồi hoa nở, hoa rụng và vạn vật thay đổi:

"Sanh ra rồi lớn rồi già,

Rồi đau rồi chết lìa qua một đời."

Duy chỉ có nhành mai tâm, nhành mai mà đức Phật đã khẳng định với một hành giả đã chứng đạt Niết Bàn: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa", với chí nguyện cao thượng độ tha dù vị ấy có trở lại thế gian đi chăng nữa cũng với chân thân Bồ-tát vì lợi ích cho chư Thiên và loài người để thực hành giác tha và giác hạnh viên mãn.

Với câu "Đình tiền tạc dạ nhất chi mai" đã đọng lại trong chúng ta nhiều suy nghĩ, phải chăng là cánh Xuân lòng khi tỏ ngộ, mùa Xuân không bao giờ tàn, luôn hằng hữu trong cõi tâm người tu? Dù có dùng cả hàng muôn ngàn ngôn từ, mỹ dụ cũng không thể nào diễn tả hết được cái đẹp nhành mai bất diệt của người thấy đạo, sự thông dong tự tại của các bậc đã thoát niềm tục lụy khi chứng đạt cảnh giới Hữu dư y Niết-bàn. Nhành mai ấy sẽ không bao giờ tàn, dù có trải qua trăm ngàn vạn kiếp, dù cho có bể nưong dâu vẫn luôn ngát hương trang điểm cho bốn mùa của thế nhân. Nhành mai ấy cũng là hoa Tâm còn trở mãi khi ngày Xuân đã vẫy chào tạm biệt ngày Tết, hoa lòng luôn đem đến hạnh phúc và an lạc cho đời:

Xuân đi còn lại một nhành mai

Thành kính dâng lên trước Phật đài

Chúc người con Phật thêm tuổi mới

Một mùa Xuân tới sáng tương lai.■



GÓC NHÌN mùa Xuân

● Thục Oanh

Bốn mùa luân phiên thay đổi và một mùa xuân mới lại về theo quy luật của đất trời, tạo hóa. Xuân đến cho vạn vật tràn dâng sức sống mới. Xuân đến để đổi thay nỗi buồn mùa cũ và để thỏa lòng khát khao, đợi mong của những con người trần thế.

Tuổi mười chín, tôi đã thôi không còn là đứa trẻ con với niềm vui áo mới, với chiếc phong bao lì xì đỏ rực và cả những buổi chợ Tết xôn xao đông người... Tết đến, mẹ tôi lại bận rộn hơn bao giờ hết, với nỗi cực nhọc những ngày cuối năm cho gia đình một cái Tết sung túc.

Xuân đến để những niềm vui pha lẫn với những suy ngẫm và chiêm nghiệm về cuộc đời. Mùa xuân đến tặng cho mỗi người thêm tuổi mới, cho trẻ con lớn lên và cho người lớn lại thêm một mùa xuân nữa đi qua trong cuộc đời. Mỗi năm, cứ vào những ngày giáp Tết là tôi lại cảm thấy mùa xuân đang khẽ trôi qua, thấy buồn man mác, một nỗi băng khuâng tiếc nuối. *"Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân"* bởi lẽ rằng:

"Xuân đang đến nghĩa là xuân đang qua

Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già"
(Xuân Diệu)

Và phải chăng từ thuở còn thơ tôi đã gắn bó với Tam Bảo để đến khi trưởng thành lại thấm nhuần triết lý của Phật giáo mà ngộ ra rằng: Cuộc đời này rất đổi vô thường, đến rồi đi, hợp rồi tan, sinh lại diệt mà đâu ai có thể cưỡng lại được! Xuân đến, chốn phồn hoa đô thị thêm rộn rã, nhộn nhịp, và nơi con xóm nhỏ tôi sống vẫn giữ được vẻ bình yên, trầm mặc của riêng mình, để rồi mùa xuân đến thật êm ả với cách đón xuân rất riêng, rất tinh tại. Tiếng chuông chùa nhẹ rơi trong không gian thanh vắng, với muôn loài hoa tỏa hương thơm ngào ngạt, và cứ thế lũ trẻ con chúng tôi lại sang chùa, lại cùng thầy tuốt lá mai cho hoa kịp đón xuân sang. Một mùa xuân bình yên lạ và niềm vui của tôi là vậy. Tết đến, hoa mai trong vườn chùa lại nở rộ, uơm vàng cả lối đi...

*"Muốn hỏi trời quê xem xứ hoa
Non xanh muôn cánh tuyết bình ra
Hái về đâu để nhìn không chán
Muốn mượn hương xuân chữa
bệnh già"*

Mai mang đến hương xuân nhưng tiếc thay lại không chữa được bệnh già. Giá mà ta có thể chữa được bệnh già nhỉ? Giá ta có thể níu kéo được thời gian, có thể ngược về quá khứ cho những người ta hằng kính yêu bên ta mãi mãi. Không phải ý thức về mùa xuân đến như thế để cho ta cái nhìn bi quan hơn về cuộc đời, mà là để ta trân trọng hơn những gì mình đang có, mỗi phút giây đến cũng là lúc qua đi, và có gì đâu là vĩnh hằng, bất diệt. Chính vì thế ta cần một cái cảm tinh tế giữa đời thay cuộc đời để sống thật sâu sắc cho đời mình ý nghĩa hơn.

Một mùa xuân mới lại về, tôi lại thêm tuổi mới và ngày một lớn lên. Xuân đến cũng là lúc sum họp gia đình, cho các anh em tôi cùng nhau xúm xít bên ánh lửa bập bùng của nồi bánh tét, để chúng tôi cùng nhau pha trà đặt lên bàn thờ tổ tiên tưởng nhớ, để nguyện cầu cho hương hồn ông bà được vãng sanh về miền cực lạc. Tiếng chuông chùa nhẹ rơi, tiếng kinh lại vang lên trong đêm giao thừa, tôi cùng mọi người lễ Phật, nguyện cầu một năm mới an lạc, hạnh phúc. Với tôi những tháng ngày còn gắn bó với quê hương, gia đình, thân bằng quyến thuộc, với cái làng nhỏ cạnh chùa thanh tịnh ấy để tôi thêm yêu, thêm quý, thêm trân trọng thì khi đó mùa xuân còn mãi thiên thu, ngàn đời, không đến không đi, không lui không tới mà đã cố hữu tại tâm rồi. Tôi dang tay đón nắng xuân, cho tuổi hai mươi thêm đẹp, cho xuân về trên khắp nẻo quê hương. ■





Một sáng bình minh chưa bắt đầu, tôi nghe tiếng chuông chùa: an lành, an lành cả ngày, an lành cả đêm, an lành cả sáu thời. Tôi miên man với bình yên, Người gia hộ cho tất cả mọi người, khắp nơi nơi. Những hoa vàng rực, hồng thắm của ngày đầu tiên của một năm hé nụ toả hương thơm ngào ngạt. Tôi nghe hương trầm thoảng qua đầu dây, hương thơm tất cả dâng lên Người. Tôi nghe Người nối kết yêu thương với nhau như trời với đất không bao giờ xa nhau. Một ngày đầu xuân bắt đầu như thế.

Một sáng ánh bình minh chưa hé, tôi nghe tiếng sóng thì thầm nơi xa. Tiếng biển xanh trong thì thầm với trời hồng ửng. Tiếng sóng bình an cứ vỗ vập vào bờ như tiếng ru của mẹ. Bình an tình mẹ yêu con. Một năm mới bình an, một ngày mới yêu thương tràn đầy. Một mùa màng

vàng ươm trĩu hạt. Một nơi biển lặng lẽ nằm nghe sóng thì thầm hát. Ai có nghe một an lành trong tim? Có một mùa xuân bắt đầu một năm bình an như thế.

Một sáng khi bình minh chưa hé tôi nghe gió hát bên tai tôi. Gió nói: "Gió yêu trời đất này lắm". Chưa nơi nào đẹp bằng trái đất này. Có biển nước thanh thang rộng như lòng người cứ trải yêu thương mãi mãi, như nhịp sóng chưa bao giờ ngừng. Có rừng cây thăm thẳm xanh ngát một màu. Cây cứ thăm lặng tích nước và nhả nước cho mặt đất hồi sinh như cha già yêu thương con trẻ hết mực một cách riêng của cha. Một mùa xuân yêu thương tràn đầy.

Một sáng tôi nghe tiếng cười nói riu rít quanh tôi. Những bàn tay người người đan nhau trong nụ cười nhân ái. Tôi nghe nhịp chân người người xây dựng quê hương mình. Tôi nghe tiếng vỗ tay hò dô khoan cho cùng nhau lên núi trồng rừng. Tôi nghe

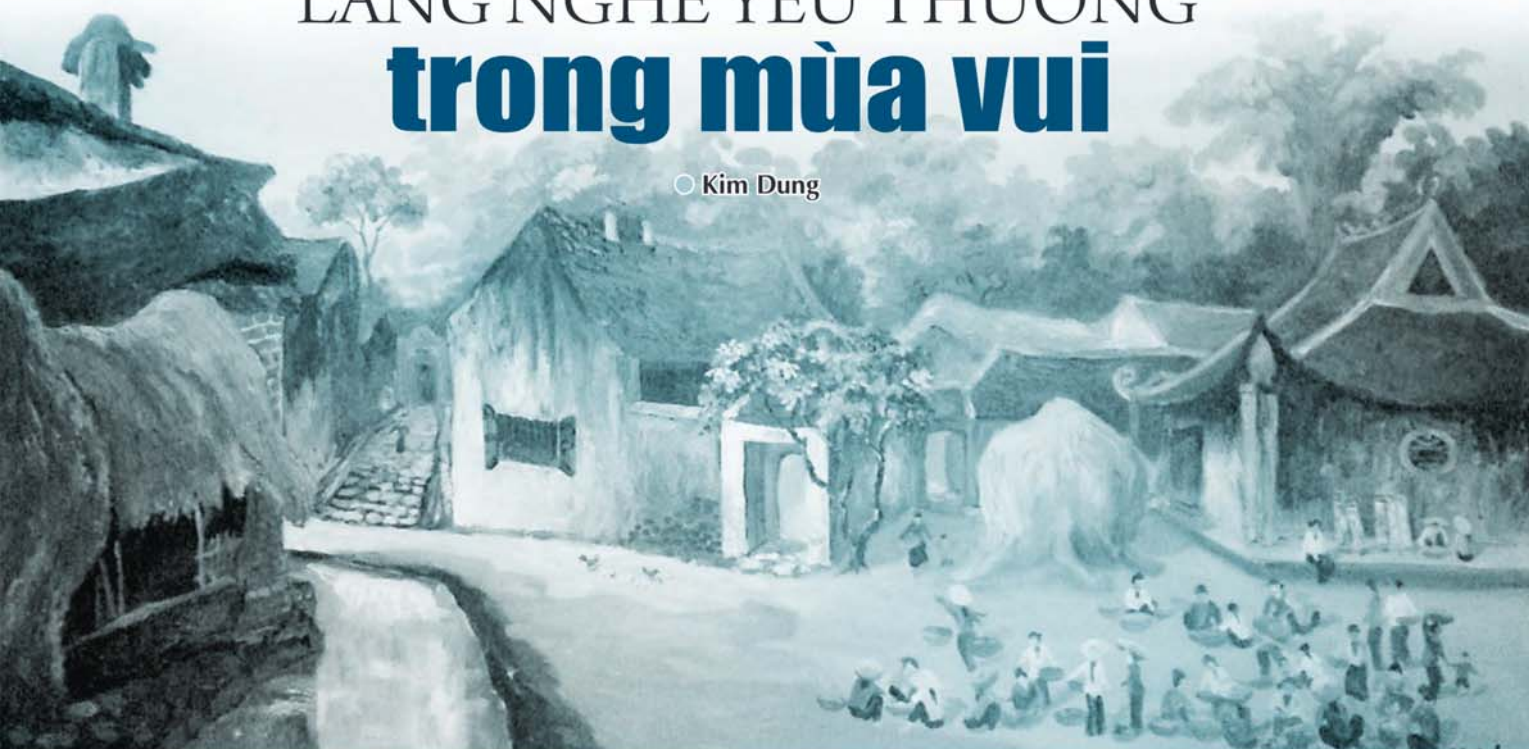
tiếng trẻ cùng nhau học vần sao mà vui thế. Không có trẻ nào thất học. Không còn trẻ nào ở vùng quê không được học. Quê tôi đấy. Mùa xuân cho học hành mở lối cho ngày mai.

Một sáng trời chưa hé mở, tôi thấy tiếng mẹ cười. Mẹ khoe hôm nay mẹ khỏe. Hôm nay mẹ đi lễ chùa. Tiếng cha tụng kinh chậm chậm bên tôi. Mẹ nhìn nắn khen hôm nay ngày đẹp. Lũ cháu nhỏ hát bài hát ê a bài ca xuân trong gió. Chúng cười đùa tung tăng trong màu áo xanh đỏ. Chúng khoe nhau bao lì xì đầu năm chắc hẳn cả năm đều hên. Mùa vui từng ngày, và từng tháng, và năm nào cũng vui như thế.

Một sáng trời chưa hé mở, tôi nghe hạnh phúc tràn trong tôi và tất cả khắp nơi nơi. Tôi nghe bình an trong tim tôi và cả trong tim mọi người. Nụ cười yêu thương ta chào nhau bằng đôi tay nắm chặt đôi tay. Ôi! An khang hạnh phúc cả năm. ■

LẮNG NGHE YÊU THƯƠNG **trong mùa vui**

○ Kim Dung



Mùa xuân nữa lại về trên đất mẹ thân yêu, mỗi mùa xuân sang tuổi già thêm chồng chất. Dòng thế gian trôi thật nhanh, xa quê hương yêu dấu thoáng chốc đã gần bốn năm rồi. Ôi! Quê hương da diết như nhà thơ Đỗ Trung Quân đã từng nói: “Quê hương là chùm khế ngọt, là

con diều biếc, tuổi thơ con thả trên đồng...”. Xuân quê hương đọng đầy những kỷ niệm! Với tôi, nơi ấy có tiếng Ngoại ru à ơi... bên vông những trưa hè, tiếng gà gáy ò ỏ... và tiếng chổi tre mỗi sáng tinh sương của các chị lao công quét rác kéo kè trên phố nhỏ... và có cả hình ảnh của mẹ và cha đang trông ngóng những đứa con lưu lạc phương xa...

Thuở bé thơ tôi rất thích xuân về vì những ngày ấy khí trời mát mẻ xen lẫn những đợt gió heo may nhẹ nhõm về se lạnh, và càng thích hơn nữa là những bì thư xanh xanh đỏ đỏ được nhận từ các cô cậu hàng xóm thăm Ngoại và chúc Tết ba mẹ nhân mùa xuân về. Móng tay sơn đủ màu xanh đỏ, xúng xính trong bộ đầm do mẹ chặt chiu, tảo tần buôn bán trong

Xuân quê hương



© Liên Vinh



những phiên chợ cuối năm mua về cho anh chị em mặc đẹp ăn tết... Làm sao tôi quên được!

Xuân này, cũng như bao mùa xuân trước, cũng nụ hồng, pháo hoa, cành đào, bánh chưng, mứt dừa, câu đối đỏ... nhìn phố xá đông vui với những dãy băng rôn đủ sắc màu xanh đỏ “Kính mừng tết Nguyên Đán”, nhưng ai đó lại thấy nao nao trong lòng.

Chiều xuân, hiu hiu những làn gió khẽ nhẹ vào những phiến lá khiến cho những chiếc lá úa vàng càng hăm hiu và nhanh chóng lá tả rời cành. Đó đây, những chú chim

non ẩn mình trên những hốc cây chíp chíp thỏ thẻ với mẹ... như muốn nói lời cảm ơn mẹ nay thêm tuổi xuân chúng con đã lớn khôn, chúng con có thể tự tìm kiếm thức ăn cho mình. Mẹ nay đã già, người không cần phải vất vả lặn lội thân cò vì chúng con nữa. Và kia, quyển lịch trên bàn cũng mỏng dần theo tiết xuân. Trong cảnh huống này, bất giác tôi nhận rằng tuổi đời của mình cũng như cuốn lịch kia, như những chú chim già và những chiếc lá úa vàng... Thật vậy, tôi không bị quan khi mùa xuân về lại nói chuyện sanh tử, nhưng tôi nói sự thật vô thường của cuộc đời, đó là định luật muôn đời không gì thay thế được. Một ngày trôi qua cho mùa xuân đến cũng chính là mạng sống của chúng ta cũng đang bước dần theo mùa xuân ấy, nói như thi sĩ Xuân Diệu “Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua, Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già. Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.”

Xuân về, những đứa con lưu lạc phương xa được nghỉ phép, giải lao sau những tháng ngày xa quê, xa làng, xa nước để học hành, hay phơi mình khổ cực trong những nhà máy, công xưởng, xí nghiệp... có cơ hội được trở về vui vầy sum họp cùng gia đình, cùng chia sẻ ngọt bùi với tình làng nghĩa xóm sau những năm tháng đầy nổi nhớ nhưng...

Xuân về đối với những doanh nhân, những nhà kinh doanh, đó là sự tổng kết thu chi, lời lãi... Với những chính trị gia, mùa xuân cũng có nghĩa là sự ăn mừng đất nước được thêm một tuổi mới... Với những triết gia và những nhà khoa học, mùa xuân là dịp gặp nhau bàn bạc, thảo luận để đánh dấu một chặng đường gian nan với những thành quả đạt được sau một năm khổ cực trong phòng thí nghiệm... rồi những cụ làm nông, đó là những vựa lúa chín mọng đầy sân sau những tháng năm tẻ nước luống cày...

Nơi đây, Xuân xứ người không ồn náo như quê nhà, không có nhánh mai cành đào, không có cụ đồ, không câu đối đỏ, cũng không pháo hoa như xuân quê hương, nhưng tôi vẫn thấy vui trong lòng bởi tôi biết rằng mỗi dân tộc, mỗi quốc gia có một thứ ngôn ngữ và truyền thống văn hoá đặc trưng.

Mùa xuân đến rồi xuân lại đi đó là lẽ thường của dòng đời, nhưng mùa xuân ở đây còn mang một ý nghĩa thâm thúy để cho chúng ta biết vui xuân nhưng đừng bao giờ quên nhiệm vụ của cuộc đời mình, phải luôn tự nhắc nhở mình rằng mùa xuân không phải chỉ là ba ngày tết mà mùa xuân chính là việc làm của mình mỗi ngày. Mỗi ngày qua mình đã làm được gì cho bản thân, đã làm ai buồn và đã mở lòng chia sẻ với những ai? Nếu mình đã suy nghĩ và làm được những điều này thì mỗi ngày đều là mùa xuân như thi sĩ Huyền Không tâm sự trong thi phẩm *Gọi Xuân Về*.

*“Ta gọi xuân về, xuân bướm bay,
Trang Sinh nằm mộng biết bao ngày,
Thời gian dù có nghìn năm nữa,
Xuân đến lâu rồi ai có hay”.*

Thật vậy, theo các bậc xuất trần thượng sĩ, mỗi ngày là mùa xuân và từ đó các Ngài chiêm nghiệm về cuộc đời phù du vô thường, qua đó cảm nhận những gì mình nên làm và những gì không nên làm để cống hiến cho cuộc đời. Và với những người con Phật, mùa xuân tết đến không phải là dịp để tổng kết thu chi, để tính cái được mất, hơn thua... mà là dịp để nhìn lại xem một năm qua mình đã tu tập như thế nào, có phạm lỗi lầm gì không, và đạo hạnh như thế nào, cũng như mình đã giúp gì cho đạo pháp và cuộc đời, cho huynh đệ mình... để bước sang năm mới mình cố gắng làm tốt hơn vậy. ■



MÙA XUÂN miên viễn

● Ngọc Chơn

Một buổi chiều, mưa! mưa nhẹ nhàng lất phất...

Chúng tôi ngồi quây quần bên ấm trà, một ấm trà xanh nóng, bốc khói và vài cái bánh còn đang nóng. Gật đầu chào, xá nhau, không lời nói.

Ngồi yên lặng trên những chiếc bồ đoàn. Không gian không một tiếng nói, hoàn toàn buông mình trong im lặng. Gió vài cơn thổi qua nhẹ nhàng. Cái cảm giác sao êm ả quá. Đã bao năm rồi, tôi không có cái cảm giác sung sướng, an lạc như vậy. Ngụm một hớp trà, hương vị trà xanh ướp sen toả dịu, thấm vào lưỡi, và chạy vào cơ thể. Tôi hít hơi thở thật sâu, lắng nghe sự chuyển động của tâm theo hơi thở...

Hồi tưởng lại cuộc đời. Từ thuở bé đến nay đã qua bao nhiêu cuộc phong trần. Đạo Phật đã chỉ cho con đường để nhìn lại, quán chiếu vào tận chiều sâu của tâm.

Nhân duyên lớn từ khóa tu thiền tại Tịnh xá Ngọc Túc, từ bài giảng phương pháp tu tập Thiền định của HT. Giác Toàn trong chuyến về thăm đạo tràng tu tập đã chia sẻ cho chúng tôi, những người Phật tử nơi Tây Nguyên xa xôi.

Ồi! Bài pháp như một nguồn suối mát, lại là một tiếng hét làm tôi thức tỉnh.

Tôi chợt dâng lên nỗi niềm thống hối, vì nhìn thấy mình mang quá nhiều tội lỗi. Dù tu học có công phu, có giáo lý, có tìm tòi nghiên cứu, nhưng than ôi! Bấy lâu nay vẫn chưa nhận ra, vẫn chưa làm rụng sạch những chiếc lá tham sân si thì dù có tu tập bao lâu cũng chỉ uống phí một đời người. Quả thật thân miệng ý của một con người, thật khó mà kiểm soát hoàn toàn, phải qua nhiều thời gian tu tập, thời gian hành trì.

Những lời vàng vi diệu mà Hòa thượng chia sẻ thật đơn sơ nhưng sao thấm đẫm tình người, thấm đẫm ý nghĩa sâu xa về một ý chí tu học. Tôi ghi lòng tạc dạ câu nói: Nếu bạn đau răng mà chỉ chữa bên ngoài thì dù có đi bác sĩ bao nhiêu lần vẫn còn nguồn gốc. Mà bạn phải lấy tất cả tùy hỷ trong răng thì mới nhổ hết gốc rễ của bệnh. Ôi! Chỉ một ví dụ đơn sơ mà như tiếng hét đánh thức tôi bừng tỉnh.

À! Thì ra bấy lâu nay mình chỉ tu học lần quẩn bên ngoài, lắng xăng lộn xộn uống phí thời gian.

Mà muốn làm rơi rụng những chiếc lá vàng thì phải quay vào bên trong của mình đó chính là thân mật - khẩu mật - ý mật.

Trong cuộc đời, có nhiều khi tôi rơi vào dòng nước chảy, giữa biển đời không chỗ nương thân cho cái tâm lăng xăng, có lúc thấy cô đơn, có lúc cười ra nước mắt, có lúc trở nên trầm lặng. Có lúc điên cuồng, lao vào vòng xoáy để tìm những ngày đã mất, để vọng tưởng về một tương lai xa xôi nào đó với những hy vọng. Có lúc lao đi như mũi tên bắn vào khoảng không và tự lòng rơi vào tê tái, buốt giá, trống rỗng, vì thực ra trong tâm vẫn đầy những nội kết, ưu phiền đã quẩn tôi trong đau khổ.

Tôi đâu ngờ rằng có không gian chung quanh là quá đầy đủ, vậy mà trong tâm ý riêng lại luôn cho rằng không gian mình chật hẹp. Cho nên, đời đời không gian phải lớn hơn, phải rộng hơn vì đó là bước đường cần phải đi, phải chiếm đoạt v.v... để che lấp cho sự trống vắng của tâm hồn, trong lúc chỗ đó, nơi đó cũng chứa đầy những tâm thương của thường nhật được tôi dán tên lên thành những gì cao đẹp. Đó là nỗi ao ước



trầm luân của tôi khi không nhìn thấu triệt về thực tại. Thực tại của vị lai không có, thực tại của quá khứ không còn, chỉ còn chỗ “không” là thực tại, vì bao chứa tất cả.

Hòa thượng dạy rằng, đạo Phật là đạo đoạn trừ phiền não, khổ đau. Thiển định là con đường trực tiếp hàng phục nó. Nói Thiển định có khả năng hàng phục phiền não và vô minh là nói đến khả năng hàng phục ngay trong hiện tại và tại đây.

Nhìn kỹ vào tâm lý của mình, tôi chợt nhận ra phần lớn các phiền não rối loạn của mình đầy khởi đều do những tư duy của mình tiếc nuối quá khứ, hay những tư duy không thiết thực, mơ mộng hão huyền về tương lai. Bởi vậy tôi cần nhận rõ sống là sống trong hiện tại, sống bằng an lạc của đương niệm, bằng thực tại có thực đang trôi chảy. Quá khứ và tương lai đều là ảnh tượng, là những hình ma bóng quế. Từ bài pháp của Hòa thượng giúp tôi có được một chọn lựa rõ ràng: nắm giữ hiện tại và buông bỏ những tiếc nuối, những mơ ước, mộng tưởng.

Tôi chợt nhận ra, tuổi thọ con người là bao nhiêu so với thời gian dài vô tận của vũ trụ. Một trăm năm hay ba vạn sáu ngàn ngày, nhưng rồi tất cả các pháp đều bị vô thường chi phối. Sự biến đổi, sanh diệt đến từng mỗi sát na một”.

Sự tuần hoàn của hoàn vũ cứ hết xuân đến hạ, rồi hết thu sang đông, mở đầu bằng mùa xuân tươi đẹp nhưng lại kết thúc bằng mùa đông giá lạnh. Sự vận hành của vũ trụ cũng trải qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại không; hai giai đoạn đầu là hình thành, thành tựu và lại kết thúc bằng hai giai đoạn hoại và không. Tiến trình của một con người nói riêng hay của một chúng sanh nói chung cũng không ra ngoài thông lệ ấy, cũng trải qua bốn giai đoạn: sanh, già, bệnh, chết. Như vậy bản chất của cuộc đời, của hoàn vũ hay của một kiếp

người cũng luôn mang những tính chất: vô thường, vô ngã, khổ và không.

Nếu cứ chờ đợi xuân đến với thấp thòm, lo âu, cố giữ cho thời gian ngừng lại, nhưng xuân lại ra đi. Bỏ đi như những tế bào chết rời khỏi thân thể để những tế bào mới sanh ra hay như cô thiếu nữ đương tuổi xuân thì bỗng rời bỏ trần gian này, ra đi vĩnh viễn.

Những lời giảng của Hòa thượng giúp tôi quán chiếu cuộc đời có sanh có diệt và tất cả các pháp (dù là tâm hay vật) vì do nhiều duyên hợp lại, nên luôn biến đổi, vô thường. Cho nên, khi tâm thực sự an tĩnh, thì chính đó mới là mùa xuân miên viễn.

Từ nhận thức này mà tôi càng cố gắng tu tập, cố gắng dùng

guom trí tuệ cắt đứt phiền não, dùng áo giáp nhẫn nhục mà đoạn trừ tham ái, cố gắng làm cho rơi rụng những chiếc lá vàng tham-sân-si. Để khi xuân về tận sâu thẳm trong tâm những chồi non Từ Bi- Trí Tuệ được đâm chồi nảy lộc. Để trong tôi mùa nào cũng là mùa lá rụng, ngày nào cũng là ngày lá rụng, thì tương lai trong tôi sẽ mãi là mùa xuân miên viễn.

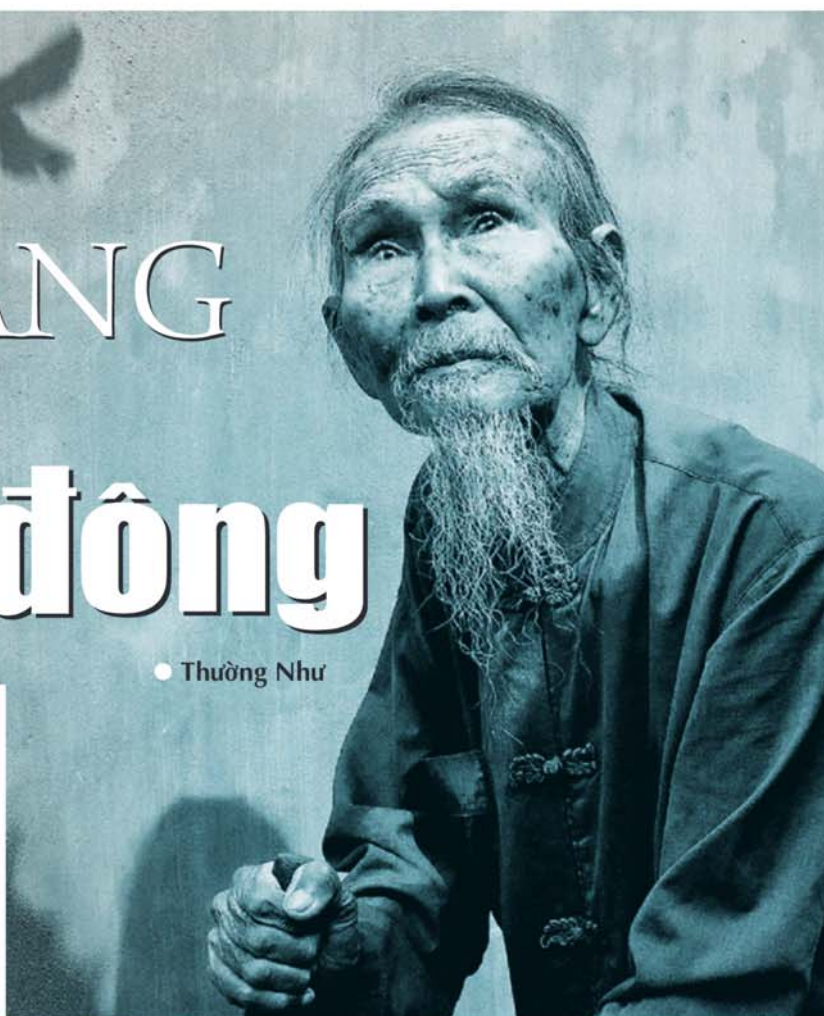
Sáng thức dậy, nghe xuân nhẹ trở mình
Thoảng vô thường biến đổi cả châu thân
Đã mấy mươi năm lăn lộn ở trường đời
Giờ vẫn thấy xuân còn đang lờn vờn
Xuân đến rồi, lòng lại thường chợt hồi
Xuân là gì mà thấp thòm chờ mong
Chỉ gió thoảng, muôn hoa kia héo rû
Riêng lòng xuân miên viễn suốt thiên thu. ■

An Khê – Gia Lai



KHOẢNG LẶNG cuối đông

● Thường Như



Thấm thoát vậy mà đã cuối năm. Đời người đã bao nhiêu cái cuối năm, đôi khi không ai nhớ rõ.

Thoáng đó đã hết năm, thoáng đó lại thêm một tuổi. Xuân, hạ, thu, đông cứ tiếp nối không ngừng, xoay vần mãi chẳng biết đâu là điểm đầu, đâu là điểm cuối. Con người cũng cuốn theo cái vận hành títt mù không dừng trụ ấy. Những khoảnh khắc, điều duy nhất của con người có thể làm

được là khoảnh khắc. Đôi khi chợt hỏi có gì đó bây giờ sao giống giống những lúc mình đã trải qua. Già, là đã trải qua những giai đoạn trẻ thơ, niên thiếu, trung niên và bây giờ, sống bằng ký ức. Ôn lại, sống lại với những quãng đời vui buồn đã qua, như một thước phim đang quay lại trên màn ảnh. Có gì đó còn nhớ nhung, có gì đó còn tiếc nuối những gì đã qua. Phải chăng, giá như lúc ấy mình nên thế này, thế này...

Có lẽ chưa bao giờ con người biết sống cho chính mình, cho cái khoảnh khắc của hiện tại. Bởi con người chưa bao giờ biết hài lòng với giây phút hiện tại. Lưng còng, tóc bạc nhưng vẫn còn quá nhiều khát vọng, quá nhiều ước muốn, cho đến khi qua đời vẫn chưa chấp

nhận rằng mình đã già từ cuộc phiêu bồng nơi nhân thế. Thời gian, vạn vật đều trôi đi mà không một sát na dừng trụ, con người cũng thế, chưa một phút nào cố định là ta. "*Không ai tắm hai lần trên một dòng sông*" là câu nói nổi tiếng của triết gia người Hy Lạp cổ đại Heraclit đã diễn tả sự vận động không ngừng này. Nhưng bản thân con người lại không nhận ra điều ấy. Có trụ được không nơi dòng sông vẫn chảy mãi không dừng nghỉ? Dòng nước đã trôi không gì ngăn cản được, ấy vậy mà chúng ta cho là trụ, cho là có sự hiện hữu của chính cái ta thường hằng. Có không, thật có hay không?

Phải một lần đập cho vỡ tan cái tà kiến mê lầm mới nhận ra mộng huyễn của cuộc đời giả tạm.



Đến lúc ấy, còn có già hay trẻ, mấy tuổi rồi bạn ơi? Trả lời câu hỏi này một cách chính xác, chắc có lẽ là thiền sư Thiền Lão. Chuyện kể rằng một hôm Lý Thái Tông đến thăm, hỏi Thiền Lão đã sống ở núi này được bao lâu? Ngài trả lời bằng hai câu kệ:

*“Đàn tri kim nhật nguyệt,
Thùy thức cựu Xuân Thu”*

*(Chỉ biết ngày tháng này,
Ai hay Xuân Thu trước).*

Vua lại hỏi hằng ngày nhà sư làm gì?

Ngài đáp: *“Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,*

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân”

(Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,

Trắng trong mây bạc hiện toàn chân).

Chỉ có cái nhìn của một vị thiền sư mới thoát khỏi mớ bong bong của tri kiến, để đưa con người trở về sống với thực tại. Thực tại là cái gì khó hiểu với những ai quen đuổi theo những suy nghĩ của ý thức. Thực tại vốn luôn luôn có mặt, nhưng rồi đôi khi phải có người chỉ ra mới biết.

Ví như thiền sư Thiền Lão đã khai thị cho vua Trần Thái Tông qua hai lần hỏi. Vì nhà sư đã hoàn toàn sống với thực tại, như ánh sáng đã được bùng lên và nhiệm vụ của nhà sư là muốn cho nhà vua cũng được khơi nguồn ánh sáng ấy. Đó là ánh sáng của sự tỉnh thức. Một khi ánh sáng đã được cháy lên, dù mới nhen nhúm, nhưng đủ để người ta biết rằng đó là bí kíp sống đúng với quy luật vận hành của vũ trụ. Khi đã biết thì ánh sáng ấy lại có cơ hội lớn dần lên, làm khởi nguồn cho mạch sống tuôn trào, cho tình thương yêu lan tỏa. Tình thương của sự không giới hạn, tình thương của sự trọn vẹn trong tình thương. Và cuộc đời là bài ca chan hòa ánh sáng, là ngàn hoa soi tỏ tận khư lai.

Đông qua, xuân đến, cái lạnh mùa đông của thời tiết, sá gì có thể cản ngăn bước chân của người lữ khách độc hành trong lộ trình sanh tử, ung dung tự tại giữa khí tiết thế gian, ung dung tự tại ngủ dưới mạn thuyền mà thưởng thức cánh hoa rơi của tuyết. Một trong những hình ảnh hùng vĩ của thiên nhiên



mà kiêu sa của con người ấy không ai khác hơn chính là thiền sư Không Lộ trong bài thơ *Ngư nhân*.

*“Vạn lý thanh giang vạn lý thiên
Nhất thôn tang giá nhất thôn yên
Ngư ông thụ trước vô nhân hoá
Quá ngọ tình lai tuyết mãn thuyền”*

Dù tuyết đã phủ đầy thuyền nhưng làm sao có thể ngăn cản giấc ngủ say nồng của lão ngư ông. Ai hay ông lão ngủ hơn chính ông? Biết để làm gì khi đất trời vẫn thế. Và con người dù có đi, đứng, nằm, ngồi trong sinh hoạt đời thường vẫn thế thôi. Đây là ngọn nguồn của bến bờ sinh tử, khi vạn vật mãi như thế đang là?.

Ngày mai ai biết ra sao, năm cuối có ánh trăng vàng khác gì năm cũ? Ban ngày mặt trời chiếu rọi là ngày mới của một vụ mùa với bác nông dân. Ban đêm khi ánh sáng bị khuất lấp ở một nửa địa cầu, là không gian của đàn dế mèn rộn ràng khúc hát. Đây đó vẫn hiển hiện sức sống mãnh liệt tiềm tàng mà ban sơ, hoang dại. Đây đó vẫn là sự ban rải của tình thương yêu vô tận không ngăn mé nơi nơi. Và bạn ơi, tình thương ấy là có thật, đừng mê lầm khi nó còn đọng lại trên gương mặt của Bồ-tát Quán Thế Âm. ■



Có những lúc hỏi lòng

Tại sao lại có những người không hề thích Tết? Đối với họ cái Tết là dịp khơi lại những nỗi buồn vô tận về cuộc đời và kiếp người giữa chốn phù sinh, sanh diệt.

1. “Một mái nhà êm ấm, được vây quanh bên con cháu, những tiếng nói nụ cười, lời chúc phúc an lành của con cháu dâng lên ông bà, những phút giây sum vầy bên con cháu giữa mâm cơm gia đình...”. Những điều đó đã trở thành những hoài ức đau buồn, những kỷ niệm khó quên, chứa đầy nước mắt đau thương của những cụ già neo đơn tại những mái ấm, nhà dưỡng lão mỗi khi xuân về. Một mình cô quạnh, bên khung cửa sổ nhìn về quê hương, và thầm mong cho ngày Tết trôi qua thật mau, để tự đôi

lòng, khép kín những hoài niệm vào trong tâm hồn.

“Tại sao, con tôi lại bỏ rơi tôi? Tại sao cuối cuộc đời mình lại quá đau thương? Một năm nữa rồi ... trôi qua thật mau, để cái chết đến thật gần” – Những chia sẻ đau lòng của cụ bà Nguyễn Thị Hiệu, 78 tuổi, quê Quảng Bình, hiện đang sống trong Trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn Thạnh Lộc, TP.HCM khi nghe tôi hỏi cảm nghĩ của cụ về ngày Tết.

2. “Tết à, con chưa bao giờ cảm nhận được cái Tết đúng nghĩa, vì con đâu có cha, có mẹ, có gia đình và người thân, cái cảm giác được sống bên cha mẹ, gia đình, được trở về quê hương nơi con được sinh ra và lớn lên. Nó chỉ là những ước mơ không bao giờ thành hiện thực, nhưng con vẫn cứ ước mơ những khi Tết đến, mỗi lúc ước mơ như thế con thấy mình thật hạnh phúc

và tràn ngập niềm vui dù con biết nó chỉ là những suy tưởng viễn vông của riêng mình”. Những lời nói đau thương, chứa chan nỗi niềm của bé Trần Trung Nghĩa, 12 tuổi tại mái ấm Tâm Đức khi nghe tôi hỏi cảm nghĩ của em về ngày Tết. Em chỉ sống với những ước mơ để tìm cho mình những niềm an ủi, hạnh phúc giả tạm trong số phận không lỗi về.

3. “Đôi với con, mong rằng đừng có Tết. Tết là một nỗi buồn đớn đau nhất mà con đã và đang phải chấp nhận khi nhớ về. À, mà phải có Tết để con được chết và chết thật sớm, đó là hạnh phúc lớn nhất của con”. Nghe đến những lời nói này, lòng tôi như quặn thắt, thương cho một kiếp người đầy bất hạnh, chỉ mong được chết và lấy cái chết làm niềm vui của mình để quẳng gánh đau thương trên đôi vai nặng trĩu. Những câu nói đau lòng của em

LÀM GÌ ĐÂY GIỮA **kiếp người?**

Giác Minh Luật



Hồ Ý Lan, 18 tuổi tại bệnh viện Ung Bướu, TP.HCM khi đang mang trong mình căn bệnh ung thư xương ác tính giai đoạn cuối, với những lần xạ trị hóa chất, chống chọi mỗi ngày với những cơn đau thấu xương khi tuổi đời còn xanh.

Hãy cùng nhau thấp sáng

Thật nhiều người chia sẻ đau thương, những nỗi niềm sâu kín mà tôi được nghe từ những mảnh đời bất hạnh. Đối với họ cái Tết thật buồn tẻ, đau thương và đầy vô vọng. Nó trôi qua thật lâu và thật buồn, để càng khơi lại cho họ những hoài niệm đau thương.

Tết là thế, đâu phải ai cũng vui tươi chào đón. Nó là nụ cười của những người đang sống trong hạnh phúc, bình yên, có đầy đủ vật chất lẫn tinh thần. Nhưng là nước mắt đau thương với những ai đang sống trong bóng đêm của cuộc đời, nơi luôn chứa đầy những bất hạnh, khổ đau.

Xukhômliński cho rằng: *“Con người sinh ra không phải để tan biến đi như một hạt cát vô danh. Họ sinh ra để in dấu lại trên mặt đất, in dấu lại trong trái tim người khác”*. Họ đã sống như thế, còn tôi và bạn? Người được sống với nhiều điểm phúc hơn thì hãy cùng tôi thấp sáng một ngọn nến hồng để đem ánh sáng hy vọng, tin yêu đến với những người đang cần có mùa xuân, đang cần có nụ cười. Và chắc rằng họ sẽ không còn lặng thầm rơi lệ của những buổi chiều tà khi đang đón nhận tình thương và trái tim của tôi và bạn. Chúng ta hãy đem mùa xuân của riêng mình thành mùa xuân của tất cả, một lời cảm ơn, một chia sẻ chân tình, và sự cảm thông của người với người, đó chính là mùa xuân cao đẹp nhất, mang ý nghĩa thiêng liêng giữa những tâm hồn cao đẹp.

Làm gì đây giữa kiếp người

“Đừng quên hy vọng. Sự hy vọng cho chúng ta sức mạnh để tồn tại ngay khi chúng ta đang bị bỏ rơi.”



Đừng đánh mất niềm tin vào bản thân mình. Chỉ cần tin là mình có thể làm được và chúng lại có lý do để cố gắng thực hiện điều đó”. Một câu nói tuy giản đơn nhưng chứa cả một triết lý sống. Và xin chân tình gọi đến những ai đã và đang sống trong nỗi khổ niềm đau và chưa khi nào thích Tết: *“Sống một ngày là có điểm phúc của một ngày, nên phải trân quý. Khi tôi khóc, tôi không có dịp để mang thì tôi lại phát hiện có người không có chân”*. Bạn sẽ không bao giờ cảm thấy mình bất hạnh, nếu bạn thấy còn có nhiều người bất hạnh hơn bạn. Như thế, xuân Di Lặc, xuân an vui, xuân hoan hỷ,... sẽ tràn ngập trong trái tim của những ai biết đón nhận nó bằng cả tấm lòng.

Đâu là niềm vui thật sự?

Bạn có biết? Hạnh phúc - khổ đau, có - không, sanh - diệt,... nó là hai đường thẳng song song khi chúng cùng nằm trên một mặt

phẳng và không có điểm chung, không cắt nhau, không giao nhau, hoặc không tiếp xúc nhau. Vì thế, trên con đường song hành giữa cảm xúc, biết bao giờ chúng ta mới có điểm dừng lại để kết thúc một kiếp người.

Chính vì thế, mà đã biết bao người đã từ bỏ cuộc sống thế tục, dừng lại cái vòng luân hồi sanh diệt, chấm dứt cái hạnh phúc - khổ đau tạm bợ, để đi tìm lại niềm vui đích thực.

“Khi nào chúng ta thật sự buông xuống thì lúc ấy chúng ta sẽ hết phiền não”. Nếu làm được điều đó, thì ít hấn ít nhiều gì, mọi sự ràng buộc, khổ đau sẽ phần nào vơi cạn. Hãy hướng về ánh sáng, dù đằng sau nó toàn là bóng đêm. Niềm vui thật sự chẳng ở đâu xa, ngay chính trong tâm hồn của bạn. Hãy trở về và sống với nó. Đó cũng chính là mùa xuân thật sự. ■

Một năm nữa đi qua, một mùa xuân mới lại đến với những đổi thay của đất trời, con người. Mùa xuân với muôn hoa khoe sắc khiến lòng người hân hoan, hi vọng, mong cầu những điều tốt đẹp sẽ đến và đẩy lùi tất cả khó khăn, khổ đau trong cuộc sống. Đối với phần đông người dân Việt Nam thì năm mới đến không thể thiếu việc đi chùa để lễ Phật và nguyện cầu mọi điều bình an. Đó là nét văn hóa đã ăn sâu bao đời nay, người trẻ làm theo người già, trẻ con làm theo người lớn.

Ở quê tôi cũng thế, cứ mỗi năm Tết đến, những bông hoa cao su nở rộ ngát hương quện với mùi mật ngọt thom lừng trong gió, dòng người lại tập nập nô nức chơi xuân và đến chùa xin lộc. Ngày còn đi học, bản thân tôi cũng không ngoại lệ. Tôi luôn dành ra một buổi trong ngày đầu năm để đến chùa.

Trong đám đông chen chúc nhau giữa làn khói hương nghi ngút, tôi chọn cho mình một chỗ đứng, rồi bắt chước lăm bẫm, khấn vái, cầu xin và hái một quẻ xăm. Bao lần mừng vui, hồi hộp, lo lắng ám ảnh suốt cả năm bởi những lời quẻ phán. Tôi tin rằng, trong số những người cầu xin, khấn nguyện cũng có biết bao người thất vọng nên đã “gửi” lại quẻ ngay xuống đất, khiến cho sàn nhà ngoài bụi đất đỏ còn có thêm những phong bao màu đỏ nằm ngổn ngang!

Những ngôi chùa quê tôi chủ yếu là nhà cấp 4, với chánh điện và các tượng Phật xung quanh khuôn viên sân. Một số ngôi chùa ngoài tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà hay tượng Bồ Tát Quán Thế Âm,... còn thờ rất nhiều tượng Thần Thánh khác, và có một bàn giải quẻ, ghi tên cầu an, giải hạn đặt ở hành lang.

Ngày ấy, tôi nghĩ Trời, Phật, Thánh, Thần đều là những đáng



Ước nguyện

● Viên Anh

có quyền năng như nhau. Tôi lễ lạy, cầu xin quý Ngài ban phát phước lành và kèm nỗi sợ hãi bị trừng phạt! Việc tụng một thời kinh, hoặc nghe pháp là điều quá mới mẻ. Cũng như bao người, ngôi chùa trong tôi chỉ là nơi đến cầu nguyện hoặc bỏ vào thùng công đức... để lấy may!

Đã không ít mùa xuân trôi qua như thế. Và duyên lành đã đến, tôi vỡ òa, reo vui khi gặp chân lý thật sự của cuộc sống – giáo Pháp của Đức Phật. Mùa xuân thật sự đã

đến với tôi, dù trên cánh mai vẫn chưa nở. Đức Phật là đấng Toàn Giác mang lòng từ bi vô biên chứ không toàn năng để ban phát cho tôi hay cho ai bất cứ điều gì. Ngài chỉ ra cho con người con đường giải thoát khỏi khổ đau, còn việc có đi hay không và nỗ lực đi ra sao đều tùy thuộc vào năng lực của mỗi người. Dẫu rằng trong cuộc sống người ta luôn có quyền mong cầu hạnh phúc chân chính, nhưng cái hạnh phúc đó là kết quả của việc gieo trồng hạt giống thiện lành. Phước báu cũng sẽ đến nếu mình biết yêu thương, bố thí, cúng dường. Quẻ xăm kia chỉ là xác suất ngẫu nhiên của các biến cố mà khoa học đã chứng minh và đưa ra công thức bấy lâu!

Chân lý là những gì đã tồn tại trong cuộc sống này. Đạo Phật đã có mặt hơn 2500 năm, thế nhưng những người chưa đủ duyên đến với chánh pháp sao còn quá nhiều! Tôi nhận thức rằng tất cả mọi thứ tồn tại trên đời này đều phải có lý do. Có lẽ, nguyên nhân mà rất nhiều người dân quê tôi, hay ở khắp mọi nơi đều chưa tìm được con đường giải thoát rốt ráo thì quá nhiều, mà tôi thì chưa đủ năng lực để nhận xét tất cả.

Mùa xuân, tuổi trẻ, chút tri thức thế gian là những gì tôi đang sở hữu. Giữa đất trời mênh mang, tôi thả dòng suy nghĩ. “Nếu một ngày, tôi được bước đi theo tiếng gọi xuất trần, tôi sẽ trở về khi đủ cứng cỏi để góp chút gì cho nơi này. Tôi sẽ nói với họ - những người dân quê chất phác điều gì, tôi sẽ làm gì,...!” Chợt dừng lại giữa trùng trùng những tư tưởng mông lung. Hiện tại, tôi vẫn chỉ là tôi, mùa xuân đang ở quanh mình. Tôi nhớ đến lời kinh quen thuộc ở Tịnh xá vẫn hằng tụng:

“Tự quy y Phật
Cầu cho chúng sanh
Hiếu rõ đạo lành
Phát lòng vô thượng...” ■



Ngày nay, Phật giáo phát triển khắp thế giới và trở thành một tôn giáo lớn của nhân loại, đó là nhờ sự truyền đạo của đức Thế Tôn và Tăng đoàn Phật giáo. Thế nhưng phải tính đến khi đạo sĩ Cổ Đàm tu tập chứng quả toàn giác thì bấy giờ Phật giáo mới thực sự xuất hiện. Thời điểm ấy chúng ta gọi là ngày Phật thành đạo.

Trong suốt quá trình sống đời thái tử, đến khi xuất gia và thành đạo, đức Phật có một đời sống vô cùng mẫu mực. Đời sống đó thể hiện sự trưởng thành của Ngài cả khi còn tại gia cũng như xuất gia. Nhân ngày kỷ niệm Phật thành đạo, người viết xin nhận định đôi nét về sự trưởng thành của đức Phật khi còn là thái tử, ngõ hầu làm lợi ích cho đời sống tu học ngày nay của hàng Tăng Ni sinh trẻ.

Ngay từ ngày ra đời, thái tử Tất Đạt Đa đã thể hiện tính siêu phàm nhập thế: Ngài bước trên bảy đoá sen biểu lộ sự vào đời bằng đôi chân thiện pháp. Cho nên, suốt trong cuộc sống, dù ở khía cạnh nào Ngài cũng có sự nổi trội hơn hẳn mọi người. Sự nổi trội đó chính là sự trưởng thành của bậc Thánh nhân.

1. Hoàn thiện về tri thức

Thái tử có một sự thiên phú về khả năng học tập cho nên học bất cứ môn học nào Ngài cũng thông suốt và nhiều môn thông thái hơn cả thầy dạy của mình. Theo sử liệu thì Ngài thông suốt ngũ minh, tức là hiểu biết hầu hết các lĩnh vực khoa học, văn hoá, y học, chính trị và tôn giáo thời bấy giờ.

Chúng ta biết rằng tri thức đóng vai trò chủ đạo trong đời sống con người. Người có tri thức mới có sự hiểu biết về thế giới quan và nhân sinh quan. Việc thái tử thông suốt tất cả các lĩnh vực sống cho thấy rằng tri thức của Ngài đã thăng hoa lên một tầng cao của xã hội đương thời, một xã hội mà triết học Bà-la-môn luôn đề cao vai trò



SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA THÁI TỬ **Tất Đạt Đa**

● TK. Minh Diệp

của tri thức. Nhờ hoàn thiện về tri thức nên thái tử hiểu giá trị con người, hiểu về mối quan hệ giữa người và người. Từ đó Ngài nhận ra sự bất công trong một xã hội có giai cấp. Ngài nhận ra các luống tư tưởng tôn giáo bấy giờ không giải thoát được cho con người. Phải chăng đó là những thao thức, trăn trở, suy tư hướng đến nguồn tri thức mới có thể giải thoát cho con

người trong lòng thái tử Tất Đạt Đa, góp phần vào động lực cho chí nguyện xuất gia của Ngài sau này.

Để hoàn thiện tri thức, bên cạnh khả năng thiên phú, chúng ta thấy ở Ngài còn có sự cầu tiến không ngừng. Khi đến tham vấn và cầu học với các vị đạo sư nổi tiếng, thái tử tiếp nhận tri thức ấy nhưng không hoàn toàn chấp nhận. Bằng chứng là việc tu học

với A La Lam và Uất Đầu Lam Phát. Khi đó, A La Lam và Uất Đầu Lam Phát lần lượt giới thiệu cho thái tử kiến thức về lối tu thiền định đạt được các tầng thiền vô sắc. Nhưng khi đạt được các tầng thiền đó, thái tử vẫn không thỏa mãn tri thức cuối cùng. Vì tri thức mà Ngài hướng đến là tri thức phải giải thoát cho con người chứ không dừng lại tận hưởng sự an lạc trong một cảnh giới cao siêu nào. Cuối cùng không đạt được mục đích Ngài ra đi tự mình tìm ra nguồn tri thức cao hơn.

2. Nhận thức hướng thượng

Mục tiêu sống của chúng ta bao giờ cũng hướng đến chân, thiện và mỹ. Đó là mục tiêu chung của toàn nhân loại trên thế gian này. Nhưng mục tiêu đó phải thông qua nhận thức hướng thượng mới có thể thực hiện được.

Bên cạnh một tri thức hoàn thiện, nhận thức sống của thái tử Tất Đạt Đa cũng vô cùng sâu sắc. Nhận thức của Ngài bắt nguồn từ những thực tế khách quan qua sự chứng kiến các mối quan hệ xã hội. Nhận thức đó bao giờ cũng hướng đến hạnh phúc của chúng sinh, nhất là con người.

Theo quyển *Đức Phật và Phật Pháp* của Trường lão Narada, khoảng 8 tuổi, thái tử cùng vua cha tham dự buổi lễ hạ điền truyền thống. Trong khi mọi người vui chơi ca hát, thái tử bắt gặp hình ảnh những con trùng bị loài ếch ăn thịt, rồi ếch bị rắn tha và sau đó rắn bị điều hâu sà xuống quắp. Thái tử nhận ra đó là sự đấu tranh sinh tồn của chúng sanh luôn mang đến cho chúng sanh sự đau khổ. Trường lão Narada đã nhận định: *đây là một sự kiện lạ lùng đã xảy ra trong thời thơ ấu của thái tử. Sự kiện ấy là một kinh nghiệm tinh thần sẽ giúp Ngài thật nhiều khi Ngài quyết tâm tìm chân lý. Sự kiện ấy cũng là chìa khoá mở đường cho Ngài tiến đến đạo quả Chánh Giác¹.*

Nhận ra sự đấu tranh nghiệt ngã đã cho thái tử một động lực

cứu giúp muôn loài. Ngài đã mạnh dạn bảo vệ một chú chim bị thương khỏi tay Đế Bà Đạt Đa bằng quan điểm: con chim thuộc về người biết tôn trọng sự sống.

Nhìn xa hơn về xã hội bấy giờ, Ngài thấy rằng giá trị con người bị chà đạp xuống tận cùng của đau khổ. Giai cấp thấp không được tự do, bị thống trị cùng cực từ vật chất đến tinh thần. Mâu thuẫn xã hội thực chất chỉ là sự đấu tranh sinh tồn của mạnh được yếu thua, sống trên sự sống của nhau mà thôi. Nhận thức này đưa đến một tư tưởng xoá bỏ giai cấp, tìm ra một lối đi cho con người biết tôn trọng nhau, thương yêu nhau và không làm cho nhau đau khổ. Phải chăng nhận thức này là tiền đề cho lời dạy của Ngài sau này khi thành Chánh Giác: không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và giọt lệ cùng mặn?

Nhưng nhận thức cao tột hơn hết chính là việc thái tử nhận ra quy luật sinh diệt của nhân sinh. Qua các lần dạo chơi ngoài thành, Ngài nhận ra con người phải chịu sự chi phối của tuổi già, bệnh hoạn và cái chết. Nhận thức này là sự thúc đẩy mạnh mẽ nhất vào chí nguyện xuất gia tìm chân lý giải thoát của Ngài. *Kinh Thánh Cầu* diễn tả tâm trạng của Ngài lúc bấy giờ: chính Ngài phải chịu sự già chết, phiền não và nhiễm ô. Vì chịu sự chi phối của già chết, phiền não và nhiễm ô nên phải chịu sự bất lợi của chúng. Hay là đi tìm cái chưa thành đạt, cái tối thượng và tuyệt đối châu toàn là Niết bàn².

3. Chiến thắng bản chất khát ái

Sinh trưởng trong hoàng cung, thái tử được dưỡng nuôi và cung phụng với đầy đủ sự thụ hưởng của ngũ dục lạc. Ngài nhận rõ bản chất khát ái là một bản năng hưởng thụ rất nặng nề của con người. Chính bản năng này thôi thúc và xô đẩy con người đi vào luân hồi đau khổ. Theo tư tưởng của Trường lão Rahula trong quyển *Đức Phật đã dạy những gì?* phân tích rằng: bản chất khát ái là khuynh hướng tìm cầu sự

thỏa mãn trong các giác quan. Việc tìm cầu đó làm mất sự cân bằng giữa bản năng và lý trí, con người khi ấy không định hướng được lý trí mà sống bằng bản năng nên đánh mất chính mình. Khi lập gia đình, gánh nặng của ái dục đã tăng lên trong đời Ngài. Ngài than: *lại thêm một trói buộc, lại thêm một gánh nặng³.*

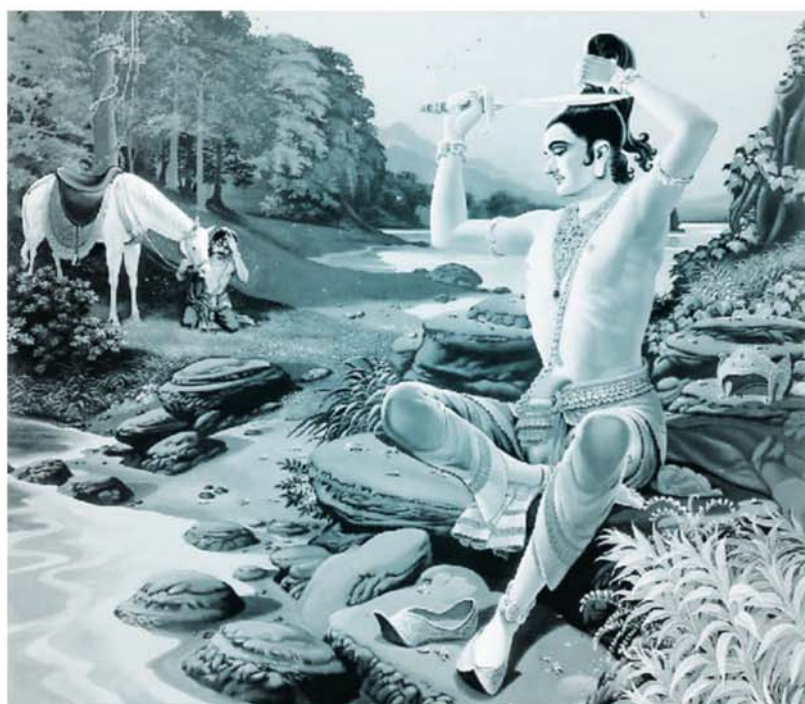
Vào một đêm sau buổi yến tiệc linh đình, thái tử choàng tỉnh giấc, thấy các cung nữ nằm ngủ la liệt, Ngài chợt tỉnh thức nhận ra rằng đằng sau sự sướng vui dục lạc là cả một đêm dài mệt mỏi đầy khổ lụy. Ngài đã dạy: đời sống tại gia rất tù túng chật hẹp, là chỗ ẩn náu của bụi trần ô trược, nhưng đời sống của bậc xuất gia quả thật là cảnh trời minh mông bát ngát⁴.

Từ sự nhận thức về bản chất khát ái, thái tử phần nào thông suốt về nguyên nhân của sự đau khổ nên Ngài vượt qua bản năng hưởng thụ này, cắt bỏ mái tóc xanh, lia cha già, vợ đẹp, con ngoan và cả ngôi vị thái tử để dẫn thân tìm ra con đường giác ngộ cho mình. Đây là một chiến thắng bản thân vĩ đại mà chỉ có bậc thánh nhân mới có thể làm được.

*Dù tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch
Không bằng tự thắng mình
Chiến thắng ấy tôi thượng.*

4. Sự giác ngộ hoàn toàn





Trưởng thành nhất trong cuộc đời thái tử Tất Đạt Đa có lẽ không gì khác hơn là lối tu đầy sáng tạo do tự Ngài tìm ra và đưa đến giác ngộ hoàn toàn. Do sự khát khao mãnh liệt con đường giải thoát, bằng nhận thức hoàn mỹ và tri thức tuyệt vời thái tử dần thân tu tập tất cả các trường phái tôn giáo trong suốt 5 năm. Trong suốt quá trình đó, tuy không thoả mãn được mục đích nhưng thái tử rút ra được những kinh nghiệm quý báu để xây dựng riêng cho mình một lối tu đúng đắn. Lối tu ấy chính là con đường Trung đạo.

Ngài nhận thấy rằng lối tu khổ hạnh không đưa đến giải thoát vì cơ thể quá tiêu tụy, sức khoẻ và tinh thần không đủ để tư duy và thâm nhập các cảnh giới thiền. Lối tu này gồm 4 pháp:

- Hạn chế tối đa sự ăn uống.
- Hạn chế tối đa mặc quần áo, dùng vỏ cây làm y phục hoặc lông thú.
- Ở giữa rừng núi, không vào làng xóm.
- Bệnh không dùng thuốc.

Ngài cũng nhận ra lối tu dung dưỡng quá bồi bổ cơ thể cũng không mang đến lợi ích cho sự tu

hành. Gồm bốn pháp:

- Ăn uống sung mãn.
- Mặc đồ đẹp dễ.
- Ở nhà cao sang.
- Bệnh dùng thuốc tốt và thuốc bổ.

Ngài dạy rằng:

"Hỡi này các Tỳ-khuru, có hai cực đoan mà hàng xuất gia phải tránh:

Sự dễ dãi trong dục lạc là thấp hèn, thô bỉ, phàm tục, không xứng phẩm hạnh của bậc Thánh nhơn, và vô ích.

Sự thiết tha gắn bó trong lối tu khổ hạnh là đau khổ, không xứng phẩm hạnh của bậc Thánh nhơn, và vô ích.

Từ bỏ cả hai cực đoan ấy, Như Lai đã chứng ngộ con đường Trung Đạo, là con đường đem lại nhân quả và tri kiến đưa đến an tịnh, trí tuệ cao siêu, giác ngộ và Niết-bàn¹.

Bốn pháp Trung đạo đó là:

- Ăn đồ khát thực một bữa ngộ.
- Mặc y phần tảo.
- Ở qua đêm dưới cội cây, gốc lá.
- Dùng phân bò làm thuốc khi bệnh.

Nhờ sáng tạo con đường tu tập đầy trí tuệ rất phù hợp với con

đường giải thoát nội tâm nên sau 49 ngày đêm thiền định, cuối cùng thái tử Tất Đạt Đa chứng quả Toàn Giác. Bấy giờ Ngài là Phật, một vị Như Lai giữa cõi đời này. Đây là sự trưởng thành tối hậu của Ngài khi đắc quả Phật.

Tóm lại, sự trưởng thành là kết quả qua một quá trình học tập dài lâu từ kiến thức cho đến kinh nghiệm sống. Với hàng xuất gia đó là pháp học và pháp hành. Chúng ta học tập ở Đức Phật khi Ngài chưa chứng quả một đời sống rất mẫu mực thể hiện trong cách sinh hoạt của Ngài. Bằng sự hiểu biết và sự nhận thức hướng thiện Ngài ứng xử hài hoà với mọi người. Ngài sẵn sàng chia sẻ nỗi khổ niềm đau trong xã hội, quên mình cứu giúp chúng sanh khi chúng sanh gặp nạn. Hơn hết, sự trưởng thành trong lối tu của Ngài là một bài học rất quan trọng cho người học Phật ngày nay. Điều ấy cho chúng ta một bài học rằng: kiến thức ngày nay dù tiến bộ vượt bậc và thông suốt hầu như tất cả các lĩnh vực sống cũng chỉ cung cấp cho tri kiến mà thôi. Nếu không áp dụng kiến thức ấy vào sự tu tập hàng ngày thì chúng ta chỉ đạt sự trưởng thành trên lý luận chứ thực chất không thể trưởng thành trên con đường giác ngộ. Chẳng khác nào học vẹt nói suông mà không bao giờ chứng nghiệm tâm linh hay đạt sự giải thoát cuối cùng nào cả. Chúng ta phải noi gương thái tử hết lòng học Phật song song với hết mình tu Phật, như vậy mới đi đúng con đường giác ngộ mà Ngài đã đi và chỉ dạy lại cho chúng ta. Và như thế mới sống trọn ý nghĩa trong ngày Phật thành đạo vậy. ■

1. Đức Phật và Phật pháp, trang 28-Narada.

2. Kinh Thánh Cầu- Trung A Hàm.

3. Narada, Đức Phật và Phật pháp, tr.32.

4. Trung A Hàm, "Đại Kinh Saccaka".

5. HT. Thiện Châu (dịch), Kinh Chuyển Pháp Luân, Tương ưng Bộ, tr. 420.



Mùng ngày đức Phật xuất gia và thành đạo

Ngọc Châu

Thuở xưa Ngài Sĩ Đạt Ta
Cảm thương sanh chúng ta bà khổ đau
Vô minh chất chứa tội sâu
Sanh, già, bệnh, chết hằn sâu kiếp người.

Từ bi hạnh nguyện cứu đời
Đại hùng, đại lực phát lời độ sanh.
Tâm hồn từ ái tịnh thanh
Hốt nhiên đại ngộ tan tành si sân.

Quang minh đức tuệ sáng ngời
Lý chân giải thoát quyết phăng tới nguồn
Lánh xa thương, ghét, vui, buồn
Du phương cầu học pháp môn tuyệt vời!

Gian truân khôn tả hết lời
Không sao lay chuyển tâm người cần tu
Bước đầu tầm kiếm Tôn Sư
Đắc hai thiên chứng tâm tư nhẹ nhàng.

Tánh thuần tịnh, trí thanh an
Tĩnh vi thâm nhập đến hàng cao siêu
Nhưng chưa thỏa mãn mục tiêu
Niết bàn cứu cánh còn nhiều cách xa.

Tự ta phải cứu lấy ta
Trở về tánh giác mới là uyên nguyên
Sáu năm vững một tâm nguyên
Pháp môn khổ hạnh cần chuyên tu hành.

Kiên gan quyết tử, quyết sanh
Nhưng thân kiệt quệ không thành đạo cao
Giật mình, như tỉnh chiêm bao
Ngộ ra khổ hạnh khó vào quả chơn.

Suy tư chiêm nghiệm thiệt hơn
Chọn đường Trung Đạo pháp môn nhiệm mầu
Như Lai thiên pháp công phu
Quán xem hơi thở cần cù dòng tâm.

Mười hai duyên tổ gốc mầm
Nghịch xui triệt tận, suy tâm thánh thai
Hào quang bất chợt sáng ngời
Lan xa muôn cõi trời người hỷ hoan.

Vằng dương ánh pháp tỏ quang
Chiếu soi chân lý phá màn vô minh
Đắc dẫn các quả Thánh linh
Nhiệm ô chấm dứt tam minh chứng thành.

Đóa Ưu Đàm ngát thơm lành
Phô hương Bi – Trí – Dũng thanh ngọt ngào
Biển cuốn cuộn, sóng xô xao
Chim ca, vượn hót đón chào Vì Nhân.

Hoa cười hé nụ thanh tân
Không gian rạng rỡ trong ngân sắc hương
Muôn loài cung ngưỡng Pháp Vương
Ở nơi cõi tục ngát hương muôn phần.

Ngộ ra chân lý quý trân
Một người giác ngộ muôn dân hưởng nhờ
Chỉ đường chơn đến bến bờ
Chúng sanh thành kính tôn thờ Thế Tôn.



ĐÓA SEN dâng Phật

● Ngọc Định

Nhìn tượng Quan Âm uy nghiêm và thanh thoát được tôn trí giữa hồ sen lớn trong sân Tịnh xá Ngọc Châu tỉnh Kiên Giang, tôi lại nhớ về sự gắn kết giữa nguồn gốc và ý nghĩa hoa sen với văn hóa dân tộc Việt Nam, hay những hình ảnh về quá trình chứng ngộ và thành đạo của đức Phật như hiện dần ra...

Theo Đại phẩm (Mahavagga) trong Luật tạng Nam truyền, bảy ngày sau khi đức Phật chứng ngộ, Ngài rời cây Rajayatana, đến bên cội cây Ajapala – nơi có những người chăn dê- và tiếp tục độc cư thiền định. Lúc bấy giờ Ngài khởi lên ý nghĩ: “Ta đã chứng đạt Chân lý, pháp này thật thâm áo, khó nhận thức, khó thấu hiểu, an tịnh, cao thượng, vượt lý luận tế nhị, chỉ những người hiền trí mới hiểu được. Tuy thế, người đời lại say mê theo luyến ái, chìm đắm trong luyến ái, hân hoan trong luyến ái, như vậy thì “cái kia có mặt vì cái này có mặt” tức là lý Duyên khởi thật khó nhận thức. Đối với họ cũng khó nhận thức giáo lý về sự tịnh chỉ các hành, từ bỏ mọi luyến ái (sinh y: y cứ để tái sinh), sự đoạn tận khát ái, xả ly dục vọng, tịch diệt, niết bàn (Nibbana). Giả sử ta giảng pháp này, người đời có thể không thấu hiểu, và điều này sẽ làm nhọc lòng ta, sẽ là bất lạc cho ta”. Thế rồi Thế Tôn đã khởi các vần kệ kỳ diệu chưa từng được nghe trước kia:

“Khó khăn ta chứng ngộ,
Nay thuyết giảng thôi đi!
Bởi những kẻ chìm đắm,
Trong ái dục sân hận
Không ngộ được pháp này,
Pháp đi ngược dòng đời,
Tĩnh tế và thâm sâu,
Khó lĩnh hội vi diệu.
Những kẻ mê ái dục,
Lắm si mê bao phủ,
Không thể nào lĩnh hội”.

Nghĩ đến đây, Ngài muốn nhập Niết-bàn hơn là lưu lại cõi trần gian uế trược này... Khi ấy vị

Phạm thiên Sahampati (chúa tể thế giới), dùng thần thông biết được ý nghĩ của đức Thế Tôn không ra sức và nỗ lực thuyết pháp, nên đã khởi lên sự ta thán:

“Như thế này thì thế gian bị tiêu diệt!

Như thế này thì thế gian bị hủy hoại!

*Bởi vì tâm của đức Như Lai,
Bậc A La Hán, đáng Chánh Biến Tri,*

*Thiên về không ra sức nỗ lực,
Và không thuyết giảng giáo pháp³”.*

Sau đó, nhanh như một lực sĩ co cánh tay và duỗi thẳng ra, vị Phạm thiên đã biến mất nơi cõi Phạm thiên và hiện ra trước đức Thế Tôn, với tư thế đấp thưng y bên vai, quỳ gối bên phải trên mặt đất, rồi chắp tay cung kính nói với đức Thế Tôn: *“Bạch đức Thế Tôn, xin đức Thế Tôn thuyết pháp! xin bậc Thiện thế thuyết pháp! Thế giới này có những hạng chúng sanh ra đời bị ô nhiễm ít. Nếu họ không nghe pháp, họ sẽ堕 vào các cõi dữ. Nếu họ nghe pháp, họ sẽ chứng đạt chân lý”*. Nói xong, vị Phạm thiên cũng ngâm một bài kệ, nói rằng ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) đã xuất hiện các tà thuyết của ngoại đạo chi phối. Nay thỉnh cầu đức Thế Tôn như một người đứng trên đỉnh núi cao, dùng biến nhãn thấy chúng sanh bị sinh, lão, bệnh, tử và áp bức, chìm đắm trong khổ đau. Xin Ngài hãy rải từ bi tâm mà mở ra cánh cửa “Bất tử” (tức truyền bá giáo Pháp), sẽ có những người nghe, hiểu và chứng ngộ giáo Pháp của Ngài.

Ban đầu đức Phật đã từ chối vì Ngài nhận thấy tâm chúng sanh còn ngu muội – tham đắm, say mê, thỏa thích trong ngũ dục, thật khó mà lĩnh hội được giáo Pháp thậm thâm của Ngài...

Trong lúc Phật quán tưởng về tâm chúng sanh, lưỡng lự về lời thỉnh cầu của Phạm thiên, Ngài đã nhìn và chiêm nghiệm qua cảnh hồ



sen trước mặt, trong đó có các loài sen khác nhau như sen xanh, sen hồng, sen trắng... mọc trong nước, lớn dần trong nước, phát triển dưới mặt nước, một số không vươn lên khỏi mặt nước, một số khác lại vươn lên bằng mặt nước, khoe sắc trên mặt nước, một số ít thì vươn lên khỏi mặt nước lung linh trước gió, tỏa hương thơm cho đời mà không bị nước hay bùn trong ao làm thấm bẩn. *“Thế rồi đức Tôn sư, hiểu lời cầu khẩn của thần Phạm Thiên, liền nhìn xuống khắp thế giới với con mắt của bậc giác ngộ (Phật nhãn), tràn đầy bi mẫn đối với muôn loài chúng sinh – Ngài thấy trên thế giới có những hạng chúng sanh bị ô nhiễm ít và những chúng sanh bị ô nhiễm nhiều, những hạng chúng sanh có căn cơ (khả năng) linh lợi và những hạng chúng sanh có căn cơ trì độn, những hạng chúng sanh có thiện tính và những hạng chúng sanh có ác tính, những người dễ dạy và những người khó dạy, một số người sống và biết sợ những cảnh tái sinh trong tương lai và (biết sợ) tội lỗi”*. Khi Phạm thiên Sahampati thỉnh cầu đến lần thứ 3, đức Phật đã nhận lời và đã lưu lại cõi ta bà thêm 49 năm nữa để thuyết pháp, độ sanh.

Loài người trên thế gian này có nhiều chủng tộc khác nhau như các loài sen (sen xanh, sen hồng, sen trắng...) với nhiều căn cơ cao thấp khác nhau: Người căn trí thấp như những cánh sen còn đang chìm đắm trong nước. Người có căn trí trung bình chính là những cánh sen được nổi lên mặt nước, khoe mình dưới ánh nắng ban mai (có phước báu tiếp nhận được giáo pháp Phật), những hoa chưa vươn lên cao khỏi mặt nước (bởi tâm còn dính mắc trong ngũ dục). Có những người hiền trí, có thể lĩnh hội được giáo pháp cao siêu của Phật, biết vận dụng và hiến dâng cho đời những thành quả thiện lành, làm đẹp cho đời “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, đây là những hoa sen đã trỗi lên khỏi mặt nước, tiếp nhận ánh ban mai, lung linh trước gió, hiến dâng cho đời những hương sắc thanh cao. Tu là một quá trình chuyển nghiệp, giống như sự phát triển và vươn lên của những cánh sen từ thấp đến cao, từ lặn hụp trong bùn lầy, biến ái, sông mê, để vươn lên khỏi mặt nước, để hiến dâng cho đời những thành quả tốt đẹp (tự độ và độ tha).



Thấy và hiểu được giáo pháp của Phật đã khó, thực hành giáo pháp ấy trong đời sống đầy bon chen, thực dụng... của xã hội đương thời lại càng khó hơn. Nhưng bằng nỗ lực tự thân, mọi khó khăn đều sẽ vượt qua. Ví như câu chuyện có thật về cặp vợ chồng Phật tử ở quận 12: Chồng bị mù, vợ bị thông manh. Họ đến với nhau qua tổ chức thiện nguyện Phật giáo. Ban đầu được hội và chính quyền giúp đỡ, họ vay quỹ xóa đói giảm nghèo, mua nhà và mưu sinh bằng cách nuôi chim cú, nuôi chim bồ câu bán cho thương lái làm thịt, cung cấp cho các quán ăn, nhà hàng. Nhiều lần thất bại bởi dịch cúm gia cầm bị buộc thiêu hủy. Tiếc của, họ lên lút chính quyền, kêu thương lái đến bán chim bồ câu phải lứa. Để dễ dàng di chuyển, qua mắt trạm kiểm dịch, thương lái dìm bồ câu xuống nước cho chết. Chứng kiến cảnh thương tâm ấy, lòng đau xót – họ sức tinh, nhận ra rằng mình đang tạo nghiệp sát quá lớn. Nhớ lại lý nhân quả, nhìn lại mình hiện tại và nghĩ: có lẽ trong kiếp trước mình là những kẻ sát sanh hại

mạng nên giờ cả hai đều bị khiếm thị, nay lại tiếp tục thì tất sẽ bị dọa địa ngục, hay nếu có tái sanh thì cũng chỉ là những kẻ tàn tật thiếu năng bất hạnh nhiều hơn kiếp hiện tiền, do tự tạo nghiệp ác không ngừng nghỉ... Cả 2 quyết định “chuyển nghiệp” bằng cách đổi nghề. Họ gom góp những đồng tiền ít ỏi còn lại, chồng thì làm nghề rút bàn chải nhựa đi bán mỗi ngày ở các chợ, vợ thì đi dạy học ở lớp khiếm thị. Tuy thu nhập rất thấp nhưng họ thấy an lạc vì mình đã sống theo chánh pháp. Mỗi tháng họ còn dành dụm một ít, từ thu nhập ít ỏi ấy để mua gạo (từ 20 - 25 kg) cúng chùa hay đóng góp cho hội từ thiện.

“Biết sợ những cảnh tái sanh trong tương lai và biết sợ tội lỗi trong kiếp sống hiện tại”, họ như những cánh sen hôm qua còn chìm trong mặt nước mà hôm nay đã vươn lên khỏi mặt nước để trở thành những bông hoa tươi đẹp tô điểm cho đời. Họ là người tàn tật, hoàn cảnh sống đầy khó khăn mà vẫn vượt lên chính mình để được sống có ý nghĩa, có ích cho đời.

Là người con Phật, mong sao

mỗi người chúng ta cùng nhau nguyện làm một cánh sen phát triển không ngừng, để từ từ vươn lên khỏi mặt nước. Lấy ao tù nước đọng, bùn nhơ làm môi trường phát triển, chấp nhận cuộc sống trần tục nhiễm ô làm môi trường rèn luyện phẩm chất cá nhân, để từng ngày trau dồi tâm thức và tu tập theo chánh pháp của đức Thế Tôn qua phương châm sống: “Tu là chuyển nghiệp”. Mong sao chúng ta sẽ là một đóa sen tươi thắm vươn cao, dâng lên Phật, báo ơn Người nhân mùa Phật thành đạo PL. 2556 này. ■

1. Trần Phương Lan (dịch), Đức Phật Gotama, Nxb: Phương Đông, TP. HCM, 2011, tr. 324.

2. Đại Phẩm (Mahavagga) thuộc Luật Tạng Nam truyền.

3. Sđđ.

4. Trần Phương Lan (dịch), Đức Phật Gotama, Nxb: Phương Đông, TP. HCM, 2011, tr. 325 - 326

5. Sđđ, tr. 327



Quyển Chơn Lý “Thập Nhị Nhân Duyên” chia làm 9 phần đánh dấu bằng số La mã từ I đến IX. Phần I và II có tiểu tựa đặt gián tiếp trong văn mạch. Phần VIII và IX có tiểu tựa đặt trực tiếp từ đầu. Năm phần còn lại III, IV, V, VI, và VII không có tiểu tựa. Hôm nay người đọc đã đến phần chót của quyển Chơn Lý “Thập Nhị Nhân Duyên”. Phần chót này có tựa đề là “Nhơn và Quả của Mười Hai Nhân Duyên”, tựu trung thực hiện hai việc. Một, đem 12 chi Nhân duyên để thiết lập nên giáo lý nhân quả ba đời. Hai, dựa trên nền tảng của giáo lý nhân quả ba đời để khuyên tu khuyến thiện. Giáo lý Nhân quả ba đời còn được gọi là tam thế lương trù nhân quả.

Chánh văn:

1. Vô minh + Hành: là nhơn quá khứ.

2. Thức + danh sắc + lục nhập: là quả hiện tại.

3. Xúc + thọ + ái + thủ + hữu: là nhơn hiện tại.

4. Sanh + tử: là quả vị lai.

Bằng bốn dòng định nghĩa ngắn gọn, Chơn Lý đã xếp 12 chi Nhân duyên vào trong khung giáo lý nhân quả ba đời gồm hai tác nhơn và hai kết quả tính luôn nội hàm thì có thể gọi đó là hai quả khổ. Tác nhơn quá khứ có hai chi là Vô minh và Hành. Quả khổ hiện tại có 3 chi là thức, danh sắc và lục nhập. Tác nhơn hiện tại có 5 chi là xúc, thọ, ái, thủ, và hữu. Quả khổ vị lai có 2 chi là sanh và tử. Tổng quát mà nói thì cả quá khứ và tương lai chỉ có 4 chi là vô minh, hành, sanh, và tử. Hiện tại lại có nhiều nhất đến 8 chi: Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, và Hữu. Ba chi đầu của hiện tại Thức, Danh sắc, Lục nhập có vai trò là Quả

Khổ mang tính chất thụ động hơn, năm chi sau Xúc, Thọ, Ái, Thủ, và Hữu có vai trò là tác nhơn mang tính chất năng động hơn. Nói chung, theo cách nhìn của người đọc thì sự phân chia giữa nhơn và quả chỉ là tương đối để phân biệt một bên thụ động hơn và một bên năng động hơn mà thôi.

Chánh văn:

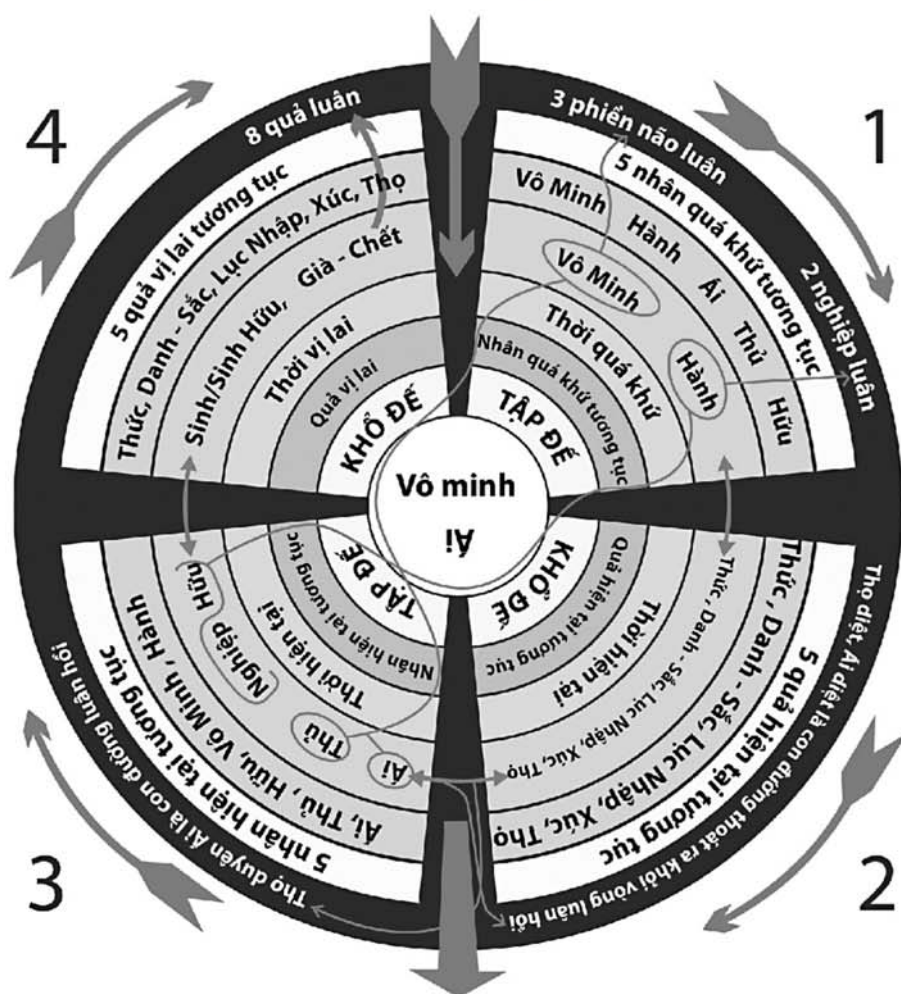
Chúng sanh bởi từ kiếp trước vô minh, hành ác, gây nhơn, nên mới phải nhập thai sanh thức, danh sắc, lục nhập là

kết quả hiện tại, mới có thân hình. Bởi có thân hình, mới có xúc, thọ, ái, thủ, hữu, là gây nhơn hiện tại, để chịu sanh tử đời sau, là quả vị lai khổ não.

Nhất quán với phong cách từ trước, Chơn Lý đã nương theo những tên gọi của từng chi phần Nhân duyên để dẫn giải giáo pháp. Ở đây Chơn Lý diễn giải tiến trình nhân quả của một con người từ vô minh đến tử vong, từ kiếp quá khứ đi ngang qua kiếp hiện tại rồi đến kiếp tương lai. Hai chi đầu là Vô minh và Hành

ĐỌC CHƠN LÝ “Thập nhị nhân duyên”

• TT. Minh Thành Ph.D





ác thuộc về tác nhân trong quá khứ làm cho vòng sinh tử chuyển vận, cụ thể là nhập thai, vận hành ba chi kế tiếp **Thức**, **Danh sắc** và **Lục nhập** thuộc về Quả Khổ trong hiện tại. Một khi đã chuyển vận thì vòng sinh tử theo trớn hay động năng lần xoay từ vai trò thụ động của Quả Khổ, cụ thể là có thân người, chuyển sang vai trò năng động của tác nhân là **Xúc**, **Thọ**, **Ái**, **Thủ**, và **Hữu** trong hiện tại. Khi đã có sự vận hành của **Hữu** với vai trò là tác nhân trong hiện tại thì Quả Khổ **Sanh** và **Tử** trong tương lai là điều không thể tránh.

Trong biểu đồ sinh tử này có những lần ranh nằm giữa để phân chia hai kiếp sống cho một lần chuyển kiếp: Lần ranh đầu tiên phân chia một bên là kiếp quá khứ và bên kia là kiếp hiện tại. Lần ranh thứ hai còn lại phân chia một bên là kiếp hiện tại và bên kia là kiếp tương lai. Nhìn xem những chi phần nào có mặt ở giáp mí hai lần ranh đầu tiên, người đọc thấy có một bên là **Hành ác** và bên kia là **Thức**. Còn ở lần ranh thứ hai người đọc thấy có một bên là **Hữu** và bên kia là **Sanh**. Theo nguyên lý căn bản thì hai chi phần trước khi chuyển kiếp phải giống nhau, tương tự, hai chi phần sau khi chuyển kiếp cũng phải giống nhau. Vì vậy, **Hành ác** và **Hữu** phải giống nhau, nếu không giống nhau về tên gọi thì phải giống nhau về bản chất. **Hành ác** phải cùng bản chất với **Hữu**. Tương tự, **Danh sắc** phải cùng bản chất với **Sanh**.

Từ cách nhận thức trên người đọc có được kết quả là **Hành ác** phải cùng bản chất với **Hữu**. **Hữu** ở đây có hai ý nghĩa nổi trội. Một, **Hữu** là hữu lậu thuộc cảnh giới nhân gian, hữu hình, thuộc phạm vi của nhận thức thường nghiệm. Hai, **Hữu** là Hương ấm thuộc cảnh giới trung

ấm, vô hình, thuộc phạm vi của cảm thức siêu nghiệm. Hữu lậu ở đây theo nghĩa rộng là có lậu hoặc, mà lậu hoặc là tên gọi khác của phiền não. Đến đây thì kết luận gần như đã hiện rõ ra: **Hành ác** tức là phiền não thuộc cảnh giới hiện thực của nhận thức thường nghiệm, **Hành ác** cũng tức là sinh tử thuộc cảnh giới vô hình của cảm thức siêu nghiệm. Như vậy, phiền não và sinh tử là một. Đây là giáo lý căn bản, khác với giáo lý phát triển cho rằng phiền não là Niết bàn. Người viết nghĩ rằng người học Phật cần nên học cho chắc, nắm cho vững giáo lý căn bản trước. Rồi mới tham khảo giáo lý phát triển sau đó.

Người viết xin dừng một nhịp ở đây để mở rộng hai ý tưởng liên quan với chi phần danh sắc như sau:

Một, danh sắc thông thường có nghĩa là tổ hợp thân tâm, cụ thể là bào thai trong bụng người mẹ. Một câu hỏi có thể được nêu lên: Khi bào thai mới tượng, nó có nhận thức được nóng lạnh hay không, có biết đau hay không? Nếu có thì tổ hợp danh-sắc bao hàm cả xúc và thọ. Thai nhi khi ngủ có nằm chiêm bao hay không? Nếu có thì tổ hợp danh-sắc bao hàm cả tưởng. Đã có tưởng thì mặc nhiên thai nhi chẳng những có xúc thọ mà còn có ái, thủ và hữu, hầu như có đủ cả 12 chi phần nhân duyên. Tổ hợp danh sắc ở đây bao hàm đủ cả 5 uẩn mặc dù những uẩn sau có thể rất yếu ớt. Điều này có mức độ không tương thích với *Chơn Lý* “Ngũ Uẩn” số 2; sự không tương thích này cần được bàn thêm trong dịp khác.

Hai, tại sao từ một đơn thể là vô minh làm duyên để phát triển thành một đơn thể khác là hành, rồi từ đơn thể hành làm duyên để phát triển thành một đơn thể khác là thức. Nếu cứ theo mô

thức như vậy thì Thức là một đơn thể làm duyên để khởi sinh ra một đơn thể khác. Tuy nhiên, ở đây mô thức không còn đơn điệu như vậy mà đã chuyển biến sang một mô thức khác phức tạp hơn. Đơn thể thức lại làm duyên để phát sinh ra hai đơn thể là danh và sắc. Một đơn thể là thức tại sao lại phát sinh ra hai đơn thể là danh và sắc? Nếu không chấp nhận danh và sắc là hai đơn thể thì gọi gộp chung như kinh điển hay gọi là danh-sắc. Danh-sắc là một đơn thể nhưng vẫn không phải là một đơn thể thông thường. Người đọc vẫn có thể gọi danh-sắc là một đơn thể kép. Cốt lõi của câu hỏi vẫn không thay đổi. Chữ nghĩa có khác, câu hỏi vẫn còn nguyên: Tại sao từ một đơn thể đơn lần đầu tiên trong chuỗi phát triển sanh ra một đơn thể kép?

Nói cách khác, điều mà chúng ta có thể nhận ra ở chi phần danh sắc là gì? Trong phạm vi nhận thức của mình người đọc thấy rằng danh sắc ở đây chỉ cho một sát na đáng kể trong dòng phát triển theo từng giai đoạn của một con người từ giai đoạn bào thai không biết gì, không phân biệt có một “cái mình” khác với “cái thế giới chung quanh” phát triển đến giai đoạn hay thời điểm đầu tiên hay sát na đầu tiên nhận ra rằng, mình khác, thế giới chung quanh khác. Có thể hiểu thêm một bước nữa rằng đó là sát na đầu tiên mà một người nhận ra rằng mình có cái thân và cái tâm, cái thân để hành động và cái tâm để suy nghĩ; mình điều khiển cả cái thân và cái tâm của mình. Như vậy danh sắc là giai đoạn mình tách biệt khỏi thân tâm, làm chủ thân tâm. Mình khác với thế giới chung quanh và khác với thân tâm của mình. Các nhà khoa học nhận ra rằng một đứa bé trong bào thai và lúc mới sơ sinh nó không ý thức được rằng nó

khác và mẹ nó khác, đối với nó tất cả là một. Cho đến một lúc nào đó, một sát na nào đó nó mới ý thức được rằng nó khác với thế giới chung quanh trong đó có mẹ nó, ba nó và nhiều người nhiều thứ khác nữa. Từ đó sự hờn giận hay sự ưa thích, sự khổ tâm hay sự thỏa chí bắt đầu khởi động và hướng đến các đối tượng bên ngoài. Xin mở ngoặc, sát na này có điểm tương đồng với sát na lúc mà răng của ông A dong trong câu chuyện thần thoại cắn vào trái táo. Từ trong trạng thái mù mờ hay còn gọi là hồng hoang thượng cổ, vạn vật hỗn mang, bỗng đứng phát sinh ra có cái này có cái kia. Theo

cách nói của nền triết học Trung Hoa thì từ thái cực đã sanh lưỡng nghi. Thái cực và lưỡng nghi đây không chỉ cho chiều kích của vũ trụ từ cái big bang hồng hoang thượng cổ mà chỉ cho chiều kích của một cá nhân con người. Phải chăng đức Phật từng nói rằng ngay nơi tấm thân dài một trượng này có sự phát sinh của thế giới và có sự tận diệt của thế giới. Đây quả là một câu làm chấn động cái bộ óc hay suy tư cho đến cùng của người đọc.

Chánh văn:

"...muốn không quả vị lai: sanh, tử, khổ, thì đừng có nhen hiện tại: xúc, thọ, ái, thủ, hữu."

Muốn không nhen hiện tại, thì phải không quả hiện tại: thức, danh sắc, lục nhập.

Muốn không quả hiện tại, thì phải dứt trừ nhen quá khứ, vô minh, hành."



Đoạn nguyên văn trên có thể diễn đạt lại như sau: Muốn khỏi **"sanh, tử"** với vai trò chính là *quả khổ* trong tương lai thì trong hiện tại phải không có Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu với vai trò chính là những cái *tác nhen* (để trở ra *quả khổ* **"Sanh, Tử"** trong tương lai). Muốn trong hiện tại không có Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu với vai trò chính là những cái *tác nhen* (để trở ra *quả khổ* **"Sanh, Tử"** trong tương lai) thì trong hiện tại phải không có **Thức, Danh Sắc, Lục Nhập** với vai trò chính là những cái *quả khổ* đang có mặt trong hiện tại. Muốn không có Thức, Danh Sắc, Lục Nhập với vai trò chính là những cái *quả khổ* đang có mặt trong hiện tại thì phải dứt trừ **Vô minh, Hành** với vai trò chính là những *tác nhen* trong quá khứ. Khi nó có vai trò chính thì hàm ý có vai trò phụ.

Bất cứ một chi phần nào cũng là nhân mà cũng là quả; phân chính phụ ở đây chỉ là để thuận theo sự mạch lạc của dòng ý tưởng.

Như vậy *Chơn Lý* đã nhận diện chuỗi tác nhân của hiện tại gồm **"Xúc – Thọ – Ái – Thủ – Hữu"**, nói cách khác là điểm đúng huyệt **Ái** với bốn đạo binh trợ lực là Xúc Thọ tiền tiêu và Thủ Hữu hậu tập. **Ái** là cái mà người ta đối diện hàng ngày trong đời sống tình cảm của mình, cái hiện tại sinh động nơi mà người ta có thể thực hiện sự tỉnh táo sáng suốt hay sự u mê ám chướng. *Chơn Lý* cũng đã nhận diện chuỗi tác nhân sâu xa

đầu nguồn nằm ở quá khứ 18 kiếp gồm **"Vô minh, Hành"**.

Chánh văn:

Đã là nhen quá khứ rồi, thì đâu có trừ dứt gì được, âu là chúng ta hôm nay, muốn sau này không còn khổ của sanh tử, thì phải ráng mở mang trí huệ, để trừ vô minh. Tập hành thiện, để dứt bỏ hành ác, thì vòng luân hồi mới được sáng trưng, ngừng nghỉ là Niết bàn, và không còn tám vạn khổ, mà hưởng được tám vạn đạo yên vui."

Vô minh và **Hành** là tác nhân sâu xa, là nguyên nhân đầu nguồn ở tận quá khứ xa xăm trong kiếp trước mà cũng có thể là 25 kiếp trước, hay là 2 triệu kiếp trước, ai biết được. Nhận diện là nhận diện nhưng làm sao có thể với tay vào 25 kiếp trước để dọn dẹp cái **Vô minh** và **Hành** này. Về phương diện thuần lý thì vô phương và



bất khả "đâu có trừ dứt gì được". Dòng suy luận thuần lý về con đường thoát khổ dường như là bế tắc, nhưng rất may, chỉ là bế tắc trên bình diện thuần lý mà thôi. Rời khỏi thế giới thuần lý chật chội và xơ cứng, *Chơn Lý* quay trở về cuộc sống hiện thực muôn thuở vốn sống động xanh tươi và mở ra con đường thực hành: "ráng mở mang trí huệ, để trừ vô minh. Tập hành thiện, để dứt bỏ hành ác, thì vòng luân hồi mới được sáng trưng". Con đường hiện thực đó có thể nói gọn lại trong 8 chữ là: **"mở mang trí tuệ, làm lành lánh dữ"**. Về mặt ngôn từ, thay vì nói "tinh tấn" một cách hàn lâm, giáo khoa, thì *Chơn Lý* nói "ráng" thật là dân gian, thật là bình dị, và cũng thật là chơn lý.

Giáo lý tam thế lưỡng trùng nhân quả, nói một cách chặt chẽ, vẫn thuộc giai đoạn hai của dòng phát triển Phật pháp. Đi vào cảnh giới của giai đoạn hai thì thoảng chúng ta cũng nên dừng lại một nhịp để trở về cảnh giới của Phật pháp giai đoạn một, cảnh giới Phật pháp đầu nguồn.

Trong cảnh giới đầu nguồn, người đọc nhận ra rằng 12 nhân duyên của kinh tạng truyền thống được trình bày tuần tự từng chi phần, chi phần trước làm nhân duyên để sinh khởi chi phần sau, cho đến chi phần chót là **Tử**, sau chi phần **Tử** là một số hình dung từ định tính là sâu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy, trong kinh tạng giáo lý Thập nhị nhân duyên không hề phân đoạn hay phân nhóm, không hề đặt định ra biên giới của kiếp trước, kiếp hiện tại và kiếp tương lai. Việc phân đoạn nhóm hay đặt định ra ba thời chỉ xảy ra trong Luận tạng hay Sở giải mà thôi. Điều này nội hàm một vài điều. Thứ nhất, cái tương lai chỉ mang tính giả định, không thực, không chắc, chỉ có tính chất lý thuyết thuần túy, nên đặt cái đuôi tiêu cực "sâu, bi, khổ,

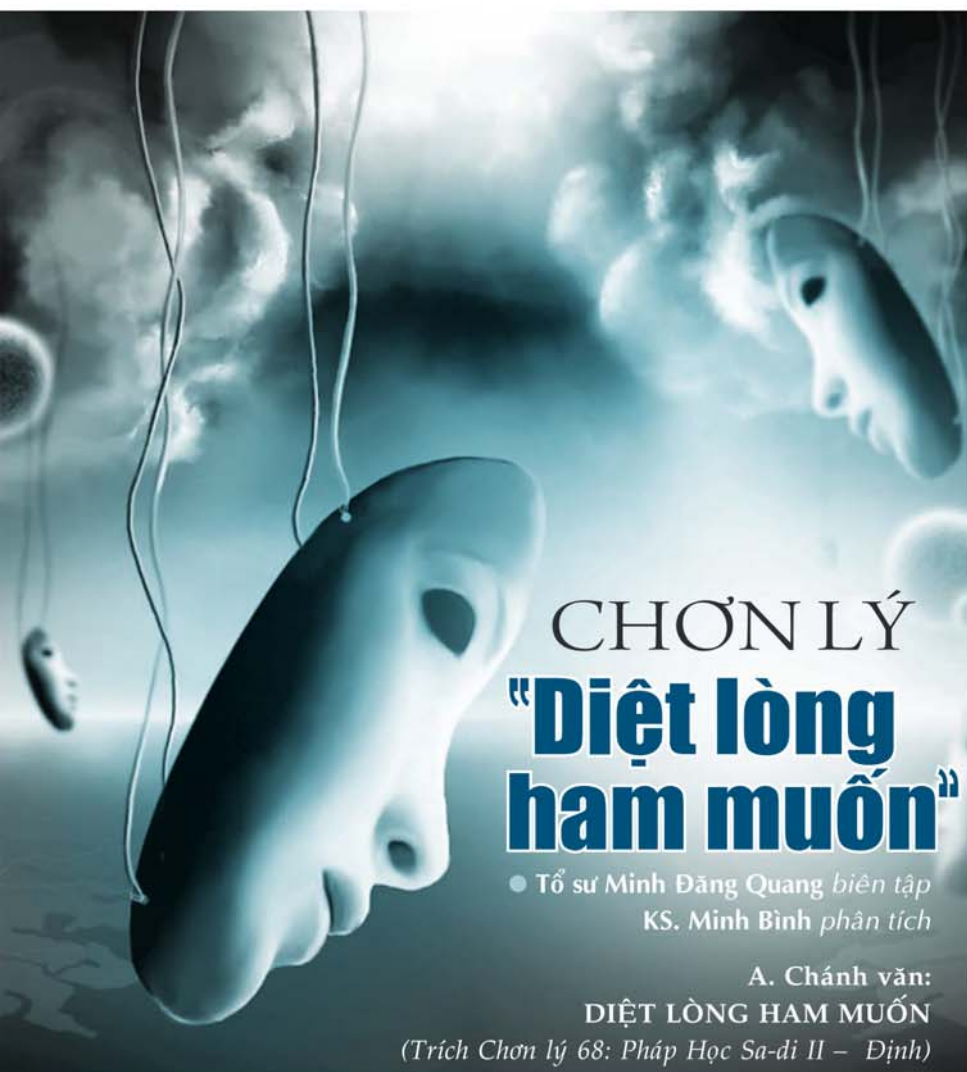
ưu, não" cho cái ở trong tương lai là thiếu chặt chẽ về nguyên tắc luận lý. Hơn nữa, tương lai ở trong khoảng thời gian của kiếp này, theo luận lý, thì đã mang tính chất giả định, không có thực, không chắc chắn, hướng gì là tương lai ở kiếp sau, đời sau, 25 kiếp sau, 2 triệu kiếp sau. Thứ hai, tất cả các mắc xích và từng mắc xích trong giáo lý Thập nhị nhân duyên theo cách miêu tả của kinh tạng vì không phân đoạn nhóm, không đặt định vào ba thời, nên đều nằm trên một nền tảng bình đẳng với nhau. Một khi các luận giả đẩy một số mắc xích vào trong quá khứ (những cái đã qua, đã rồi, đã "quá khứ không truy tầm... quá khứ đã đoạn tận", và khi các luận giả đẩy một số mắc xích vào trong tương lai (những cái gì chưa có, chưa xác lập được, "tương lai không ước vọng") có nghĩa là các luận giả đã phá vỡ tính bình đẳng nền tảng trên đó các chi phần được xếp đặt. Thứ ba, cái tương lai là cái chưa có, mà cái chưa có không thể nào làm nhân hay làm quả cho cái đã có. Thế mà giáo lý Thập nhị nhân duyên nếu hiểu một cách viên dung thì bất cứ một chi phần nào đều làm nhân và làm duyên cho tất cả các chi phần còn lại.

Từ những lẽ trên, người đọc có thể tạm kết luận rằng phương thức giải thích tam thế lưỡng trùng nhân quả thuộc về giai đoạn phát triển sơ giải và luận tạng. Phương thức này, tuy vậy, hữu dụng ở phương diện: xây dựng một không thời gian tuyến tính có tính căn bản, ước lệ, và thông tục. Trên nền tảng không thời gian tuyến tính này mà giáo lý tam thế lưỡng trùng nhân quả dùng 12 chi nhân duyên phác họa ra được bức tranh nhân quả nối kết cả ba đời hay ba kiếp: quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng có nghĩa là nối kết nhân quả nhiều

đời nhiều kiếp, nhiều đến nỗi phải dùng từ vô lượng vô số.

Đến đây người đọc xin tạm thời rời khỏi khung trời của *Chơn Lý* để thấy "thiên ngoại hữu thiên" mà thận ngôn xác định rằng tất cả những cái hay cái đẹp, cái sáng giá mà người đọc trình bày trong bài này và tất cả những bài trước đây, tuy phải nói là thuộc về *Chơn Lý* cho đơn giản và thuận văn mạch, nhưng thật ra tất cả đều thuộc về các thế hệ tiền hiền, những vị Bồ-tát Tổ sư có danh hiệu tên tuổi được nhắc đến hay âm thầm lặng lẽ mà cống hiến đã gìn giữ, biên tập, sao chép kinh văn, trước thuật luận giải. *Chơn Lý* chỉ thừa kế và phát huy ánh sáng tuệ giác theo phong cách đặc thù mà thôi.

Để kết thúc bài này cũng là kết thúc của loạt bài đầu tiên về *Chơn Lý*, người đọc xin kính cẩn chấp tay tụng lại câu chủ chốt của *Chơn Lý* "Thập Nhị Nhân Duyên" phần chót thứ IX: "... **Âu là chúng ta hôm nay, muốn sau này không còn khổ của sanh tử, thì phải ráng mở mang trí huệ, để trừ vô minh. Tập hành thiện, để dứt bỏ hành ác, thì vòng luân hồi mới được sáng trưng, ngừng nghỉ là Niết bàn, và không còn tám vạn khổ, mà hưởng được tám vạn đạo yên vui**". Khép lại một đoạn hành trình trong cảnh giới của *Chơn Lý* với một tâm trạng bồi hồi, nao nao, người đọc xin chấp tay kính nguyện hằng sa chư hành giả của con đường đạo ai nấy đều đạt đến chỗ rốt ráo "giác ngộ chơn như không còn sanh tử tức là Phật theo nguyên lý: Diệt dứt luân hồi thì khổ sẽ hết". Cảnh giới Phật hay cảnh giới Niết-bàn ở đây đều mang tính tích cực: Không từ lao quỵện mà hóa độ chúng sanh. Kính nguyện hữu tình vô tình đều thành Phật đạo. ■



1 – Người nào trong lòng chứa đầy những sự ham muốn, làm các việc cho được danh vọng với đời, thì khác nào mùi hương trầm bay thoảng qua thơm phức, nhưng trong giây phút liền tan mất hết. Mấy người mê muội ấy chỉ biết háo danh chớ không hề ra sức tìm học chơn đạo. Dầu họ được toại kỳ sở nguyện đi nữa, họ cũng vẫn nghèo hèn về đạo đức, mà sau này họ còn ân hận mãi.

2 – Sắc đẹp với sang giàu, hai thứ này giống như miếng mật dính trên lưỡi dao, biết bao kẻ dại kẻ mê miệng nếm thử, không ngờ phải bị đứt lưỡi đón đau!

3 – Cỏ khô đem kê gần lửa thì nó bắt cháy phừng lên. Nếu người tu hành không tránh xa tình dục thì sẽ phát cháy như cỏ khô kia.

4 – Trong các thứ dục tình, duy có thói say mê sắc tốt là dữ hơn hết, không có dục tình nào thắng nó nổi. Nhưng may thay có một mình nó mà thôi. Nếu có một thứ dục tình nào khác cũng mạnh như nó thì khó mà học đạo được.

5 – Nếu trong lòng muốn tưởng quấy, hãy suy xét làm sao cho tấm lòng trở nên thanh tịnh như cũ. Vậy thì hãy bắt từ trên đầu suy nghĩ tới dưới chân, rồi ở ngoài suy nghĩ vô trong thân thể. Nay, trong mình con người chỉ

chứa những chất ô uế: xương, thịt, máu, mủ... Suy nghĩ như vậy bắt gồm nhờm mà trừ được tư tưởng quấy.

6 – Người ở trong vòng ham muốn giống như kẻ điên cầm đuốc đi ngược gió, nếu không quăng đuốc phải cháy tay, sự vụng về của họ đã thấy rõ ràng. Bởi vậy khi người còn mang tam chương là tham, sân, si và chưa thấy được đạo, thì in như kẻ điên cầm đuốc đi ngược gió mà không buông để đến phải cháy tay.

7 – Người đời bị các điều ham muốn làm chóa mắt nên không biết đàng nào là đàng chánh. Họ giống như nước bùn có lộn năm thứ màu, nếu có cái chi làm cho nước xao động thì dìm xuống nước không thấy được hình. Cái trí cũng thế, nếu bị các điều ham muốn làm chộn rộn thì nó trở nên nhơ bợn, không thấy được đạo. Trái lại, những người biết thú tội và ăn năn chữa cải, nếu gặp được chơn sư tức thì ngộ đạo, cũng như nước lọc hết chất bùn trở nên trong sạch, dìm vô liền thấy hình rõ ràng.

8 – Lại ví như nổi nước để trên lửa, sôi lên sùng sục, hơi bay ngun ngút, ai lại gần dòm vô thế nào cũng không thấy bóng của mình. Vậy nếu mang lấy tam chương vào mình và phạm giới luật thì khó bề thấy được đạo. Song nếu ai biết lo rửa sạch tâm trần, dầu khi bỏ xác phàm rồi về cảnh Phật ở chốn nào, và tới lúc đi đầu thai kiếp sau, sự học thức thế nào đi nữa, chung cuộc cũng thấy rõ đường đạo.

9 – Những kẻ phải kinh sợ vì quá trứu mến gia đình hoặc mê của tiền gia thế, thì giống như người mắc chốn lao tù, bị xiềng, bị còng, vừa buồn rầu vừa hãi hùng.

Ở trong khám còn mong ra được, chớ quá trứu mến gia đình thì sự lo sợ khác nào lúc vào hang cọp. Kẻ mê muội vì tình thương nặng quá và không đề phòng thì



có thể nào dứt được sự khổ não!

10 – Ham muốn quá phải chịu đau đớn, có đau đớn tất phải lo sợ. Hết ham muốn thì hết đau đớn, hết đau đớn thì hết lo sợ.

11 – Người học đạo giống như miếng cây trôi ra vàm sông. Nếu miếng cây ấy trôi dôi theo dòng nước, không bị tấp vào bờ, không ai vớt lên, không phải vị hung thần hay kiết thần nào làm cho trở lại, không ở linh binh một chỗ, không hư không mục, tất nhiên chảy ra biển cả. Khi con người nhập đạo rồi, không còn bị các điều ham muốn làm cho lằm lạp, không để cho các tình dục làm chủ, giữ lòng thanh tịnh và rắng sức làm lành thì đắc đạo vậy.

12 – Đạo không có hình dạng rõ ràng, muốn biết nó ra sao chẳng có ích chi cả, nhưng lo trau dồi tâm trí thì quý lắm, ví như tấm kiếng trau dồi sáng suốt tức nhiên hình rọi thấy rõ ràng. Bởi vậy ngày nào con người dứt được các điều ham muốn, lòng vẫn trống không tức thì cửa đạo mở rộng, con người bước vào đó rồi thì nhớ hết mấy kiếp trước.

13 – Kẻ mới học đạo giống như một người chống cự với muôn ngàn kẻ nghịch. Ví như người kia mặc y giáp, mang khí

giới rồi ra trận, hoặc người ấy sợ mà trở lại liền, hoặc đi nửa đường trở lại, hoặc tử trận, hoặc thắng trận về xứ được người tôn trọng vinh vang. Bởi vậy nếu ai bền chí giữ gìn tánh hạnh, hết sức ăn ở theo đường đạo đức, không để cho sự dốt nát mê muội làm lằm lạp, thì tránh được hết các tình dục và sẽ đắc đạo.

14 – Người học hỏi trong đường đạo giống như sắt, người ta nấu luyện lọc cho sạch, nấu nhiều lần mới lấy ra hết sét và cặn cẩu, chừng ấy mới có thể dùng làm nên nhiều đồ tốt... Bởi vậy những người nhập đạo, lần hồi rửa sạch cái tâm, chẳng cho dính chút bợn nhơ nào, và cứ một lòng lo đạo đức, thì thế nào cũng đắc đạo. Bằng như họ lo rầu, làm cho hư hại tinh thần họ, mà rồi cái cảnh ảnh hưởng ấy nó làm cho họ xa đường đạo; hễ xa đường đạo thì họ phải lằm lạp, và tội của họ làm chất chứa thêm hoài.

15 – Khi con người chuyên lo đạo đức, xa lánh các tình dục, thì giống như râu chuối treo trên không, mỗi ngày mỗi rút từng hột, cứ rút hoài thì râu chuối phải hết.

Bởi vậy cho nên nếu ai phá tan sự vô minh mê muội thì đắc đạo rất dễ dàng.

16 – Một con bò chở nặng đi ngang qua vũng lầy, hễ đi thì cực nhọc rên siết, nhưng qua đến bờ khô ráo nghỉ ngơi rồi, nó quên hết các sự mệt nhọc. Người học đạo cũng thế, các tình dục làm cho người lo sợ, cũng như lo sợ vũng lầy. Nhưng dầu cho người sợ sệt thế nào, nếu người bền chí dốc lòng chuyên lo đạo đức, ắt người sẽ tránh khỏi các sự đau khổ của kiếp luân hồi.

17 – Những nhà đạo sau khi thí phát rồi thì bỏ hết của trần, ngày đi xin ăn, đêm ngủ dưới cội cây, chỉ dùng một bữa cơm ngô mà thôi! Tại sao thế? Là bởi vì con người thường bị những sự vui sướng ánh mắt, giục làm các việc lỗi lầm.

18 – Phật xưa có dạy rằng: Các người đừng quá tin ở tấm lòng của các người, các người hãy rắng giữ mình, đừng để say đắm về hình thức, vì hễ say đắm về hình thức thì phải chịu đau khổ. Ngày nào được chứng quả La-hán rồi, chừng ấy mới nên tin ở lòng mình.

19 – Lìa cha mẹ, bỏ cửa nhà đăng nhập đạo, một lòng chí quyết học hỏi cho rõ chơn tâm bốn tánh và hiểu thấu phép vô vi của Phật, tức là thành một vị Tu-đà-hoàn.

Trì chí ăn ở theo 250 giới luật nghi, đừng bỏ qua một giới nào, rắng hết sức cho thâm nhập Tứ diệu đế và rửa lòng trong sạch là thành một vị A-la-hán.

20 – Khi những vị đã dứt hết sự dục vọng, không thọ lãnh cái chi nữa, không tìm kiếm cái chi nữa, không bị đạo ràng buộc nữa, không bị việc trở ngại nữa, không còn tư tưởng nữa, không còn hành động nữa, không tham thiền nữa, không tỏ ra bề ngoài cái chi nữa, mấy vị ấy lên tới bậc Toàn Giác Tuyệt Đối, đó tức là ĐẠO.

B. Phân tích:

I. Giới thiệu Diệt Lòng Ham Muốn

Diệt Lòng Ham Muốn là bài mở đầu của Chơn lý 68, chương



Pháp Học Sa-di II – Định. Bài này gồm 20 câu, hay 20 lời dạy, do Tổ sư Minh Đăng Quang biên tập từ kinh Phật, tương đương một phần *Kinh 42 Chương*. Cách biên tập của Tổ sư không tỉ mỉ như những học giả nghiên cứu mãi tầm chương trích cú, mà ứng từ trí tuệ của một bậc đạt đạo. Trí tuệ Bát-nhã tự nó đúng đắn, nên không cần phân bua giải bày với ai, không cần trích dẫn đối chứng. Quả thực *Diệt Lòng Ham Muốn* tự có sức thuyết phục độc giả mạnh mẽ, vì nó là chơn lý.

Tựa đề *Diệt Lòng Ham Muốn* đã nêu rõ **chủ đề** của bài này. “Ham muốn” hay “lòng ham muốn” là lòng tham và lòng dục, là các tâm lý tìm cầu, chiếm hữu, hưởng dụng, đòi hỏi... Các đối tượng được ham muốn là các món làm thỏa mãn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Các tâm lý ham muốn có thiện, có bất thiện; các đối tượng ham muốn có thô, có tế. Nhưng dù là tâm lý nào hay đối tượng nào, thì bài này cũng đều dạy vượt qua hết để đến bậc Toàn Giác Tuyệt Đối, để sống trọn vẹn với ĐẠO.

Như thế, về mặt **tư tưởng**, *Diệt Lòng Ham Muốn* đạt đến 2 chữ “Viên mãn”. Xét về **nội dung**, *Diệt Lòng Ham Muốn* mang những nội dung sâu sắc, thực tiễn, chỉ với 1421 chữ đã nói thấu từ phạm cảnh đến Phật cảnh. So với *Kinh 42 Chương*, kinh đầu tiên được dịch ra tiếng Hán vào năm 67, với dụng ý giới thiệu tổng quát về Phật pháp trong buổi đầu truyền đến Trung Quốc, thì *Diệt Lòng Ham Muốn* có nội dung hẹp và chuyên hơn. Còn về **nghệ thuật**, *Diệt Lòng Ham Muốn* có văn phong sống động, trôi chảy; ngôn từ bình dị, sáng tỏ; bố cục rõ ràng, súc tích, rất dễ học thuộc lòng...

Trong Phật pháp, các đối tượng của lòng ham muốn

thường được gọi là “Trần”, căn bản gồm 6 trần là sắc chất, âm thanh, mùi hương, vị, món xúc chạm và pháp (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), được biến hiện thành muôn vàn món trong cuộc đời. Trong *Diệt Lòng Ham Muốn*, tác giả còn gọi những sự ham muốn là “**các tình dục**”, nói chung có 5 dục, 6 dục... đa phần là những khát khao thấp kém. Người đời thường say sưa trong 5 dục vọng: ham muốn tài sản, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống và ngủ nghỉ (tài, sắc, danh, thực, thù); hoặc có những nhu cầu tâm sinh lý tối thiểu để sống trong 5 dục trường dưỡng: hưởng dụng sắc chất, âm thanh, mùi hương, vị và món xúc chạm (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Từ 5 dục nói trên, ứng theo tâm chúng sanh có vô lượng tình dục. Ví như khi ở sau nhà kho của phú ông, anh Nô đã thật thà bày tỏ với cô Mầu:

Muốn sao khỏi đi ở đợ

Muốn giàu, lại thêm muốn “đợ”

Với lại muốn một lối con

Có ruộng đất chừng đôi mẫu

Cất lên độ 4 dẫy nhà

Muốn vịt, gà, bò, heo, dê, ngựa

Muốn sau mình trở thành triệu phú

Muốn con tôi đẹp giống cô Mầu!

Ít ỏi thay những ước muốn của anh Nô, phải chỉ anh chỉ ước một điều đầu tiên thôi! Chúng ta có nên khuyến khích anh nuôi dưỡng những niềm ước mơ để có động lực phấn đấu trong cuộc đời anh, hay chúng ta nên chỉ cho anh thấy cảnh đời ảo ảnh phù du? Những điều anh Nô ao ước khác nào là bã môi của Ma vương đem dụ thế nhân. Mãi hụp lặn trong dòng đời này, bao người đã đua đòi cần câu và tỏ ra những dấu hiệu đang bị tổn

thương, bệnh hoạn: mắt xao xuyên trước sắc, tai ngơ ngẩn vì thanh, mũi bối rối vì hương, lưỡi mê mẩn vì vị, thân say sưa xúc chạm, và ý loanh quanh trong những rừng tư tưởng... Thế nên ngài Huỳnh Phú Sổ đã kết luận bằng bài kệ nói về 6 dục như sau:

Mất thấy sắc thường hay bận bịu

Tai ưa nghe những điệu âm thanh,

Mất với tai đều chọn đẹp xinh

Còn lỗ mũi ưa mùi êm dịu

Đồ thơm tho nó ưa nó chịu

Chốn xạ hương hay lách lại gần,

Lưỡi ưa ngon và lời ân cần

Đồ ngọt béo nó tham, nó mến,

Thân tham sướng, muốn tiền của đến

Đặng ăn xài cho phỉ tẩm tình,

Ý thì lo sửa sắc soi hình

Với chúc phận cho cao, cho quý!

Sáu điều ấy ở trong tâm lý

Ta mau mau dứt nó cho rồi!

Cần phải diệt lòng ham muốn, chư Thánh nhân đều dạy như thế. *Diệt lòng ham muốn* là tu tập theo Đạo để từ bỏ, vượt qua, chấm dứt lòng ham muốn. Lộ trình giải thoát đã được chư Phật chỉ dạy là ta phải từ bỏ **đời sống nhục thể**, vượt qua luôn **đời sống tinh thần**, 2 đời sống trong phạm vi thân tâm 5 uẩn; để đến với một đời sống vô cùng an ổn, thanh thoi là **đời sống của chơn tâm**. Vậy ta cố gắng không chấp thủ thân tâm 5 uẩn nữa, mà tập sống với PHÁP THÂN biến mãn khắp càn khôn vũ trụ.

Trong Kinh Pháp Cú, đức Phật dạy:

Cỏ làm hại ruộng vườn

Tham làm hại người đời.

Bố thí người ly tham

Do vậy được lợi lớn.

Dứt bỏ lòng ham muốn là một tâm đức, là một bản lãnh sống, là một sự thành tựu cao cả. Do vậy ủng hộ người ly tham ta



cũng được thừa hưởng những phước lành lớn lao. Nhưng ủng hộ người khác diệt lòng ham muốn chi bằng chính ta làm điều đó? Quả thật chính mỗi người nên tự đón nhận hạnh phúc giải thoát nhiệm mầu, hơn là bỏ của cải và công sức ra để đổi lấy những phước lành hữu hạn nào đó...

Trong thế gian này, lòng ham muốn chi phối nhân sinh, khiến cho lắm kẻ mê say đắm đuối trong các tình dục, khiến cho bao người đảo điên thị phi và trở nên mù quáng, lâm cảnh nhà tan cửa nát, thân bại danh liệt, khổ đau tột cùng... Và nó cũng khiến nhiều kẻ trở nên chướng, hoặc là ngăn ngại không rõ chính mình đang muốn gì. Những người đó đã góp phần tạo ra sông thương biển nhớ trùng trùng ngàn sóng dữ trong cuộc đời:

Ái hà thiên xích lãng,
Khổ hải vạn trùng ba!
Sông thương ngàn thước nước,
Biển khổ muôn sóng tà!

Muốn qua khỏi biển khổ sông mê, hãy dùng *Diệt Lòng Ham Muốn* làm một chiếc thuyền vững chắc, tự đưa mình đến bến bờ và còn đưa đón được bao người khác đang hụp lặn, chơi với... Xét thấy ngày nay có nhiều người trẻ tuổi sớm từ già thân quyến lên đường giải thoát, nhưng hầu hết họ đều do túc duyên đưa đến đạo tràng, chứ không phải do giác ngộ khổ đế ở đời. Bổ sung cho điểm khuyết đó, *Diệt Lòng Ham Muốn* có thể mang lại cho Tăng, Ni trẻ những gợi ý, những nhận thức thiết thực về nhân quả thế gian. Rồi từ sự hiểu biết sâu sắc về cảnh đời, Tăng, Ni trẻ sẽ tự giác vun trồng nhân quả xuất thế gian cho họ theo như trong kinh đã dạy. Đây là những ích lợi của *Diệt Lòng Ham Muốn*.

Tìm hiểu *Diệt Lòng Ham*

Muốn, ta thấy bài này lấy **Tứ đế** làm sườn, triển khai theo chủ đề Diệt lòng ham muốn, nội dung trải từ thực tế cuộc sống của nhân loại cho đến chỗ tột cùng là Phật quả. Như vậy, *Diệt Lòng Ham Muốn* của Tổ sư Minh Đăng Quang biên tập đã vượt khỏi định kiến cho rằng Tứ đế là giáo lý Thanh Văn! Một lần nữa lời tuyên bố "*Việt Nam đạo Phật không có phân chia*" của Tổ sư đã được chứng minh bằng một bài cụ thể.

Và nếu xem kỹ, ta cũng sẽ thấy *Diệt Lòng Ham Muốn* chứa đựng những lời dạy sâu sắc và thực tiễn (*giáo*) được triển khai từ những đạo lý không ai có thể phủ nhận (*lý*), qua đó có cách tu hành (*hành*) để cuối cùng thành tựu được đạo quả (*quả*). Đây đủ **giáo – lý – hành – quả**, kinh này quả thực đã được biên tập rất bài bản! *Diệt Lòng Ham Muốn* có thể chia làm 3 phần theo nội dung như sau:

- **Phần 1:** Những câu dạy về lòng ham muốn: 10 câu đầu, trừ câu 5 (9 câu).

- **Phần 2:** Những câu gợi cách vượt qua: từ câu 11 đến câu 18 và câu 5 (9 câu).

- **Phần 3:** Hai câu mô tả quả chứng của đạo: 2 câu cuối.

Ba phần nội dung đã xác định này cũng chính là bố cục để phân tích trong những chương tiếp theo.

Tóm lại, học *Diệt Lòng Ham Muốn* cho thấu đáo khác nào chúng ta đã xem thấu tình đời, quán thông nhân thế. Điều này rất cần thiết cho tất cả những ai đang bươn chải trong kiếp nhân sinh. Có xem thấu tình đời người ta mới có được một sự giác ngộ cơ bản (*giác ngộ khổ đế*) để từ đó chuyển hóa tâm hồn và thăng hoa cuộc sống. Có quán thông nhân thế người ta mới có được một sự tự chủ cần thiết để xây dựng nên một bản lãnh sống an ổn trong xã hội phức tạp của loài người. Và đến mức tột đỉnh, khi đã rũ bỏ hết mọi điều ham muốn, tâm trở lại **YÊN LẶNG TỰ NHIÊN**, người ta trở thành Phật! Do những giá trị đã tìm hiểu và ghi nhận ở trên, *Diệt Lòng Ham Muốn* của Tổ sư Minh Đăng Quang biên tập nên được đưa vào giảng dạy chính quy trong chương trình Giáo dục Phổ thông của Phật giáo. ■



TÌNH TRẠNG THẤT NIỆM và cơ chế tự động lãng quên mặc định



● *Thuyết giảng: TT. TS. Thích Minh Thành - Phiên tả: Bùi Công Tiệp*

I. CÂU CHUYỆN DẪN NHẬP - HIỆN TRẠNG CỦA TÂM THỨC VÀ MỤC TIÊU CỦA CHÚNG TA

1. Câu chuyện con côn trùng có cánh: Có một con côn trùng bay nhả vào đám mạng nhện dày đặc, cánh bị rách nát, cả thân mình bị xây xát, càng vùng vẫy càng bị ràng buộc, cái chết là điều chắc chắn. Nó không nhận ra điều đó nên tiếp tục vùng vẫy, tiếp tục đập cái cánh đã bị gãy. Nó vắt hết sức để vùng vẫy, để đập cái cánh gãy sát vai. Một hồi sau, nó kiệt lực. Nằm im. Nó không nhận ra thực trạng của nó nên tiếp tục vùng vẫy, tiếp tục đập cái cánh đã bị gãy. Nó lại vắt hết sức để vùng vẫy để đập cánh. Rồi lại kiệt lực. Nằm im. Câu chuyện đơn điệu và buồn tẻ như vậy cứ tiếp diễn từ giờ này sang giờ khác. Sống vô vọng như vậy thật lâu mà con côn trùng vẫn không nhận ra thực trạng của nó đang như thế nào nên nó tiếp tục vùng vẫy, tiếp tục đập cái cánh đã bị gãy. Kiệt lực. Nằm im. Cứ như vậy nó lặp đi lặp lại cả đêm cho

đến khi chết hẳn, chết một cách nhọc nhằn, vô vọng.

Thật ra, tất cả đều hoạt động theo cơ chế tự động vận hành một cách mặc định. Bản thân con côn trùng không vận hành, chỉ có bản năng sinh tồn đang vận hành mà thôi. Con côn trùng không có nhận thức, không có ý chí, không chủ động vận hành. Chỉ thuần túy là bản năng. Con người phải khác. Con người cũng có cơ chế tự động vận hành mặc định nhưng cũng có cơ chế chủ động vận hành, chủ động mặc định trở lại. Con người cũng có bản năng sinh tồn nhưng cũng có ý thức về sự tính cách tự động u mê của bản năng sinh tồn. Con người có nhận thức, có ý chí, và có khả năng chủ động đối với cuộc sống của mình. Con đường đạo chính là nhận ra điều này và triển khai điều này.

2. Câu chuyện đĩa DVD phim truyện bị lỗi track: Thực tại theo nhà Phật là cái mà chúng ta đang thấy trước mắt, cái mà chúng ta đang nghe, ngửi, nếm, tiếp xúc, cảm xúc. Thực tại luôn có tính chất

hiện thời, ở đây và bây giờ. Cái gì đã xảy ra hay sẽ xảy ra không phải là thực tại đúng nghĩa. Thực tại đúng nghĩa là cái đang diễn bày, đang xảy ra, đang có mặt. Thực tại là cái mà ta đang tiếp xúc, đang trải nghiệm, đó chính là đời sống của ta, thậm chí là chính ta theo nghĩa rộng.

Đời sống hàng ngày của một người bình thường phần lớn nằm trong trạng thái lãng quên. Trạng thái này gần như là một cơ chế mặc định. Cơ chế này cản trở người ta tiếp xúc với thực tại ngay đây và bây giờ, tức là tiếp xúc với giây phút này của đời sống mà ta hiện giờ đang sống. Tiếp xúc ở đây cần phải hiểu là tiếp xúc một cách trực tiếp. Đối với người tu thì tiếp xúc một cách trực tiếp với cái thực tại là điều quan trọng. Trong nhà thiền tiếp xúc gián tiếp không phải là tiếp xúc. Cái gì cản trở sự tiếp xúc trực tiếp?

Cái gì ngăn cách? Thuật ngữ gọi cái đó là vọng tưởng. Phải, chính vọng tưởng ngăn cách con người với thực tại. Để minh họa



loại vọng tưởng ngăn cách này có thể dùng hình ảnh một bộ phim thu trong DVD bị lỗi “hai lớp chồng lên nhau”: Lớp bị che mờ là bản thân của phim truyện đang diễn ra, lớp che chắn là câu chuyện bàn bạc giữa đạo diễn và giám đốc sản xuất. Bản thân của phim (lớp thứ nhất) ví cho thực tại hiện tiền, lời bình luận của đạo diễn và giám đốc sản xuất (lớp chồng lên) ví cho cái ngăn cách.

3. Xác định lần ranh hay phạm vi của bi kịch và xác định lối thoát: Con người khi tiếp xúc một sự kiện hay sự vật liên tục lượng giá hay nhận định, phê phán hay cân nhắc, tất cả thể hiện bằng những lời thì thầm, lao xao trong tâm thức: đẹp quá, xấu quá, hay à, dở tệ, phải chi mà..., đúng ra..., lẽ ra.... Theo nhà thiền thì mọi sự kiện hay sự vật đều như vậy (như thị), đều là thực tại như thế. Khởi tâm đẹp xấu, hay dở, đều bị xem là vọng tưởng, vọng tưởng thì có tác dụng ngăn cách con người với cái thực tại ngay đây và bây giờ. Nói kỹ hơn, trong ví dụ nêu ở trên, đạo diễn và giám đốc sản xuất chỉ là hai tiếng nói của hai người có tri thức và có một chuẩn mực nhất định trong khi bàn luận; ngược lại, trong thế giới vọng tưởng thì lao xao rất nhiều tiếng nói, rất bất nháo và hầu như không có chuẩn mực gì cả. Ý kiến nào, tiếng nói nào cũng cố chen vào nói to hơn để giành vị trí quan trọng nhất. Nhà thiền gọi đó là thất niệm. Như vậy vấn đề ở đây không phải ở chỗ tâm thức không tham gia vào cuộc sống mà ở chỗ khó giữ được trạng thái tỉnh thức, khó giữ được trạng thái chú ý đối với những gì mà chúng ta đang có ngay phút giây đang diễn ra. Tóm lại, khó tham gia đầy đủ với giây phút đang có.

Công việc cốt lõi của người tu thiền là nhẹ nhàng lèo lái để chuyển hướng chính sự thất niệm đó trở về chánh niệm, chuyển



hướng cơ chế lãng quên mặc định đó trở về trạng thái tỉnh thức. Tức là, thiết lập dần dần một mặc định mới: cơ chế tỉnh thức. Có tỉnh thức mới có thể tham gia với giây phút đang có mặt một cách đầy đủ, mới có sự sống đúng nghĩa.

II. TÂM THỨC LÀ GÌ? AI LÀ CHỦ CỦA TÂM THỨC? AI BIẾT NỘI DUNG CỦA TÂM THỨC?

1. Tâm thức hay lòng dạ là gì: Trước hết chúng ta thử định nghĩa xem tâm thức là gì? Về mặt ngữ nghĩa, tâm thức là một khái niệm khó mà định nghĩa cho rạch ròi, khó nắm bắt cho gọn gàng, nhưng trong thực tế khi nghe ai nói đến tâm thức thì theo trực giác thông thường chúng ta liền hiểu đại khái người đó đang nói về cái gì. Trải qua bao thế kỷ những nhà thần học, triết học, tâm lý học, những nhà tư tưởng đưa ra nhiều định nghĩa tâm thức khác nhau, cho rằng tâm thức là tổ hợp bao gồm những chức năng như nhận thức, ký ức, cảm giác, cảm nhận, tưởng tượng, chí hướng, luận lý... hay một cái gì đó điều phối tất cả hoạt động trong não bộ của con người.

Cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa thuyết phục được đại đa số chấp nhận. Ở đây chúng ta tạm dùng cách diễn đạt của Marvin Minsky, một khoa học gia chuyên về nhận thức học, cho rằng tâm thức là một “xã hội” mà thành viên là mỗi một trong những chức năng trên. Chúng ta hãy chấp nhận cách định nghĩa mông lung bao quát như vậy và sẽ dần dần nhận ra giá trị của cách định nghĩa này.

2. Ai là chủ của tâm thức: Kế tiếp, chúng ta sử dụng cách nhìn thông thường để xem ai là chủ của tâm thức. Rất bình thường và rất rõ ràng, tâm thức nằm trong thân thể của ai thì của người đó, không lẫn lộn được. Tâm thức của tôi là của tôi, không phải của bạn hay của một người nào khác. Cũng vậy, tâm thức của bạn là của bạn, không phải của tôi hay của ai khác.

3. Ai biết nội dung của tâm thức và tâm thức là gì:

(a) Chính ta: Không ai mở cửa đi vào được tâm thức của bạn để biết được trong đó đang chứa đựng ý nghĩ hay ý tưởng gì, trừ khi bạn nói ra rằng bạn đang nghĩ gì, đang

có những ý tưởng như thế nào. Thật sự mà nói, không ai đọc được dòng ý tưởng mà bạn có trong đầu, có chăng, người ta chỉ suy đoán trạng thái tâm lý của bạn khi nhìn những biểu hiện bên ngoài như nét mặt, cử chỉ, ánh mắt...

(b) Những nhà khoa học và những thế lực siêu hình: Hai thế lực khác đường như đối nghịch với nhau nhưng đều muốn xâm nhập vào tâm thức của bạn và tác động vào chủ quyền của bạn đối với tâm thức. Đó là các nhà khoa học về thần kinh và các thế lực siêu hình. Với các máy móc tinh tế ngày nay, những nhà khoa học có thể chụp hình cắt lớp, quay phim điện não, qua đó theo dõi sự hoạt động của não bộ nhưng (rất may!?) vẫn không thể biết được trong đầu bạn đang nghĩ điều gì, có những ý tưởng gì và cảm giác như thế nào. Thế lực thứ hai mang tính siêu hình và mơ hồ biểu hiện qua nhiều câu chuyện về hồn ma xâm nhập vào tâm thức của một người và chiếm quyền điều khiển. May thay, hiện tượng ma nhập hay ma ám chỉ là trường hợp cá biệt hay nhất thời, tuyệt đại đa số chúng ta có một tâm thức bình thường.

4. Theo cảm thức của ta thì tâm thức là cái lõi của bản thân:

Qua những điều trình bày ở trên, chúng ta mặc nhiên thấy rằng mình làm chủ tâm thức và nắm quyền điều khiển tâm thức của mình. Chúng ta cũng có cảm thức rằng tâm thức là cái lõi của bản thân, là tâm điểm, là người chủ, "nó chính là ta" chứ không phải thân xác. Thực tế mà nói, tâm thức của chúng ta là một cảnh giới riêng tư nhất. Thân thể của chúng ta có thể bị các máy móc phi thường, các máy xét nghiệm y khoa hay tia X quang soi mói nên độ "bí mật" giảm dần, hơn nữa thân thể có thể bị thay thế bộ phận này hay bộ phận khác nên dễ mang tính lắp ráp và thiếu tính thuần nhất. Trong khi tâm thức thì chưa bị như

vậy, rất thuần nhất, rất riêng tư và vô cùng quan trọng; tâm thức có tính cách cốt lõi nhất và sâu thẳm nhất của con người nên chúng ta có khuynh hướng đồng nhất cá nhân mình với tâm thức. Siêu hình hơn một chút, chúng ta xem tâm thức chính là mình, là tự thể của mình, tự ngã của mình; còn thân thể chỉ là phần vỏ, phần phụ thuộc ở bên ngoài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hồi 80 tuổi cũng từng ví von thân thể là chiếc xe đã mòn mỏi, rã rời. Xin nhắc, ví von chỉ là ví von mà thôi. Và, hình như tâm thức có tính chất bền bỉ hơn khi nó có thể đi xuyên qua nhiều kiếp sống như trong câu Kinh Pháp Cú: *"Lang thang bao kiếp sống/ Ta tìm nhưng không gặp..."* Trong thực tế, chúng ta không chỉ nghĩ rằng chúng ta có tâm thức mà còn nghĩ rằng cái cốt lõi của con người chúng ta chính là tâm thức, thậm chí đồng nhất ta với tâm thức, ta với tâm thức là một.

5. Vị trí cụ thể của tâm thức trong thân thể đầu não trung khu và mối liên hệ tâm-thân:

Tâm thức chúng ta hầu như kết chặt với thân thể, thân ta ở đâu thì tâm thức ở đó. Một người bị tai nạn cửa một chân, hai chân, một tay, hai tay, một vành tai hay một phần bụng, một phần ngực, một bộ phận nào trong nội tạng, cụ thể như cắt một trái thận cho người khác thì tâm thức vẫn ở với phần nào có cái đầu. Nói chi tiết hơn thì tâm thức ở với bộ não. Khi thân thể chúng ta di chuyển đến đâu, thông thường tâm thức theo đến đó. Chỉ khi nào chúng ta say thuốc, say rượu hay hôn mê thì dường như mối dây liên hệ giữa thân thể và tâm thức bị tác động, bị chuyển biến. Một lượng ca phê thấm vào thân thể làm cho tâm thức tỉnh táo, một lượng cồn thấm vào thân thể làm cho tâm thức chậm chạp, điều thiết giữa thân thể và tâm thức. Nói chung, mối liên hệ là như vậy

nhưng để nhận ra và xác định những tính chất của mối liên hệ này thì hàng mấy thiên niên kỷ vừa qua những bộ óc tốt nhất của con người vẫn còn mày mò, dò dẫm.

III. THỰC TRẠNG VÀ NHÂN QUẢ CỦA THỰC TRẠNG

1. Thực trạng:

Mặc dầu chúng ta biết sự quan trọng của tâm thức, chúng ta biết mối dây liên hệ giữa tâm thức và thân thể nhưng đa số chúng ta không thật sự thấu hiểu tâm thức và sử dụng tốt nhất tâm thức của mình. Chúng ta không dành thời gian để quan sát tâm thức. Chúng ta có cảm nhận chung chung về vui buồn trong tâm thức, ý tưởng này, ý tưởng khác trong tâm thức, nhưng chúng ta ít khi tỉnh táo nhận ra phương thức mà tâm thức đang vận hành như thế nào. Hãy dừng mọi hoạt động lại để xem thử đâu là duyên do hay điểm xuất phát của một ý tưởng cụ thể nào đó, hay đâu là nguyên cơ sâu xa đầu nguồn của một ý tưởng cứ lảng vảng trong đầu. Hãy thử giải thích tại sao ở phút trước bạn tỉnh táo nhận thấy một cách khá sâu sắc sự phù phiếm của kiếp sống, phút trước bạn thâm trầm và minh triết chỉ một phút sau đó tâm thức của bạn lại bận rộn tranh luận hời hợt về nội dung chương trình truyền hình tối hôm nay. Khó mà giải thích thỏa đáng tại sao một phút trước tâm thức có nội dung khác, một phút sau tâm thức có nội dung hoàn toàn khác.

2. Nhân là bỏ rơi hay lãng quên, quả là cơ chế tự động quá đà:

Câu trả lời trung thực sẽ phải ngập ngừng chỉ vì hàng ngày bạn thiếu sự chú ý đến dòng chuyển biến của tâm thức. Nhìn lại khoảng thời gian 24 giờ của một ngày bình thường xem. Bạn có mặt để chứng kiến trực tiếp tò tường từng giờ từng giờ trôi qua cuộc đời của bạn hay không? Hay ngược lại, từng giờ trôi qua như ở trước



mắt bạn mà bạn không nhận ra, chúng trôi qua mắt hồi nào mình không hay, chúng trôi qua mắt trong sự lãng quên. Bạn không thực sự có mặt trong từng giờ đang trôi qua. Thông thường một ngày của bạn tự động trôi qua theo một vòng tròn đã định hình, một chương trình với thời biểu đã thiết kế sẵn: Thức dậy, vệ sinh, đi làm... chiều về tắm rửa, ăn tối, xem tin tức hay văn nghệ, đi ngủ. Tất cả chạy vòng tròn theo thói quen cố hữu, lối mòn cố hữu. Lặp đi lặp lại theo vòng tròn của chiếc kim đồng hồ quay quay mỗi ngày. Một ngày của bạn cứ thế mà trôi đi như chiếc phi cơ đang bay theo chế độ tự động không cần sự có mặt can dự của viên phi công. Tương tự như vậy, cuộc đời của bạn tự động vận hành và bạn không thực sự có mặt trong chính cuộc đời của mình. Thật ra, tính chất tự động hay thói quen cũng có mặt tích cực vì nó để cho tâm ý của bạn thành thoi, khỏi phải bận tâm khi làm những việc cố định hàng ngày. Nhờ chương trình đã thiết kế nên bạn không cần phải hao công động não tính toán thiệt hơn lợi hại để đi đến quyết định thực hiện việc đánh răng và rửa mặt. Chúng ta cứ làm những chuyện này mà không cần cân nhắc, làm hay không làm.

3. Có lợi thế từ cơ chế tự động và sử dụng nó một cách bất lợi:

Thế nhưng, mỗi khi thói quen giúp cho tâm ý tự do thông thả thì chúng ta lại không biết sử dụng hiệu quả cái khoảng rảnh rang đó. Một khi được tự do thì lập tức tâm ý bị kéo vào hai cảnh giới, hoặc là quá khứ hoặc là tương lai. Nếu bạn không tin điều này, xin để nghị bạn làm một bài tập nhỏ: Dừng lại việc đang làm, ngồi yên trên một cái ghế, và để tâm ý tự do đi đâu mà nó muốn; cố gắng để ý tới dòng tâm thức. Như đa số mọi người, bạn sẽ thấy bạn đang “ở” trong quá khứ, có thể đó là một cuộc nói



chuyện mà bạn đã không thể hiện được hết năng lực thật sự như bạn muốn, có thể bạn đang “ở” tương lai với những sắp xếp, lo toan về một bữa ăn, một cuộc gặp mặt nào đó. Tâm thức của bạn hàng ngày như con thoi xuôi ngược giữa hai đầu mút, quá khứ và tương lai. Và điều cần nói ở đây là, tâm ý của bạn lãng tránh hiện tại đến mức tối đa mà nó có thể lãng tránh được. Nếu bạn chú ý đến dòng chuyển biến thông thường của tâm thức thì bạn sẽ thấy nó ít khi, rất ít khi, chịu “ở” giây phút hiện tại.

4. Ta thấy gì khi ta có mặt trong giây phút hiện tại - Tâm trạng của một viên chức:

Ngay cả khi bạn chú ý vào giây phút hiện tại, bạn có thể khám phá ra rằng những gì tâm ý bạn nhào nặn ra đều không xứng đáng. Hầu hết tâm ý chúng ta đều tuôn ra những nhận xét, đánh giá, phê phán về cái đang thấy, đang nghe, đang trải nghiệm. Hãy tưởng tượng bạn đang ngồi trong một buổi họp và đang cố gắng tránh việc để tâm ý tự do trôi vào trong quá khứ hay giống ruồi vào

trong tương lai. Bạn đang chú ý nghe những lời đang nói. Nếu bạn quan sát tâm ý cận kề hơn thông thường bạn sẽ thấy bạn không hoàn toàn chú ý tới nội dung của những lời mà người nào đó đang nói. Ô, phải rồi, quả thật là không chú ý hoàn toàn mà chỉ chú ý một phần nửa thôi. Mong là được như vậy. Hơn phân nửa tâm ý còn lại của bạn đang rất hăng say nhận xét, đánh giá, phán định. Đối tượng mà bạn nhận xét đánh giá nhiều khi không phải là nội dung chính của lời nói mà là những thứ vòng ngoài râu ria như lời đó được nói như thế nào, ai nói... Bạn có thể đang nhìn thấy mái tóc của người ngồi bên kia bàn không chỉnh chu, cái cà vạt không hợp với màu áo hay vị thứ của người mặc...

Bạn lại nhận định người điều hành cuộc họp có nét mặt hấp tấp và giọng nói hơi khàn. Thành linh bạn thấy rằng từ đầu cuộc họp đến giờ bạn chưa nói câu nào. Sợ bị “hạ bậc” tâm trí bạn lao xao tìm kiếm cái gì đó để phát biểu. Nói cái gì nhỉ? Nói cái gì để có nét đây? Nói cái gì để có thể để lại nơi người

nghe một ấn tượng tốt, ít nhất là không đến nỗi tệ? Không khí buổi họp có vẻ nghiêm trọng quá, nói cái gì để hóm hình một tí và dẫn bầu không khí ra? Nếu dòng ý tưởng lan man không ngừng như trong trạng thái bán ý thức hay vô thức thì cuối cùng bạn rơi vào nỗi lo âu cũ kỹ: Nếu không có gì hay ho để nói thì mọi người sẽ đánh giá bạn kém, bạn tỏ ra không có cái năng lực mà mọi người nghĩ là bạn có. Cũng một cách bán ý thức bạn lảng tránh ý tưởng tiêu cực, bất chợt đánh giá rằng cái bà ngồi bên kia bàn đầu có gì hơn bạn, gương mặt bạn trông trí thức hơn, ít nhất cũng không đến nỗi tệ.Ồ, có đúng là không đến nỗi tệ? Chắc gì. Bạn cũng thấy giọng nói của bạn không đến nỗi khàn như ông kia. Thế là bạn vui vẻ vì những nhận xét nửa tỉnh nửa mê đó. Bạn len lén nhìn đồng hồ để xem bạn phải chịu đựng tình cảnh này bao lâu nữa. Cả buổi họp là một cái gì đó không thoải mái, thậm chí là một áp lực. Tâm trí đang lơ mơ bỗng lóe lên:Ồ, tối nay kênh VTV3 có chương trình gì nên xem nhỉ?

5. Bài học rút ra từ câu chuyện vị viên chức - Nỗi bất lực của chúng ta:

Hoạt cảnh tâm thức trên đây khai gọi cho chúng ta thấy rằng chúng ta không thật sự "cầm lái" cái tâm thức của chúng ta dù chúng ta đang muốn suy tư về điều gì đi nữa, thiêng liêng hay phạm tục. Cụ thể hơn, chúng ta không thể "tắt máy"; không phải lúc nào chúng ta cũng có thể điều khiển những tâm thức làm cái mà chúng ta muốn chúng làm. Những thứ như phán xét, suy tưởng, xúc cảm... dường như tự ý trào lên một cách tự phát và tự động theo cách mà chúng ta không muốn. Đáng lẽ ta điều khiển tâm thức, thế mà dường như tâm thức đang điều khiển chúng ta. Những tâm thức lôi kéo, thúc đẩy, xúi giục chúng ta theo hướng mà chúng cho là phù

hợp. Hình tượng có thể dùng để diễn đạt tình cảnh này là một cảnh trong lễ hội Fair and Rodeo hàng năm tại trung tâm Texas; nơi mà những người chăn bò tội nghiệp lỏng chổng trên lưng của một con ngựa bronco hoang dại, đang cố níu bằng một tay vào cái dây cũng lỏng lỏng để giữ lấy cái mạng sống quý giá của mình khi con thú vật này được tung vào diễn trường. Hình tượng khác có thể dùng để diễn đạt là đứa trẻ trên lưng con trâu hoang dã. Môi liên hệ giữa ta và tâm thức tương tự như vậy. Chúng ta là những người đang cố khống chế con thú hoang tâm thức và bị nó lôi kéo theo hướng mà nó chọn. Kết quả là những cú hất ngược liên tục, ta phải chịu đựng những cú xóc xoay lên treo lưng và những cú dằn xéo xuống lệch hướng của con thú hoang này.

IV. TÍNH NGHIÊM TRỌNG CỦA VIỆC ĐỂ TÂM HOANG DÃ - SỰ MAY MẮN TÌNH CỜ VÀ PHẠM VI CỦA MAY MẮN

1. Tính nghiêm trọng:

Trong tình trạng mất tinh thức nhiều khi người ta phải trả giá nặng nề, nhiều khi là rất nặng nề. Nói theo kiểu thông tục, sống với những cái nội dung của tâm thức mà chúng ta không nắm bắt được, chúng ta lơ mơ bán ý thức về chúng, và những nội dung của tâm thức vượt ngoài tâm kiểm soát của chúng ta thì thường xuyên chúng ta tạo ra cho chính mình và những người chung quanh những nỗi khổ niềm đau. Nhiều lắm, nhiều hơn chúng ta nghĩ.

Là vị hiểu tâm thức rõ hơn chúng ta, Đức Phật đã nói rằng:

"Kẻ thù hại kẻ thù

Oan gia hại oan gia

Không bằng tâm hướng tà

Gây hại cho tự thân" (PC.42)

Để chúng ta cùng nghe lại một lần nữa lời Phật dạy, chúng tôi xin lặp lại câu trên theo thể tứ ngôn:

Thù hại kẻ thù

Oan gia kết oán

Tâm hướng ác tà

Vô cùng tai nạn.

Xin lặp lại câu trên một lần nữa theo thể lục bát, chúng ta hãy cùng thưởng thức:

"Kẻ thù hiểm hại kẻ thù

Oan gia chước hiểm báo cừu oan gia

Ghê hơn, tâm hướng ác tà

Vạn lần nguy khốn cho ta, cho người.

Như vậy, không có gì khó hiểu khi không kiểm chế được một tâm thức loạn động, người ta thường cố gắng làm nó tan biến đi, cầm miệng đi, bằng các loại hình giải trí, vui chơi, kịch nghệ, xiếc hay thể thao, thậm chí vận dụng đến những loại dược chất nguy hại. Không khống chế được những con thú hoang trong nội dung của tâm thức thì người ta hay làm cho chúng mù đi, què quặt hay bại xụi đi. Cũng chẳng có gì khó hiểu khi quá tuyệt vọng hành động cùng quần sau cùng để thoát khỏi sự bế tắc vì những con cuồng loạn trong tâm thức là tự kết liễu cuộc sống. Và cũng chẳng có gì khó hiểu, hầu hết những trường hợp dùng súng thì nòng súng được đưa lên nhắm đến trụ sở của tâm thức là bộ não để xiết cò. Giá cả cho việc thả rông hay thả tự do những con thú trong tâm thức hay còn gọi là sống không tinh thức, không rẻ chút nào, nếu không nói là quá đáng.

2. Sự may mắn tình cờ và phạm vi của may mắn:

Ngồi đây là chúng ta may mắn, tâm thức chúng ta không hoành hành và bung xung đến mức làm cho chúng ta bế tắc và tuyệt vọng cực độ như vậy. Tuy nhiên, hầu hết mỗi người trong chúng ta đều từng là nạn nhân của những hậu quả hay hệ lụy mà một tâm thức mạnh mẽ nhưng thiếu chấn dất tạo nên. Thi thoảng chúng ta thấy mình đang đãi đằng thù tạc với những ý tưởng không lành mạnh trong đời sống của chúng ta. Thình thoảng chúng ta



thấy mình đánh giá một cách chớp nhoáng một ai đó dựa trên những thông tin vụn vặt nhất, thật sự chúng ta đã nhào nặn ra những cái sai trái rồi chúng ta vin vào đó. Thường xuyên chúng ta so sánh bản thân mình với người khác, so sánh luôn luôn đưa đến nỗi buồn phiền dù là hơn dù là kém. Tất cả những việc làm thiếu tinh thức ở trên và nhiều việc khác nữa đã và đang đưa đẩy chúng ta trong một cuộc sống mơ hồ và nhiều ảo vọng. Dòng đời của chúng ta vì vậy mà thường chảy dọc hay loanh quanh gần miệng hố của những nỗi khổ đau, những cơn phiền não.

V. CON ĐƯỜNG ĐẠO MỞ RA

1. Đa số đang mịt mù tìm kiếm:

Chúng ta cảm nhận rằng những nỗi khổ đau, những cơn phiền não, đang chờ sẵn đâu đây nơi những khúc quanh trong cuộc đời của chúng ta. Trước đây chúng ta từng trải nghiệm và tới đây có lẽ chúng vẫn còn chờ đợi chúng ta. Những cảm nhận lặp đi lặp lại như vậy đã thôi thúc chúng ta tìm cách trốn thoát. Không may cho chúng ta, trong tâm thức của chúng ta đã mặc định sẵn tự bao giờ những phương thức xoa dịu khổ đau không hiệu quả, thiếu lành mạnh. Đặc biệt trong một xã hội hiện đại hóa theo kiểu phương Tây, đa số con người đã tìm cách làm dịu mức độ khổ đau bằng các loại dược chất tai hại, bằng những trò tiêu khiển không lành mạnh, bằng một nếp sống bận rộn cực độ, suốt năm dài tháng rộng chỉ có công việc và công việc, bằng những chuyến đi mua sắm hết ngày hết tháng, bằng việc đáp ứng những nhu cầu và tìm thêm nhu cầu để đáp ứng, bằng hàng loạt những tiếng đồng hồ lang thang trên mạng toàn cầu. Nền văn hóa hiện đại phần lớn có thể đáp ứng như là nơi trú ẩn cho những cá nhân con



người đang tìm kiếm an ổn và thỏa ý cho cuộc sống. Thế mà người viết chưa từng gặp một cá nhân nào nói rằng nhào vào những cách đã nêu ở trên mà đã tìm thấy sự thỏa mãn thật sự. Thế mà đại đa số con người vẫn tiếp tục sử dụng những cách như vậy, vẫn tiếp tục cuộc truy tìm hạnh phúc một cách ráo riết, lẫn xả và vẫn dồn dập khôn nguôi.

Người ta vẫn tiếp tục tin tưởng vào những cách như vậy, tin tưởng rằng đương nhiên phải tìm ở đâu đó ở đằng kia hay đằng nọ, đương nhiên nơi ấy có một cái gì đó để xoa dịu nỗi khổ niềm đau của cuộc sống. Sự tin tưởng như vậy phổ biến đến nỗi thật hiếm khi chúng ta nghĩ rằng có một phương thức khác. Thay vì để cho các bạn tiếp tục công cuộc truy tìm hạnh phúc bằng những phương thức thông thường và không hiệu quả, và thường khi phản tác dụng, những bài giảng ở đây cung ứng cho các bạn một phương thức khác.

2. Con đường sáng hay con đường đạo mở ra:

Con đường sáng ở đây tức là

con đường đạo. Con đường đạo tức là con đường Thực tập sống tinh thức, con đường này được thiết lập dựa trên nền tảng xác tín căn bản rằng chúng ta không nhất thiết phải sống theo tính khí khi vậy khi khác của một cái tâm hoang dại và buông thả. Điều này có nghĩa là chúng ta có thể chinh phục tâm, rèn luyện tâm, để có một cái tâm lành mạnh. Từ tâm lành mạnh sẽ sinh ra những ý tưởng lành mạnh, góp phần cho trạng thái lành mạnh của bản thân và trạng thái lành mạnh của thế giới. Thật sự, chúng ta có thể trui rèn nên những công năng hầu như mới của tâm thức, những công năng này sẽ triệt tiêu, sẽ loại trừ tính chất vừa tỉnh vừa mê, tính chất bị kích động, bị trôi dạt ra khỏi cuộc sống của chúng ta. Dĩ nhiên là không dễ nhưng cũng không phải là khó. Dễ hay khó là do có kiên trì hay không có kiên trì.

Điều xác tín căn bản ở trên dẫn đến điều xác tín kế tiếp rằng những chức năng trong tâm thức của chúng ta là những thực thể có thể uốn nắn được. Những chức

năng này có tính chuyển động, có thể được định hình theo mẫu mà chúng ta chọn lựa. Nói cách khác, tâm thức của chúng ta thật ra cũng là một pháp do duyên khởi mà có mặt.

3. Tập để của trạng thái tâm lý mà chúng ta đang có -- nghiệp mà không nhất thiết phải tin có tái sinh:

Tại sao tâm thức của chúng ta lại rơi vào tình trạng man dại như hiện tại mà nhiều người trong chúng ta đã nhận ra? Có thể rằng chúng ta được sinh ra với những tính cách khác nhau trong cách hành động và trong cách suy nghĩ. Nhiều tín đồ Ba-la môn, Phật giáo và Kỳ na giáo nghiệp lực đã tác động mạnh mẽ trạng thái tâm lý của chúng ta khi mới sinh. Nghiệp được định nghĩa là những ý nghĩ, lời nói và việc làm mà chúng ta đã thực hiện trong quá khứ. Thật sự mà nói, bạn không cần phải thừa nhận lý thuyết luân hồi tái sinh mới có thể chấp nhận nguyên lý vận hành âm thầm của nghiệp. Chủ yếu, ý tưởng về nghiệp gợi lên nhận thức rằng cách mà chúng ta sống trong hiện tại kế thừa cách mà chúng ta đã suy nghĩ và hành động trong quá khứ tính cho tới giây khắc vừa qua. Tóm lại, đời sống của ta đang sống dựa trên cách mà chúng ta và những người khác đã sống như thế nào. Nói theo cách thông thường chúng ta chịu sự điều phối hay tác duyên của chính chúng ta, những người khác, những yếu tố khác. Nguyên lý vận hành của đời sống là như vậy dù chúng ta tin rằng tiến trình duyên khởi bắt đầu từ vô lượng kiếp hay tin rằng tiến trình duyên khởi chỉ mới bắt đầu trong kiếp này, từ lúc chúng ta mới sinh, thậm chí từ khi trứng mới thụ tinh.

Thuật ngữ "tác duyên" là một thuật ngữ rất hữu dụng để miêu tả tiến trình này. Hãy nghĩ về tác dụng của tác duyên như tác dụng của việc chúng ta tới lui phòng tập thể

dục để có cơ bắp hay để có khí lực. Mỗi lần bạn đưa tập cử tạ hay đi trên máy là mỗi lần cơ thể của bạn ứng đối thích hợp để nó có thể cử tạ hay đi trên máy dễ dàng hơn một chút trong lần sau. Bạn càng cố gắng luyện tập thì những việc đó càng trở nên dễ dàng, cho đến khi bạn không cần cố gắng chút nào nữa mà vẫn làm được. Trải qua thời gian sức mạnh của quán tính và tác duyên của việc thu nạp khí lực sẽ dần dần chuyển hóa đáng kể cơ thể của bạn. Loại tiến trình tương tự sẽ xảy ra đối với tâm thức của bạn. Quán tính trong suy nghĩ sẽ quyết định mà chúng ta sẽ suy nghĩ điều gì, cảm giác như thế nào, và nhận thức ra sao. Bạn càng đáp ứng một ý tưởng cụ thể hay một loại ý tưởng nào thì tâm thức của bạn có xu hướng sản sinh ra những ý tưởng mang cùng loại.

4. Thế lực của nghiệp và khoảng trống nhỏ để con đường đạo có thể mở ra:

Tiến trình tác duyên đối với tâm thức mạnh mẽ đến độ có những khi toàn bộ hoạt động của bộ não hoàn toàn bị những yếu tố của cơ cấu sinh lý hay những yếu tố của môi trường trưởng thành quyết định. Nhưng trong khi triển khai đề tài này tôi đứng trên lập trường cho rằng chúng ta có một sức mạnh hay năng lực nhỏ thôi nhưng vô cùng quan trọng. Đó là năng lực chuyển hướng tâm thức. Chính sự chuyển hướng này giúp cho chúng ta tái tác duyên tâm thức của mình. Tâm thức của chúng ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi quá khứ nhưng không phải là hoàn toàn bị quyết định bởi quá khứ. Không có một cái định mệnh được quá khứ viết ra cho tâm thức.

Nói theo ngôn ngữ triết học, phần lớn thân phận của chúng ta đã được quyết định nhưng phần nhỏ còn lại thì chúng ta vẫn còn một chút tự do chọn lựa. Tuy nhiên, chút tự do chọn lựa ở đây không phải là một cái gì đó được

trao tặng cho chúng ta, cũng không phải là một cái gì đó có sẵn trong cơ cấu tâm vật lý của chúng ta. Tự do chọn lựa ở đây là một thứ mà chúng ta phải rèn luyện và phát huy. Không rèn luyện và phát triển chút tự do chọn lựa này thì chúng ta không có sức đề kháng, không có khả năng hành động và suy nghĩ một cách tự do. Mục tiêu hậu của loạt bài này là giúp các bạn tăng cường mức độ tự do của các bạn ngang qua việc thực tập sử dụng nó.

5. Giới thiệu tính cách của loạt bài đang triển khai:

(a) Vấn đề phấn khích và bài tập về nhà:

Bài giảng này không giống như hầu hết những bài giảng khác mà các bạn đã học. Những bài giảng khác có mục đích kích khởi, làm phấn khích tâm thức của bạn. Làm cho tâm thức phấn chấn là việc làm có ích lợi ở nhiều trường hợp nhưng loạt bài này không có ý hướng đó. Loạt bài này lại được thiết kế cho những người, những trường hợp tâm thức đã phấn khích, bị kích thích quá độ và có nhu cầu làm giảm xuống, lắng đọng xuống độ xung động của trí não. Các bạn sẽ thấy loạt bài này hướng đến pháp hành. Các bạn cũng sẽ thấy trong loạt bài này yếu tố thực tập nổi trội trong khi phần lý thuyết thì nhẹ nhàng hơn. Học một cách có bài bản thì phải có phần bài tập về nhà hay bài kiểm tra tại lớp nhưng ở đây cả hai loại đó đều không phải là bài viết, chính đời sống hàng ngày của người học sẽ viết lên bài tập và cũng là kết quả của bài kiểm tra. Tổng số điểm cho toàn khóa học sẽ do người học tự cân nhắc và viết xuống cho mình. Thật ra chỉ có người học mới tiếp xúc được tâm thức của mình và mới biết được thành quả như thế nào. Những tuệ giác mà người học có được chủ yếu là do người học tự khám phá nơi tự thân của mình.



(b) Yêu cầu và phương thức:

Sẽ có những bài thực tập thiền và những bài tập khác mà người học sẽ làm, vì vậy người học cần dành một khoảng thời gian và không gian nào đó để làm những bài thực tập này. Sẽ có những khoảng thời gian mà người học phải làm lơ dỗi với các chương trình truyền hình, làm lơ với việc lên mạng thông tin điện tử, làm lơ với điện thoại, và những thứ làm phân tán tâm thức khác. Người học sẽ biết, sẽ có khả năng xem tâm thức không phải là tâm điểm của bản thân, của một cái ngã mà chỉ là một công cụ hay một phương tiện mà người học có thể sử dụng để sống hạnh phúc. Cũng giống như những công cụ hay phương tiện khác, điều chủ yếu là phải học phương pháp sử dụng đúng đắn và sử dụng chúng nhuần nhuyễn đến mức độ mà chúng trở nên bản chất thứ hai của bản thân. Thoạt đầu, giống như học dương cầm hay vĩ cầm, những điệu bộ của người học khi mới tập rất lợm lợm và lật bặt. Qua một thời gian thì tính chất lợm lợm và lật bặt tan biến đi đâu mất. Mọi động tác đều mềm dẻo và tự nhiên.

(c) Dự án, tính phi siêu thực và những điều sẽ triển khai:

Trong bài học kế tiếp, người học sẽ tiếp cận với khái niệm tỉnh thức hay tỉnh giác, thuật ngữ nhà Phật gọi là chánh niệm. Các bạn sẽ được nghe thêm tỉnh thức là gì, những lợi lạc và ưu điểm mà sự tỉnh thức mang lại. Các bạn cũng sẽ được nghe về những bước cần thực hiện để trở nên chú ý hơn dỗi với tâm thức và qua đó có thể định hướng lại hướng chú ý để có một cuộc sống thực chất hơn, tròn trịa hơn. Sống tỉnh thức không phải là một cái gì lạ thường, kỳ quặc, cũng không có tính cách bí ẩn hay siêu thực, mà chỉ là những kỹ thuật mà ai cũng có thể sử dụng và phát huy. Chúng ta sẽ bàn về những phương diện đơn giản nhất của sự sống



như thở, cảm thức, cảm giác, ăn uống, đi bộ, đứng chân. Cũng trong loạt bài này khi chúng ta đã học xong những phương diện căn bản của nếp sống tỉnh thức, chúng ta sẽ học và thực tập những bài khó hơn như tu tập lòng từ ái dỗi với bản thân và tha nhân, phát triển bản chất của cái chết và dỗi diện với sự đau đớn của thể xác, dỗi diện nỗi buồn man mác hay trĩu nặng trong lòng, và ngọn lửa tức giận âm i bên trong hay bùng phát ra bên ngoài. Các bạn cũng sẽ được học phương pháp để có thể tỉnh thức dỗi với lời mà bạn đang nói, việc mà bạn đang làm, tỉnh thức ngay trong khi bạn đang lái xe.

(d) Điều không khẳng định và điều khẳng định:

Tôi không có thể nói hay hứa rằng chỉ cần nghe suông qua hết những bài học như thế này thì các bạn sẽ có hạnh phúc và phẩm chất dỗi sống của các bạn sẽ tăng lên rất cao. Có được như vậy hay không hoàn toàn tùy vào bản thân của các bạn, của người học. Tuy nhiên, tôi có thể khẳng định rằng xuyên suốt

hàng ngàn năm qua đã có rất nhiều người đã thực tập một cách nghiêm cần những phương pháp này, những phương pháp sẽ được trình bày trong những bài học mà chúng ta sẽ học, những người đó đã nói về những thể nghiệm, những khám phá sâu thẳm, và nhờ đó mà cuộc sống đã trở nên tròn vẹn và viên mãn.

Ở trên chúng ta đã được nghe đức Phật Bốn sư Thích-ca Mâu-ni dạy về sự khổn khổ tột cùng do cái tâm không khéo tu tập có thể mang lại cho chúng ta. Và cũng chính đức Bốn sư Thích-ca đã dạy về sự lợi lạc tột cùng do cái tâm khéo tu tập có thể mang lại cho chúng ta qua câu Kinh Pháp Cú số 43:

*Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được,
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn.
Hay,
Điều mà quyến thuộc mẹ cha
Chẳng thể làm được cho ta, cho người
Nhưng tâm chân chánh hướng rồi
Thành tựu tốt đẹp vẹn mười, vẹn trăm! ■*

HÀNH thiền

● Viên Đạo

Có khi nào bạn thử hỏi, những lời dạy của Đức Phật và phương pháp hành thiền có còn thích hợp với thời đại này nữa không? Thiền minh sát có cần thiết cho những người sống trong một xã hội tân tiến và phức tạp không? Và thường được trả lời, thực tập thiền rất khó vì hành thiền bạn gặp sự loạn động, bạn thường nghĩ rằng sự ồn ào, tiếng xe chạy, tiếng người nói, hình ảnh bên ngoài là những chướng ngại đến quấy nhiễu bạn, khiến bạn phóng tâm, trong khi bạn cần sự yên lặng, rồi cho rằng không ai có thể đoạn trừ loạn động ấy. Thực ra thế giới chúng ta đang sống, nơi nào không có loạn động. Những ngoại cảnh và sự hưng phấn ấy,

thường làm cho tâm bị xáo trộn, nên ý niệm tham lam, ganh tị, sân si, vọng tưởng liền phát sinh, làm cho tâm ô nhiễm. Hãy bảo vệ tâm của mình chống lại bất kì hình thức xáo trộn nào. Thiền là phương tiện giúp ta bảo vệ tâm, người khéo dụng công khi tập trung vào bất kì sự vật hiện tượng nào dù vui hay buồn vẫn không có lòng tham đắm hay thù hận phát khởi.

Tại sao ta phải hành thiền và hành thiền là gì?

Bạn đừng thắc mắc nữa, hãy ngồi xuống tĩnh lặng rồi tập thở để nhận diện rằng mình còn đang sống đây, bởi Đức Phật dạy “mạng người trong hơi thở”. Khi nhìn thấy được cái chết cận kề ta

trong hơi thở này, ta sẽ không còn muốn nuông chiều hay làm nô lệ cho xác thân này nữa, vì hàng ngày chúng ta dành quá nhiều thời gian để lo cho thân thể, nào tắm rửa, trang điểm thư giãn,... nhưng thử hỏi, chúng ta dành bao nhiêu thời gian để quan sát, để hơi thở là sợi dây kết nối giữa thân và tâm. Ở đây tôi thử hỏi đôi điều có ai nhận ra mình không biết thở? Biết ở đây là “nhận diện” và “quan sát”, là xác định theo dõi. Nếu bạn biết được như thế, tức là



bạn đã nắm được chìa khóa để mở cửa hạnh phúc và khổ đau. Thiền là việc hiểu được tâm và khéo dụng tâm.

Những người mới bắt đầu hành thiền phân vân không biết hành thiền là gì?

Hành thiền là cố gắng đối diện với phiền não, không nuôi dưỡng thói quen cũ. Phiền não tham-sân-si là gốc rễ của sự khổ đau. Chúng ta phải học cách chế ngự chúng, chiến thắng và thoát khỏi sự kiểm soát và điều khiển của chúng để làm chủ tâm mình. Cuộc chiến đấu này thật khó khăn, như phải xa rời người bạn thân đã sống với nhau từ thuở thơ ấu.

Hơn nữa, nếu bạn ngồi thiền mà muốn đạt thế này, trở nên thế kia thì tốt hơn đừng ngồi thiền nữa, vì nếu đạt được, tâm tham sẽ được huân trưởng, nếu không thì sân giận sẽ thiêu đốt tâm bạn. Đừng kỳ vọng hay mang thêm một ý tưởng gì vào việc hành thiền của bạn. Hãy xếp vào kho mọi ý niệm hay tư kiến của mình.

Vậy cái gì là cần thiết khi hành thiền?

Cái mà bạn cần để hỗ trợ cho việc hành thiền, là giữ giới luật. Giới rất đơn giản, chỉ có 5 giới. Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói

đối, không dùng chất say làm mất chánh niệm. Đức Phật dạy “làm điều lành, lánh xa điều ác, giữ tâm trong sạch” và việc hành thiền cũng vậy, “lánh xa điều xấu và giữ gìn điều tốt”. Nếu dùng giới luật làm căn bản cho mọi hành động, lời nói, tâm của bạn sẽ hiện hóa, trong sáng và yên tĩnh. Thiền sẽ dễ dàng phát triển trên mảnh đất này. Những điều xấu xa có tồn tại trong tâm của bạn không? Dĩ nhiên là còn. Thiền sẽ làm tâm bạn trong sáng.

Thứ đến để hành thiền tiến bộ bạn cần có một vị thầy để hướng dẫn bạn. Có nhiều hiểu biết sai lầm về sự tập trung tâm ý, nhiều hiện tượng bất thường sẽ xảy ra trong lúc bạn hành thiền. Lúc xảy ra, vị thầy sẽ kịp thời hướng dẫn và đặc biệt điều chỉnh những sai lầm của bạn. Những lời dạy của thầy thường giúp bạn tinh tấn, khiến tri kiến phát triển trong tâm bạn. Hãy để thầy hướng dẫn vì bạn rất dễ quên đường thực hành. Mục đích gần của thiền là để rèn luyện tâm và định tâm một cách có hiệu quả cao trong đời sống, sẽ tìm được con đường thoát khỏi sự bất như ý và đạt được bình an

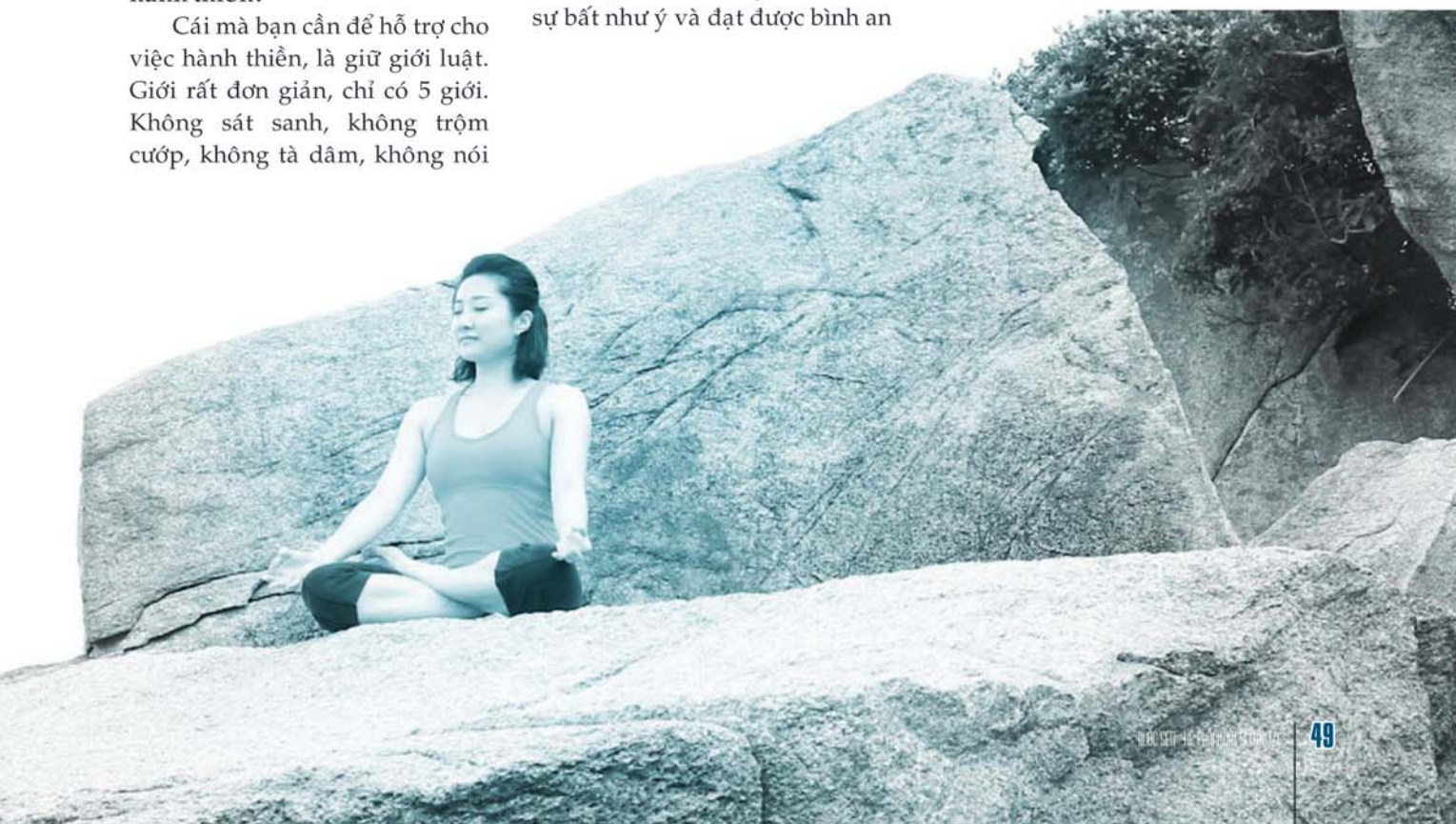
cho chính mình, cùng tất cả chúng sinh. Mục tiêu tối hậu của thiền là để giải thoát ta khỏi sinh tử luân hồi.

Thiền đòi hỏi sự cố gắng không ngừng nghỉ. Hãy thở vào, thở ra, như vậy mọi ngày với ý thức toàn thân an tịnh là ta đưa thân đi về với tâm, đưa tâm đi với thân, thân và tâm có mặt trong nhau, trong từng hơi thở. Thở vào ta tiếp xúc với sự trong sáng của thân tâm ta, thở ra đem sự trong sáng ấy hiến tặng cho cuộc đời. Khi bạn tiếp xúc hành thiền đều đặn thì sẽ có định tâm. Dùng định tâm để phát triển trí huệ.

Bạn nên nhớ rằng phải luôn tinh tấn, kham nhẫn vì luyện tâm rất khó. Bạn đừng có bắn khoăn rằng bao lâu? Một hay hai tháng có đủ luyện tâm an tịnh không? Cứ kiên nhẫn với nỗ lực đúng, chúng ta sẽ đạt được trí tuệ.

Nào, giờ bạn hãy ngồi xuống trong tư thế hoa sen và quán niệm hơi thở, bạn sẽ thấy hạnh phúc ngay đây, bây giờ. Tịnh Độ cũng ở đây, ngay hiện tại này.

Chúc bạn thành công! ■



5. TINH THẦN TRUNG ĐẠO

Trung đạo là con đường mà đức Phật đã chứng ngộ trước khi thành đạo, là con đường đem lại minh, đem lại trí, đưa đến an tịnh Thánh trí, Niết-bàn và được mệnh danh là Bát Chánh Đạo.

Ý nghĩa trung đạo của hành động là lánh xa hai cực đoan: hưởng thụ dục lạc và khổ hạnh ép xác; lười biếng và nỗ lực quá mức. Điều này, đức Phật ví như người gảy đàn, nếu dây đàn dùn quá thì đàn không lên tiếng, nếu dây căng quá thì không uyển chuyển và sẽ bị đứt dây, còn dây vừa chùng thì đàn lên âm thanh rất hay. Cũng vậy, người học đạo nếu hành khổ quá sức thì xác thân mệt nhọc, mà khi xác thân mệt nhọc thì tinh thần sẽ bị bấn loạn, không ổn định, lúc ấy dễ đi vào con đường lầm lạc và nhiễm nhiều thói xấu. Do đó, chỉ có thực hành đúng nghĩa trung đạo mới có thể đi đúng hướng đến con đường an vui hạnh phúc, giải thoát ngay tại đây và bây giờ.

Sau khi thành đạo dưới cội Bồ-đề, bài pháp đầu tiên được đức Phật giảng là bài Tứ thánh đế. Ở đây, Ngài dạy:

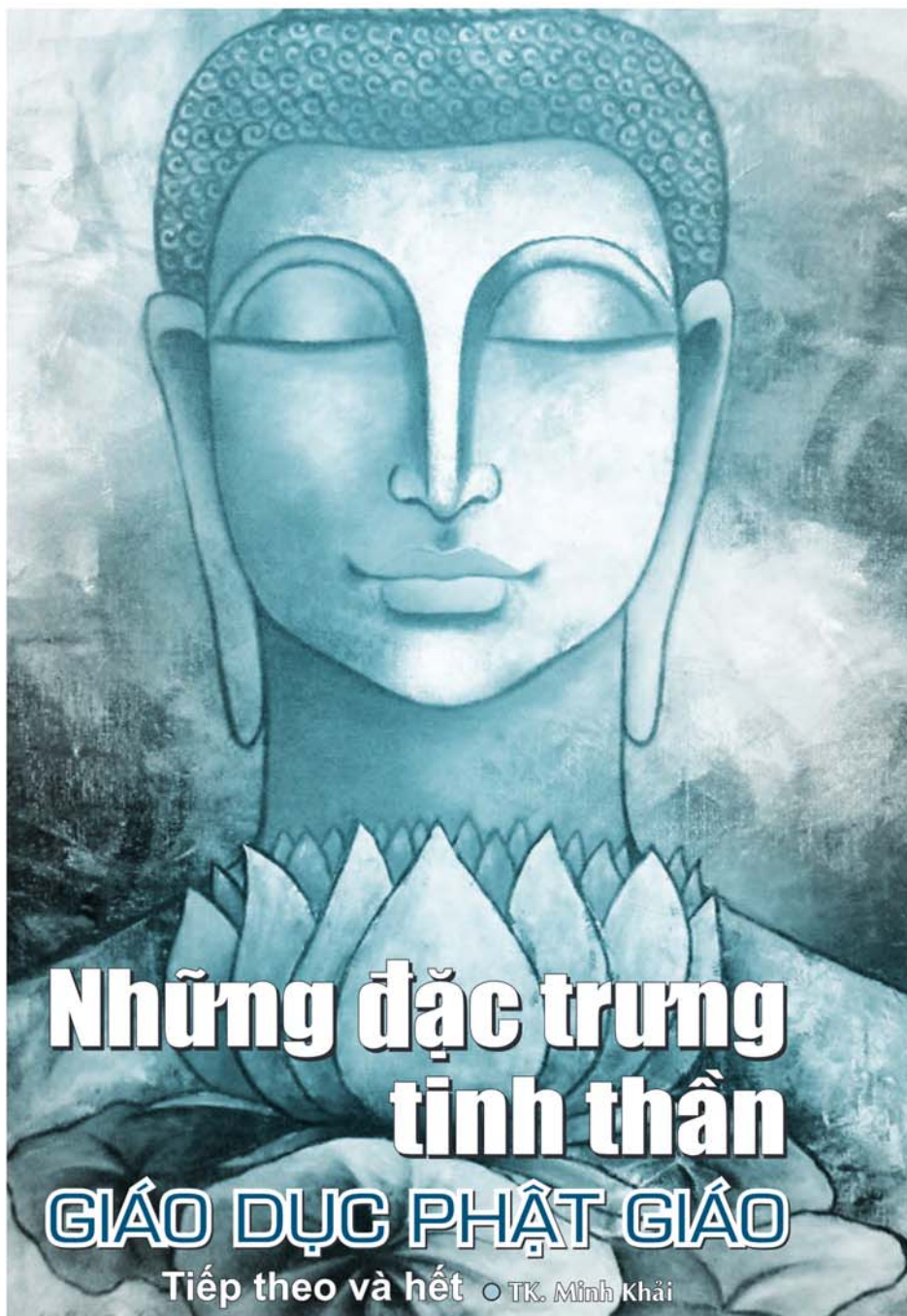
“Này các Tỷ Kheo, có hai thái cực mà một tu sĩ không nên theo.

Thế nào là hai thái cực ấy?

Hưởng thụ các dục lạc, lối sống thấp hèn, không xứng đáng, không liên hệ mục đích phạm hạnh, là một; hai là tự hành khổ mình, nó là khổ đau, không xứng đáng, không liên hệ mục đích phạm hạnh.

Do tránh xa hai thái cực ấy. Như Lai đã đắc được trí hiểu biết Trung đạo, con đường đem lại minh, đem lại trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ Niết bàn.

Này các Tỷ Kheo, thế nào là con đường Trung đạo đem lại minh, đem lại trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn? - Chính là Bát Thánh



đạo, đó là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Này các Tỷ Kheo, đây là con đường Trung đạo ấy đem lại minh, đem lại trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn. (1)”

6. TINH THẦN PHÂN TÍCH

Phương pháp phân tích là phương pháp được xây dựng trên cơ sở thuần lý của các lý thuyết

hữu ngã. Giáo dục Phật giáo đề cao sự phân tích và tìm hiểu các đối tượng. Như nói về Tứ Thánh Đế, đức Phật đã khởi hành từ thực tại đời là khổ, sau đó được phân tích ra thành bốn phương diện – tứ khổ, hay bát khổ; kể đến phân tích thêm nguyên nhân của sự khổ và con đường thoát khỏi khổ. Nói về Năm uẩn cũng vậy, được phân tích một cách rất rõ ràng rằng: năm



uẩn là khổ đau, và nguyên nhân của khổ đau không phải do năm uẩn mà là do tham ái hay sự sanh khởi của duyên khởi, sự chấm dứt khổ đau là Niết-bàn và con đường đưa đến chấm dứt khổ đau là Bát Chánh Đạo.

Trong tất cả các vấn đề nói về sự hiểu biết của một hiện hữu, đức Phật dạy con người cần phải biết sự hiện hữu của nó, nguyên nhân của sự hiện hữu, sự chấm dứt hiện hữu và con đường dẫn đến sự chấm dứt các hiện hữu. Và Ngài dạy: “Có bốn đối tượng không thể tư duy, không nên tư duy về chúng, nếu tư duy về chúng, con người có thể đi đến quần trí và khổ đau. Thế nào là bốn đối tượng không thể tư duy ấy? Đây các Tỷ Kheo, Phật xứ là không thể tư duy được; thế giới tâm là không thể tư duy được; cảnh giới thiên của các thiên giả là không thể tư duy được; và quả dị thực của nghiệp là không thể tư duy được. (2)”

Đức Phật còn dạy thêm:

“Nếu một người được hỏi một câu hỏi, người ấy trả lời dứt khoát một câu hỏi đòi hỏi câu trả lời dứt khoát, người ấy trả lời với câu trả lời phân tích đối với câu hỏi đòi có câu trả lời phân tích, người ấy trả lời bằng cách hỏi ngược lại khi câu hỏi đòi câu trả lời như thế, người ấy gạt qua một bên câu hỏi khi câu hỏi cần phải được gạt qua một bên, như vậy là người có khả năng thảo luận.

Và ngược lại

Nếu một người được hỏi một câu hỏi, người ấy không kết luận được là câu hỏi đúng hay sai, không xác nhận được qua lập luận đã được hiểu rõ, không xác nhận được qua việc thường làm, người như vậy là người không có khả năng thảo luận.

Nếu một người khi được hỏi một câu hỏi, người ấy lảng tránh câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu hỏi đi ra ngoài vấn đề, hay bày tỏ sự phẫn nộ, sân hận hay bất mãn, người như vậy không có khả năng thảo luận.

Nếu một người được hỏi một câu trả lời, thay vì trả lời, người ấy mắng mỏ và đánh đập người hỏi, nhạo báng người hỏi, và nắm vào chỗ sơ hở của người hỏi, người như vậy thực sự không có khả năng thảo luận.

Nếu người ấy không làm các điều vừa nói, thì người ấy thực sự có khả năng thảo luận (3).”

Qua các sự kiện nêu trên cho thấy vấn đề phân tích là rất quan trọng được đức Phật ứng dụng trong việc giáo dục cũng như trong sự tu hành. Tất cả sự phân tích ấy sẽ giúp cho con người có cái nhìn trí tuệ về sự vật, mà không phải là tri thức đến từ kinh nghiệm các giác quan.

7. TINH THẦN PHÊ PHÁN

Đức Phật chủ trương sau khi phân tích phải biết phê phán để đánh giá đối tượng được phân tích là đúng hay sai, thiện hay bất thiện, được chấp nhận hay không chấp

nhận, phù hợp với chánh pháp hay không v.v... Đức Phật đòi hỏi các đệ tử của Ngài phải biết phê phán sự vật trên cơ sở quan sát, phân tích và tư duy. Đây là tinh thần rất “khoa học” đã làm kinh ngạc các nhà nghiên cứu Tôn giáo (4).

Đức Thế Tôn còn dạy các đệ tử xem xét ngay cả Ngài để thấy rõ chân giá trị của Ngài và xem Ngài có phải là bậc Toàn giác hay không, chứ không nên tin theo một cách mù quáng. Trong kinh Tư Sát, Ngài dạy:

“Đây các Tỷ Kheo, một vị Tỷ Kheo biết tư sát, muốn biết cái tâm tánh của người khác, cần tìm hiểu Như Lai liên hệ đến hai điều: các sự việc do tai và mắt nhận biết nghĩ rằng: “các việc ô nhiễm do mắt, tai nhận biết có hiện diện trong Như Lai không?”...

Này các Tỷ Kheo, Như Lai cần được hỏi thêm: “các điều ô nhiễm do tai, mắt nhận biết có hiện diện ở Như Lai hay không?”. Đây các Tỷ Kheo, đối với ai mà lòng tin ở Như Lai được thiết lập, được đặt cơ sở, được hỗ trợ do các phương pháp này, do các lời lẽ này, niềm tin ấy được gọi là hợp lý, được đặt cơ sở trên cái thấy trí tuệ, là mạnh mẽ vững chắc...

Như vậy này các Tỷ Kheo, là sự tìm hiểu Như Lai, các pháp của Như Lai, và như vậy là tìm hiểu Như Lai một cách đúng pháp” (5).

Trên đường giáo dục con người, đức Phật luôn quan tâm đến tinh thần phê phán, tinh thần



này sẽ giúp các đệ tử của Ngài cải thiện được “sự tự tri”, “sự tự tín”, khả năng phân tích và sự thấy biết, v.v... Tinh thần này rất có giá trị, luôn gắn liền với thực tại khách quan, không để cho nhận thức của con người chịu nô lệ dưới bất cứ một sức mạnh, quyền năng nào.

8. TINH THẦN SÁNG TẠO

Tinh thần sáng tạo là một tinh thần giáo dục rất đặc biệt và nổi bật nhất của giáo dục Phật giáo. Vì đạo Phật được thiết lập trên lý duyên khởi, mà duyên khởi là vô ngã, đã là vô ngã thì không có cố định, là sáng tạo. Do đó, cần phải có tư duy sáng tạo, phải biết chấp nhận tùy duyên tùy thời, sáng tạo đưa đến những sự mới mẻ về sự thật chơn lý. Cái nhìn sự vật với trí tuệ luôn thấy sự vật như thật trong hiện sinh, nhìn sự vật với cái thấy biết hiện hữu luôn trôi chảy không ngừng, các pháp luôn mới mẻ qua từng giây từng phút, đây là cái nhìn với sự thấy biết sáng tạo.

Con đường sống của đạo Phật dẫn đến cái nhìn trí tuệ, hay Chánh kiến và Chánh tư duy, thực sự là con đường sống của sáng tạo. Và cái đặc tính của cá nhân: tự tín, tự tri, tự trách nhiệm, tinh thần phê phán, tinh thần phân tích,... cũng thực sự là các đặc tính của một nhà tư duy sáng tạo. Như trong tập sách Tâm lý giáo dục của ông Charles E. Skinner đã viết:

“Tư duy sáng tạo có nghĩa là sự dự đoán hay suy diễn đối với cá nhân (người tư duy sáng tạo) là mới mẻ, tân kỳ, độc đáo và khác thường. Người tư duy sáng tạo là người khám phá ra các lãnh vực mới mẻ và có các sự quan sát mới mẻ, các dự đoán mới mẻ, các suy diễn mới mẻ” (6).

Theo Phật giáo, khi tâm an trú vào Tam thiên hay Tứ thiên, cái nhìn của hành giả có thể thấy cái sâu xa của các hiện hữu và khám phá ra các lãnh vực mới mẻ của các hiện hữu, đây gọi là cái nhìn sáng tạo. Khi con người huấn luyện cái



nhìn trí tuệ, thì các triển cái và kiết sử ngăn che tâm thức mình ra khỏi sự thật của vạn hữu sẽ dần dần được đoạn trừ, và tâm thức sẽ được giải thoát. Trạng thái tâm thức giải thoát này là trạng thái tâm thức của sáng tạo (7).

9. TINH THẦN THIỀN ĐỊNH

Giáo dục Thiền định là sắc thái giáo dục đặc biệt của Phật giáo, chưa được thực sự vận dụng vào trong bất cứ một hệ thống giáo dục hiện đại nào.

Phương pháp giáo dục Thiền định rất giản dị, nhưng đưa đến những kết quả lớn về mặt giáo dục tâm lý, tình cảm, hoàn bị tinh thần giáo dục tự tri, tự chủ, tự tín, trách nhiệm cá nhân và mở rộng hướng sáng tạo. Thiền định giúp cho con người ổn định tâm lý, lắng dịu các dục vọng, tẩy rửa phiền não, khai mở nguồn sáng tạo trong việc xây dựng văn hóa và văn minh, giúp con người thấy rõ sự thật về con người và vạn hữu. Đây là lý do tại sao đức Phật dạy các đệ tử của Ngài phải thực hành thiền định trong mọi lúc mọi nơi:

*“Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiền tịnh,
Tỳ-kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh (8)”.*

(Pháp Cú, 378)

Thiền định vốn là công phu chính của Phật giáo. Thiền định có thể hàng phục năm triển cái: trạo cử, hôn trầm, dục, sân, nghi bởi nhờ năm thiền chi: tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm. Phương thức hành thiền là theo dõi hơi thở, nó cải thiện khả năng kỷ ức và quan sát cho sinh viên-học sinh, giúp họ thấy rõ tâm thức của mình như là kết quả của tâm lý trị liệu, khai mở tâm thức, và đỉnh cao của nó là đưa đến sự giác ngộ giải thoát.

Con đường thiền định trong Phật giáo là con đường hiểu biết, phát triển và tu tập tâm. Không có thiền định, thì con người không thể hiểu được mình là ai, và không thể giải quyết bất cứ các vấn đề gì về tâm lý. Do vậy, đức Phật khẳng định rằng:

“Đây các Tỳ-kheo, có một con đường độc nhất làm cho các chúng sinh thanh tịnh, vượt qua mọi sầu ưu, đoạn trừ hết khổ đau, buồn bã để thành tựu đạo, chứng đắc Niết Bàn: đó là tứ niệm xứ. (9)”

Quả thật, Tứ niệm xứ là con đường duy nhất giúp hành giả thấy chân ý nghĩa của đời sống, nó là con đường trở về chính mình, nương tựa; là con đường để mỗi người sẽ là một hòn đảo cho chính mình an trú. Thế nên, trước lúc



nhập Niết bàn, đức Thế Tôn vẫn ân cần nhắc nhở cho hàng đệ tử với lời di huấn sau cùng: “*Đây là gốc cây, đây là căn nhà trống, hãy nỗ lực thiền định, chớ để hối tiếc về sau.*”

Từ xưa đến nay, loài người không ngừng tiến bộ, phát triển. Và giáo dục cũng chuyển biến theo từng thời đại, chế độ xã hội khác nhau. Mỗi nền giáo dục có một đặc trưng riêng của nó và được mỗi nước áp dụng riêng biệt. Việc giáo dục Phật giáo cũng dựa trên tinh thần đó để định hướng tư duy, định hướng thái độ sống (nhân cách) và góp phần phát huy tài trí mỗi cá nhân bằng mối liên hệ giữa Duyên khởi và Ngũ uẩn, mang lại lợi ích cho tự thân, cho đời, cho Đạo. Qua đó cho thấy giáo dục Phật giáo đã có một cái nhìn xác đáng về vũ trụ, về nhân sinh, về con người.

Trải qua hai mươi sáu thế kỷ, cho dù xã hội cộng đồng đã tiến hóa đến mức cao nhất trong xu hướng hội nhập toàn cầu hóa, thì quan điểm giáo dục Phật giáo vẫn khẳng định tính chất đúng đắn trong giáo lý của đức Phật. Ngày nay, giáo dục hiện đại đề cập đến vấn đề bình đẳng, tự do, nhân bản, khoa học, nói đến tâm lý con người, đạo đức, xã hội, môi sinh

với những công trình khoa học mới phát minh hay những cấp bách yêu cầu của thời đại, người ta cũng tìm thấy câu trả lời chính đáng, ẩn tàng hay hiển lộ trong nền giáo dục Phật giáo. ■

THƯ MỤC THAM KHẢO:

- *Kinh Pháp Cú*, Thích Minh Châu (dịch), Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II ấn hành, 1990, tr. 205.
- *Tăng Chi Bộ I*, London, PTS, 1989, pp.178-179.
- *Tương Ưng I*; Hán tạng tập 36, 3 Đại 3, 260c; Biệt tập 8: 1, Đại 2.
- *Trung Bộ III, Kinh Nhất Dạ Hiền Giả*, Thích Minh Châu (dịch), Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam ấn hành, 1986.
- *Trung Bộ III, Kinh Tiểu nghiệp phân biệt*, Thích Minh Châu (dịch), Nxb Tôn Giáo, 1990.
- *Tăng Chi I*, Thích Minh Châu (dịch), Nxb Tôn Giáo, 1980.
- *Tương Ưng Bộ Kinh III*, Thích Minh Châu (dịch), Nxb Tôn Giáo, 1990
- Nguyên Hồng, *Giáo dục học Phật giáo*, Nxb Tôn Giáo, 2001.
- Nhiều tác giả, *Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại*, Viện Nghiên Cứu Phật học Việt Nam, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2001.

- Stanislaw Kowalsker, *Xã hội học giáo dục và Giáo dục học*, Lê Thanh (dịch), Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2003.

- Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương, *Giáo dục Phật giáo*, Tài liệu giảng dạy của Học viện Phật giáo Việt Nam, 2000.

- Thích Chơn Thiện, *Lý thuyết Nhân tính qua Kinh tạng Pali*, Luận án Tiến sĩ.

- Thích Thiện Siêu, *Vô ngã là Niết bàn*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1990.

- Thích Chơn Thiện, *Phật học Khái luận*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1999.

(1) *Kindred Sayings*, Vol. V, PTS, London, 1990, pp. 356-357.

(2) *Gradual Sayings*, Vol. II, London, PTS, 1992, p. 89-90.

(3) *Tăng Chi Bộ I*, London, PTS, 1989, pp.178-179.

(4) Trích theo Thích Chơn Thiện, *Phật học khái luận*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 83.

(5) *Middle Length Sayings*, Vol. I, London, PTS, pp. 381-382.

(6) Charles E. Skinner, “*Educational Psychology*”, Ninth Printing in India, 1992, p. 529.

(7) Thích Chơn thiện, *Lý thuyết Nhân tính qua Kinh tạng Pali* – Luận án tiến sĩ.

(8) *Kinh Pháp Cú*, Thích Minh Châu (dịch), Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II ấn hành, 1990, tr.205

(9) “*Long Discourses*”, tr. by Maurice Walshe,..., 1987, p. 335.

VÀI SUY NGHĨ VỀ giáo dục người xuất gia trẻ

● Giác Minh Tường



I. TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC ĐỐI VỚI NGƯỜI MỚI XUẤT GIA

C húng ta thường nghe câu: “Trẻ em hôm nay - Thế giới ngày mai”, câu nói đã cho thấy tầm quan trọng của mầm non trong xã hội hiện tại. Những mầm non ấy, phải được chăm sóc trong điều kiện tốt nhất. Đây không phải là nhiệm vụ của riêng các cấp hay các ngành nào, mà đó chính là nhiệm vụ của toàn xã hội. Những vị mới xuất gia – những mầm non trong giáo pháp Phật-đà – cũng không ngoại lệ. Chắc chắn chúng ta không lạ gì với lời dạy của đức Phật trong kinh *Tương Ưng Bộ I*: “...Khattiya trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Con rắn trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Ngọn lửa trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Tỷ-kheo trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ”. Vì sao? Vì một thái tử nhỏ sẽ trở thành một hoàng đế dũng mãnh đánh Nam, dẹp Bắc thống nhất sơn hà. Một con rắn nhỏ nhưng nọc độc của nó có thể giết chết nhiều người. Một đốm lửa nhỏ có thể hủy hoại cả một công trình mà người ta phải đầu tư nhiều công sức và tiền của. Một tu sĩ trẻ sẽ trở thành một vị thầy với sứ mạng truyền thừa Phật pháp, đem giáo lý từ bi – trí tuệ có





công năng giải trừ nỗi khổ niềm đau cho cuộc đời, là nền tảng Tăng đoàn trong tương lai mà chúng ta có trách nhiệm vun bồi và chớ nên xem thường.

Tục ngữ có câu: “Tre già măng mọc”. Thế hệ trưởng thành hiện tại rồi sẽ nằm xuống và lớp trẻ nhỏ sẽ lớn lên kế thừa. Trong giáo pháp cũng thế, các vị thầy – người đang đảm nhiệm vai trò “*Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự*” hiển nhiên cũng thuận theo định luật vô thường của thời gian, những người học trò rồi sẽ đến lúc làm thầy và đảm nhiệm vai trò to lớn mà Thầy mình và các thế hệ tiền bối truyền trao. Cứ thế mạng mạch Phật pháp sẽ được truyền thừa, tiếp nối nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đã hơn 2500 năm, giáo pháp của đức Từ Phụ vẫn rạng ngời tỏ chiếu nhân gian, soi đường cho biết bao chúng sanh tìm về bờ chân hạnh phúc là do công lao không nhỏ của các bậc tiền hiền. Chư vị đã biết tự trang nghiêm giới thân, trau dồi giới đức, khéo léo hoằng truyền chánh pháp bằng cả khẩu giáo lẫn thân giáo, đem lại lợi ích lớn lao cho tất cả chúng sanh. Quá khứ và hiện tại huy hoàng là thế, nhưng những người học trò hiện tại sống trong cảnh đất nước đang thay đổi và phát triển về mọi lĩnh vực, kèm theo đó là không ít những tệ nạn và sự suy đồi đạo đức cũng trên đà leo thang, liệu khi làm thầy họ có đủ sức gánh vác sự nghiệp to lớn của đức Thế Tôn chăng? Vì thế, ngay bây giờ họ phải được quan tâm và giáo dục đúng mức.

II. MỘT VÀI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

*Vai trò giáo dục của người Thầy

Với những vị mới xuất gia, vị thầy đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc hướng dẫn họ dẫn vào cửa đạo. Thời kỳ tập sự là khoảng thời gian họ vừa học tập kinh luật vừa lao động công quả, lập công bồi đức, cũng là thời gian cần được các vị thầy đặc biệt quan



tâm chỉ dạy. Việc cho những vị mới xuất gia làm thị giả kề cận thầy có thể xem là một phương pháp hay. Được gần gũi bên thầy, người đệ tử có nhiều cơ hội trong sự học hỏi lời thầy dạy, noi theo lối sống của thầy mình. Ngược lại, vị thầy sẽ dễ dàng nhận rõ tính cách, những sở trường, sở đoản, cách hành xử của đệ tử mà có cách giáo dục phù hợp, kịp thời. Bên cạnh đó, việc chú trọng xây dựng tình thầy trò trong giai đoạn này cũng quan trọng không kém.

Người xuất gia, rời bỏ gia đình để vào chùa, đời sống tinh thần cũng như vật chất đều gửi gắm vào người thầy, nhất là trong giai đoạn buổi đầu. Thầy trở thành điểm tựa của người đệ tử. Nếu điểm tựa đó không vững vàng, không đủ ấm áp thì người đệ tử sẽ bị chao đảo và có khi sẽ rơi ngã. Phong thái oai nghi, đỉnh đạc; đời sống phạm hạnh, chuẩn mực của người thầy sẽ tạo cho người đệ tử có niềm tin kiên cố rằng, đây sẽ là điểm tựa vững vàng để mình phát triển đời sống tâm linh giải thoát. Gần gũi, quan tâm đệ tử được biểu hiện qua sự thăm hỏi, nhắc nhở, đồng thời chịu khó lắng nghe những khúc mắc cũng như tâm tư,

nguyện vọng... sẽ làm cho đệ tử ấm lòng. Nắm bắt được tâm lý, hiểu được những nguyện vọng của người đệ tử và làm sao giáo dục để thiết lập một đời sống đạo đức căn bản trong bước đầu tu học trước khi cho các vị thọ giới, và kế đến là gửi họ đi học ở các trường Phật học là điều không thể thiếu, quyết định cả tương lai của người đệ tử. Niềm tin tưởng, lòng thương yêu, sự tôn kính, biết ơn đối với thầy nơi người đệ tử nhờ đó sẽ được thiết lập và ngày càng phát triển bền vững.

Đời sống tu tập của vị thầy tác động không nhỏ đến việc hình thành nhân cách cũng như việc phát triển tâm linh của người đệ tử nói chung mà đặc biệt là người đệ tử mới xuất gia. Nếu xuất gia ở một ngôi chùa chủ trương tụng niệm, cúng sao giải hạn, làm kinh tế,... là chính thì xu hướng của người đệ tử cũng bước dần theo ngã rẽ đó; còn nếu xuất gia ở một ngôi chùa lấy vấn đề nghiên cứu kinh luật, tu tập làm đầu thì người đệ tử cũng sẽ có khuynh hướng bước đi theo con đường này. Tuy nhiên, cũng có trường hợp người đệ tử không hoàn toàn đi theo con đường mà thầy mình đi. Có nhiều

vị mới xuất gia đã tự ý nghiên cứu kinh sách và chọn riêng cho mình pháp môn hành trì. Thường thì trường hợp vừa nêu, ít khi dẫn đến một kết quả tốt, ngoại trừ một vài trường hợp ngoại lệ. Việc không am hiểu giáo pháp cũng như phương pháp tu tập là một điều khó tránh khỏi nơi người mới xuất gia. Nếu vị thầy thiếu lòng từ bi, không chỉ dẫn rõ ràng chắc chắn dẫn đến việc họ hiểu và thực hành sai. Thực tế cho thấy, không ít vị sau một thời gian xuất gia cảm thấy chán nản và quay trở lại đời sống thế tục với lý do không phát triển được đời sống tâm linh, vì vị thầy sau khi nhận đệ tử đã không có phương pháp dạy đệ tử cho thích hợp. Quả thật, để có thể vun bồi cho một mầm non đạo pháp, đòi hỏi phải có bàn tay của một vị thầy có đủ tâm đức và tuệ đức. Vẫn biết việc bỏ đạo về đời có

muôn ngàn lý do, song với những vị có hạt giống tốt, yếu mền giáo pháp, siêng năng tu tập lại không được chăm sóc, tưới tẩm đúng mức để rồi hạt giống ấy không nảy mầm, bén rễ được mà lại bị thổi đi thì thật đáng buồn.

Trong thời đại ngày nay ở Việt Nam, khi mà đời sống của người xuất gia chịu sự chi phối và tác động lớn lao từ những điều kiện xã hội bên ngoài, đáng lẽ trách nhiệm của người thầy đối với đệ tử của mình càng được chú trọng hơn thì thực tế lại cho thấy rằng sự ảnh hưởng của người thầy đối với đệ tử của mình hiện tại lại không còn sâu sắc như ngày xưa. Một số vị thầy nhận đệ tử nhiều nhưng thực chất không quan tâm, lo lắng cũng như không dạy dỗ gì cho đệ tử. Đáng buồn hơn khi có những vị nhận đệ tử trong khi mình chưa thể hiện được phẩm chất của một vị thầy. Những việc làm như thế chắc chắn sẽ tác động xấu đến người đệ tử trong buổi đầu xuất gia và hình thành trong tâm hồn trong sáng của họ một hình ảnh không mấy đẹp đẽ về người đi trước. Nếu tình trạng trên không được quan tâm, chú trọng đúng mức và cứ kéo dài trong tương lai, thiết nghĩ, đây sẽ là một trong những nguyên nhân chính làm đoạn giảm thọ mạng Phật pháp.

* Xây dựng môi trường tu học

Câu chuyện Mạnh Mẫu phải dọn nhà 3 lần để Mạnh Tử tránh xa môi trường xấu đã trở thành bài học mang tính giáo dục sâu sắc với bao thế hệ phụ huynh. Tất nhiên, ngày nay, tìm một môi trường thích hợp để con cái xây dựng được nhân cách tốt không thể nào liên tục dời nhà như Mạnh Mẫu. Các bậc phụ huynh phải biết cách cho con tiếp xúc với những điều tốt, và tránh xa những điều có thể ảnh hưởng xấu như câu tục ngữ ông bà ta từng dạy “*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”. Giáo dục người xuất gia trẻ ngày nay cũng

vậy, người thầy phải làm sao xây dựng được một môi trường tu học lý tưởng, ngăn chặn được các ác pháp, các bất thiện pháp có nguy cơ xâm hại đến đời sống tu học của học trò mình. Đồng thời, nắm bắt được tâm tư, suy nghĩ của đệ tử để kịp thời can thiệp và hướng dẫn họ vượt qua chướng ngại, thăng tiến trên con đường tu tập.

Ngôi chùa đóng vai trò như một tổ ấm tâm linh cho người xuất gia, người thầy và huynh đệ đồng tu chính là nơi nương tựa tinh thần, là tấm gương soi cho họ vào buổi đầu. Từ dáng đi, thế đứng, cách giao tiếp, hành lễ tụng kinh – bái sám cũng như công quả... của người đi trước nhất nhất đều có thể trở thành những bài học gián tiếp để hiểu để người mới xuất gia học theo, và có thể làm định hướng cho tương lai của họ sau này.

Việc giáo dục người mới xuất gia không phải lúc nào cũng diễn ra một cách êm xuôi, dễ dàng. Từ đời vào đạo, với vô vàn những tập khí, tâm tính, suy nghĩ, hành động chưa được thuần thực thì việc giáo dục người mới xuất gia quả thật gian nan. Đôi khi những lời dạy nhẹ nhàng hoặc sử dụng đòn roi đều không có tác dụng, hay tác dụng chẳng là bao. Vì sao vậy? Vì họ cần được “*Hiếu và thương*”. Hiếu là yếu tố quan trọng để giáo dục, điều chỉnh, định hướng cho từng giai đoạn phát triển tâm sinh lý của họ. Am tường giáo lý, hiểu rõ tâm sinh lý từng lứa tuổi, linh động, uyển chuyển, mềm dẻo là những tố chất cần có nơi vị bổn sư hoặc bất cứ ai có chức năng giáo dục người mới xuất gia. Môi trường tu học lý tưởng với người mới xuất gia, thiết nghĩ vị thầy phải có cả hình ảnh người mẹ hiền với bàn tay ấm áp khi họ thối lòng gục ngã, và có cả cái nhìn uy nghiêm của cha khi họ hư hỏng ngang bướng. Phương pháp giáo dục khoa học, đúng đối tượng, tùy lúc, cần được xem là nền tảng để xây dựng môi trường tu học.





“Hiếu và thương” còn có thể được xem là một biểu hiện khác của “Bi và Trí”. Bi đóng vai trò tạo nên một mối quan hệ tình cảm cần thiết được biểu hiện bằng tình thương, sự quan tâm với người mới xuất gia. Trí có nhiệm vụ nuôi dưỡng hạt giống Thánh nơi họ, giới thiệu – hướng dẫn pháp môn tu tập, giúp họ giải trừ phiền não hay những vướng mắc trên lộ trình tu tập cũng như những mối bất hòa trong đời sống xuất gia. Bi và trí cần được biểu hiện một cách đúng mức, vì nếu thiếu một trong hai yếu tố này, không thể nào có được một người xuất gia hoàn thiện.

Tháng 2 năm 2012, tuần báo Giác Ngộ đã đăng một bài viết của tác giả mang bút danh Cùng Từ với tựa đề: “Giá mà thấy được thương con theo cách đó...”. Nội dung bài viết là lời thuật của một cư sĩ đã từng sống đời sống xuất gia. Bài viết là những dòng cảm xúc, những suy nghĩ và cả sự tiếc nuối cho những ngày tháng sống dưới mái già-lam với sự thương yêu đùm bọc của sư phụ. Tuy nhiên, chính sự thương yêu ấy cũng là nguyên nhân lớn nhất dẫn đến việc vị ấy về đời. Trong bài viết có đoạn: “Con không trách thầy nhưng con tiếc, con tiếc cho con và cho cả tình thương - vốn dĩ là chất liệu ngọt ngào cho tâm hồn lại vô tình trở thành “con dao hai lưỡi” gây ra những thương tổn cho chính con và huynh đệ của con. Con đã vô tâm lớn lên trong sự thương yêu, bảo bọc “thiên lệch” của thầy nên con càng ý lại, càng dựa dẫm bởi con nghĩ đã có thầy thương, là “cây cao bóng cả” che mát cho con. Con dần thói quen ham học như lúc mới vào chùa, con dần biết cách lấy lòng thầy để thầy thương nhiều hơn”. Từ tình thương “thiên lệch” ấy, tác giả đã “hu” dần, “hu” dần cho đến một ngày kịp nhận ra: “Từ ý niệm đi tu là để giải thoát, để diệt trừ tham muốn thì con lại chạy theo cái tham muốn được thầy thương nhiều hơn... Con đã thành công với những “mưu mô, toan

tính” ấy của mình, nhưng thầy ơi, con đã thất bại thảm hại trên đường tu. Đường tu là con đường giải thoát, làm an lạc cuộc đời thì con đã biến đường tu của mình thành con đường danh vọng (dầu không to tát gì, chỉ trong phạm vi chùa mình) nhưng con đã biết cách luôn lách để đi bằng sự khéo léo chứ không phải bằng chất liệu Từ-bi-hỉ-xả (Từ vô lượng tâm) của người con Phật. Con đã sai, và giá như thầy không cho con cơ hội đó”. Bài viết trên chỉ là một lời chia sẻ trong muôn ngàn những trường hợp tương tự; những trường hợp “Bi mà không Trí” trong môi trường giáo dục người xuất gia. Song cũng có trường hợp “Trí tuệ mà thiếu Từ bi hoặc thậm chí không có Từ bi”. Có nhiều môi trường tu học, vị thầy sau khi nhận đệ tử, dạy họ 2 thời công phu, sơ sơ cách dùng chuông mõ, tán tụng rồi đẩy họ lao vào việc cúng kiếng, ma chay; còn có vị lại bắt đệ tử mình quần quật với những công việc như xây dựng, phát triển cơ sở vật chất. Khi đệ tử xin phép đi học các trường Phật học cũng hoan hỷ cho phép, song không có một lời gởi gắm, giới thiệu chỗ ở cho đệ tử có nơi nương tựa để đi học cũng như không trợ cấp cho đệ tử trong những năm tháng ngồi ghế học đường. Những trường hợp trên được những vị đệ tử kém duyên thiếu phước kia, chua chát nói với nhau là “đem con bỏ chợ”. Thịnh thoảng cũng có vài trường hợp, vì có tâm tu tha thiết, ý chí vươn lên, người đệ tử nỗ lực học tập, phấn đấu rồi cũng thành công. Phần đông các vị thành công ấy không quay trở về với ngôi chùa xưa của mình, đó là một hiện thực đáng buồn hiện nay. Nhiều trường hợp, những vị bị “bỏ chợ” đã buồn phiền, thất vọng, làm tâm tu yếu dần và với hấp lực mãnh liệt của vị ngọt thế gian, những vị ấy đã chấp nhận dùng chân trên con đường giải thoát.

Kế đến, điều cần lưu tâm để những rường cột đạo pháp mai sau

có một môi trường tu học tốt là xây dựng đời sống lục hòa. Một cộng đồng tu sĩ sống với nhau bằng tình thương yêu, tính tự giác, tự trọng, sự tôn trọng nhường nhịn và cầu thị cũng như giúp đỡ nhau về cả vật chất lẫn tinh thần những lúc gặp khó khăn, ốm đau, bệnh tật. Đồng thời, biết ngồi lại chia sẻ, phân tích cho nhau bằng ngôn từ hòa ái, lắng nghe, xây dựng và cảm thông khi không may xảy ra những bất hòa là một môi trường vô cùng lý tưởng để người mới xuất gia nương tựa tu học. Được huấn luyện trong một môi trường tu học như vậy, người xuất gia sẽ thật sự cảm thấy hạnh phúc và trân quý đời sống xuất gia. Lòng từ bi, trí tuệ cũng như tính cách khiêm hạ, nhẫn nhục sẽ dần thể hiện trọn vẹn nơi họ. Trong thời điểm hiện nay, thiết nghĩ, những vị thầy và bất kỳ ai mang nhiệm vụ xây dựng và chăm





lo môi trường tu học cho người xuất gia càng phải lưu tâm đến việc xây dựng đời sống lục hòa trên.

Không ít các tự viện ngày nay đã không còn hoà hợp trong một hội chúng cùng tu học, nguyên nhân đó xuất phát từ việc bất hòa về thân, khẩu, ý, giới, kiến và lợi. Chỉ vì những thói quen, sở thích hay nói đúng hơn là những tập khí không được khéo tu tập, chuyển hóa đã hình thành những rạn nứt không đáng có trong đời sống xuất gia. Những món lợi về tứ vật dụng cũng là nguyên nhân gây bất hoà. Quyền lợi riêng tư, vị trí trong mắt thấy trụ trì, trong ngôi chùa cũng như những mối quan hệ với cư sĩ Phật tử hộ đạo gây không ít hiểm hận cũng góp phần thúc đẩy việc phân chia, đố kỵ lẫn nhau giữa người xuất gia thêm phần sâu sắc. Nổi trội hơn, như một trào lưu thời thượng, thế giới thứ ba (hiện tượng đồng tính) đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều nơi thiền môn thanh tịnh. Hình ảnh thầy Tỳ-kheo – bậc đại tượng phu, giới tướng trang nghiêm, uy nguy, đỉnh đặc đang bị lấn át bởi những nam nhân trong tướng đầu tròn áo vuông yếu điệu thực nữ, miệng lưỡi đẩy đưa. Chính vì như thế

nên đời sống xuất gia giờ đây cũng lắm những hỷ, nộ, ái, ố; đầy những thương, yêu, ưa, ghét, muốn với vô vàn lợi danh. Hòa thượng Thích Trí Thủ từng nói rằng: *“Tỳ-kheo có tướng đi nhẹ như mây bay vì không vướng bận tiền trần, nhìn xa thấy đẹp, nhìn gần càng đẹp hơn”*, hình ảnh đẹp thuở nào nay còn được đâu! Giờ đây, ngẫm lại lời dạy của Tổ Quy Sơn: *“Phát túc siêu phượng, tâm hình dị tục”* trong *Cảnh Sách Văn* sao cảm thấy thật buồn. Trau sửa nội tâm, trang nghiêm giới tướng với người mới xuất gia vốn đã lắm khó khăn, lại không may sống trong một môi trường như thế thử hỏi làm sao tu tập tốt được? Không ít trường hợp đã *“gần mực thì đen”*, một số trường hợp đánh mất lý tưởng quay gót về đời và tệ hơn hết là có một quan kiến không tốt với giáo pháp, xem thường người xuất gia lẫn đời sống xuất gia.

*** Hoàn bị kiến thức Phật học, thể học; khuyến khích nỗ lực hành trì.**

Là người sẽ đảm nhiệm vai trò *“Tác Như lai sứ, hành Như Lai sự”* trong tương lai, nên người xuất gia trẻ cần được trang bị nền tảng kiến thức Phật học, thể học vững vàng.

Song song đó, nội lực tu tập cũng là vấn đề không thể bỏ ngỏ trong việc giáo dục người xuất gia trẻ ngày nay.

Bình gia có câu: *“Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”*. Một chiến sĩ trước khi xung trận để không phải vong mạng, đủ sức vượt qua những hiểm nguy và chiến thắng trở về phải trang bị kỹ lưỡng kiến thức quân sự, kỹ năng tác chiến và am hiểu đối phương. Sứ giả Như Lai cũng thế, để đủ sức đối phó với ngoại duyên, nghịch cảnh, để có được thành công trong công cuộc hoằng pháp, dẫn thân đem đạo vào đời, phải trang bị cho mình đầy đủ cả kiến thức thế học lẫn Phật học và kèm theo đó là nội lực tu tập vững vàng.

Đã là người xuất gia thì điều tiên quyết phải là tinh thông nội điển, tức là am hiểu tường tận về giáo lý của đức Phật được ghi lại Tam Tạng giáo điển hay chí ít cũng phải nắm được giáo lý căn bản cần thiết cho công cuộc độ sanh. Nếu một người mang sứ mệnh truyền bá Chánh pháp mà chính mình mờ mịt về giáo lý cũng như pháp môn hành trì thì làm sao truyền trao chánh pháp, hướng dẫn cho mọi người? Nếu mạo hiểm, chẳng khác



nào làm người mù dẫn đường, ắt mang họa rơi xuống vực thẳm. Mà nào có phải một mình mình không đầu mà cả đoàn cùng chung số phận. Như thế, làm sao có thể lường được quả nghiệp nặng nề. Chưa kể, trong công cuộc hoằng pháp không làm sao tránh khỏi việc gặp ngoại đạo đả phá. Nếu không có giáo lý trí tuệ của đức Phật làm vốn thì lấy gì để chống trả, để bảo vệ chánh pháp?

Thiết nghĩ, đối với một sứ giả của Như Lai đứng nghĩa ngày nay, chỉ ít phải được trải qua quá trình học tập tại các lớp đào tạo Giảng sư hoặc Học viện thì mới có đủ khả năng đi truyền bá chánh pháp. Vì khi được đào tạo ở các cấp học này, một tu sĩ mới sở hữu được một kiến thức Phật học vững vàng, trang bị cơ sở lý luận vững chắc, phương pháp truyền đạt thuyết phục. Thực tế hiện nay cho thấy, nhiều vị thăng tòa thuyết pháp trong khi mức độ am hiểu giáo lý chẳng được là bao, cùng với thiếu sự tu tập. Hệ quả là đã gieo rắc không ít mê tín, tà kiến làm cho người dân có cái nhìn thiên lệch đối với giáo pháp giải thoát. Cũng không ít vị, vì khả năng lý luận, diễn đạt kém làm cho giáo pháp

của đức Phật được thuyết ra trở nên khó hiểu, khó hành trì. Trường hợp kể trên cũng góp phần làm lu mờ giáo pháp giác ngộ.

Với một xã hội văn minh, khoa học phát triển, tri thức được nâng cao, việc làm sao truyền bá giáo pháp của đức Phật để mọi người chấp nhận, nghe theo, thực hành theo là một bài toán không dễ tìm ra đáp số. Khéo léo truyền bá giáo pháp phù hợp với khoa học, đúng với hoàn cảnh xã hội để mọi người phát khởi lòng tin và hành theo là yếu tố đòi hỏi cần phải có ở một tu sĩ trong tương lai. Số lượng người dân tri thức luôn chiếm phần không nhiều trong xã hội, nhưng đây chính là thành phần quyết định sự phát triển của xã hội. Giáo lý Phật-đà nếu không hội nhập được vào dòng phát triển của xã hội thì làm sao đảm bảo được sự tồn tại, phát triển lâu dài và bền vững của Phật pháp?

Cách đây hơn 2600 năm, việc am tường ba bộ Veda, tinh thông ngũ minh đã góp phần thành công không nhỏ cho 45 năm hoằng pháp của đức Phật. Ấy vậy mà ngày nay, trong xã hội văn minh phát triển như vũ bão, việc trang bị ngoại điển lại bị xem thường.

Gần chùa tôi, có một trung tâm giáo dục thường xuyên. Mỗi tối, nhìn buổi tan trường với đầy những bóng áo nâu, áo lam, áo vàng tôi lại thấy thương và lo cho đạo pháp. Tôi biết, vì quá tuổi học chính quy nên nhiều vị học bổ túc, đó là một nỗ lực đáng ghi nhận, tán thán. Nhưng có không ít những vị đáng lẽ được học chính quy lại bị bắt buộc học bổ túc. Chương trình chính quy, một năm một lớp với 12 môn đào tạo chính khóa và nhiều hoạt động ngoại khóa mà vẫn chưa là gì với hành trang vào đời của một học sinh. Vậy thử hỏi, chương trình bổ túc 2 năm 3 lớp, chỉ với 7 môn chính khóa và không hề có một hoạt động ngoại khóa, liệu có đủ chăng? Các môn học mang tính thời đại và ứng dụng cao như: *Tin học, Giáo dục công dân, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng* lại không có cơ hội được học. Điều này đã tạo một lỗ hổng kiến thức không nhỏ ảnh hưởng trực tiếp đến công cuộc hoằng pháp trong tương lai. Hình ảnh Tăng Ni trẻ xuất hiện nhiều tại các trung tâm giáo dục thường xuyên làm sao thuyết phục được giới trí thức tin và hành theo khi có duyên tiếp xúc với giáo pháp. Ở khoa Anh ngữ Phật pháp ở HVPGVN tại TP. HCM có không ít những vị học chương trình cử nhân năm 2 nhưng trình độ tiếng Anh không khá hơn gì học sinh bậc Trung học cơ sở. Điều này chứng minh việc không chú trọng thể học đã gây nên sự thiếu hiệu quả trong công cuộc giáo dục và đào tạo Phật học. Từ đó có thể thấy, việc xem thường chú trọng đào tạo thể học đã làm chậm đi rất nhiều bước tiến của Tăng Ni hiện nay. Trong tương lai, nếu cứ theo đà này, làm sao giấc mơ xã hội hóa Phật giáo trở thành hiện thực?

Bên cạnh hoàn bị kiến thức Phật học và thể học, việc ứng dụng tu tập cũng quan trọng không kém. Vấn đề này ngoài việc đòi hỏi

ý thức, tự giác nơi người xuất gia trẻ cần có sự động viên, hướng dẫn của những bậc tiền bối. Thực tế cho thấy, không ít những trường hợp người xuất gia trẻ lại bằng hoại đạo đức và phạm hạnh khi tiếp xúc với môi trường học vấn. Mặc dù bản chất của học vấn không làm băng hoại đạo đức, nhưng vì ở đó, họ tiếp thu một lượng kiến thức thế gian và Phật học, nhưng ứng dụng hành trì các điều đã học trong kinh, luật, luận dường như là không. Lỗi không nhỏ ở đây là do chương trình đào tạo quá chú trọng về học thuật mà không chú trọng đến hành trì, khiến cho sau các năm trên ghế nhà trường, những tha thiết nguyện vọng, lý tưởng của một người hảo tâm xuất gia gần như không còn nữa. Hiện trạng tại các trường Phật học hiện nay cho thấy, các Tăng Ni sinh ngày nay thiếu vắng tinh thần tôn sư trọng đạo trong nếp sống thiền môn hoặc của một học trò nơi “*cửa Không sân Trình*” thuở xưa. Thái độ học tập của Tăng Ni sinh ngày nay rất kém. Họ ngang nhiên ra vào lớp học mà không hề quan tâm đến sự hiện diện của giáo thọ sư. Tình hình gian lận, quay cóp xuất hiện ngày càng tinh vi không khác gì sinh viên đời. Tệ hại hơn, vấn nạn kinh doanh tiểu luận, luận văn tốt nghiệp xuất hiện trong thế giới người tu đang là một vấn đề vô phương giải quyết. Các biện pháp khắc phục từ phía nhà trường hiện nay chỉ mang biện pháp nhất thời; bởi lẽ, đã cố ý gian lận thì người gian lận tìm đủ trăm phương ngàn kế để gian lận. Vấn nạn hiện tại là một bài học cho tương lai. Giáo dục ý thức, đạo đức, tu tập của người xuất gia trẻ để trong tương lai họ không đi lại vết xe cũ cần được quan tâm chú trọng. Nếu có duyên được đi học mà học theo lối kể trên có phải là “*cái dây đưng sách*” không? Đừng bao giờ nghĩ rằng, học rồi mới tu. Chẳng phải

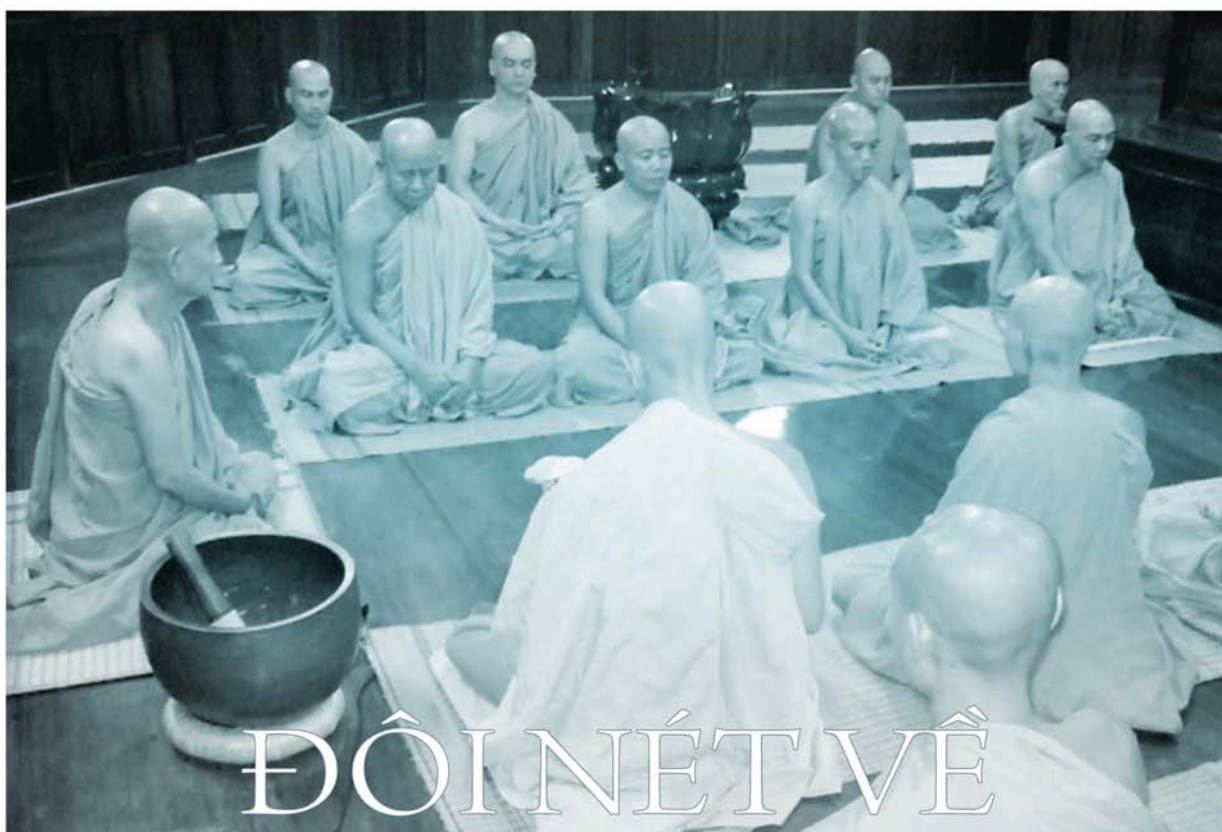
chư vị tôn túc từng dạy rằng “*học đến đâu hành đến đó*” hay sao? Đang được cấp sách đến trường thì dù là cấp học nào, môi trường học nào chúng ta hãy cố gắng học cho thật tốt tại trường, giữ gìn tứ oai nghi, tứ sự phải tri túc, đừng xài phí của đàn na tín thí. Dù ở môi trường trú xứ gốc hay chi là nơi nương tựa tu học, Tăng Ni phải tùy thuận với vị Trụ trì và chư vị trong Ban quản chúng của trú xứ đó. Thái độ kính trên nhường dưới luôn cần được đề cao. Ngoài việc lo học bài vở còn phải ổn định các thời khóa tụng niệm, chấp hành nội quy tốt và làm tròn phận sự được giao phó. Đặc biệt là tinh cần giữ giới. Chính vì công năng tu tập đó sẽ tạo cho người xuất gia trẻ phong thái điềm tĩnh, thanh thoát; tự thân chế tác được nguồn an lạc cho chính mình. Đây chính là cơ sở cho sự phát khởi niềm tin, sự kính trọng đối với Tăng Ni từ Phật tử tại gia. Nếu người xuất gia trẻ ai cũng ý thức được điều trên chắc hẳn họ sẽ vững bước trên con

đường tu tập tự thân hoằng dương chánh pháp, lợi lạc tha nhân.

III. LỜI KẾT

Các công tác, hoằng pháp, văn hóa, từ thiện... của Giáo hội ngày nay đang rất được chú trọng đầu tư. Vẫn biết, mọi hoạt động đều cần thiết và có ý nghĩa riêng của nó, nhưng chúng ta biết rằng mỗi khi giáo dục bị bỏ ngỏ, hay sự quan tâm đến giáo dục không được đầu tư đúng mức thì đó là một thiếu sót không nhỏ. Bản thân công tác giáo dục Phật giáo cũng có nhiều lĩnh vực, nhưng việc giáo dục người xuất gia trẻ có thể được xem là quan trọng nhất. Vì nó không chỉ đào tạo nên những tu sĩ đạo đức, chuẩn mực mà còn mang một ý nghĩa to lớn hơn là gìn giữ và xiển dương giáo pháp của đức Phật. Với ý nghĩa trọng đại trên, rất mong giáo dục Phật giáo cho người xuất gia trẻ trong tương lai được chú trọng một cách đúng mức và toàn diện. ■





ĐÔI NÉT VỀ người Trụ trì

(tiếp theo tập 16 và hết)

● ĐĐ. Giác Nhuận (GD.VI)

III. VAI TRÒ NGƯỜI TRỤ TRÌ

1. Hóa độ

Hoàng pháp là công việc hàng ngày của tất cả những người thực hiện nếp sống xuất gia phạm hạnh. Đức Thế Tôn từng khuyến khích rằng: "Hỡi các Tỷ-kheo!... Các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người mỗi ngã, hãy truyền bá Chánh pháp. Nay các Tỷ-kheo, Chánh pháp toàn thiện ở phần đầu, phần giữa cũng như phần cuối, cả trong ý tứ và lời văn. Hãy tuyên bố về cuộc sống toàn thiện và thanh tịnh... Chính Như Lai cũng đi, Như Lai cũng sẽ đi về hướng Uruvela (Ưu Lâu Tần Loa) ở Sanānigāna để hoàng dương

Chánh pháp. Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí, hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu, hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác; được vậy, là các ông đã hoàn tất nhiệm vụ" (Mahavagga - Đại phẩm 19, 20).

* Ba hình thức giáo hoá

a. Giáo hóa qua Thân giáo

Xã hội càng tiến bộ thì xã hội ấy càng phát minh ra nhiều công cụ, vật chất tinh xảo. Càng phát minh ra những công cụ vật chất tinh xảo thì càng tạo ra những sản phẩm hiện đại để đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của loài người. Trong công cuộc hoàng pháp độ sanh, chúng ta cũng đã sử dụng có hiệu quả các công cụ vật chất ấy để truyền trao Phật pháp đến với mọi người. Nhưng dù sử dụng công cụ gì đi nữa thì sự hiện diện trực tiếp

của vị Trụ trì vẫn là vấn đề quan trọng bậc nhất. Vì chính sự hiện diện của vị Trụ trì đã có tác động rất mạnh mẽ đến hội chúng tu tập. Nhớ lại khi còn làm điệu, cùng với đại chúng tụng kinh, tâm trí có phần giải đãi, nhưng khi thấy bóng dáng vị Trụ trì là chúng ta có thể nhất tâm tu tập và tinh tấn hơn.

Nếu một vị Trụ trì có quá trình tu học uyên thâm, có phẩm chất đạo đức cao quý, có sự giác ngộ tinh tường, có sự lão luyện trên pháp tòa thì đó là những yếu tố tuyệt vời, tạo được nét đặc thù, giúp cho vị Trụ trì ấy hoàn thành sứ mạng cao cả của mình một cách tốt đẹp. Nhưng nếu vị Trụ trì mà không hoàn thành sứ mạng của mình, cũng đồng nghĩa với việc chưa trao truyền được tinh thần

giáo điển của đức Phật đến với mọi người. Như thế thì dù là vô tình hay cố ý, vị Trụ trì ấy cũng đã trao truyền cho thời đại một sản phẩm không hoàn thiện, không đem lại lợi ích gì cho đời, cho đạo và cho tất cả chúng sanh. Vì ngay bản thân hành đạo của vị Trụ trì cũng chính là bài pháp không lời rất quý giá, có tác dụng giáo hóa đồ chúng mạnh mẽ.

Thế nên, Trụ trì là danh xưng của những người con Phật đã phát tâm cống hiến đời mình cho Phật pháp, sẵn sàng trao truyền cho đời những tinh ba giáo điển mà mình đã liễu ngộ. Nhưng phải trao cho đời một sản phẩm hoàn thiện, lợi đạo ích đời, giúp đời thêm thăng hoa. Do đó, dù cho ở trên cương vị nào, ở trên phương diện nào, Trụ trì cũng vẫn là một Tăng Ni như mọi Tăng Ni khác, nên cần phải nỗ lực ngày đêm, phát tâm tu tập đồng mãnh, nghiên tầm giáo điển, tiến tu tam vô lậu học, hầu có thể nắm bắt mọi tinh hoa giáo điển của Đức Thế Tôn.

Nhưng đời sống của vị Trụ trì ấy hay nói cách khác là thân giáo chính là một biểu tượng mẫu mực không thể không gây được ấn tượng đạo hạnh trên bước đường cảm hóa tha nhân. Làm tròn được trọng trách cao quý ấy cũng có nghĩa là đã thuyết giảng được một bài pháp vô cùng quý giá, không những đã đáp ứng được tấm lòng mong mỏi của hội chúng mà còn không phụ lòng kỳ vọng của Thầy Tổ và Tăng Ni Phật tử đang mong đợi ở chúng ta.

b. Giáo hóa qua khẩu giáo:

Nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch hay nhà gì đi nữa cũng chẳng thể sánh với nhà tu. Tại sao vậy, tại vì các nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch đó họ chỉ làm có một việc, một nhiệm vụ quan trọng là họ lo viết bài cho thật hay, thật có ý nghĩa, nhằm phản ánh truyền trao kiến thức, cách sống, sinh hoạt lại cho cuộc đời, còn bản thân họ thì sao

cũng được. Nhưng đối với nhà tu thì mọi sinh hoạt đều chứa đựng một ý nghĩa cao quý, nhứt cử nhứt động đều là một biểu tượng, một tấm gương cho đời noi theo.

Chẳng những các hoạt động của vị Trụ trì đã giải quyết được công tác sinh hoạt Phật sự hàng ngày mà còn góp phần trang nghiêm Phật cảnh tại thế gian. Nếu nhà tu đó còn là một vị Trụ trì nữa thì ngoài việc thừa hành Phật sự tại các tự viện ra, còn phải viết lách, biên soạn giáo điển để truyền bá chánh pháp, họ còn sử dụng ngôn từ, khẩu thuyết để giáo hóa chúng sanh.

Thuyết phục được một người đã khó, hướng hồ thuyết phục được cả một hội chúng tại trú xứ lại càng khó hơn. Do đó, ngôn từ của vị Trụ trì phải là ngôn từ được chọn lọc chính xác và thể hiện được tinh thần Phật chất của đức Thế Tôn. Không nên dùng ngôn ngữ quá thế tục, không tế nhị trong quá trình giáo hóa của mình.

Ngày xưa, lời dạy của đức Phật được xuất phát từ “kim khẩu” của Ngài. Nhưng không phải ngẫu nhiên mà chúng ta dùng từ “kim khẩu” để chỉ cho những gì do chính từ miệng Ngài nói ra. Từ “Kim khẩu” mà chúng ta muốn nói ở đây là vì lời dạy của đức Thế Tôn nói ra đều mang đến cho chúng sanh niềm an lạc và hạnh phúc, chẳng những cho hôm nay mà còn mãi về sau.

Là Trụ trì, không thể nào nói năng thô lỗ, không thể nói toàn danh từ thế gian. Có những vị thường nói đùa với nhau rằng: “Ăn cơm Phật thì phải nói lời Phật”. Câu nói ấy nếu chúng ta biết ứng dụng trong quá trình truyền giáo thì tinh thần Phật chất sẽ đến với mọi người nhiều hơn.

Vì vậy, ngày nay chúng ta cũng cần lưu ý và thận trọng khi sử dụng ngôn từ của mình trong quá trình thừa hành Phật sự của đức Thế Tôn. “Nói năng như chánh

pháp, im lặng như chánh pháp”, có lẽ đó là lời nhắc nhở, biểu trưng rất chính xác, rất quan trọng cho ý nghĩa này.

c. Giáo hóa qua ý giáo:

Thân giáo, khẩu giáo đóng vai trò quan trọng biết bao trên con đường giáo hóa của một vị Trụ trì, nhưng ý giáo lại là điều thiết yếu hơn cả. Ý giáo có lúc không biểu lộ ra bên ngoài, không phô bày trước hội chúng Phật tử. Nhưng ý giáo có một tác động sâu thẳm vô cùng. Bởi vì ý giáo là thể hiện tâm ý giáo hóa của một vị Trụ trì. Tâm ý hay tâm nguyện của một vị Trụ trì là muốn trao truyền tinh thần giáo điển của đức Thế Tôn mà mình đã liễu đạt đến với mọi người. Mong cho chánh pháp được trang trải đến với chúng sanh và đem lại sự an lạc, hạnh phúc cho muôn loài.

Ngoài ra, ý giáo còn được biểu hiện qua ý chí và hành động của một vị Trụ trì. Dù không nói một lời nào nhưng hầu như đã nói lên tất cả những gì mà vị Trụ trì ấy muốn nói. Đôi lúc, chính ý giáo đã tác động đến hội chúng Phật tử, khiến cho hội chúng tinh tấn, phát tâm tu học đồng mãnh hơn nhiều.

Ngày xưa, khi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài đã truyền trao “Chánh pháp nhãn tạng” cho Ngài Ma Ha Ca Diếp cũng trên tinh thần này. Truyện kể khi đức Phật cầm cành hoa sen đưa lên để khai thị cho hội chúng, toàn thể hội chúng lặng yên, chỉ có Ngài Ma Ha Ca Diếp là mỉm cười chum chim (*phá nhan vi tiếu*). Đức Phật nhận thấy liền ấn chứng cho Ngài Ma Ha Ca Diếp đắc truyền và làm Tổ thứ nhất – Sơ Tổ thiền tông Ấn Độ có từ đó.

Có thể nói, đây là một phương pháp “Giáo ngoại biệt truyền” điển hình của đức Thế Tôn qua ý giáo thời bấy giờ và là phương pháp vô tiền khoáng hậu, từ xưa đến nay chưa từng có. Chúng ta phải vận dụng tinh thần này như thế nào trong quá trình truyền trao giáo



pháp của mình. Có những lúc, chúng ta phải dùng lời nói, biện pháp, kỷ luật để xử phạt, để nhắc nhở, nhưng có lúc chúng ta chỉ im lặng, không nói lời nào cũng là phương pháp giáo hóa vô cùng hiệu quả. Tuy nhiên, khi nào sử dụng phương pháp im lặng, khi nào phải dùng biện pháp nhắc nhở, đó là việc chúng ta cần lưu ý để thực hiện cho đúng lúc đúng thời.

*** Đối tượng hoá độ:**

a. Người xuất gia: Trách nhiệm trụ trì phải tiếp Tăng độ chúng, truyền trì mạng mạch Như Lai. Để cho Phật pháp càng ngày càng hưng thịnh và được lưu truyền mãi mãi trong chốn nhân gian, đem lại sự an lạc và lợi ích cho chư thiên và loài người thì người trụ trì cần phải hoá độ cho một số người có duyên với Phật pháp làm đệ tử xuất gia.

Cần nói thêm, với vai trò là người trụ trì, thường cũng là Bốn sư trong một ngôi tịnh xá thì người trụ trì phải chỉ cho người học trò của mình hiểu và thực hành theo giáo pháp của đức Thế Tôn là một niềm vui sướng, là quý báu. Như Đức Tổ sư Minh Đăng Quang thường dạy:

“Đi tu là phải sạch bụi trần, đứng trên trần bụi, đừng cho lem lấm, mới nên sự yên vui ích lợi.”

Đi tu đúng chơn lý, chánh lý hơn hết.

Đi tu là con đường giác ngộ quý báu lắm.

Đi tu là để giải thoát trần khổ, để làm người giác ngộ và dẫn dắt chúng sanh.

Đi tu để lập đời tốt đẹp, cải sửa phong tục, khai đường mở lối cho thiên hạ.

Người tu sẽ được đứng yên trên mặt đất, cõi đời chỉ dung chứa được người tu là được sống đời tốt đẹp¹”.

b. Người tại gia cư sĩ: Đối với tín đồ một số tôn giáo, cụ thể là Thiên Chúa giáo, họ sinh hoạt theo từng khu vực, tín đồ ở giáo xứ nào thì đi cầu nguyện, sinh hoạt ở giáo



xứ đó. Còn tín đồ của Phật giáo thì không như vậy. Có những Phật tử ở cạnh bên nhà chùa, tịnh xá nhưng lại là Phật tử ở một ngôi chùa hay tịnh xá ở rất xa, hoặc những Phật tử ở rất xa nhưng lại là tín đồ của tự viện mình.

Từ những điều trên cho chúng ta thấy là người trụ trì không nên giữ khư khư là Phật tử của tịnh xá mình thì phải đi ở tịnh xá mình, mà người trụ trì có trách nhiệm là tùy duyên hoá độ, cứ Phật tử đến nơi mình trú xứ là mình cứ chỉ dạy cho họ về lối sống đạo đức, sự tu hành giải thoát, rồi họ muốn đi đến bất cứ nơi nào cũng tùy duyên mà thôi.

2. Thuyết pháp:

Trách nhiệm của trụ trì là “hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi sự nghiệp”. Hoằng pháp, lợi sanh là nhiệm vụ quan trọng trong cuộc đời của người trụ trì, vì muốn giáo pháp của Đức Từ Phụ đến với mọi người thì người trụ trì là chiếc cầu nối quan trọng, là người thầy sơ cơ để cho những người đệ tử của mình tắm mình trong những giọt mưa pháp đầu tiên.

Một nhà hoằng pháp tốt không thể thiếu về Tứ vô ngại biện (còn gọi là Tứ vô ngại trí). Tứ vô ngại trí

là bốn thứ trí vô ngại của Bồ-tát sử dụng trong lúc thuyết pháp. Đứng trên phương diện ý nghiệp thì gọi là Tứ vô ngại trí, còn đứng trên phương diện khẩu nghiệp mà nói thì gọi là Tứ vô ngại biện.

Tứ vô ngại biện là:

- Pháp vô ngại: Là đối với giáo pháp phải thông hiểu tường tận về danh, cú, văn nên khi thuyết pháp giảng giải các pháp xuyên suốt không bị chướng ngại.

- Nghĩa vô ngại: Là đối với nghĩa lý thâm diệu của giáo pháp, giảng giải thấu suốt và tường tận, không bao giờ bị bế tắc.

- Từ vô ngại: Là ngôn từ được tự tại, tùy ngôn ngữ của từng chúng loại, từng địa phương nên khi thuyết pháp không bao giờ bị trở ngại.

- Lạc thuyết vô ngại: Là do có đủ ba trí vô ngại trên, nên khi thuyết pháp được tự tại, hỷ lạc.

Kinh Niết Bàn, Đức Thế Tôn đã nói: “Bồ tát ma ha tát năng như thị tri, đắc Tứ vô ngại”.

Bốn pháp vô ngại được sử dụng trên bước đường giáo hóa độ sanh mang một ý nghĩa rất quan trọng. Chúng ta thấy rằng, dù đó là vị Trụ trì nổi tiếng hay là một vị Trụ trì bình thường, nếu muốn



thực hiện sứ mạng của mình trên con đường giáo hóa chúng sanh, chúng ta cũng cần phải thông hiểu giáo nghĩa văn cú tường tận, mới không bị chướng ngại trong lúc giáo hóa độ sanh. Vì nhiều khi không cần lên bục giảng, mà vị Trụ trì có thể giáo hóa trực tiếp cho những người đến chùa lễ Phật. Khi họ hỏi ta về Phật pháp, nếu không giảng giải rõ ràng, thông suốt thì làm sao thuyết phục được họ, làm sao tạo được niềm tin cho họ. Nhất là trong thời đại ngày nay, đội ngũ tri thức cũng đang dần dần hướng về tìm hiểu Phật pháp, tìm hiểu triết lý vừa sâu xa, vi diệu mà cũng vừa hiện thực của Phật giáo. Vì thế, vị Trụ trì cần phải thâm nhập Phật pháp. Có thể nói, vị Trụ trì chính là người đầu tiên làm trọng điểm để cho họ tìm đến tham vấn đạo pháp.

Bước theo con đường giáo hóa của chư Phật, chư Tổ, chúng ta cần phải nỗ lực, tinh tấn nghiên tầm giáo nghĩa và tiến tu hơn nữa. Nhưng nên nhớ là học và tu phải song hành với nhau. Bởi nếu: *"Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đầy sách"*.

Câu nói ấy, văn từ hơi thô thiển, nhưng rất có ý nghĩa trong

việc tu tập, hành trì và truyền bá chánh pháp của một vị Trụ trì trong thời đại ngày nay. Nhất là cho những ai muốn nhận lãnh một sứ mạng cao cả; muốn làm tròn sứ mạng "Trụ pháp vương gia, trì Như Lai tạng" của đức Thế Tôn giao phó thì cần phải chiêm nghiệm, cần lấy đó làm châm ngôn nhắc nhở tự thân.

Đối với Pháp và Nghĩa vô ngại biện, vị Trụ trì dù không thông hiểu tường tận cả nguồn giáo pháp của Đức Thế Tôn, nhưng ít ra những khái niệm, những luận cứ Phật pháp cơ bản, chúng ta cần phải nắm vững. Những ý pháp căn bản để tu tập mang đến lợi ích thiết thực trong đời sống hằng ngày, chúng ta cần phải lãnh hội. Như tinh thần ý nghĩa tổng quát của các bộ kinh, các pháp môn tu tập, chúng ta cần phải thông suốt. Không thể nào một vị Trụ trì mà không nắm bắt ý pháp, lỡ khi có ai hỏi đến thì lòng cảm thấy ray rứt bấn khoăn. Xưa kia, Tổ Quy Sơn đã từng lưu ý rằng: *"... Giáo lý vị thường thổ hoài, huyền đạo vô nhơn khế ngộ"*, để rồi *"Tương hà thức liễu hậu côn, tân học vô nhơn phỏng hiệu"*, nghĩa là: *"... Giáo lý chưa từng để lòng, chỗ huyền đạo nhân đâu khế ngộ" để rồi "... Lấy gì thức liễu đàn em, tân học nương đâu bắt chước ..."*.

Đối với Từ và Lạc Thuyết vô ngại biện, thì bản thân mỗi vị Trụ trì cần hiểu rõ ngôn ngữ từng vùng, từng địa phương. Bởi có những nơi thuộc vùng sâu vùng xa, nếu ta không sử dụng đúng ngôn ngữ của họ, cứ chấp chặt vào tiếng nói của mình thì ta nói gì, họ chẳng hiểu được. Đặc biệt là ở trong nội tự, vị Trụ trì không nên phân biệt tiếng miền này, miền khác. Vì như thế sẽ tạo ra sự chia rẽ địa phương, bè nhóm. Cho nên, là vị Trụ trì, dù không sử dụng được ngôn ngữ của địa phương khác thì cũng khéo léo, không nên bắt chước hoặc chế nhạo khiến cho lòng người bất mãn.

Do vậy, mỗi vị Trụ trì chúng ta cần nắm vững tinh thần Tứ vô ngại biện này để ứng dụng cho phù hợp và có hiệu quả trên bước đường hoằng hóa của mình.

3. Kiến trúc xây dựng:

Người trụ trì phải biết đòi hỏi về kiến trúc xây dựng, phải gìn giữ bản sắc văn hóa theo tinh thần Hệ phái, như xây dựng tịnh xá theo kiểu bát giác, thờ một pho tượng Bốn sư tại tháp chính, bót vẽ cốt tượng nhưng đạo tràng lúc nào cũng trang nghiêm, sạch sẽ.

Cần chú ý trùng tu kiến trúc cũ và xây dựng cơ sở mới để phát triển đạo pháp.

4. Điều hành tổng quát:

Người trụ trì không thể làm hết mọi công việc chùa, chỉ xem xét quản lý tổng quát, sắp đặt mọi công việc cho đại chúng. Nếu người trụ trì chỉ dính mắc, hay chỉ làm một công việc mà mình thích thì chắc chắn là công tác Phật sự của ngôi chùa, ngôi tịnh xá,... đó sẽ bị trì trệ ngay. Nếu muốn điều hành tốt công tác của tịnh xá thì ngoài cái đức tu, người trụ trì cần phải có một cái tài lãnh đạo tương đối ở mức chấp nhận được.

5. Sắp xếp công việc Tăng chúng:

Tùy theo khả năng của từng vị mà chúng ta sắp xếp đúng người đúng việc (hoặc thành lập các phân ban). Có như thế thì công việc trong nội tự mới trôi chảy và cũng tạo điều kiện tốt cho hàng đệ tử giỏi về chuyên môn. Thật sự mà nói nếu xét về chuyên môn thiên về một mặt nào đó thì người trụ trì chưa chắc giỏi bằng đệ tử của mình, nhưng tại sao trụ trì vẫn là người lãnh đạo cao nhất của một tự viện. Vì về mặt tổng quát, về kinh nghiệm tu tập, kinh nghiệm cuộc sống,... thì người trụ trì ít nhiều cũng giỏi hơn những người đệ tử.

6. Sắp xếp thời khóa tu học:

Tu học là vấn đề quan trọng cho hàng Tăng sĩ để trau dồi giới,



định, tuệ, cũng như thể hiện gương lành cho Phật tử noi theo và đặt niềm tin nơi Tam Bảo. Nếu trong một tự viện mà không có một thời khóa tu học cơ bản, chư Tăng Ni giải đãi, các thời khóa không duy trì thì chẳng những bản thân của người tu ở tự viện, tịnh xá,... đó sẽ bị chùn bước mà còn ảnh hưởng rất lớn đến sự quy kính Phật pháp của người Phật tử.

7. Nội quy kỷ luật:

Ngôi già lam là nơi quy tụ nhiều người tu học, xuất thân từ nhiều tầng lớp, vùng miền khác nhau trong xã hội. Do đó trong một tự viện cần phải có một nội quy và kỷ luật tốt để cho có sự an hòa, thanh tịnh và tu học tốt trong tự viện.

8. Thực hiện tinh thần lục hòa cộng trụ:

“Nói đến Tăng đoàn Phật giáo thì người ta nghĩ ngay đến hai đặc tính tiêu biểu: thanh tịnh và hoà hợp. Nhờ sự thống nhiếp của giới luật mà hai đặc tính này tồn tại mãi trong Tăng đoàn, làm cho Phật giáo thăng hoa trong suốt chiều dài lịch sử. Nói cách khác, giới luật chính là máu nuôi sống cơ thể Tăng già.”²

Nếu trong một Tăng đoàn mà không có sự hoà hợp thì Tăng đoàn đó sẽ không tồn tại, nếu có tồn tại cũng chỉ là một nhóm người ô hợp mà thôi. Vì bản chất của Tăng là sự hoà hợp và thanh tịnh, nếu xa rời hai bản chất này thì hình thức của Tăng già sẽ bị hoen ố ngay. Cũng với sự hoà hợp trong Tăng mà làm tăng thêm lòng tin cho người tín thí, làm cho người phát tâm theo Phật nhiều hơn. Sự hoà hợp này giống như nước với sữa, không thể nào tách rời ra được. “Thanh tịnh và hoà hợp là điều kiện chính yếu để hình thành một Giáo hội Tăng già lớn mạnh đặc trưng cho tinh thần giải thoát”³. Tính chất thanh tịnh và hoà hợp chỉ có được chỉ khi nào Tăng đoàn biết tuân thủ theo giới luật mà Phật đã chế ra. Nếu trong Tăng đoàn có



nhiều người không hành trì giới luật thì sẽ không có tính chất này xuất hiện.

Một Tăng đoàn phát triển là ở nơi đó giới luật được bảo tồn, mọi người biết thương yêu, coi nhau như người thân trong gia đình và đặc biệt là phép lục hoà luôn luôn hiện hữu. Còn như nếu trong một Tăng đoàn có sự chia rẽ, có sự rạn nứt, không ai nâng đỡ, bảo vệ ai thì dù những thành viên trong Tăng đoàn có tài giỏi đến đâu thì sau một thời gian Tăng đoàn đó cũng sẽ tan rã. Vì sao vậy? Vì không có sự đoàn kết thì nói năng bất hoà, không ai phục tùng ai, hội họp hay giải tán đều không có chánh niệm.

Cho nên, thanh tịnh và hoà hợp là hai yếu tố rất quan trọng tương quan mật thiết với nhau. Nếu thiếu một trong hai điều kiện này thì nhất định bản thể Tăng già không thành tựu⁴. Đức Phật đã dạy, không có bất kỳ con vật nào có thể ăn thịt được sư tử, chỉ có những con trùng trong thân của sư tử ăn sư tử mà thôi⁵. Cũng vậy, không có ngoại đạo nào có đủ sức làm rạn nứt giáo pháp của Như Lai được, chỉ có những đệ tử của Như Lai tự làm điều này thôi.

9. Chăm sóc theo dõi Tăng chúng:

Trụ trì luôn luôn theo dõi đời sống Tăng chúng về mặt sức khỏe cũng như tinh thần tu học mỗi ngày, nếu có việc không tốt cần nên giải quyết sớm. Đây cũng là điều rất cần thiết, nếu không làm tốt việc này thì sẽ làm mất đi sự quan tâm, thân thiết trong nội bộ tự viện.

10. Tạo điều kiện cho chúng đi học:

Ngày nay trong vấn đề hoằng pháp rất quan trọng đòi hỏi người pháp sư phải có kiến thức rộng lớn. Cho nên, việc đào tạo Tăng tài là điều không thể thiếu được của một ngôi già lam. Nếu một ngôi già lam mà có nhiều người tài đức cùng cộng trụ thì chắc chắn ngôi già lam đó ngày càng phát triển về công tác hóa độ cũng như những phương diện khác.

11. Quản lý tài sản:

Tuy chúng ta là người xuất gia không xem nặng về vật chất nhưng vấn đề gìn giữ tài sản của người cư sĩ hiến cúng cũng như bảo vệ những gì mà tiền nhân tạo ra là nhiệm vụ không nhỏ của người trụ trì.

IV. VẤN ĐỀ ĐỐI NGOẠI

Để cho đạo Phật ngày càng rộng mở và đến với quần chúng nhân dân thì chúng ta cần phải làm tốt một số mặt sau:

1. Giáo tế

a. Quan hệ chính quyền: Đây là một điều kiện thiết yếu để cho chúng ta phát triển đạo Phật. Vì ở bất kỳ triều đại nào nếu chính quyền không ủng hộ thì chúng ta khó mà hoàn thành các công tác Phật sự.

b. Giáo hội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam là cơ quan quản lý tự viện Tăng, Ni do đó vị trụ trì cần nên quan hệ tốt và tham gia vào các công tác Phật sự chung.

c. Tôn giáo bạn: Nên quan hệ tốt với tôn giáo bạn và học hỏi những cái hay của họ, đặc biệt là phải tránh xung đột về những tư tưởng đúng sai giữa tôn giáo này hay tôn giáo nọ.

d. Phật tử: Nên thăm hỏi, an ủi, nói giáo lý và giúp đỡ về mặt tinh thần cho Phật tử khi gia đình họ có việc cần. Đó cũng là một cách tốt để tạo mối quan hệ đưa Phật tử đến gần con đường đạo hơn.

2. Làm từ thiện

Thường xuyên làm một số công tác từ thiện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn chung quanh khu vực mình sống và những nơi có thiên tai, bão lũ.

3. Hệ phái

Là nơi quản lý chung của các Giáo đoàn Tăng, Ni, cho nên người trụ trì phải tham gia vào các công việc chung của Hệ phái để tạo thêm sự gắn kết vững chắc giữa các thành viên với nhau.

4. Giáo đoàn

Là nơi quản lý, điều hành và phân bổ các Tăng, Ni trong giáo đoàn đi trụ xứ các nơi, do đó người trụ trì cần phải thường xuyên liên hệ với Ban điều hành của giáo đoàn và về tham dự các buổi sinh hoạt định kỳ của giáo đoàn để nắm bắt những thông tin Phật sự cần thiết.

C. LÒI KẾT

Những bốn phận của người trụ trì, cũng chính những người

quyết định sự tồn tại và phát triển của hệ thống tự viện, tịnh xá. Bốn phận người trụ trì và Hệ thống tịnh xá Khất Sĩ, hai bộ phận này muốn phát triển thì cần phải có sự hỗ tương lẫn nhau. Hệ thống tự viện, tịnh xá chẳng qua như là xác thân của chúng ta, hay như là một đoàn tàu, còn người trụ trì chính là bộ não hay đầu của một đoàn tàu. Nếu người điều khiển đoàn tàu đoàn có một cái đầu tinh táo, bình tĩnh thì đoàn tàu vận hành tốt. Cũng vậy, nếu những người trụ trì có bốn phận và trách nhiệm cao, lại thêm có tài và có đức thì sẽ là một điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về mọi mặt.

Với nhiệm vụ là trụ trì một cơ sở hạ tầng của Giáo hội, nơi giao tiếp trực tiếp với quần chúng Phật tử nhiều thành phần đa dạng trong xã hội thì việc truyền đạo cũng có nhiều phương cách khác nhau "Tùy duyên hoá độ" không nhất thiết phải "cứng nhắc" theo một khuôn mẫu nhất định nào vì Phật Pháp là "bất định pháp". Nhưng nói như thế không có nghĩa là bất chấp mọi qui củ đạo đức của người xuất gia mà chúng ta làm việc gì phải có cân nhắc và phải đem tâm chân thật để đến với mọi người, nếu không sẽ trở thành phi đạo đức làm tổn thương đến Đạo mà còn làm cho sự nghiệp của chính mình bị ảnh hưởng. Điều cần nhất nơi một vị trụ trì chính là ở cái Tâm và cái Đức. Đây là hai mặt hết sức quan trọng mà trước khi được giao phó nhiệm vụ thiêng liêng gìn giữ cơ sở Giáo hội, giáo hóa mọi người quay về với Chánh pháp, vượt qua khổ đau, sống tự tại vô ngại giữa cuộc đời mà vị trụ trì đã phát nguyện thông qua những hoạt động thường ngày, vị trụ trì phải thể hiện được cung cách của một bậc xuất trần thượng sĩ, giải quyết mọi việc bằng cái tâm tu và bằng đức độ của một người có hành trì, tu tập. Khi tiếp xúc với một vị thầy như thế,

chúng ta sẽ cảm nhận được năng lượng của an lạc và tự nhiên sẽ được chuyển hóa.

Thực tế, một vị trụ trì nếu chỉ chuyên tâm tầm cầu học tập kinh điển và hành trì giáo pháp, thì vị ấy đã có thể giáo hóa được nhiều người. Vì suy cho cùng, công việc của vị trụ trì là giữ gìn và truyền trì mạng mạch của Phật pháp, nên "thiền duyệt" mới chính là "món ăn" tinh thần của các vị. Quần chúng đến chùa, điều cần thiết với họ không phải là bàn luận thế sự hay chính trị mà là học hỏi và nghiên tầm giáo pháp. Do đó, nếu một vị trụ trì không có sự dụng công nhất định trong kinh kệ, luật luận sẽ là một thiếu sót lớn và xem như nhiệm vụ, sứ mạng của mình khó mà hoàn thành. Đây chính là cách hoằng pháp hữu hiệu nhất. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổ sư Minh Đăng Quang, *Chơn Lý*, tập 1, 2, 3, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004.
2. HT. Thích Minh Cảnh (chủ biên), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005.
3. Viện NCPHVN, *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, Nxb Phương Đông, 2008.
4. TT. Thích Chơn Quang, *Quan điểm người Trụ trì*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2001.
5. HT. Thích Thanh Kiêm (dịch và chủ thích), *Thiền lâm bảo huấn*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2001.
6. HT. Thích Minh Thông, *Theo dấu chân xưa*, Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm, 2002.
7. HT. Thích Thiện Trí, Chuyên đề *Quản lý tự viện Bắc tông*, Dành cho sinh viên năm thứ 3 hệ Cử nhân Phật học, Khóa 6 (2007).

1. Tổ sư Minh Đăng Quang, *Chơn Lý*, quyển 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr 229.
2. Thích Minh Thông, *Theo dấu chân xưa*, Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm, 2002, tr. 70.
3. Sdd, tr. 90.
4. Sdd, tr. 92
5. Sư tử trùng thực sư tử nhục.



KHUYÊN PHÁT Tâm bồ đề

(Tiếp theo tập 10 và hết)

● Sa môn Thật Hiền soạn

Sư cô Tuệ Liên dịch

Ni sư Minh Liên chuyển thơ

Vừa ra khỏi cảnh A-tỳ,
Tạo y nghiệp cũ chính vì si mê.
Mẹ cha nhiều kiếp vung về,
Không tu đời lốt con heo, con lừa.
Đau thương bị thăm sớm trưa,
Ăn cha, nuốt mẹ vui ưa tánh phàm.
Oan gia trở tánh tham lam,
Ngày xưa là giặc, nay làm con yêu.
Mẹ, cha, chồng, vợ đổi nhiều,
Si mê không thấy sớm chiều có nhau.
Quả nhân đời trước đến nay,
Thật là đáng hổ, xét rày đáng thương.
Như ta đặt tức mạng thông,
Hiếu rành nhân quả thật không hổ lòng.
Bị bao bụng mẹ bọc trong,
Thiệt là khó chịu trong vòng mang thai.
Nhỏ thì chẳng biết điều chi,
Chẳng phân biệt rõ chỉ vì tham sân.
Thoảng qua già bình truy tâm,
Vô thường lại đến giao tranh thức tình.
Teo khô, da thịt huyết tinh,
Sợi lông nhỏ nhất như hình đốt thiêu.
Đau thương thống khổ quá nhiều,
Vô rùa tháo gờ thấy điều dễ hơn.
Đền khi thần thức lúc tàn,
Vô cùng khổ cực tâm đang thoát ra.
Tâm thường giống ruồi bôn ba,
Mọi nơi, mọi chốn như là thương buồn.
Thân không cố định dáng hình,
Khác nào chỗ ở phòng mình đổi thay.
Vi trần của đại thiên này,
Cũng không sánh nổi luân hồi nhiều thân.
Nước đầy trong bốn biển tràn,
Cũng không sánh được lệ trần biệt ly.
Chất xương hơn núi Tu Di,

Thầy nằm ngang dọc kẻ thì xiết bao.
Vị như lời Phật chưa vào,
Ai hay, ai biết, làm sao giải bày.
Vây mà nhiều kẻ luyện tham,
Si mê như cũ rằng muôn ngàn đời.
Một lần sa lạc đó thôi,
Trăm lần sai hết thân người dễ trôi.
Thân người khó được lắm ôi!
Được rồi dễ mất, dễ trôi khó gìn.
Một mờ đường hướng tự mình,
Tam đồ, ác báo, cực hình chịu ngay,
Ôi thôi! thống khổ dặt dài,
Không sao nói hết ai thay giùm mình.
Đền đây há chẳng khiếp kinh,
Phải lo, phải sợ tử sinh diệt nguồn.
Vượt qua bể ái dục trần,
Mình, người thức tỉnh dốc lòng tiền tu.
Đồng lên bờ giác thuyền từ,
Diệt nguồn sinh tử trí bi hiển bày.
Nhân duyên thú sáu tuyệt hay,
Luân hồi sanh tử ta nay dứt rồi.
Tánh linh tôn trọng hẳn hoi,
Tâm ta cùng Phật Như Lai khác gì.
Thê Tôn vô lượng từ bi,
Tu hành nhiều kiếp cũng vì chúng sanh.
Đạt thành Chánh giác hạnh lành,
Còn ta điên đảo lộn quanh sáu đường.
Phật Ngài vô lượng thần thông,
Trang nghiêm công đức tuệ thông khôn lường.
Còn ta nghiệp chướng buộc ràng,
Nên xa cách Phật muôn ngàn lối đi.
Phật, Ta tâm tánh một thôi,
Ta mê, Phật ngộ một trời cách xa.
Ta hằng suy nghĩ xét ra,
Vô cùng hổ thẹn xót xa tâm lòng.

Ví như ngọc báu vùi bùn,
 Không hề thương tiếc không vương tắc lòng.
 Hãy nên tỉnh giấc mộng trần,
 Thực hành thiện pháp diệt phiền não đời.
 Lập công bồi đức kịp thời,
 Như ngọc vô giá được dồi chùi lau.
 Bừng lên ánh sáng nhiệm mầu,
 Long lanh rực rỡ rạng ngời hào quang.
 Xứng công Đức Phật chỉ đường,
 Thế Tôn giáo hoá vô vàn công lao.
 Nhân duyên thứ bảy nhập vào,
 Tánh linh hiển hiện thâm sâu trong lòng.
 Tám là sám hối nghiệp vương,
 Oai nghi, cử chỉ tâm thường buông lung.
 Năm trăm tuổi thọ Thiên Vương.
 Kiệt la tội nhỏ, tai ương nặng nề.
 Còn ta tội nặng nhiều bề,
 Nói, làm, ăn, mặc, không hề chú tâm.
 Hằng ngày động tác lỗi lầm,
 Lúc ngồi, lúc đứng, lúc nằm, lúc đi.
 Không gìn giới luật oai nghi.
 Một ngày đã phạm huỷ hoại chi nhiều đời,
 Vô cùng vô tận kiếp rồi,
 Vô biên tội lỗi khó thời nói ra.
 Mười người hết chín kia mà,
 Một người thành thật khai ra lỗi lầm.
 Năm điều giới cấm Phật răn,
 Còn chưa giữ được như trăng khuyết tròn.
 Sa di, Bồ tát, Tỳ kheu,
 Thành tâm bạch Phật truyền trao giới điều.
 Phải nên rõ biết mục tiêu,
 Giữ gìn giới luật thoát điều khổ đau.
 Nếu không sẽ bị trễ chầy,
 Đọa vào ác đạo không ngày nào ra.
 Thương mình, thương người xót xa,
 Thân cùng khẩu ý thiết tha giải bày.
 Từ vô lượng kiếp tới nay,
 Vô tình, cố ý nghiệp dày tội vương.
 Cầu xin Tam Bảo xót thương,
 Ăn năn sám hối tỏ tường lý chân.
 Nhân duyên thứ tám thành tâm,
 Bồ đề tâm phát lỗi lầm sạch trơn.
 Ta Bà tu tập khó khăn,
 Vãng sanh Tịnh Độ thật không dễ dàng.
 Một đời niệm Phật lần tràng,

Vẫn chưa thành tựu bởi màn vô minh.
 Ngày xưa Thánh Hiền niệm kinh,
 Cả ngàn, vạn luận đồng thời hướng về.
 Tây phương Cực Lạc là quê,
 Người người xu hướng đường về Lạc bang.
 Đời nay mặt pháp rõ ràng,
 Căn lành kém cõi vô vàn khó khăn.
 Thiền duyên, ít phước chưa thành,
 Tham, sân, ngã dục, lục trần che ngăn.
 Thế nên ta mới chuyên cần,
 Chấp trì danh hiệu chí thành tiên tu.
 Phát tâm quảng đại công phu,
 Trì danh hiệu Phật an vui đời đời.
 Bồ Đề rộng lớn khắp nơi,
 Trăm năm bồ thí, nhiều đời luống công.
 Bởi vì niệm Phật phát tâm,
 Mong thành Phật quả thông dong cứu đời.
 Cho nên gieo hạt Bồ Đề,
 Lưới cây niệm Phật xum xuê cội cành.
 Thuyền từ đại nguyện độ sanh,
 Vào trong bể cả Tây Thành dễ tu.
 Tây phương Cực Lạc nhân du,
 Thông dong tự tại muôn thu an bình.
 Nhân duyên thứ chín chóng thành,
 Bồ Đề tâm phát vắng sanh Liên Đài.
 Thế Tôn vô lượng kiếp nay,
 Hành Bồ Tát đạo chỉ bày chúng sanh.
 Hy sinh tu tập thực hành,
 Khó khăn gian khổ đạt thành Phật thân.
 Du phương giáo hoá thể trần,
 Công viên, quả mãn Niết Bàn vô dư.
 Thời kỳ chánh pháp còn đâu?
 Chỉ còn tồn tại hơn thua tranh giành.
 Chạy theo nhân ngã lợi danh,
 Hành trì tà pháp không phân thiện lành.
 Chẳng ai biết Phật, Pháp hành,
 Ba ngôi Tam Bảo không thành kính tin.
 Suy tàn đến thế ngôi nhìn,
 Lệ rơi thốn thức tâm mình đau thương.
 Ta là con đảng Pháp Vương,
 Sống cho có ích trên đường tiên tu.
 Đáp ân đức Phật cao sâu,
 Hộ trì chánh pháp ngày nay lập nguyện.
 Cùng chung thiện hữu kết duyên,
 Phát tâm đại nguyện, nguyện nguyện độ sanh



Ngàn đời kiếp kiếp tâm thành,
 Từ nay cho tới tận cùng vì lai.
 Nguyên sanh Cực Lạc Liên Đài,
 Xong rồi trở lại Ta Bà thế gian.
 Mặt trời Phật pháp soi đường,
 Pháp môn mở rộng đạo vàng chiều soi.
 Phương Đông chánh pháp hân hời,
 Vận hành tồn tại lâu dài tuyên dương.
 Thành tâm mở rộng tấm lòng,
 Hoằng truyền chánh pháp đáp ân đức Ngài.
 Nhân duyên thú mười tuyệt hay,
 Bồ Đề tâm phát hoằng khai đạo mẫu.
 Mười duyên xu hướng phát tâm.
 Rõ ràng tám tướng chia phân dành rành.
 Được thân khoẻ mạnh cao thanh,
 Sáu căn đầy đủ tín tâm rõ ràng.
 Xuất gia trong cõi đạo tràng,
 Hành trì giới luật thoát đàng tử sinh.
 Được nghe chánh pháp giữ mình,
 Được chiêm xá lợi kính thành thâm.
 Hằng ngày được gặp bạn lành,
 Nhân duyên thù thắng phước lành ngày nay.
 Tâm thành ngu muội giải bày,
 Cúi xin đại chúng lập ngay nguyện này.
 Đồng tâm hiệp lực từ đây,
 Phát tâm tương tục không ngày thôi lui.
 Đừng cho hơi hột dễ xuôi,
 Đừng ham mau chóng, chẳng lâu, chẳng bền.
 Đừng lòng biếng nhác chẳng nên,
 Vượt qua dòng mánh đừng nên thần thờ.
 Đừng cho uể oải tinh thần,
 Đừng chần chờ mãi hẹn lần ngày mai.
 Đừng vì tội dốt bị ai,
 Đừng vì cạn cột căn cơ thấp hèn.
 Đừng khinh không có căn phần,
 Như trồng cây cảnh, trồng lâu rễ nhiều.
 Mài dao, mài mãi hết đuôi,
 Dao thành sắc bén nhiều người dùng ngay.
 Không tu thì khổ lắm thay,
 Đời đời, kiếp kiếp khổ đau luân hồi.
 Tu thì khó nhọc hiện thời,
 An vui vĩnh kiếp cuộc đời thông dong.
 Hành trì Tịnh Độ hết lòng,
 Giòng thuyền Bát nhã ngược dòng hoá duyên.
 Khó khăn gian khổ không phiền,

Kiên trì nhẫn nại tâm nguyện chuyển mê.
 Tôi nhân địa ngục thăm thể,
 Cũng còn phát khởi bồ đề muốn tu.
 Hướng chi mình được làm người,
 Xưng danh con Phật trong đời hiện nay.
 Nếu không lập đại nguyện này,
 Đã từ vô thủy tới nay mê mờ.
 Việc gì nó đã qua rồi,
 Không sao cần nổi, buông trôi thể thường.
 Mê mà chưa ngộ đáng thương,
 Ngộ rồi chẳng chịu tỏ tường ăn năn.
 Mới càng đáng tiếc bản khoán,
 Khổ đau địa ngục mong rằng thoát ra.
 Vô thường tấn tốc đi qua,
 Cần lấy pháp Phật chiều soi tâm mình.
 Hai bàn tay, dắt hữu tình,
 Dù trong khoảnh khắc cũng không tách rời.
 Nuông theo bạn tốt suốt đời,
 Thì không lo lắng tâm thời thời lui.
 Dù cho một niệm công phu,
 Đừng cho vô ích nguyện tu hoài hoài.
 Tâm chân sự thật hân hời,
 Hạnh sâu, nguyện rộng, tín thời hực không.
 Kim cương đâu có cứng bằng,
 Tâm nguyện, nguyện lực hơn rằng kim cương.
 Thật Hiền, hiền dụ khiêm cung,
 Bảo rằng đại chúng hiệp cùng với tôi.
 Bồ Đề quyền thuộc đây rồi,
 Từ đây giao kết lời tôi chỉ bày.
 Đồng sanh Tịnh Độ kia mà,
 Cùng đồng thấy Phật Di Đà phương Tây.
 Hiệp đồng giáo hoá từ đây,
 Đồng thành chánh giác hiển bày pháp môn.
 Ba hai tướng tốt Thế Tôn,
 Trang nghiêm trăm phước phát tâm lập nguyện.
 Nguyện cùng đại chúng kết duyên,
 Cùng nhau nỗ lực xây miền Lạc bang.
 Ta Bà thành cõi Tây phang,
 Vô cùng may mắn nhân duyên đủ đầy. ■

Làm xong ngày 15 tháng 6 năm Canh Dần
 Nhâm 27 tháng 7 năm 2010
 Tại Trường hạ Ngọc Phương

KHÁM PHÁ SỰ TINH TẾ trong giáo lý duyên khởi

● TT. Minh Thành Ph.D

*Imasmim sati, idam hoti;
imassa uppada idam uppajjati.
Imasmim asati, idam na hoti;
imassa nirodha idam nirujjhati.*

*Khi cái kia có, cái này có;
Do duyên cái kia sinh, cái này sinh.
Khi cái kia không có, cái này không có;
Do duyên cái kia diệt, cái này diệt.*

Câu kinh đơn giản trên đây thật ra đã chứa đựng hầu hết những tinh hoa trong cách diễn đạt của Đức Phật về nguyên lý duyên khởi. Một điều có thể ghi nhận trước tiên là trong văn phạm tiếng Pali và Sanskrit thì định sở cách: “*Khi cái kia có, cái này có*” giúp cho Đức Phật diễn đạt một cách thỏa đáng chủ trương lấy thường nghiệm làm nền tảng trong việc nhận thức thế giới. Nhờ vậy mà giáo lý nhà Phật không lạc vào mê cung của lý luận suông hay mê cung của siêu hình học. Đó là ưu điểm của cấu trúc câu điều kiện mang tính thời gian: “*Khi...*”. Trong khi cấu trúc câu điều kiện mang tính lý luận: “*Nếu...*” chẳng những không có ưu điểm này mà còn đẩy nhận thức rời khỏi thế giới cụ thể và thực tiễn. Cấu trúc “*Nếu...*” về mặt ý nghĩa là dạng cấu trúc giả thiết được các học thuyết hướng về bản thể luận hay tồn tại luận (*ontology*) ưa chuộng.

Hai, dụng ngữ *cái kia* (Skt. *Asau*) trong mối quan hệ với *cái này* (Skt. *Idam*) đã nêu bật những thành tố trong một mối liên hệ nhất định. Mối liên hệ này mang tính thực nghiệm chứ không mang tính duy lý. Cũng vậy, *cái này* chỉ cho một kết quả, một kết quả được trải nghiệm (trong khung thời gian nhất định: *Khi...*) chứ không phải là một cái được người ta hình dung và định đặt ra (*Nếu...*). Và, *cái kia* chỉ cho nguyên nhân mà người ta đã biết. Nói cách khác đây

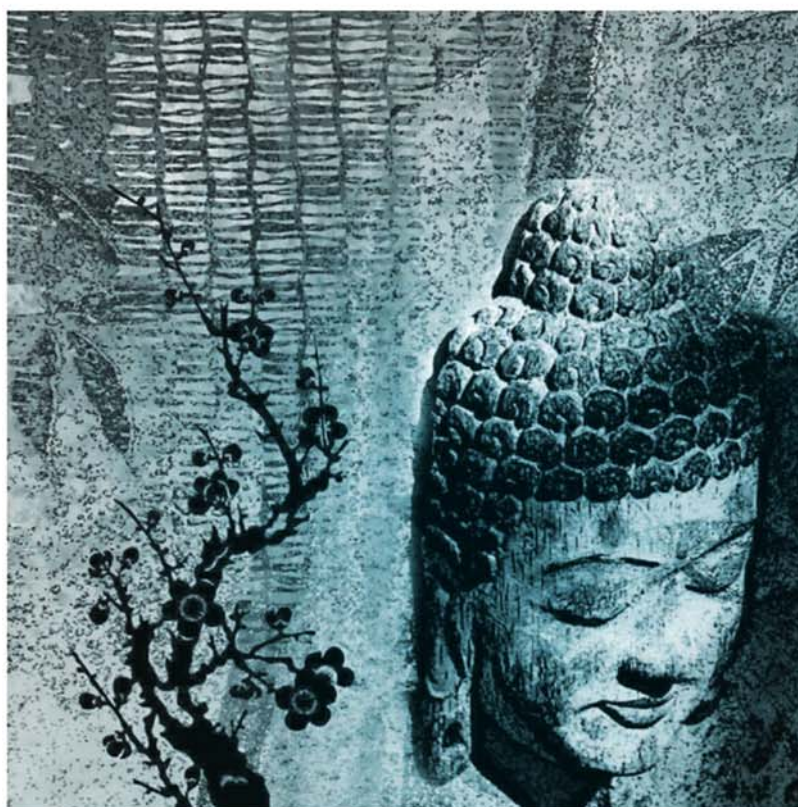




là câu tuyên bố về cái đã do duyên mà sanh khởi, chứ không phải câu tuyên bố về một cái nguyên lý suông, hay nguyên lý thuần túy. Để dễ hiểu, xin tạm mượn hình ảnh cái hộp đồng cụ thể đã và đang vận hành với bên A cụ thể và bên B cụ thể, hai bên đã ký vào và lặn tay có ghi ngày tháng, chứ không phải là cái hộp đồng mẫu với những khoảng trống chờ người ta điền vào, chưa có để ngày và chưa có ký tên. Vì vậy loại hợp đồng chưa trông (Nếu....) chỉ là một giả định được thiết lập hay xây dựng bằng luận lý với những ý tưởng trong nhận thức mà không có tính chất thực tiễn. Một cách nói khác nữa, khi có bên A bên B thì có hợp đồng, không có bên A bên B thì không có hợp đồng, cũng vậy, khi có cái này cái kia thì nguyên lý duyên khởi có mặt, không có cái này cái kia thì không có nguyên lý duyên khởi. Không có cái hợp đồng “không”, cũng vậy, không có cái gì gọi là giáo lý duyên khởi “không” cả.

Ba, sự phân biệt giữa *cái kia* và *cái này* không nhất thiết loại trừ mối liên hệ giữa hai bên vì đây không phải là mối liên hệ được xây dựng thuần túy bằng khái niệm như cách triết gia Hume luận về “mối liên hệ giữa các ý tưởng”, trong đó tiến trình loại trừ được sử dụng. Nói như vậy có nghĩa là hợp thức trên gồm 2 lời tuyên bố khẳng định (*Khi cái kia có, cái này có*) và phủ định (*Khi cái kia không, cái này không*). Hợp thức này không có lỗi phủ định đối với cái nói trước vì chúng không phải là những thành tố của một mô thức giả định gồm hai vế; trong đó mỗi liên hệ được nhìn theo định tính cần và đủ.

Ngược lại, hai lập ngôn khẳng định và phủ định có tác dụng tăng cường mối liên hệ giữa hai sự kiện tạo nên một cơ sở nhận thức chuẩn xác hơn nữa, đồng thời loại trừ hẳn việc biến lập ngôn của Phật thành

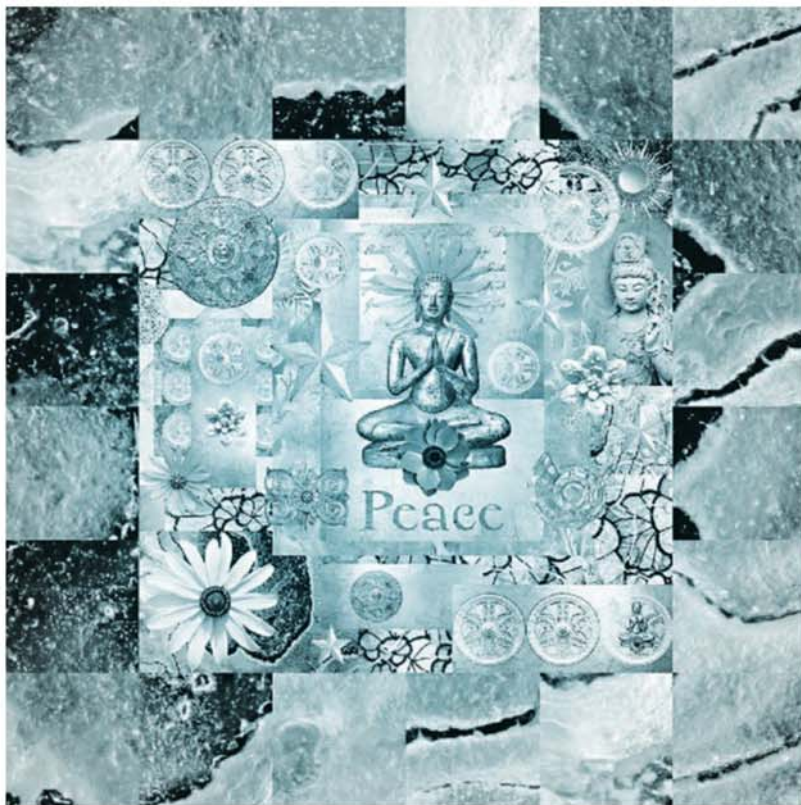


một loại chọn lý tuyệt đối, loại chọn lý có bản thể hay thực thể riêng của tự nó. Mặc khác hợp thức mang tính chung nhất hay trừu tượng này có mục đích diễn đạt hai mối liên hệ khác nhau. Câu “*Khi cái kia có, cái này có*” có thể gọi là mối liên hệ đối ứng, tức là, ứng với cái khác hay phải xét trong mối tương quan với cái khác. Câu “*Do duyên cái kia sinh, cái này sinh*” có thể gọi là mối liên hệ đối sinh.

Xây dựng nguyên lý duyên khởi theo chiều hướng này, Đức Phật thật sự đã bác bỏ việc tìm kiếm cái thực thể bí mật, cái mà người ta hay dùng để giải thích các sự vật, hiện tượng. Cụ thể, chúng ta cứ chấp giữ khởi đề: “Mọi người đều có thuộc tính chết” (*humans are mortal*), thì có khả năng chúng ta sẽ tiếp tục tìm kiếm cái gì đó bí ẩn nằm bên trong để giải thích cho thuộc tính chết của con người. Cách Đức Phật thì khác. Một mặt, Ngài vận dụng những bằng chứng có sẵn trong thực tế. Trong trường hợp cụ thể

trên, Ngài dựa trên sự thật là không người nào mang thuộc tính bất tử để gạt bỏ việc tìm kiếm cái bí ẩn (*kinici*). Một mặt, Ngài không đẩy chức năng quán sát và tư duy ra khỏi phạm vi của chúng.

Quay lưng lại với cái bí ẩn như vậy không có nghĩa là chối từ tất cả cuộc tìm kiếm và chấp nhận thái độ hoài nghi tuyệt đối. Quay lưng lại với cái bí ẩn như vậy thật ra biểu thị quan điểm chừng mực đối với mối liên hệ giữa một bên là kiến thức và một bên là khả năng linh hội. Thái độ chừng mực này được phản ánh rõ ràng trong những pháp thoại giảng giải về các hiện tượng dựa trên nguyên lý duyên khởi. Đức Phật gọi đó là con đường trung đạo (*Majjhima patipada*). Bài pháp thoại Đức Phật giảng dạy cho Kaccayana trong *Kaccayanagotta-sutta* trình bày ngắn gọn nguyên lý duyên khởi và xem nguyên lý này là con đường trung đạo của nhận thức, cũng là con đường trung đạo của triết học. Bài pháp thoại này quan trọng đến



đổi hầu hết những đại luận sư của Phật giáo đều dựa theo để triển khai tư tưởng của mình. Sau đây là một trích dẫn đầy đủ.

XV. Kaccàyanagotta: (Ca-chiên-diên Thệ) (Tập 12.19, Đại 2,85c) (S.ii,16)

1) Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ)...

2) Rồi Tôn giả Kaccàyanagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kaccàyanagotta bạch Thế Tôn:

- "Chánh kiến, chánh kiến", bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là chánh kiến?

4) Nay Kaccàyana, thế giới này phần lớn y chỉ vào hai cực đoan này: có và không có.

5) Nay Kaccàyana, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có. Nay Kaccàyana, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có.

6) Nay Kaccàyana, chấp thủ

phương tiện và bị thiên kiến trói buộc, phần lớn thế giới này là vậy. Và ai với tâm không trú trước, chấp thủ phương tiện ấy, không chấp thủ thiên chấp tùy miên ấy, không có chấp trước, không trú trước, vị ấy không có nghĩ: "Đây là tự ngã của tôi". Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, nay Kaccàyana là chánh trí kiến.

7) "Tất cả là có", nay Kaccàyana, là một cực đoan. "Tất cả là không có" là cực đoan thứ hai.

Xa lìa hai cực đoan ấy, nay Kaccàyana, Như Lai thuyết pháp theo trung đạo.

8) Vô minh duyên hành. Hành duyên thức... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do lý tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Tóm lại, nguyên lý duyên khởi

được Đức Phật nêu lên có tác dụng thay thế cho khái niệm "cái ngã vĩnh hằng" (Atman) của triết học Bà-la-môn, đồng thời cũng thay thế cho khái niệm "tự tính" hay "tự thể" (Svabhava) của các trường phái triết học tôn giáo khác. Để thực hiện chức năng thay thế cho những triết thuyết có trước, nguyên lý duyên khởi không chỉ phải tránh rơi vào bức màn bí ẩn mà còn phải giải thích các pháp hay các hiện tượng đang diễn bày, xem tất cả đều luôn luôn ở trong trạng thái sinh và diệt. Đức Phật nhận ra rằng mặc dầu nguyên lý này là cái trước mắt (*ehi passika*) nhưng lại là cái mà một người thông thường không dễ gì nhận ra và quán triệt (*duddasa*). Người thông thường ở đây được định tính là chìm đắm và vui say trong việc chấp thủ các sự vật cũng như các ý tưởng hay luận thuyết. Họ đặt cả tâm hồn và lý trí vào các luận thuyết, các quan điểm đến nỗi họ lơ đi hay xem nhẹ những chuyện hay những sự kiện hiển nhiên nhất đang diễn ra. Thật vậy, điều dường như nghịch lý là, người ta cảm thấy rất khó thấu triệt yếu tính của nguyên lý duyên khởi không phải vì bản thân của nguyên lý duyên khởi có hàm chứa điều bí ẩn mà người ta cần khám phá mà chính là vì khuynh hướng ưa chuộng cái bí ẩn và ưa chuộng việc tìm kiếm cái bí ẩn của con người. Tìm tòi cái bí ẩn, cái nằm lẫn khuất bên trong hay ở đâu đó được Đức Phật xem là nguyên nhân chính gây ra bất an và trạng thái không thỏa mãn. Đây chính là khổ đế của triết học. Nhận thức đến mức nào thì mở ra con đường đạo đến đến mức đó. Và cảnh giới thông dong của những tâm hồn đạt đạo đang chờ đón những bộ óc dám buông đi xiềng xích của định đề áp đặt và mê muội truyền kiếp để có thể hít thở bầu không khí của tuệ giác thành thang sẵn có. ■



Dù đời hay đạo, cuộc sống sang hay hèn... thì lòng tin vẫn là điều không thể thiếu đối với mỗi chúng ta. Một xã hội vật chất phát triển như ngày hôm nay, con người mãi lo chạy

theo ngũ dục trần gian, đeo đuổi danh vọng, tranh giành quyền thế,... lòng tin dễ dàng bị đánh mất bởi những lời hứa đầu môi chót lưỡi. Lòng tin có một giá trị rất lớn trong cuộc sống này, nó góp phần quyết định cuộc sống hạnh phúc hay khổ đau, là cội gốc

sinh ra các pháp lành,... và sẽ hiển hiện qua những hành xử thường nhật của con người.

Với cuộc sống chộn rộn, và nhiều áp lực do công việc đem đến, chúng ta mãi chạy đua theo thời gian để kiếm tiền, để phát triển địa vị bên ngoài xã hội. Trong khi đó, thời gian ngồi lại dùng com chung hay để chia sẻ, lắng nghe những tâm tình của vợ, của con hay của những người thân trong gia đình lại quá ít. Có rất nhiều trường hợp cha mẹ mãi lo làm ăn, cả ngày không thấy mặt con; chồng đi làm ăn xa, không biết vợ con sống thế nào, chỉ nghĩ đem tiền về là đủ. Như vậy làm sao thấu hiểu được vợ và con đang cần gì ở nơi mình. Lâu ngày, sự tin tưởng và cảm thông cho nhau cũng mất dần.

Lòng tin (tín), tức tác dụng tình thân khiến cho tâm và tác dụng của tâm sinh ra niềm tin thanh tịnh đối với một đối tượng nào đó... (Từ điển Phật học Huệ Quang). Trong một gia đình, nếu vợ không tin tưởng chồng hay ngược lại chồng luôn nghi ngờ vợ, thì hạnh phúc rất khó tồn tại. Trong một công ty, ông giám đốc không tin tưởng để giao phó công việc cho nhân viên của mình, nhân viên với tâm do dự, nghi ngờ không biết sự chỉ đạo của sếp có đúng không. Như vậy thử hỏi công việc của công ty này có trôi chảy và phát triển được hay không? Cho nên Đức Khổng Tử nói: *Nếu nghi thì đừng dùng, mà đã dùng thì đừng nghi*. Cuộc sống vốn dĩ là tương đối, nếu ta cảm thấy một người có thể chấp nhận được trên một phương diện khá dễ nào đó, thì ta nên đặt niềm tin để giao phó cho họ. Bởi vì ai ai cũng phải có học có làm, rồi mới có kinh nghiệm về sau. Chúng ta cứ tập cho họ làm, sai thì góp ý, sửa chữa. Lần hồi, họ sẽ làm một cách thành thạo, có kết quả tốt và họ sẽ là những người kế vai, sát cánh cùng ta trong suốt cuộc hành trình.

LỢI ÍCH THIẾT THỰC CỦA

lòng tin

● TK. Minh Viên



Đặt niềm tin vào người khác đã khó, và tự thân mỗi người chúng ta sống như thế nào để có niềm tin với mọi người thì lại càng khó hơn. Người xưa có câu: “*Một lần thất tín, vạn lần bất tín*”. Chúng ta phải nên tập cho mình có một đời sống “*quy tắc*” với chính bản thân mình, có nghĩa là: hèn ai, làm việc gì phải đúng giờ, đúng giấc. Hứa với ai điều gì thì phải cố gắng làm cho xong, nếu nhầm không được thì không nên hứa và cố gắng làm tròn bốn phận được giao phó. Nếu thực tập được như thế, thì niềm tin lần hồi được củng cố và tăng trưởng thêm lên.

Trong 5 điều đạo đức căn bản của một người Phật tử mà Đức Thế Tôn đã chế định thì điều thứ 4 là không được nói dối. Đang trên bước đường tu tập, chúng ta đừng bao giờ nói dối với ai về bất cứ chuyện gì, dù lớn hay nhỏ để không phải ăn năn, hối hận, mất đi niềm tin với mọi người. Khi xưa có một chú bé hằng ngày chần cừ trong một ngôi làng nọ. Một hôm chú cảm thấy buồn và bèn nghĩ ra một cách để lừa mọi người cho vui, chú liền la lên: Bà con ơi, có chó sói đến ăn cừ. Thế là mọi người trong làng ai nấy đều cầm cây, gậy chạy lên đối nhưng không thấy sói đâu cả, mà thấy chú bé cười vui vẻ vì đã lừa được mọi người. Lần thứ hai cũng tương tự như thế, mọi người ai nấy rất giận và đã nhắc nhở chú: “*Lần sau không nên có hành động như thế nữa*”, chú bé cũng cười vì vui. Vài hôm sau, bỗng có sói xuất hiện thật, chú chạy đi từng nhà kêu bà con cứu đàn cừ, nhưng mọi người nghĩ rằng chú bé lại dở trò lừa mình nên không ai ra hết, thế là bấy cừ bị sói tha đi mất. Chú ngồi một mình khóc lóc thảm thiết.

Trong cuộc sống, chữ tín vốn rất quan trọng, đánh mất chữ tín là đồng nghĩa với đánh mất tất cả. Đối với người tu học Phật thì lòng tin cũng hết sức là quan trọng, niềm tin là cửa ngõ để vào đạo, là



nền tảng cho sự tu tập, hướng thiện và cũng là mẹ sanh ra các công đức. Phật dạy, *một người khi đã có lòng tin, thì sẽ được 5 lợi ích. Đó là: được các bậc thiện nhân, chân nhân thương tưởng, thăm viếng, đến nhà thọ trai, thuyết pháp và lợi ích cuối cùng đó là người có lòng tin, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Đặc biệt, người này là chỗ nương tựa cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam và nữ cư sĩ. Cũng giống như trên một khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim.* (Kinh Tăng Chi II).

Theo tuệ giác của Thế Tôn, niềm tin phải có trí tuệ đi kèm, như vậy mới gọi là chánh tín. Ngài luôn khuyến khích các đệ tử của mình sau khi nghe một điều gì nên suy tư và đem ra bàn luận cho rõ ràng, rồi mới ứng dụng thực hành. Niềm tin về giáo pháp của hàng đệ tử được thành tựu sau khi quán sát, tư duy và chiêm nghiệm. Mặt khác, một hành giả đang trên bước đường tu tập thì cần phải có niềm tin đối với pháp môn mà mình đã chọn. Chính niềm tin này là động lực thúc đẩy cho ta tinh tấn hơn trong những lúc tâm rơi vào trạng thái giải đãi, buông lung.

Muốn tin sâu, tin chắc thì phải hiểu rõ giáo pháp. Hãy mở mắt để thấy rõ rồi tin. Do vậy thích thú

nghiên tẩm kinh điển, say mê học hỏi giáo pháp nhằm hiểu biết sâu sắc hơn lời dạy của Phật, để ứng dụng trong cuộc sống, ngõ hầu được an vui, hạnh phúc. Nếu hằng ngày, chúng ta huân tập nếp sống và thói quen ưa thích học hỏi và chiêm nghiệm giáo pháp như thế, và chúng ta cảm nhận được niềm vui và niềm tin do pháp hỷ đem lại thì lần hồi tâm của chúng ta sẽ xa lìa mọi thú vui dục lạc hạ liệt trong cuộc đời.

Vị Tỳ-kheo thích pháp
Miến pháp, suy tư pháp
Tâm tư niệm chánh pháp
Không rời bỏ chánh pháp.
(Pháp Cú, 364)

Với những ai có lòng tịnh tín với ba ngôi quý báu, thì người ấy mới chuyên tâm tu tập và hành trì một cách không biết mệt mỏi. Lúc bấy giờ, người ấy mới nhận chân được lời của đấng giác ngộ nói là đúng chân lý:

“*Lòng tin đối với người
Là tài sản tối thượng
Chánh pháp khéo hành trì,
Dem đến chơn an lạc...*”
(Kinh Tương Ưng I).

Như vậy, mỗi người chúng ta phải nhận chân được giá trị của cuộc sống này, để có lòng tin, thực hành chánh pháp, chuyển hóa phiền não, làm chủ bản thân để có được hạnh phúc dài lâu. ■



Dù không phải là Phật tử, hoặc chỉ là kẻ vô thần, có lẽ ai trong chúng ta cũng ít nhất từng một lần nghe câu nói: “*Chúng sanh là Phật sẽ thành*”. Đó là một trong những câu nói bất hủ trong giáo lý của Đức Phật khi nói đến sự bình đẳng giữa người và người. Lời nói này đã mở ra một con đường vô tận và là sự khích lệ lớn đối với tất cả mọi người, khiến họ mạnh dạn vươn lên trên đường đời và đường đạo. Có thể nói không có một tôn giáo nào có được giáo lý bình đẳng đến vậy! Địa vị của một người tín đồ ngang bằng với địa vị của đức giáo chủ. Còn có sự bình đẳng và từ bi nào hơn thế nữa?

Nói về pháp thế gian, sự bình đẳng và từ bi của Đức Phật đã phù nhận chế độ giai cấp (Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá và Chiên-đà-la) của xã hội Ấn Độ cách đây hơn 2.500 năm trước. Đức Phật đã nâng cao giá trị của những người cùng đinh (Chiên-đà-la) lên ngang bằng địa vị của mình. Nói về pháp xuất thế gian thì câu này tuyên bố khả năng thành Phật của mỗi chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, đức Phật cũng là một chúng sanh như chúng ta, nhưng là một chúng sanh đã giác ngộ thoát ra khỏi vòng luân hồi và không còn bị phiền não ràng buộc. Phật tánh vốn ở tại tâm, nó như là một hạt giống lúc nào cũng sẵn sàng nảy mầm nếu hội đủ các điều kiện tốt cho sự nảy mầm đó. Lời của đức Phật nói đã không sai khi ngài Ưu-ba-li - một anh thợ hót tóc cho hoàng gia, đã chứng quả A-la-hán và trở thành sư huynh của những người mà trước kia mình đã làm công cho họ và là người trì luật đệ nhất. Nàng Liên Hoa Sắc - một kỹ nữ đẹp tuyệt trần cũng đã trở thành A-la-hán thuyết pháp đệ nhất của Ni đoàn. Chàng Vô Nao một kẻ cực ác định giết cả mẹ mình đã trở thành một vị A-la-hán hộ sanh đệ nhất.



Phật tánh BÌNH ĐẲNG

● Liên Anh

Trong “Khuyên Phát Bồ Đề Tâm Văn” Ngài Thật Hiền đã khuyên chúng ta: “*Thế nào là trọng linh tánh của mình? Tâm hiện tiền của chúng ta cùng với Đức Thích-Ca Như Lai không hai, không khác. Vậy mà tại sao Thế Tôn từ vô lượng kiếp đã sớm thành chánh giác, còn chúng ta thì vẫn còn là phàm phu hôn mê điên đảo. Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn thì có vô lượng thần thông, trí huệ, công đức trang nghiêm; còn chúng ta chỉ có vô biên nghiệp chướng phiền não, sinh tử buộc ràng. Tâm tánh là một mà vì mê ngộ nên cách xa một trời một vực. Lặng đi mà nghĩ mới thấy hổ thẹn. Ví như ngọc báu vô giá vùi xuống bùn dơ mà xem như ngôi gạch, không chút thương tiếc quý trọng. Vì thế hãy dùng vô lượng thiện pháp mà đối trị vô biên phiền não. Tu đức có công, thì tánh đức mới lộ. Bấy giờ thì như ngọc báu được rửa, treo trên phướn cao, ánh sáng rực rỡ, chói lập tất cả. Thế mới gọi là không uổng công Đức Phật giáo hoá, không phụ tánh linh của mình*”.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng khi đại ngộ đã thốt lên rằng: “*Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh...*”. Vua Trần Nhân Tông cũng đã giác ngộ được cái tâm chân thật ấy:

*“Gia trung hữu bảo hưu tâm觅,
Đôi cảnh vô tâm mặc vấn thiền”.*

Người nào thấy được Phật tánh của chính mình là tôn trọng linh tánh của mình và sẽ giải thoát thanh tịnh, còn nếu không sẽ là do bắt tội tâm. Mặc dù tu hành trong nhiều kiếp, cũng chưa đạt đạo quả Bồ-đề ấy cũng bởi vì còn chấp tướng vậy.

Ai cũng hiểu rằng tâm Phật sáng suốt còn tâm chúng sanh thì không sáng không tối, không nhớ, không sạch. Người học đạo không ngộ tâm thể này bèn ở trên tâm sanh tâm, không nhận được tâm chân thật nên sanh khởi sự tưởng tượng rằng Phật như thế này, thế kia, nghĩa là hướng ra bên ngoài cầu Phật mà không biết rằng chấp tướng tu hành đều là pháp ác, không phải

là pháp chân thật, chẳng phải là đạo Bồ-đề. Sự thật đạo là tâm chơn chánh sẵn có nơi mình.

Ngoài bậc Vô Thượng Sĩ là đức Phật, các vị đại Bồ-tát tiêu biểu nơi người đều sẵn có. Tâm thể ai nào có khác chi đâu. Đề cập tới Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi là biểu trưng lý chân không vô ngại. Bồ-tát Phổ Hiền là hạnh đức. Bồ-tát Quán Thế Âm là lòng đại từ. Bồ-tát Đại Thế Chí là lòng kiên định. Bồ-tát Duy Ma Cật là thể tánh tịnh minh... Cả thảy các trạng thái ấy đều hoàn toàn có thể có được nơi tâm của mỗi chúng ta.

Tất cả chúng ta ai cũng sẵn có tâm Phật, ai cũng có thể thành Phật, có quyền làm Phật cho nên phải tự thấy được tâm mình một cách tường tận. Người nào đang tạo nghiệp sanh tử thì sẽ đi vào đường sanh tử, người nào nuôi dưỡng những ý niệm, tư tưởng xấu thì sẽ đi trong bốn đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Ai khởi niệm thiện thì sẽ đi vào con đường lành: nhơn, thiên. Ai giữ tâm lúc nào cũng thanh tịnh, không một niệm dấy khởi ngay đây, cắt đứt con đường sanh tử luân hồi.

Trong kinh Kim Cang, Đức Phật nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: “*Ta đối với A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề thật không có sở đắc. Nếu có sở đắc, Đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta*”, bởi vì chân thật vốn là cái sẵn có của chúng ta, có cần thêm bớt gì đâu mà gọi rằng sở đắc? Và cũng bởi vì tâm thể chân thật, Phật và chúng sanh vốn bình đẳng không khác nên gọi là đạo vô thượng Bồ-đề. Chúng ta đều có bản tâm vốn tự tròn trịa sáng láng mà không nhận ra, không ngộ được nó mà chỉ lăm chắt thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ, tưởng làm tâm, vì vậy bị các thứ giác quan trần tục che đậy nên không thấy được cội nguồn bản thể của tâm.

Bao nhiêu kinh tạng, điển tịch để lại cho đời, Đức Phật và chư Tổ Thầy đều chỉ dạy cho chúng ta nhận ra bản tâm hằng tri hằng giác

của chính mình. Tiếc rằng ít ai trong chúng ta nhận được ý chỉ ấy mà chỉ chạy theo ngôn ngữ văn từ để rồi lằm chập nọ kia. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh có đoạn như sau:

*Ngoài tâm đi tìm đạo,
Suốt đời chẳng thấy Đạo.
Phê bỏ tâm chấp quấy,
Phiền não tự tan rã.
Thương ghét chẳng quan tâm,
Duỗi thẳng hai chân nằm.*

Như vậy, cái đức siêu thoát là cái tự nhiên mà vạn loại hàm linh đều có thể đạt đến tự do tự tại như nhau. Chính Bồ-tát xuất thân từ tội lỗi, Phật sanh ra từ chốn phàm trần. Đúng theo chơn lý lẽ thật thì thiên đường, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, con người đều do tâm tạo ra. Hết thảy thiện ác, tội phước đều là chúng sanh tự mình làm, tự mình chịu, chẳng phải Thượng Đế, Thiên thần có thể ban phước hay làm tội mình được.

Tất cả pháp môn phương tiện Đức Phật nói trong suốt 49 năm dụ như thuyền bè qua sông hay như ngón tay chỉ mặt trăng, khi đã qua sông rồi hoặc đã thấy mặt trăng rồi thì cũng chẳng cần đến thuyền bè hay ngón tay nữa. Điều đáng nói là có tự tin vào tánh Phật của mình hay không? Dù bị tà sư ngoại đạo dẫn dắt sai lạc chánh pháp, nhưng lỗi đó cũng không phải quy trách nhiệm cho tà sư, cũng không phải vô có mà người này đi vào con đường sai lạc ấy.

Chúng ta phải suy tư, chiêm nghiệm sáng suốt, tinh tấn tu hành, để chẳng phụ ân đức vô lượng vô biên của Đức Phật, của Tổ Thầy, ân đức bao la như trời biển của cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp cũng như trong kiếp hiện tại, để đền trả cho sự vay mượn miếng cơm, manh áo cực khổ của đàn na thí chủ trong nhiều kiếp sanh tử thế nào cho vẹn vẻ, và nhất là tôn trọng tánh linh, Phật tánh của mình. Nhìn vào chính bản tánh rỗng lặng của ta mà tinh tấn công phu thiền quán. ■



Thế nào là tu?

(Thân tặng các Phật tử hữu duyên)

Nhật Huy

Tu không phải chỉ cạo đầu
Vào chùa niệm Phật dãi dầu sương rau
Cởi áo tục, khoác áo màu,
Cũng không phải chỉ thuộc lầu ba kinh.

Tu là nhìn thẳng tâm mình
Từng phút máy động tự mình do đâu?
THAM, SÂN, SI - Ai dẫn đầu
Cho miệng xuất phát, chân tay thực hành

Xin đừng lý luận loanh quanh
Nhiệm ô phải đoạn, thác gành phải thông
Cuộc sống mà được thông dong
Phải từ mạch nước đầu dòng thanh lương.

Long Khánh, cuối thu Nhâm Thìn - 2012



Văn học Phật giáo là chỉ những tác phẩm vừa thể hiện giáo nghĩa, giáo lý của Phật giáo, tức là tinh thần giải thoát của Phật giáo và đồng thời có tính chất thẩm mỹ của văn học. Văn học Phật giáo có 2 tầng nghĩa, nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nghĩa hẹp là chỉ những tác phẩm có giá trị văn học được sáng tác với mục đích hoằng dương Phật giáo hoặc để làm rõ ý nghĩa tư tưởng của Phật giáo, như kinh điển, thuyết thoại, tán tụng, pháp ngữ Phật giáo... Nghĩa rộng là chỉ những tác phẩm có giá trị văn học như hý khúc, luận văn, thi ca, ca dao do nhân sĩ Phật giáo sáng tác và những tác phẩm do những người không phải giới Phật giáo sáng tác, mà những người này do chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ sâu sắc tư tưởng của Phật giáo, lấy tư tưởng Phật giáo làm cơ sở lý luận trong sáng tác.

Các kinh điển thời kỳ đầu của Phật giáo như “*Kinh Pháp Cú*” ngắn gọn cô đọng, “*Kinh Bách Dụ*” và “*Bốn Sanh Truyện*” như là những truyện cổ tích, “*Kinh Duy Ma*”, “*Kinh Pháp Hoa*”, “*Kinh Hoa Nghiêm*” với kết cấu tư tưởng chặt chẽ, tuyệt đẹp, đều là những kinh điển giàu màu sắc văn học, thuộc về văn học Phật giáo với nghĩa hẹp. Nội dung “*Kinh Pháp Cú*” được diễn tả bằng những câu kệ. Kệ là những câu thơ mà Đức Phật khi thuyết xong một đoạn văn trường hàng, dùng kệ để kết luận đoạn văn vừa thuyết, khái quát tư tưởng quan trọng của đoạn văn này. Các câu kệ thường cô đọng ngắn gọn được chất lọc từ trong đoạn vừa thuyết xong, ý tứ sâu sắc, câu văn tinh mỹ. Thi từ của Phật giáo gọi là kệ, 4 chữ, 5 chữ hoặc 7 chữ là một câu, thường 4 câu là một bài kệ.

“*Kinh Bốn Sanh*” là bộ kinh biên tập các câu chuyện tiền thân của Đức Phật, gồm 547 câu chuyện



với nội dung phong phú, có các câu chuyện về ngụ ngôn, truyện nhi đồng, truyện ẩn dụ, truyện lạ v.v... Trong đó, phần lớn phát xuất từ dân gian. Bộ kinh này nói về các câu chuyện tiền thân của Đức Phật. Sau khi Đức Phật diệt độ, kinh này được kết tập tại Hoa Thị Thành, dùng tiếng Pali biên tập. Sau đó lưu truyền rất rộng, diễn biến thành rất nhiều tập. Trong đó, “*Kinh Bốn Sanh*” bằng tiếng Pali là đầy đủ nhất, là bộ kinh điển quan trọng của Phật giáo Nam truyền. Phật giáo Bắc truyền đối với “*Kinh Bốn Sanh*” cũng rất tôn trọng.

Các kinh điển được viết bằng tiếng Phạn xứng danh là những tác phẩm hay, có những tác phẩm như “*Phật Sở Hạnh Tán*” do Ngài Mã Minh sáng tác vào thế kỷ thứ II, miêu tả cuộc đời Đức Phật Thích Ca, là tiên phong trong nền văn học cổ điển Ấn Độ; với chủ đề Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên biên thành vô tướng “*Xá Lợi Phất chi sở thuyết*”; lấy cuộc đời của Nan Đà, em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, làm đề tài sáng tác bài thơ “*Tôn Đà Lợi Nan Đà thi*” có giá trị văn học rất lớn. Ngoài ra, thế kỷ thứ VII còn có vở kịch “*Long*

● Lý Kiến Hân - Tuệ Liên dịch

ương chi hỷ” của Giới Nhật Vương. Tác phẩm Pali có “*Kinh Pháp Cú chú*” và “*Bốn Sanh Kinh*” của Đại học tăng Phật Âm vào thế kỷ thứ V. Ngoài ra, kệ tụng, tán, văn xuôi, chuyện kể, tục giảng, biến văn, ngữ lục, truyện ký, du ký, văn tập... trong điển tịch Phật giáo đều là những tác phẩm văn học Phật giáo ưu mỹ. Rất nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng ở Trung Quốc, Nhật Bản, Tích Lan... đều chịu ảnh hưởng của Phật giáo, hấp thu hình thức nghệ thuật văn học của nước nhà, dần dần hình thành các tác phẩm có phong cách độc đáo, đem lại ý cảnh mới, văn thể mới, cách dùng từ và chủ đề mới.

Sự nghiệp phiên dịch kinh điển Phật giáo tại Trung Quốc kéo dài gần ngàn năm, khởi đầu từ đời Hậu Hán, thịnh hành vào đời Đường. Văn học phiên dịch kinh điển Phật giáo ảnh hưởng sâu xa đối với văn học cổ đại Trung Quốc.



“*Kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết Kinh*” do Đại sư Cưu Ma La Thập đời Hậu Tần phiên dịch, văn chương xuất chúng, giàu cổ tích, từ trước đến nay được nhiều văn nhân học sĩ xem trọng. “*Bách Cú Thí Dụ Kinh*” do Cầu Na Tỳ Địa đời Tề thời đại Nam Bắc triều dịch, gồm có 100 (thực tế là 98) câu chuyện ngụ ngôn, trong đó rất nhiều câu chuyện có ý nghĩa, sâu sắc, thâm trầm, được nhiều người ưa thích. “*Phật Sở Hạnh Tân*” do Ngải Mã Minh, một thi nhân Phật giáo nổi tiếng sáng tác, được Đàm Vô Sấm đời Bắc Lương dịch. Hán dịch dùng thể thơ ngũ ngôn không gieo vần, đã biểu đạt được nguyên ý của tác phẩm, lại chú ý đến đặc điểm của Hán thi, đối với sáng tác thơ ca của Trung Quốc, nhất là thơ tự sự trường thiên phát sanh ảnh hưởng rất lớn. “*Kinh Pháp Cú*” do Duy Kỳ Nan đời Ngô Tam Quốc phiên dịch thành Hán ngữ, không trau chuốt màu mè mà thành ra phong cách văn học giản dị dễ hiểu. “*Tu Hành Đạo Địa Kinh*” do Trúc Pháp Hộ dịch, lời văn bình dị rõ ràng, rất có giá trị phong thái văn học. Thế kỷ thứ V, một nhà dịch giả nổi tiếng Thích Bảo Văn

dịch “*Phật Bốn Hành Kinh*”, thay đổi phong cách thơ văn hỗn hợp của nguyên văn, chỉ dùng thơ 5 chữ, hoặc 7 chữ hoặc 4 chữ phiên dịch, lần đầu tiên khai mở thể thơ không vần trên văn đàn thời đại Lục triều. Văn học phiên dịch kinh Phật khai sáng văn phong thanh nhã và giản dị rõ ràng của văn vần và văn xuôi kết hợp.

Theo sự phát triển của văn học phiên dịch, cách phiên âm của tiếng Phạn truyền vào Trung Quốc, đến đời Đường diễn biến thành 36 chữ cái của Trung Quốc. Đời Lương Nam triều, học giả Thẩm Ước căn cứ Phạn âm sáng tạo 4 thanh, để xứng thanh vận học, luật thơ bắt đầu yêu cầu phép đối tượng tinh xảo. Sự truyền bá tư tưởng Phật giáo càng thâm nhập, tư tưởng Bát-nhã và Thiền tông ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác của các nhà thơ. Thi Tăng trong Phật giáo cũng xuất hiện ngày càng đông, như Pháp Chu đời Tùy; Huệ Tĩnh, Kiều Nhiên đời Đường; Tề Kỳ, Quán Hưu và Hy Giác đời Ngũ Đại; Tư Duyệt đời Bắc Tống; Đàm Ngạc và Đại Khuê đời Nguyên; Đức Ngôn đời Minh; Trí Phác, Thánh Thông, Chiếu Huân, Độc Triệt đời Thanh, đều nổi tiếng về văn bút của mình. Các sáng tác thi ca Phật giáo không thuộc tu sĩ Phật giáo cũng không thiếu gì, như Đào Uyên Minh, Vương Duy, Bạch Cư Dị, Vương An Thạch, Tô Thức là các danh nhân nổi tiếng một thời.

Theo sự phiên dịch kinh điển càng ngày càng nhiều, tín đồ càng ngày càng đông, Tăng lữ Phật giáo bắt đầu phổ cập văn học bình dân, từ đó phát sinh nền văn học biến văn. Biến văn là thay đổi nguyên văn kinh Phật mà thành văn thông tục. Đặc điểm chủ yếu của biến văn là thông tục dễ hiểu, kết hợp văn xuôi và văn vần, có sức thu hút người nghe. Đầu tiên dùng văn xuôi hoặc biến văn nói một đoạn câu chuyện, sau đó thêm vào các

câu xướng 3 chữ hoặc 7 chữ, có lúc cũng dùng 5 chữ hoặc 6 chữ. Nội dung biến văn chủ yếu là tuyên truyền giáo lý Phật giáo “*Duy Ma Cát Kinh biến văn*” là một tác phẩm dài nhất, phong phú nhất trong biến văn. Các tác phẩm biến văn nổi tiếng khác như “*Đại Mục Kiền Liên biến văn*”, “*Địa ngục biến văn*”, “*Phụ mẫu ân trọng kinh biến văn*”, “*Bát tướng thành đạo*” v.v...

“Tục giảng” trong thời Đường, cũng là do giáo lý đạo Phật thâm sâu vi diệu, quần chúng bình dân khó mà tiếp thu, vì thế mới thêm vào các mẫu chuyện, các hình vẽ, dùng văn vần trong những lúc thích hợp, biểu hiện bằng hình thức ca hát. “Tục giảng” ở đời Đường lại ảnh hưởng đến “thuyết thoại” của người đời Đường, do “thuyết thoại” của người đời Đường mà phát triển đến gia giáo “thuyết thoại” của Ngõa Tứ đời Tống, trong đó có giảng sách sử, tiểu thuyết, nói kinh. Biến văn đang tiếp tục phát triển; cung điệu, hý văn, tạp kịch phát sanh giữa thời Tống và Nguyên đều là sự phát triển hình thành của biến văn. Cho đến các tác phẩm văn học thông tục dân gian như bảo quyền, đàn từ, đại cổ từ, lại là sự kế thừa trực tiếp của biến văn.

Tiểu thuyết bắt luận từ hình thức đến nội dung đều nhận sự ảnh hưởng của tục giảng, biến văn. Trong điển tịch Phật giáo có một số tác phẩm bản thân có phong cách tiểu thuyết như miêu tả thiên nữ tán hoa, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi thăm bệnh cư sĩ Duy Ma trong “*Kinh Duy Ma Cát*” là tác phẩm nửa tiểu thuyết nửa hý kịch, sức tưởng tượng phong phú, tình tiết mạnh mẽ, hình tượng nhân vật phong phú. Văn học Phật giáo cống hiến cho sự thành tựu của văn học Phật giáo Trung Quốc thật khó có thể kể cho hết được. ■

*Nguyên tác được đăng trong *Phật giáo tam bách đề* do Hoàng Hạ Niên chủ biên, Nxb Cô Tịch Thượng Hải, 2000.



Patrician Donegan

LẠNH NHƯ bá sủng

● Thể Như

Tác giả bài *Bất bạo động* là Patrician Donegan, một nhà thơ, một dịch giả, một người nâng niu thể thơ Tuyệt cú (Haiku) của Nhật Bản, xem đó là một cách để tu tập tâm tinh thức. Cô từng làm việc ở chuyên ngành thi ca Đông Tây thuộc Đại học Naropa dưới sự hướng dẫn của Allen Ginsberg và Chogyam Trungpa. Cô cũng đã học thể thơ tuyệt cú với thầy Seishi Yamaguchi và là học giả của chương trình Fulbright ở Nhật Bản. Ngoài việc giảng dạy thiền định, cô còn làm công việc biên tập thơ cho tờ báo *Kyoto Journal* và có nhiều tác phẩm và dịch phẩm với độ tinh tế của bậc thầy. Dưới đây là một trong

những bài thơ tuyệt cú mà người đọc tình cờ cảm nhận nên ghi lại. Bài thơ có tựa là *Bất bạo động*:

*Giữa khoảng cách
những loạt bom ở Kabul
rả rích tiếng đế.*

Nguyên văn:

*In between
the Kabul bombings
voices of crickets*

Cảm giác đầu tiên của người đọc là, sao mà dễ thương, sao mà tinh khôi, giữa trùng điệp những sự bạo liệt của con người. Tựa bài thơ *Bất bạo động* đã làm cho người đọc thấm thía hơn cái cảm giác hỗn hạo dâng tràn. Tác giả là Patricia Donegan tâm sự rằng tâm trạng của cô luôn hòa theo tiếng đế rả rích diệu kỳ, nguồn sống của cô cứ theo đó mà hòa quyện. Tiếng đế

nguyên sơ lắm, nguyên sơ như tiếng đập của trái tim, nguyên sơ như tiếng cái hạt mầm tung mình nảy bật lên chiếc chồi non từ dưới lòng đất, nguyên sơ và sâu lắng như những hơi thở của quả địa cầu, hỗn hạo như tiếng thì thầm của vũ trụ. Tiếng đế là lời khẳng định vô ngôn đưa chúng ta vượt khỏi cái tối tăm nhất của đêm đen bạo liệt loài người. Cô nói rằng đêm hôm đó, đêm 11 tháng 9 năm 2001, cô lại nghe tiếng đế rả rích diệu kỳ không phải bên ngoài mái hiên của gian thiền thất mà cô





đang ở mà là trong chương trình TV đang trình bày tin tức về việc quân Mỹ đang dội bom ở Afganistan. Cô nói: “Tôi nghe tiếng dế rả rích văng vẳng ở thủ đô Kabul giữa những đợt bom lóe sáng. Âm vang của tiếng dế diệu kỳ đến nỗi người phát thanh viên cũng nhận ra.”

Tiếng dế bất tuyệt của thiên nhiên vô cùng vượt ra ngoài cảnh giới của tiếng bom rơi ở Kabul, vượt ra ngoài cảnh giới của tiếng đại bác bắn vỡ vụn những pho tượng Phật ngàn năm ở thung



lũng Bamiyan bạt ngàn hoa cỏ. Tiếng dế bất tuyệt của thiên nhiên không thuộc về cảnh giới của đêm đen u ám loài người mà thuộc về cảnh giới chân như bất khả tư nghì, nơi đó, ai cũng có thể dừng lại những bước chân lang thang vô định.

Tổng thể con người đang cười trên lưng một con ngựa hoang đã có tên là Khoa học vũ khí. Nó đang chở người kỵ sĩ có tên là tổng thể con người trên lưng của nó với sức gia tốc tối đa. Nó đang phi nước đại. Những bước chân mạnh mẽ và diên đại. Bậc-đã-dừng-lại thấy nguy cơ mới cất tiếng hỏi: “Người chạy đi đâu vậy?” Người kỵ sĩ tay chỉ xuống con ngựa hoang đã diên đại rồi trả lời: “Ông làm ơn hỏi con quái vật này”. Con người thật đang thê thảm đối đầu với những loại vũ khí vô hồn. Phi cơ không người lái, tên lửa hành trình với màn hình điều khiển là màn hình ảo; nhà cửa tan hoang, con người gục ngã, thân thể vỡ toang là con người thật. Những chiếc phi cơ không người lái, được thiết kế để tự động dội bom mà không cần nhấn nút. Những cây súng máy được thiết kế để tự động nã đạn vào hình hài con người mà không cần có người xiết cò, chỉ cần con người nhấp chuột trước màn hình vi tính. Ai là chủ? Con người hay là vũ khí vô tri, lạnh như bá súng và vô tội như những cái nhấp chuột tí tách trong một gian phòng ấm cúng đâu đó cách xa ngàn dặm. Người nhấp chuột cũng vô hồn như một bộ phận nhỏ bé nào đó trong bộ máy chiến tranh bạo liệt khổng lồ. Đó là chuyện của cảnh giới đêm đen loài người.

Hãy nhận ra cảnh giới của tiếng dế, nơi cảnh giới đó ai cũng có thể dừng lại. Dừng lại nghe tiếng dế diệu kỳ. Mỗi một giây mỗi một phút của đời sống cá nhân là một cơ hội để chúng ta chọn lựa cho bản thân mình giữa bạo động hay bất bạo động. Chúng ta có



quyền chọn lựa. Có những phút giây chúng ta có quyền không tham gia vào vòng tròn bạo lực loanh quanh đảo đầu, vòng tròn lẫn lộn oan nghiệt của “bạo động gọi mời bạo động”. Lời Phật xưa còn đồng vọng:

Nếu ai lấy oán báo thù

*Oan oan tương báo thiên thu
hằng sâu*

Từ tâm định luật nhiệm mầu

*Lấy ân báo oán còn đâu oán
thù?*

Chúng ta có thể thấy nguyên lý ngàn xưa này đã đơm hoa kết trái thành tựu vẻ vang trong cuộc đời và sự nghiệp của Thánh Gandhi, hùng vĩ và nguy nga. Bản thân chúng ta tại sao không. Hãy hiện thực hóa nguyên lý ngàn xưa này ở mọi cấp độ, suy nghĩ, lời nói và hành vi; mọi bình diện cá nhân và xã hội. Từ trong hiện thực sáng suốt và tinh thức chúng ta sẽ nhận ra rằng ngay trong việc dừng lại nghe tiếng những con dế đang hồn nhiên rả rích, dừng lại để cho tiếng dế có cơ hội vang lên thì chúng ta cũng đang dừng lại để cho hòa bình có thêm cơ hội. Cảnh giới đó sao mà tinh khôi, sao mà dễ thương, hồn hậu dâng tràn. ■

*Tịnh Xá Trung Tâm,
Bình Thạnh, 16.10.2012.*

TÔI ĐÃ ĐƯỢC **khóc**

● Thế Như

Tôi mồ côi cha mẹ từ khi lọt lòng và sống với Ngoại. Nhà chỉ có hai ông cháu. Cả ba người cậu của tôi đều chết trận, 5 người dì đều có gia đình, mỗi người một nẻo kiếm sống. Ngoại tôi hiền hòa thanh đạm. Ban ngày lặng lẽ chăm sóc mảnh vườn, ao cá và mấy luống khoai. Tối Ngoại thắp hương ở bàn thờ Phật, bàn thờ bà ngoại và mấy người cậu. Mấy tấm

ảnh trên bàn thờ còn rất trẻ. Xong việc, Ngoại nhắc tôi lạy Phật trước khi leo lên chiếc giường mà ông đã buông mừng đuối muỗi cho tôi.

Tôi đã đi học ở một ngôi trường nhỏ ven sông, có thêm bạn bè ở trường. Về nhà tôi lại thường hay chơi trò con trai với Thông như đi bắt dế, tắm mương, rượt bắt với Thông. Thông lớn hơn tôi hai tuổi, con bác Tư Kiên ở nhà hàng xóm. Nhà bác Tư liền vườn với nhà

tôi, cách một hàng rào sơ sài bằng vài cây bông bụt. Thỉnh thoảng cũng có mấy bạn cùng lớp tới chơi. Đám con gái chúng tôi xúm xít dùng cọng lá làm dây chuyền, nhẫn đeo tay, nhí nhánh hái những cánh hoa dại cài lên tóc, thoải mái đùa nghịch và tha hồ ăn trái cây. Ngoại tôi giúp chúng tôi chọn hái những trái mận no tròn, những trái vú sữa ửng vàng và những trái bình bát thơm lựng; và như lệ thường, có những trái Ngoại



dành cho Thông.

Sau đợt tản cư năm Mậu Thân trở về. Nhà tôi và nhà bác Tư Kiên đều cháy rụi, tài sản không còn gì, kể cả những bộ chén bát đồ kiểu cũng tan nát vô tội vạ. Một quả bom lớn đã rơi ở giữa hai mảnh vườn, tốc hết nóc của hai mái nhà kề bên nhau, nó xóa sạch dấu vết của cái hàng rào bông bụt vốn đã sơ sài, khoét vào lòng đất một cái hố vừa sâu vừa rộng. Ngoại tôi ẩn nhẫn xây dựng lại từ đầu. Thiên nhiên cũng ẩn nhẫn phục hồi sức sống dần dần, phủ xanh hai mảnh vườn trở lại. Kỳ diệu thay, chẳng bao lâu cái hố bom đã biến thành một cái ao nước hình tròn xinh xắn, chung quanh bờ ao là những bụi hoa dại cứ như là tung tăng trong nắng, nhảy múa với từng làn gió ban mai. Từ ven bờ vươn ra những cọng rau muống non tơ, phủ nhẹ trên mặt nước mát rượi và trong xanh. Từ đó cái ao chung của hai nhà trở thành nơi tôi và Thông bơi lội, chơi đùa thỏa thích trong những trưa hè oi bức. Những trái bình bát chua chua, ngọt ngọt, ngai ngái; những trái nhàu nồng nồng với hương với vị đã thấm vào tuổi thơ của tôi tự bao giờ. Và cũng tự bao giờ tình tự quê hương, tình tự dân tộc, đã phả vào hồn tôi những cảm thức thấm đẫm, ươm vào lòng tôi những chất liệu hồn hậu bao dung nhuần thấm. Tất cả làm nền để khi trưởng thành như một người công dân tôi biết tại sao quê hương Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam đối với tôi là tối thượng.

Khi tôi sắp lên lớp ba tiểu học thì gia đình bác Tư bán căn nhà và mảnh vườn rồi dọn đi mất. Gia đình cô Sáu Thu dọn về ở. Vắng Thông, mất luôn liên lạc, tôi ngỡ ngàng, trống trải, nhưng rồi cuộc sống dường như vẫn tiếp tục bình thường với con đường

đến trường dọc theo bến sông, với con đò đưa khách đi về mỗi sớm chiều, với những nén hương và lời thì thầm khẩn nguyện của Ngoại mỗi tối. Tôi vẫn lạy Phật đều đặn trước khi ngủ và giật mình nửa khuya khi nghe tiếng những loạt súng hay những quả pháo nổ đầu đó ban đêm.

Dòng đời tiếp tục như vậy. Bảy năm sau, ngày 16 tháng tư, tôi vừa tròn 14, cái tuổi lớn ngớ của đứa con gái dậy thì. Đùng một cái, Ngoại tôi mất. Tôi bàng hoàng mất rướm lệ tức tưởi. Dì Sáu Thu nói tìm không ra địa chỉ mới của bác Tư Kiên, sẽ cố tìm lần nữa nhưng không chắc. Các dì dưỡng về để tang đều an ủi tôi, tôi vẫn ghen ngào rướm lệ. Tôi lạy Phật, lạy Ngoại mà dường như vô hồn, mặt hốc hác, mắt đã sưng lên mà vẫn không khóc được thành tiếng. Ai nấy nhìn tôi đều ái ngại mà không

biết làm sao. Dì Sáu Thu đến vỗ về, an ủi... tôi lơ mờ, không hiểu... uất nghẹn.

Hai hôm sau quan tài được đưa ra khỏi nhà, đến khi quan tài được đặt xuống huyệt, tôi rụng rời, thất thần. Lúc tôi sắp đổ gục thật sự thì Thông hiện ra rồi bước đến. Tôi ôm chầm lấy Thông, bật khóc to, những giọt nước mắt cứ theo tiếng khóc mà tuôn ra, tôi khóc ngon lành như chưa hề được khóc mấy hôm nay. Lòng tôi nhẹ dần... Phật đã đưa Thông đến cho tôi, Phật đã cho tôi quê hương, cho tôi tất cả những gì tươi đẹp nhất, giá trị nhất, và điều kỳ lạ là Ngài không yêu cầu tôi điều gì cả, thậm chí, Ngài không yêu cầu tôi tuân phục tuyệt đối mà không suy xét những lời Ngài dạy, hay được cho là Ngài đã dạy. Điều mà tôi không thấy ở bất cứ nơi nào khác. Tôi thật sự có hạnh phúc. ■



Có ba con quý ngồi lại bàn với nhau: “Nhìn con người sống nhớn nhọ hạnh phúc, ta cảm thấy ganh tỵ, bức bối làm sao; phải làm cách nào đó cho con người không còn được hạnh phúc, ta mới thỏa lòng”. Nhiều lần bàn bạc, sau cùng chúng đi đến thống nhất ý kiến: Đánh cắp hạnh phúc con người đem đi giấu, thì con người sẽ bị mất hạnh phúc. Chúng bèn vạch kế hoạch để thực hiện.

Con quý thứ nhất nói: “Mình nên đánh cắp hạnh phúc con người đem giấu dưới biển sâu, con người tìm không thấy sẽ không còn hạnh phúc”.

Hai con quý còn lại phản đối: “Không được! Ngày nay con người đang khai thác các khoáng sản dưới lòng biển sâu, các tiềm

Con quý thứ ba bàn: “Hay là ta đem hạnh phúc giấu vào giữa núi lớn, thì con người không thể nào tìm được”.

“Không, không thể được; ngày nay con người đang dùng phương tiện cơ giới, xẻ núi làm đường giao thông, khai thác các khoáng sản trong lòng núi, dưới lòng đất, nên giấu trong núi không phải là biện pháp an toàn”.

Sau nhiều ngày bàn bạc, cuối cùng chúng đưa ra một biện pháp tối ưu, thế là chúng thực hiện. Đem hạnh phúc con người, giấu chính nơi trong lòng của con người, nơi mà con người ít khi quan tâm đến. Một nơi hoàn toàn bí ẩn mà cho đến bây giờ ít người thấy được, biết được, khám phá ra.

BÀI HỌC ĐẠO LÝ

Mọi người sống ở đời ai cũng có nhu cầu hạnh phúc, nhưng ít ai

Hạnh phúc Ở ĐÂU?

● TKN. Tuyết Liên

thủy đình, tàu ngầm đi lại chẳng chịt dưới lòng đại dương; nếu giấu dưới biển, chẳng chóng thì chầy con người sẽ phát hiện được”.

Con quý thứ hai bàn: “Hay ta đánh cắp hạnh phúc đem giấu nơi không trung là nơi con người ít đến”.

“Không được, ngày nay khoa học phát triển, giao thông hàng không là phương tiện mà con người đang khai thác triệt để, con người đang chinh phục không gian, chinh phục các hành tinh khác, nếu ta giấu ở không gian, sớm muộn gì con người cũng sẽ phát hiện ra”.

biết được giá trị đích thực của hạnh phúc và nguồn hạnh phúc xuất phát từ đâu và tiềm ẩn nơi đâu? Chỉ khi nhận thấy mình thiếu vắng hạnh phúc, không còn hạnh phúc, mới đổ xô, nháo nhác, xui ngược đi tìm.

Ma quý đề cập ở đây tượng trưng cho tâm bất thiện trong mỗi con người, chúng luôn tìm mọi cách phá hoại con người. Chúng luôn muốn cho con người ngập tràn đau khổ, cho cuộc đời đầy dẫy bi thương. Nhưng chính vì con người không biết hạnh phúc đích thực là gì, nên không biết nơi tìm; có những suy nghĩ lệch lạc,



không đúng; đưa đến hành động sai lầm, mất đi hạnh phúc.

Có người quan niệm có tiền là có hạnh phúc “Có tiền mua tiên cũng được”, nên kể từ khi vào đời, bằng mọi cách, bằng mọi giá dùng hết thời gian đầu tư vào việc kiếm tiền, bất kể là công việc hợp pháp hay không hợp pháp. Nào hay đâu khi có tài sản lớn trong tay, nhìn lại mình thì đầu đã hoa râm, sức khỏe không còn, hạnh phúc gia đình trống vắng, nội tâm đầy dẫy lo toan, giấc ngủ chập chờn trong mộng mị; bởi ta đã đem tất cả thời gian, tuổi trẻ, sức khỏe v.v... để đổi lấy tiền.



Nhưng hỡi ơi! Hạnh phúc đâu chưa thấy:

“Ra trường danh lợi vinh liên nhục,

Cái cuộc trần ai khóc lẫn cười”.

Lớp trẻ hiện nay lại quan niệm tận dụng thời gian hưởng thụ dục lạc; xem đó là niềm vui, là hạnh phúc của tuổi trẻ, nên các em thanh thiếu nhi ngoài giờ học ở học đường, các em đã đến các điểm game online, để miệt mài với các trò chơi điện tử. Lớp thanh thiếu niên thì lao vào các cuộc trò chơi tìm cảm giác mạnh, nếm thử những thứ mà có thể tự hủy hoại đời mình một cách nhanh chóng, tuổi trẻ đang bị cuốn hút bởi các quán đèn mờ, các tụ điểm ca nhạc kích động, phim ảnh bạo lực đồi trụy, yêu cuồng sống vội v.v... Ngỡ là mình sẽ có được sự vui vẻ, hạnh phúc khi truy tìm hạnh phúc trong các lạc thú truy hoan thác loạn hiện tại.

Mọi người có biết đâu, càng truy đuổi tìm cầu hạnh phúc qua các lạc thú, qua sở hữu tiền tài, địa vị, qua các cuộc tình yêu lãng mạn thiếu đạo đức, thì hạnh phúc càng thiếu vắng, càng đi xa. Bằng chứng là ngày nay, chỉ cần mở trang báo điện tử, là ta đã thấy trên thế giới ngày càng nhiều nhà tỷ phú, nhiều siêu sao, tự kết liễu đời mình bằng cách tự vẫn.

Chỉ có những người đã thực hiện theo lời dạy của Đức Thế Tôn, từ bỏ mọi hạnh phúc ảo huyền của thế gian, sẽ thực nhận được hạnh phúc trường cửu có được do giác ngộ chân lý, thực hành chân lý, sống với chân lý.

Thái tử Trần Khâm, khi tham kiến Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ hỏi về pháp yếu của thiền tông, Thượng Sĩ đã trả lời: “PHÂN QUAN TỰ KỶ BỐN PHẬN SỰ, BẮT TÙNG THA ĐẮC”

Tạm dịch:

Hãy xoay cái thấy vào trong

Nhìn vào chân tánh, thấy trong ba đời.

*Bốn phận chính phải làm thôi
Không do ngoài được, không
người đem cho.*

*Nhìn vào chánh niệm chan hòa,
An lạc hạnh phúc, trong ta tròn
đầy.*

Phân quan tự kỷ là soi sáng lại chính mình, nhận ra ông Phật nơi chính mình, không phải từ bên ngoài mà được. Phật là giác, mà giác thì không ai đem đến được, phải từ tâm mình mà phát ra. Chúng ta tu là xoay lại tâm mình, chớ không phải tìm ở bên ngoài, nên nói bất tùng tha đắc. Chúng ta tu dù tại gia hay xuất gia, đều phải phân quan soi chiếu lại mình, thì đó là người biết tu, là người không phụ mình, không quên mình. Ngược lại, còn chạy ra ngoài, đó là phụ mình, quên mình. Quên mình thì trầm luân sanh tử, trở về với mình thì tự tại giải thoát mọi khổ đau, không khổ đau thì sẽ có hạnh phúc.

Thật vậy, chúng ta không thể truy đuổi tìm cầu các yếu tố bên ngoài mà có thể cho ta niềm an lạc, hạnh phúc. Niềm an lạc hạnh phúc, thanh thản tâm hồn chỉ có được, khi ta biết phân quan tự kỷ, biết nhìn lại chính mình, vui với nội tâm, nhận ra từng hơi thở nhẹ nhàng, từng bước đi vững chãi; những thọ cảm, tưởng, hành trong ta được thắp sáng với ý thức chánh niệm, ta sẽ thấy cuộc sống vô vàn ý nghĩa. Như Thiền Lão thiền sư đã trả lời khi vua Lý Thánh Tông hỏi: “Hàng ngày Hòa thượng làm gì?”

Thúy trúc, hoàng hoa phi ngoại cảnh,

Bạch vân, minh nguyệt lộ toàn chân.

Tạm dịch:

Vàng trúc biếc là đây.

Trắng trong mây trắng, hiển bày toàn chân.

Và chỉ có xoay ngược cái thấy vào trong, ta mới phát hiện: “À! Hạnh phúc đây rồi!”. Ngay trong ta mà bấy lâu ta không thấy được. ■

“Tiền tài có thể cho ta được thuốc men, nhưng không cho ta được sức khỏe; cho ta chiếc nệm, nhưng không cho được giấc ngủ ngon. Có được tiện nghi vật chất, nhưng không có được sự vui vẻ lâu dài. Có được châu ngọc, nhưng không có được sắc đẹp. Có được cái máy nghe tai, nhưng không có được tánh nghe biết nhận. Nhưng khi có được tài sản trí tuệ, chúng ta sẽ có được tất cả mọi thứ” (Sivananda).

Có người nghĩ rằng có chức quyền to, địa vị lớn, ăn trên ngồi trước, tiền hô hậu ủng đó là hạnh phúc. Nên tìm mọi cách, bằng mọi giá để được có danh có vị với đời.

PHÁP NGŨ KHÓA TU TRUYỀN THỐNG LẦN THỨ TÁM

TỔ CHỨC TẠI TX. NGỌC NHƠN – TP. QUY NHƠN NĂM 2012

● HT Giác Giới



Đáp ứng tâm nguyện của chư Tăng trong Hệ phái mong muốn có điều kiện sống tu học và hành đạo với tinh thần: “*Nên tập sống chung tu học, pháp Tăng chẳng là đoàn*”, chư Tôn Giáo phẩm nhất trí tổ chức khóa tu truyền thống Giới - Định - Tuệ để chư Tăng thực hành theo đúng lời dạy trên của Tổ.

Khai mạc chính thức vào mùa xuân năm 2010, đến nay khóa tu đã trải qua 8 lần tổ chức với quy mô ngày càng lớn làm nức lòng biết bao hàng Phật tử trong và ngoài nước. Điều đáng mừng là khóa tu ngày càng tăng trưởng về số lượng lẫn chất lượng. Đạt được thành quả này chính là nhờ sự gia hộ của chư Phật, đức Tổ sư và chư vị đức Thầy, và cũng do chúng ta thực hành đúng chánh pháp.

Khóa thứ nhất: diễn ra vào tháng 3 năm 2010 do Giáo đoàn I đăng cai, tổ chức tại Tổ đình TX. Ngọc Viên, tỉnh Vĩnh Long với 34 hành giả tham dự.

Khóa thứ hai: diễn ra vào tháng 9 năm 2010 do

Giáo đoàn II đăng cai, tổ chức tại đạo tràng TX. Trúc Lâm, tỉnh Bình Thuận với 45 hành giả tham dự.

Khóa thứ ba: diễn ra vào tháng 11 năm 2010 do Giáo đoàn III đăng cai, tổ chức tại đạo tràng TX. Ngọc Đà, thành phố Đà Lạt với 88 hành giả tham dự.

Khóa thứ tư: diễn ra vào tháng 3 năm 2011 do Giáo đoàn IV đăng cai, tổ chức tại đạo tràng TX. Mộc Chơn, tỉnh Tiền Giang với 79 hành giả tham dự.

Khóa thứ năm: diễn ra vào tháng 9 năm 2011 do Giáo đoàn V đăng cai, tổ chức tại đạo tràng TX. Ngọc Hòa, tỉnh Vĩnh Long với 83 hành giả tham dự.

Khóa thứ sáu: diễn ra vào tháng 11 năm 2011 do Giáo đoàn VI đăng cai, tổ chức tại đạo tràng TX. Ngọc Nhơn, tỉnh Bình Thuận với 100 hành giả tham dự.

Khóa thứ bảy: diễn ra vào tháng 3 năm 2012 do Giáo đoàn I đăng cai, tổ chức tại đạo tràng TX. Ngọc Tường, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang với 120 hành giả tham dự.

Và khóa thứ tám: diễn ra vào tháng 9 năm 2012 do Giáo đoàn II đăng cai, tổ chức tại đạo tràng TX. Ngọc Nhơn, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với 89 vị hành giả tham dự.

Như vậy, khóa tu của Hệ phái là con đường đúng đắn, kế thừa trọn vẹn đời sống từ đức Phật và Tổ sư nên cuốn hút hành giả phát tâm tham dự ngày càng đông. Đức Tổ sư đã dạy rõ trong bài “*Y bát chơn truyền*” rằng: “*Người Khất sĩ chỉ có ba pháp tu học vẫn tất là Giới - Định - Huệ*”. Khi vào tham dự khóa tu, nhờ oai đức của chư Tôn đức và sự nỗ lực tu tập chung nên chúng ta có được nhiều thuận duyên để viên mãn Giới - Định - Huệ nơi mỗi người. Quan trọng nhất là sự đoàn kết, hòa hợp





của huynh đệ trong sáu giáo đoàn được thể hiện sâu sắc và ngày càng gắn bó hơn. Sự hòa hợp ấy được chúng ta thọ trì và tụng đọc mỗi ngày trong bài Thọ bát với đầy đủ Tam đề, Ngũ quán và Lục hòa.

Điều này rất phù hợp với lời đức Phật dạy trong kinh Tăng Chi Bộ, chương Sáu Pháp như sau:

Có sáu pháp này cần phải ghi nhớ:

1. An trú thân hành với lòng từ đối với các đồng phạm hạnh trước mặt cũng như sau lưng, đây là pháp cần phải ghi nhớ thứ nhất.

2. An trú lời nói với lòng từ đối với các đồng phạm hạnh trước mặt cũng như sau lưng, đây là pháp cần phải ghi nhớ thứ hai.

3. An trú ý nghĩ với lòng từ đối với các đồng phạm hạnh trước mặt cũng như sau lưng, đây là pháp cần phải ghi nhớ thứ ba.

4. Đối với các lợi dưỡng nhận được đúng pháp do tín chủ hoan hỷ cúng dường ngay cả đến đồ nhận được trong bát cũng được chia đều cho các đồng phạm hạnh.

5. Đối với giới luật không bị siết mẽ, không bị gây vụn, không bị vết chàm, được người trí tán thán, có thể đưa đến thiền định, hướng đến vô lậu tâm giải thoát đều được hành trì.

6. Đối với tri kiến của bậc Thánh hướng thượng khiến người thực hành có thể đoạn tận khổ đau đều được định hướng như nhau, không có gì chống trái nhau.

Có một điều đại chúng cần nhận thức là khi Phật giáo phát triển khắp năm châu thì pháp môn tu hành phân hóa vô cùng đa dạng. Do đó, chúng ta cần phải hết lòng cầu học và luận đàm với nhau để thấu tỏ chơn lý. Nên nhớ rằng một người nhận thức đúng chơn lý thì tu hành mới có kết quả, còn nhận thức sai thì không bao giờ đạt mục tiêu gì cả. Vậy thì, nghe và đọc chính là hai phương tiện hữu hiệu để chúng ta tiếp nhận chơn lý. Chúng ta cần phải chú ý thái độ của mình trong khi tiếp nhận những lời dạy của các bậc đạo sư khi tầm cầu giáo pháp. Trong phần mở đầu các bài kinh, đức Phật luôn nhấn mạnh: “*Này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý*”. Sự khéo tác ý là biểu hiện thái độ chân chính của người tiếp nhận giáo pháp. Từ thái độ chân chính đó mới đưa đến kết quả sau khi nghe pháp là *hoan hỷ và tín thọ* các lời dạy. Tùy theo kinh nghiệm tu tập mà mỗi người sẽ có mức độ cảm nhận khác nhau. Tuy nhiên, nếu hiểu sai sẽ không bao giờ chúng đạt chơn lý.

Một người tu hành muốn bước lên hàng Thánh quả phải dứt bỏ những nhận thức phàm phu. Vì nhận thức phàm phu làm chúng ta giới hạn trong thế gian dẫn đến không bao giờ thoát khỏi thế gian. Theo kinh “Căn bản pháp môn” thuộc Trung Bộ kinh, thì phàm phu là những kẻ không đến yết kiến, không nghe pháp và không tu tập với các bậc Thánh nhơn và bậc Chân nhơn. Do vậy, hàng phàm phu chỉ có tường tri với 24 pháp. Tường tri ở đây là sự



thấy biết sai lầm về sự giả tạm của thế gian.

Con đường tu học của hành giả xuất gia là phải thành tựu *chánh tri kiến*. Nam truyền gọi là thành tựu pháp nhãn còn Thiên tông gọi là *kiến tánh*. Thiền Tông luôn quan niệm một hành giả tu thiền phải cất bước du phương tìm kiếm thiện tri khai ngộ cho kiến tánh. Chỉ khi nào kiến tánh rồi mới có thể dụng công tu hành đạt thành tựu đạo quả. Tư tưởng này gọi là *Kiến tánh khởi tu*, như Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn đã dạy: “*không kiến tánh thì tu hành lưỡng công vô ích*”.

Cũng theo kinh “Căn bản pháp môn”, tư tưởng thành tựu chánh tri kiến cũng không khác xa gì với quan niệm nhà Thiền: Một người muốn có *chánh tri kiến* hay còn gọi là *Thắng tri* và *Liễu tri* thì phải đến yết kiến, nghe pháp và tu tập với bậc Thánh nhơn và bậc Chân nhơn. Và trong khi tiếp nhận phải thể hiện đúng tinh thần nghe từ người khác với tâm suy tư hay nghe với như lý tác ý.

Trong thời buổi hiện nay, việc thân cận và học pháp từ bậc Thánh là vô cùng hy hữu. Chúng ta không dám chắc mình có đủ duyên phước để gặp các Ngài hay không, vì vậy chúng ta cần phải nương vào đại chúng để thực hành con đường tiệm tu.

Vấn đề cần quan tâm đầu tiên đó là môi trường tu học. Môi trường tác động rất lớn đến đời sống của chúng ta. Nếu sống trong một môi trường thuận tiện thì có thể phát triển Giới - Định - Tuệ, còn nếu môi trường không thuận tiện thì Giới - Định - Tuệ không thể tăng trưởng.

Một người tu hành đúng nghĩa phải có tinh thần



biết sống một mình. Dù ở giữa đại chúng đông đúc cũng không nên để tâm quá ưa thích đám đông.

Đức Phật có dạy trong Kinh Hội Chúng trong Tăng Chi rằng: “Có Tỳ-kheo ưa thích hội chúng, vui thích hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng, ưa thích đồ chúng, vui thích đồ chúng, chuyên tâm ưa thích đồ chúng. Tỳ-kheo ấy sẽ không thể nào hoan hỷ sống một mình, không thể sống viễn ly, không nắm giữ được tướng của tâm, không thể viên mãn chánh kiến, không thể viên mãn chánh định, không thể trừ bỏ các kiết sử và không thể chứng đắc Niết-bàn. Trái lại, có Tỳ-kheo không ưa thích, không vui thích, không chuyên tâm ưa thích hội chúng, không ưa thích, không vui thích, không chuyên tâm ưa thích đồ chúng, Tỳ-kheo ấy có thể hoan hỷ sống một mình, sống viễn ly, nắm giữ được tướng của tâm, viên mãn chánh kiến, viên mãn chánh định, trừ bỏ các kiết sử và chứng đắc Niết-bàn”.

Người thích đám đông tâm luôn xao động và dễ phát sinh hý luận. Đây là một trở ngại rất lớn cho tiến trình tu tập của mỗi người. Đức Phật luôn khuyên chúng ta nên tìm đến gốc cây, bãi tha ma, nơi nhà trống để thiền tập chứ không bao giờ khuyên chúng ta đi tìm hội chúng đông người cả.

Vấn đề cần quan tâm thứ hai đó là nghiêm trì giới luật. Một hành giả thực hành giới luật đúng pháp phải đầy đủ 4 yếu tố:

1. Thọ thì giới Patimokha.
2. Giới thu thúc lục căn.
3. Tiết độ trong ăn uống.
4. Chú tâm tỉnh giác và chánh niệm tỉnh giác.

Đời sống xuất gia nhờ vào giới nên tam nghiệp

thuần thiện mà dễ vào chánh định. Chúng ta sống càng giản dị chừng nào tâm càng dễ định chừng ấy. Thói quen của tâm phàm phu là luôn mong cầu dục lạc. Đây là món đầu tiên trong năm triền cái cản trở chúng ta chứng đắc các tầng thiền. Việc giữ giới có khả năng giúp chúng ta ly dục, cho dù chúng ta chưa đủ cơ duyên nhập định thì giới cũng mang đến cho ta ngăn ngừa những ô nhiễm và từ đó có thể phát triển sự tập trung tâm rất sâu.

Đời sống xuất gia giúp chúng ta giữ giới dễ dàng hơn người cư sĩ rất nhiều. Người tại gia luôn bị gánh nặng trong trách nhiệm gia đình và sự luyến ái nên tham sân si thường xuyên sinh khởi. Điều này là một sự tù túng trong cuộc đời nên không thể nào thực hành được giới như người xuất gia. Kinh tạng có viết lại sự kiện Thích tử Mahanama bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, con biết rõ tham sân si là cấu uế của tâm, nhưng con không biết trong tâm con còn có pháp nào chưa được trừ diệt nên thỉnh thoảng tham sân si vẫn còn khởi lên”. Đức Phật dạy: “Do người còn sống đời sống gia đình nên tham sân si thỉnh thoảng vẫn còn khởi lên”.

Vì vậy, chỉ có người xuất gia mới dễ dàng thực hành trọn vẹn giới luật của bậc Thánh. Tuy nhiên, muốn hành trì giới tốt, trước nhất cần phải biết chánh niệm. Chánh niệm là một phép lạ giúp chúng ta ghi nhận các pháp sanh khởi và ghi nhận nhiều pháp lành trong cuộc sống. Chúng ta cần phải rèn luyện chánh niệm trong mỗi oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Ngay cả các sự động niệm dù là nhỏ nhất cũng cần phải chánh niệm ghi nhận. Nhờ chánh niệm liên tục vào oai nghi mà chánh niệm có thể phát triển thành chánh định. Dĩ nhiên, ban đầu thực hành chánh niệm rất khó khăn vì tâm phàm chưa dứt thì rất dễ xao lãng. Phải trải qua thời gian lâu ngày thì chánh niệm mới trở thành một thói quen tích cực.

Đức Phật dạy trong Kinh Điều Ngự địa thuộc Trung Bộ Kinh rằng người thực hành chánh niệm cũng như người nài huấn luyện con voi. Một con voi bị bắt về, nó luôn nhớ đến rừng xanh. Nó luôn gào rống giận dữ, không chịu ăn uống và chẳng biết nghe lời. Bấy giờ người nài lấy dây chắc cột nó vào một chiếc cọc đóng chặt vào đất. Ban đầu con voi ấy giãy giụa nhưng không thể nhổ được chiếc cọc. Dần dần, nó hết nhớ rừng, biết nghe lời và chịu ăn cỏ, uống nước. Như vậy, con voi này sẽ sống khỏe mạnh. Một hành giả huấn luyện tâm chánh niệm cũng y như thế. Ban đầu nhớ rừng là ẩn dụ cho tánh dục. Sợi dây là dục cho chánh niệm. Chiếc cọc là để mục tham thiền. Uống nước, ăn cỏ dụ cho nghe kinh học pháp. Hàng đệ tử Phật ban đầu không chịu nghe pháp nhưng nhờ vào chánh niệm trên các đề mục nên dần dần tánh dục mất đi. Vị ấy bắt đầu chú tâm lắng nghe, bắt đầu tiếp nhận giáo pháp. Vì vậy, vị ấy có thể nếm được hương vị giáo



pháp và tồn tại được trong giáo pháp.

Việc hành trì giới cũng có khả năng giúp chúng ta giữ thăng bằng được thân tâm. Sở dĩ con người đau khổ là vì họ quá nô lệ cho xác thân ngũ uẩn. Đây là hạng người đam mê dục lạc quá nhiều. Do đó, khi tu tập cũng quen với nếp hưởng thụ mà rơi vào một cực đoan thứ nhất là thực hành các pháp thái quá: Thái quá trong ăn ngủ và thái quá trong sự tinh tấn. Hạng người thứ hai bị khổ áp bức quá nhiều nên khi tu tập có thể rơi vào trường hợp thực hành các pháp bất cập. Đây là tư tưởng dùng khổ diệt khổ. Cả hai trường hợp này đức Phật đều không tán thành. Khi chưa thành đạo, đức Phật đã từng thọ hưởng dục lạc sung mãn thuở còn là thái tử. Khi xuất gia tầm đạo, Ngài thực hành các pháp khổ hạnh không ai sánh bằng. Thế mà cả hai không mang đến cho Ngài sự giác ngộ tối hậu. Cuối cùng, Ngài tìm ra lối tu trung đạo và chứng qua toàn giác dưới cội Bồ-đề.

Bài kinh đầu tiên trong *Tương Ưng Bộ*, kinh *Bộc lưu*, đức Phật đã thể hiện rõ quan điểm này. Có một vị Thiên đến bạch Phật rằng:

- Làm thế nào Ngài thoát khỏi bộc lưu?

Đức Phật dạy:

- Không đứng lại, không bước tới ta thoát khỏi bộc lưu.

Vị Thiên lại hỏi:

- Tại sao không đứng lại, không bước tới Ngài thoát khỏi bộc lưu?

Đức Phật dạy:

- Vì đứng lại thì bị chìm đắm, còn bước tới thì bị trôi dạt.

Vị Thiên hoan hỷ và đã đọc kệ tán thán đức Phật:

Từ lâu, tôi mới thấy Bà-la-môn tịch tịnh. Không đứng, không bước tới, Vượt chấp trước ở đời.

Theo ý nghĩa bài kinh trên, quá trình tu hành ta phải thật khéo léo. Một người được gọi là *đứng lại* là người đang giải đãi trong sự hành pháp. Do giải đãi cho nên dễ rơi vào sự hưởng thụ dục lạc với tâm tham ái và cũng có thể biểu hiện ra các trạng thái như hôn trầm, thụy miên. Còn người được gọi là *trôi dạt* là những người tinh tấn quá mức, mong cầu quả vị. Do tinh tấn quá mức, mong cầu quá vị nên dễ bị phóng tâm, vọng tưởng và có thể biểu hiện ra ngoài bằng những hành động thô tháo hay trạo cử.

Tín nữ Visakha lúc 7 tuổi khi nói về chánh niệm trong oai nghi đã cảm xúc bài kệ rằng:

Vua hồi hã mất đi vương cách

Tượng chạy ào mất cả uy phong

Sa môn xốc xếch khó trông

Nữ nhơn chạy nhảy còn ra thế gì?

Như vậy, một người có sự chánh niệm luôn biết thu thúc lục căn, hành trì giới luật trang nghiêm, có sự tiết chế trong ăn uống và cân bằng được thân tâm. Nếu tha thiết hành trì với tâm chánh niệm này thì việc tu

học chắc chắn rất có tiến bộ vậy. Ở đây, chúng ta có thể xúc cảm là khi chánh niệm không để sa vào hai pháp thái quá và bất cập, hành giả có thể xả ly được sự chấp trước. Chỉ cần buông bỏ chấp trước là ta thực hành được lý trung đạo. Như lời đức Phật đã dạy: *"Ai chấp trước thì bị ác ma trôi buột, ai không chấp trước thì thoát khỏi ác ma"*.

Vấn đề cuối cùng là *tri kiến thanh tịnh*. Tri kiến thanh tịnh là tri kiến vô lậu, đi lên từ thực hành viên mãn giới luật và viên mãn chánh định mới có. Tri kiến này còn gọi là *tuệ giải thoát, chánh tri kiến* hay *thành tựu pháp nhãn*.

Vậy thì ngoài con đường tu định ra không có





con đường nào khác để thành tựu chánh tri kiến. Hàng ngoại đạo tu thiền là để mưu cầu sự hỷ lạc của thiền vì họ lầm chấp đấy là cảnh giới Niết-bàn. Còn hạng khác tu thiền để mong cầu thần thông du hý vì họ đề cao bản ngã nên rất kiêu ngạo vì những sở đắc này.

Tu định không phải một sớm một chiều mà có kết quả. Đây là con đường nhiều gian nan cần phải nỗ lực qua một quá trình dài lâu với những bước đi căn bản. Việc căn bản nhất là phải hoàn thiện về giới. Từ hoàn thiện giới mới hoàn thiện định và chánh tri kiến mới phát sinh.

Vậy chánh tri kiến phát sinh như thế nào?

Khi một hành giả chứng đắc các tầng thiền, tâm vị ấy vô cùng định tĩnh. Nhiều người lầm nhận đây là Niết-bàn, là quả vị A-la-hán. Trên thực tế dưới cái nhìn của bậc giác ngộ, cảnh giới của Tứ thiền và Tứ không định vẫn nằm trong thế gian. Thế gian được dịch từ tiếng Pali là *Loka*, nghĩa là cái gì còn bị sanh diệt, bị tan rã, bị phá hoại, còn đau khổ. Cho nên, dù chứng đắc tứ thiền vẫn còn bị sanh tử. Kinh văn ghi chép có một số hành giả vào tứ thiền vẫn bị hoàn tục. Và bằng chứng là hai vị thầy dạy đạo cho Bồ-tát khi chưa thành Phật là Alara Kalama chứng đắc Vô sở hữu xứ định và Uddhaka Ramaputta chứng đắc Phi tướng phi phi tướng xứ mà vẫn còn bị tái sinh.

Cho nên, một hành giả tu đúng lộ trình để phát sinh chánh tri kiến là cần phải có một trạng thái tâm cực kỳ định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vị ấy hướng tâm đến sự thật về thế giới. Nghĩa là vị ấy không còn mê lầm đối với khổ. Vị ấy không còn mê lầm đối với nguyên nhân của khổ. Vị ấy chứng

nghiệm đối với sự vắng mặt khổ. Vị ấy không còn mê lầm đối với con đường đưa đến sự chấm dứt khổ. Vị ấy liễu tri tứ đế. Đây là chánh tri kiến của bậc Thánh. Hay nói theo cách khác, với tâm nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vị ấy hướng tâm đến sự thật về tự thân (thế giới). Vị ấy liễu tri vô thường, khổ, vô ngã. Nhờ liễu tri như vậy vị ấy chứng đắc bốn đạo và bốn quả.

Đây là mục tiêu tối hậu, là con đường mà tất cả chúng ta cần phải nỗ lực cả đời để chứng đạt. Ít nhất mục tiêu của chúng ta phải thành tựu cho được *pháp nhãn ly trần hay chánh tri kiến* ở địa vị sơ quả Tu-đà-hoàn thì con đường sanh tử mới mong xuất ly.

Tóm lại, khóa tu truyền thống tạo điều kiện cho tất cả hành giả điều kiện sống chung tu học rất thuận lợi. Vào khóa tu, chúng ta có đủ cơ hội thực hành chánh niệm, nghiêm trì giới luật, chuyên hành thiền định. Tất cả cần phải nỗ lực hết mình, sống và tu tập với tinh thần cầu tiến và hòa hợp một lòng để góp phần tạo ra bầu năng lượng lớn để chuyển hóa tham sân si, phát khởi tri kiến như thật về thế giới.

Thực chất, tu chẳng có gì xa lạ như ý pháp của cổ Trường lão Tri sự Giác Như: “*Chỉ đơn giản là thân khẩu ý giữ cho trong sạch; tham sân si phải đoạn trừ; giới định huệ phải cho viên mãn*”. Thành tựu được theo lời dạy này thì kết quả giải thoát chỉ nằm trong tầm tay.

Kết quả đó không phải ao ước, suy tưởng hay mong cầu suông. Chỉ cần chúng ta sống trọn vẹn trong nhà đạo thì sớm hay muộn đạo cũng sẽ thành. Hãy sống đúng với lời dạy của đức Phật: “*Trực hạnh là đệ tử Thế Tôn, diệu hạnh là đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là đệ tử Thế Tôn, chơn chánh hạnh là đệ tử Thế Tôn*”. ■



TÓM TẮT KHÓA TU TRUYỀN THỐNG LẦN THỨ 8

TỔ CHỨC TẠI TX. NGỌC NHƠN, TP. QUY NHƠN – 2012

● TK. Giác Hoàng



Có những dòng sông bắt nguồn từ những ngọn núi cao, có những dòng sông bắt nguồn từ những cơn mưa lũ, có những dòng sông êm đềm trôi theo hai con nước lớn rộng và có những dòng sông cuộn cuộn chảy qua bao ghềnh thác. Nhưng cho dù bắt nguồn từ đâu, trôi qua vùng đất nào, tất cả các dòng sông cũng xuôi về biển cả. Cũng như những dòng sông ấy, mỗi người đều có nhân duyên vào đạo khác nhau, có điều kiện tu học nơi mỗi trú xứ khác nhau, nhưng tất cả đều quy hướng theo lời dạy của Tổ sư Minh Đăng Quang, bởi chúng ta là những người con Khất Sĩ.

Nhớ lại những năm 20 của thế kỷ XX, khi Phật giáo Việt Nam lâm vào cảnh suy vi cùng tột, Tăng chúng mất đi sự tu học đúng nghĩa, Tổ sư Minh Đăng Quang đã chào đời. Vào những năm của thập niên 40, Tổ sư thành lập Đạo Phật Khất Sĩ với chí nguyện “Nối truyền Thích Ca chánh pháp”, làm sống lại hình ảnh thoát tục của Phật Tăng xưa, góp phần chấn hưng Phật giáo tại Việt Nam và thế giới. Tiếp nối ngọn đèn

chọn lý, chư vị Đức Thầy mở mang đạo pháp thành lập 6 giáo đoàn đi hoằng truyền chánh pháp khắp nơi. Có thể nói, hình ảnh của những nhà sư Khất Sĩ đã làm chấn động tín tâm của hàng triệu con tim Phật tử qua biết bao thế hệ.

Trong giai đoạn hiện nay, đời sống Tứ Y Pháp không còn như thuở ban sơ, nên chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo Hệ phái quyết định tổ chức các khóa tu truyền thống Giới - Định - Tuệ tạo điều kiện cho chư Tăng tu học theo gương hạnh của Tổ Thầy. Ra đời từ mùa xuân năm 2010 đến nay, hành trình của Khóa tu đã diễn ra 7 lần với những thành công cả về số lượng lẫn chất lượng.

Khóa tu lần thứ 8 là sự tiếp nối cho sức sống mạnh mẽ của truyền thống tu tập Giới - Định - Tuệ trong Hệ phái được giáo đoàn II đăng cai tổ chức tại đạo tràng TX. Ngọc Nhơn, TP. Quy Nhơn từ ngày mùng 4 đến 11 tháng 9 năm Nhâm Thìn (nhằm 18 đến 25/10/2012) đã thành công tốt đẹp.

BAN TỔ CHỨC gồm:

BAN CHỨNG MINH

HT. Giác Nhường – Phó pháp chủ Giám luật GHPGVN.

HT. Giác Tường – Ủy viên Ban Thường trực HĐCM GHPGVN.

HT. Giác Phúc – Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

BAN ĐIỀU HÀNH

HT. Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Phó Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái, Trưởng ban Tổ chức kiêm Giáo thọ.

HT. Giác Giới – Ủy viên Thường trực HĐTS, Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm hệ phái, Phó ban tổ chức kiêm Thiền chủ.

HT. Giác Hà – Trị sự trưởng Giáo đoàn V, Phó ban Tổ chức kiêm Giám luật.

HT. Giác Dũng – Ủy viên Thường trực HĐCM, Trưởng Giáo đoàn III, Phó ban Tổ chức kiêm Giám thiền.

HT. Giác Thanh – Trưởng Giáo đoàn II, Phó ban Tổ chức kiêm Hóa chủ.

TT. Giác Thuận – Giáo phẩm hệ phái, Diên lễ.

TT. Giác Trí – Giáo phẩm hệ phái, Phó giám thiền.

TT. Giác Minh – Giáo phẩm hệ phái, Kiểm soát.

Thư ký: ĐĐ. Giác Hoàng, ĐĐ. Giác Phước.

Về số lượng hành giả, đoàn I: 13 vị, đoàn II: 20 vị, đoàn III: 18 vị, đoàn IV: 13 vị, đoàn V: 15 vị, đoàn VI: 9 vị. Tổng cộng là 88 vị.

Tiếp nối những thành công của nhiều khóa trước, khóa tu lần thứ 8 được lên kế hoạch chu toàn về mọi mặt nên chương trình tu học rất chuẩn mực.

Giờ tu học bắt đầu từ 3 giờ 30 phút sáng kéo dài cho đến 21 giờ đêm. Trong suốt một ngày, đại chúng được thực tập liên tiếp thiền tọa 45 phút hoặc một tiếng và giờ thiền hành 30 phút. Thiền tọa là pháp tu dẫn đến nhập định rất quan trọng trong giáo pháp Khất Sĩ. Chỉ có con đường thiền tập mới có thể phát sinh tuệ giải thoát. Để mục chính được HT. Thiền chủ hướng dẫn là theo dõi hơi thở bằng tâm chánh niệm. Ý thức chánh niệm là sự cốt lõi để xây dựng nền đạo lực cho sự tu hành. Sự chánh niệm này được duy trì xuyên suốt từ thiền tọa chuyển sang thiền hành. Nếu thiền tọa chánh niệm đặt trên hơi thở thì thiền hành chánh niệm phải ghi nhận qua từng bước chân. Ngoài ra, trong các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, thọ trai, đến cả những cử động nhỏ nhất cũng phải chánh niệm. Chính nhờ sự nỗ lực duy trì chánh niệm mà đạo lực hành giả được tăng trưởng mỗi ngày trong khóa tu. Đây là sự tu tập cần thiết được áp dụng cho chư hành giả.

Trong khóa tu lần thứ 8 này, HT. Thiền chủ đã diễn giảng cho đại chúng bài Chơn Lý “PHẬT TÁNH” với nội dung mang triết lý đại thừa Phật giáo, qua lăng kính tâm chứng của Tổ sư. Nội dung chính của quyển

Chơn Lý này hiển bày tự tánh giác ngộ sẵn có nơi mỗi chúng sanh, khuyên chúng ta phải tu tập trở về với tánh Chơn Như vốn sẵn có. Tất cả chúng sanh đều có tánh giác, do vì chúng sanh vọng động nên phát khởi sáu căn ô nhiễm, dính mắc với 6 trần cảnh nên phải trôi dạt trong 6 néo luân hồi. Do sự trôi nổi đau khổ đó, chúng ta phải tu tập các pháp giác ngộ để trở về với tự tánh thanh tịnh của mình.

Trong giờ thiền đàm, chư Tôn đức đồng chia sẻ nhiều kinh nghiệm tu tập của bản thân qua sự hành trì và tham học từ những truyền thống dị biệt để đại chúng thêm hiểu biết. Trên cơ sở thông tin đó, Hòa thượng Thiền chủ đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm quý báu trong nhận thức của Ngài. Ngài nhấn nhủ đại chúng hãy nỗ lực hành trì giáo pháp để phát khởi chánh tri kiến. Chỉ có thành tựu chánh tri kiến mới là mục tiêu tối hậu của việc tu tập Giới - Định - Tuệ. Động lại trong các giờ thiền đàm là nỗi trăn trở cho mô hình tu tập ổn định của Hệ phái. Đại chúng đồng thống nhất quan điểm, trong bối cảnh đương đại việc thành lập thiền viện cho Hệ phái là điều cần thiết, đào tạo chư Tăng kế thừa và phát huy truyền thống du Tăng Khất Sĩ tham học khắp nơi cùng xứ của Tổ sư, nhưng không đánh mất bản sắc, truyền thống tốt đẹp mà các bậc Tổ, Thầy đã dày công dựng lập.

Trong khóa tu này, chư hành giả được lắng nghe lời dạy của HT. Giác Toàn – Phó Trưởng Ban Thường trực giáo phẩm hệ phái với đề tài: “*Tư tưởng thiền của Tổ sư Minh Đăng Quang trước môi trường sống và gọi sạch tâm thức tự thân*”. Hòa thượng đã rút những đoạn quan trọng trong ba bài Chơn Lý “Thần Mật”, “Xứ Thiên Đường” và “Vị Hung Thần” để làm nổi bật tư tưởng thiền của Tổ sư. Thông qua bài pháp, Hòa thượng nhấn mạnh chư hành giả cần phải soi rọi đời tu của mình qua Chơn Lý của Tổ Thầy để kế thừa và phát huy gia tài pháp bảo của Tổ sư.

Trong giờ sám hối, đại chúng cùng nhau hoan hỷ xem xét lại oai nghi, tư cách đạo đức để cùng làm thân, khẩu, ý của mình ngày càng trong sạch. Đây là giờ phút thiêng liêng giúp mỗi người tự quán chiếu sự tu học trong ngày rõ rệt nhất.

Tóm lại, nhờ vào sự hướng dẫn đúng chánh pháp cùng đạo lực uyên thâm của HT. Thiền chủ và chư Hòa thượng, chư Thượng tọa lãnh đạo cùng Ban tổ chức và tinh thần tu tập tinh tấn của chư hành giả nên giới hạnh, tâm định và tuệ giác của đại chúng Tăng sư ngày càng tăng trưởng. Sự thành công này làm nức lòng chư Tăng và tín đồ cả Hệ phái, góp phần tăng trưởng niềm tin bất động vào giáo pháp của Tổ thầy. Rằng: dù Tổ sư đã đi xa nhưng thế hệ tiếp nối vẫn sống đúng với lời dạy của Tổ ngày nào: “*Cái sống là phải sống chung, cái biết là phải học chung, cái linh là phải tu chung*”. ■



CẢM TƯỢNG HÀNH GIẢ

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG KHẤT SĨ LẦN 8
TỔ CHỨC TẠI TX. NGỌC NHƠN, TP. QUY NHƠN – 2012

● TK. Giác Mãnh



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Ngưỡng bạch chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái,
Ngưỡng bạch chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa,
Đại đức Tăng trong chúng hiệp hòa,
Kính thưa quý thiện nam, tín nữ Phật tử thân
mến,

Hôm nay, là ngày bế mạc khóa tu truyền thống Giới – Định – Tuệ lần thứ 8 do Giáo đoàn II đăng cai, tổ chức tại đảo tràng tịnh xá Ngọc Nhơn, thành phố Quy Nhơn, chúng con xin đại diện hành giả tham dự khóa tu xin đánh lễ chư Tôn đức kính dâng đôi dòng cảm tưởng.

Kính bạch chư Tôn đức,

Những cơn mưa cuối thu lúa thừa của xứ sở bao

năm oằn mình trong bão lũ vẫn không xua đi được hào khí trầm hùng của khóa tu với gần trăm hành giả chư Tăng tham dự trong ngày khai mạc. Mới đó mà hôm nay đã đến ngày kết thúc.

Mỗi thời khóa tu tập hàng ngày là mỗi giờ chúng con thọ nhận ân đức sâu dày của quý chư Tôn đức. Trên mỗi gương mặt hiền hòa đôn hậu của quý Ngài, luôn ánh lên lòng bi mẫn mà nghiêm từ trong giờ sám hối, để hành giả chúng con hơn lúc nào hết, hiểu về giá trị thiêng liêng của giờ làm sạch tâm mình; để chúng con nhìn thấu lỗi mình và trưởng thành thêm lên từng ngày; để chúng con trong mỗi khóa tu, tại mỗi giờ làm mới thân tâm, không còn cảm nhận sự xa vời hay lo sợ và xấu hổ trước đại chúng, mà xem đây như một giờ hạnh phúc được nhìn rõ hơn về bản thân và hành trình tu tập của chính mình. Có lẽ không ai trong hành giả chúng con có thể quên được hình ảnh của chư bậc Tôn túc chẳng những chịu khó lắng nghe có khi chúng con trình bày dài dòng, lược thớt mà như HT. Tri sự trưởng Giáo đoàn V còn sám hối những lỗi nhỏ nhất nhất để chúng con không thấy ngại ngùng khi phải sám hối những lỗi nhỏ nhất như vậy. Ôi, thật là một bài pháp không lời, một tấm gương sáng ngời cho toàn thể chúng con noi theo.

Qua từng lời giảng chơn lý thâm thúy, sâu lắng xuất phát từ nhận thức và kinh nghiệm tu tập trên 50 năm của HT. Thiển chú, là nguồn năng lượng vô biên tác động vào tâm thức chúng con, chuyển hóa thân,



khẩu, ý phạm tục của chúng con trở nên thuần tịnh. Còn những bước chân nhẹ nhàng thanh thoát của HT. Giác Dũng - Giác thiền, HT. Giác Hà - Giác luật, HT. Giác Thanh - Hóa chủ và chư Tôn đức là những bài pháp không lời, khắc sâu vào tâm trí hành giả và làm sống dậy tinh thần tự nỗ lực hành trì, và dần thân trên mỗi bước đi làm lợi ích hữu tình.

Giờ thiền đàm của mỗi ngày trôi qua đức kết biết bao kinh nghiệm tự thân của chư Tôn đức. Mỗi sự chia sẻ của chư Tôn đức hay chư huynh đệ hành giả là mỗi trang nhật ký gắn kết tri thức, xóa bỏ địa lý để sống chung tu học trên nền tảng lục hòa với “kiến thức riêng chỉ giải cho nhau”. Những kho tàng kinh nghiệm tu học thực tiễn và chân thật mà qua trải nghiệm, qua thăng trầm, hóa thành dòng sông pháp nặng hạt từ bi và trí tuệ cho chúng con hiểu thấu giáo pháp để ứng dụng trong đời sống tu tập còn bé bỏng của chúng con.

Do đó, những giờ thiền tọa đối với những hành giả tham dự khóa tu đầu tiên có thể là những giờ chịu đựng những cơn đau buốt nơi thể xác, nhưng những cơn đau đó không làm chúng con thối chí nản lòng, mà ngược lại chúng con cảm nhận đó là dấu hiệu của sự thăng tiến trên lộ trình tu tập, vì chúng con đã chiến thắng sự giải đãi chính mình, biết kham nhẫn vượt qua các khổ thọ và ghi nhận chúng. Đó cũng là những bước thực tập căn bản mà chúng con cần phải trải qua để sau này có thể thực tập sâu lắng hơn, có thể hàng phục 5 pháp chướng ngại trên lộ trình hướng đến giải thoát.

Kính bạch chư Tôn đức,

Quả đúng như lời người xưa nói: có quyền sách nào mà không có trang cuối, thể nhân có bữa tiệc nào mà không tàn. Thế là bảy ngày nỗ lực tu tập đã trôi qua. Khóa tu một mặt nào đó đã thành công. Sự thành công này chính là nhờ sự chăm sóc của ban ngoại hộ. Trong đó, đáng trân trọng nhất là sự lãnh đạo của Hòa thượng trưởng giáo đoàn II và Đại đức trụ trì đã nối kết các đạo tràng trong giáo đoàn và các ngôi đạo tràng Tịnh xá tại

địa phương lân cận, không phân biệt đoàn thể cùng chung tay lo Phật sự Hệ phái. Đặc biệt việc ăn, ở của mỗi hành giả được TT. Giác Minh và ĐĐ. Giác Trực - Trụ trì Tịnh xá và quý huynh đệ trong Giáo đoàn II chăm lo chu đáo, góp sức cho khóa tu viên mãn. Chúng con thành kính tri ơn và nguyện tinh tấn tu tập để xứng đáng với sự chăm sóc của chư Tôn đức.

Chúng tôi xin trân trọng ghi nhận sự giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương đã tạo điều kiện giúp đỡ cho khóa tu diễn ra an toàn, tốt đẹp. Xin kính chúc các cấp chính quyền dồi dào sức khỏe để hoàn thành vai trò của mình.

Cuối cùng, chúng tôi tri ân công đức toàn thể quý Phật tử gần xa. Chính nhờ sự phát tâm sốt bất cúng dường phẩm vật và phát tâm công quả phụng sự mọi mặt nên chúng tôi mới có đầy đủ khí lực tinh cần tu tập trong suốt khóa tu. Cầu nguyện Tam bảo chứng minh công đức và gia hộ quý vị sớm hưởng được 5 điều phước báu: sống lâu, sắc tốt, an vui, sức mạnh và trí tuệ.

Kính thưa chư huynh đệ!

Thế là những cơn mưa bất chợt sáng nay báo hiệu thời khắc Thấy trò, huynh đệ qua bảy ngày ngắn ngủi sẽ phải nói lời chia tay! Sự chia tay của những người con Phật luôn là những sự hân hoan mà sao giờ phút này lại cảm thấy len lõi chút buồn! Mong rằng bảy ngày qua sẽ là hành trang, là bài học kinh nghiệm cho con đường hướng về phía trước của toàn thể chúng ta.

Cuối cùng, chúng con thành tâm kính chúc chư Tôn thiên đức pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu, là bóng cây đại thọ che chở cho hàng hậu học chúng con mãi mãi được rợp mát trong giáo pháp Như Lai.

Kính chúc hành giả, chư huynh đệ sức khỏe, an lành và tiến tu với tư lương hành trang đã thọ lãnh trong khóa tu qua. ■

Qui Nhơn, ngày 11 tháng 9 năm Nhâm thìn (2012)





NI GIỚI HỆ PHÁI KHẤT SĨ

TỔ CHỨC KHÓA TU GIỚI ĐỊNH HUỆ LẦN THỨ VI

● Bài: TKN. Tuyết Liên - Ảnh: PT. Châu Ngọc

Khóa tu Giới Định Huệ lần thứ 6 của Ni giới Khất Sĩ được tổ chức tại Tịnh xá Mộc Chơn, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang từ ngày 07 – 13 tháng 10 năm 2012 (nhằm 22 – 28 tháng 8 năm Nhâm Thìn).

Thật là một phúc duyên lớn

lao cho chư Ni lần này được tề tựu về đây, tu tập ngay trên mảnh đất quê hương, cội nguồn của hệ Phái Khất Sĩ. Phường phát đầu đây bóng hình Tổ sư hiển hiện, âm vang trong gió lời Tổ chuyên pháp luân trong những ngày đầu tiên mở đạo, nơi đây đượm mùi vị hương quê, với gió đồng nội reo vui, cây lá xanh màu, những tàu lá

chuối đong đưa, những cành dừa thướt tha trong gió làm lòng người nghe như vui đi bao niềm trần tục, ưu phiền.

Về chứng minh và tham dự khóa tu có sự hiện diện của chư Tôn Đức Ni:

- NT. Tràng Liên, Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, đương kim Trưởng Ni giới hệ phái Khất Sĩ.

- NT. Ngoạt Liên, Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Giáo phẩm Ni giới hệ phái Khất Sĩ.

- NT. Tân Liên, Giáo phẩm Ni giới hệ phái Khất Sĩ.

- NT. Minh Liên, Giáo phẩm Ni Giới Hệ Phái Khất Sĩ.

- NT. Nhã Liên, Giáo phẩm Ni Giới Hệ Phái Khất Sĩ.

Cùng chư Ni trụ trì trụ xứ tại các miền Nam, Trung, và cao nguyên về tham dự khóa tu. Khóa tu này có 90 hành giả tham gia.

Lễ khai mạc khóa tu được sự chứng minh và tham dự của NT. Tràng Liên, Trưởng NGHPKS và NT. Ngoạt Liên, giáo phẩm NGHPKS, trụ trì Tổ đình Ngọc Phương, cùng chư vị Ni trưởng trong hàng Giáo phẩm Ni giới. Sau lời tuyên bố khai mạc, quý Ni trưởng tuần tự triển khai pháp tu thiền của Hệ phái theo lời dạy của Tổ sư qua Chơn Lý “Số Túc Quan” (số 53), Tổ sư dạy về cách nhìn Tâm và thực hành chánh niệm trong mọi oai nghi, trong sinh hoạt hằng ngày.

Buổi chiều cùng ngày, HT. Giác Toàn, Phó ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái, Phó ban GDTNTWGH đến thăm, sách tấn thiền sinh và giảng dạy với đề tài: “Phương pháp tu tập thiền định



liên hệ bài kinh Thất Xứ của Tập A-hàm và Chơn Lý Ngũ Uẩn của đức Tổ sư”. Qua đó, Phật dạy: có 7 xứ thiện và 3 cách quán nghĩa. Nếu một vị Tỳ kheo biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại và sự xuất ly của sắc. Cũng vậy, vị Tỳ-kheo biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức cả trên 7 phương diện này, sau đó chơn chánh giác sát 5 ấm, 12 nhập và 18 giới, vị ấy chắc chắn sẽ đoạn tận được lậu hoặc, đắc tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong đời tự mình biết rõ, tự thân chứng ngộ đầy đủ và an trụ: *“Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác”*.

Ngày thứ ba (24/8 Nhâm Thìn = 09/10/12): HT. Giác Giới, Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái đến thăm, sách tấn và giảng dạy cho hành giả khóa tu. Hòa thượng nhấn mạnh nghệ thuật nghe giảng pháp là: *“Phải nghe và khéo như lý tác ý”* (hệ Pali) hoặc *“Phải nghe và với tâm suy tư”* (hệ A-hàm). Có nghĩa là chúng ta phải nghe pháp với chánh tri kiến. Thấy biết như thật đâu là đúng, đâu là sai; đâu là chánh pháp, đâu là phi pháp; đâu là mục tiêu tối thượng của con đường phạm hạnh cần phải chứng đạt, là sự giác ngộ các Thánh quả. Đừng bằng lòng với những phạm hạnh cành lá, vỏ cây, giác cây; những cung kính, danh vọng và lợi dưỡng. Phải tập nhìn vạn pháp với *“thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, ...”* mà không thêm vào đó những tâm phân biệt tốt xấu, khen chê, thương ghét do nghiệp thức huân tập nhiều đời của mình. Phải tinh tấn đoạn tận vô minh và ái dục, những mắc xích căn bản của vòng sanh tử luân hồi, vì Phật từng tuyên bố: *“Chính trong xác thân không đây một sợi tay này, Như Lai tuyên bố thế giới, sự tập khởi của thế giới, sự đoạn tận thế giới*



và con đường đưa đến sự đoạn tận thế giới” (Tương Ưng Bộ kinh). Cuối cùng HT bày tỏ niềm hoan hỷ và khen ngợi khi thấy Ni chúng đã tích cực trong các khóa tu, đi đúng con đường mà Đức Phật đã vạch ra và Tổ sư “Nổi truyền Thích Ca chánh pháp” luôn nhấn mạnh đây là độc đạo: *“Người Khất sĩ chỉ có ba pháp tu học vẫn tất là Giới – Định – Huệ”* (Chơn Lý “Y Bát Chơn Truyền”, tr. 190).

Hàng ngày chư hành giả tu tập theo thời khóa từ 3 giờ 30 phút và kết thúc lúc 21 giờ. Gồm 5 thời thiền tọa (mỗi thời trung bình 50 phút), 6 thời kinh hành (mỗi lần trung bình từ 20 đến 30 phút), 2 thời công phu, 1 giờ 20 phút đọc Chơn Lý của Tổ sư. Đúng theo thời khóa và nội quy mà Ban tổ chức hướng dẫn, sau mỗi ngày đều có 45 phút để thiền sinh trình pháp. Cũng có những thiền sinh mạnh dạn phát biểu, trình bày pháp hành và những vướng mắc của mình, nhưng đa số còn nhiều rụt rè. Điểm đáng mừng là thiền sinh đã tương đối làm quen, hiểu nội dung và lợi lạc của giờ trình

pháp, không còn mơ hồ như trong các khóa đầu.

Đặc biệt khóa tu lần VI này được tổ chức tại nơi Tổ sư chuyển pháp luân lần đầu, nên có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Trong khóa tu, chư Ni trưởng lãnh đạo luân phiên đọc và triển khai Chơn Lý “Nhập định”, “Bát Chánh Đạo”, “Y Bát Chơn Truyền”, “Sổ Túc Quan”; nhắc nhiều nhất về những công hạnh của Đức Tổ sư, các Đức Thầy và chư Ni trưởng trong buổi sơ khai, giúp chư Ni tân học hiểu biết về truyền thống giáo pháp Khất Sĩ, hình dung được nếp sinh hoạt của Tăng đoàn trong thời kỳ Tổ sư mở đạo; đồng thời cũng để hành giả tham dự khóa tu quán chiếu lại tự thân, trau dồi tam học làm nền tảng cho định huệ tăng trưởng.

Ngày thứ bảy 28/8 Nhâm Thìn: buổi sáng chư Ni đi trì bình khất thực theo truyền thống.

Lúc 14 giờ 30 phút cùng ngày chư vị Ni trưởng làm lễ tổng kết khóa tu.

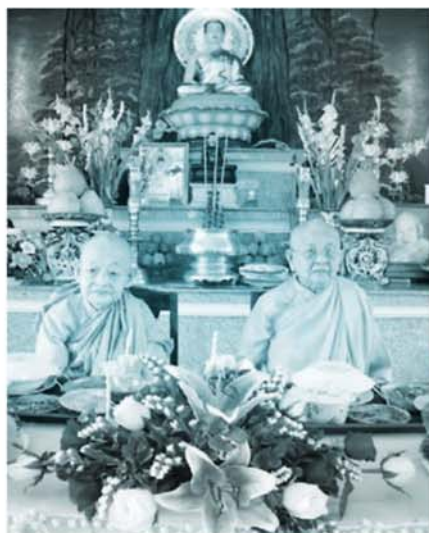
Khóa tu kết thúc viên mãn lúc 17 giờ cùng ngày. ■



BÁO CÁO TỔNG KẾT KHÓA TU GIỚI ĐỊNH HUỆ

DO NI GIỚI TỔ CHỨC LẦN THỨ VII

● Ni sư Tín Liên



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca
Mâu Ni Phật

Kính bạch quý Ni Trưởng, Ni
sư, Sư cô và đại chúng,

Thật là một hình ảnh
thân thương, thấm
tình đạo vị khi tất cả
chúng ta, những
người con Phật từ
nhiều trú xứ khác nhau, qui tụ về
đây dưới bóng Từ Tôn của Tịnh xá
Ngọc Liên, TP. Cần Thơ, cùng
nhau tu học từ ngày 22 – 28/09 âm
lịch năm Nhâm Thìn (nhằm ngày 5
- 11/11/2012).

Bây giờ đã qua nhanh, giờ
kết thúc khóa tu đã đến. Biết bao
ân đức, bao niềm lưu luyến!

I. THÀNH PHẦN BAN TỔ CHỨC

1. Chứng minh:

Ni trưởng Trảng Liên - Trưởng
ban tổ chức

Ni trưởng Ngọt Liên - Trưởng
Ban tổ chức

2. Thiên chủ:

Ni Trưởng Tân Liên - Phó ban
tổ chức

Phó Thiên Chủ:

Ni trưởng Minh Liên - Phó ban
tổ chức

Ni trưởng Nhã Liên - Phó ban
tổ chức

Ni trưởng Giới Liên - Phó ban
tổ chức

3. Ban Kiểm Soát kiêm Giám Thiên:

Ni trưởng Tố Liên - Giám
thiên (trong thiên đường)

Ni trưởng Thẩm Liên - Giám
thiên (trong thiên đường)

Ni trưởng Ấn Liên - Giám
thiên (ngoài thiên đường)

Ni trưởng Mãnh Liên - Giám
thiên (ngoài thiên đường)

Ni trưởng Điều Liên - Giám
thiên (ngoài thiên đường)

4. Ban Điều Hành:

Ni trưởng Giới Liên

Ni trưởng Viên Liên

5. Ban Thư Ký: NS. Tín Liên,
NS. Phụng Liên, NS. Hòa Liên
(NP) và SC. Tài Liên.

6. Ban Hộ Thiên: SC. Lan
Liên, SC. Phương Liên, SC. Thảo
Liên.

Hiện diện tham dự khóa tu
thiên gồm: 7 Ni trưởng, 21 Ni sư,
64 Sư cô, 7 Thức-xoa, 12 Sa-di-ni, 2
tập sự. Như vậy tổng số hành giả
tham dự trong khóa tu là 113 hành
giả của 60 đơn vị tịnh xá, tịnh thất.
Ngoài ra có 23 Phật tử vừa theo hộ
trì vừa tham dự khóa tu. Ban hộ
thiên gồm có 6 ban gồm 10 Sư cô,
Ni cô và 24 Phật tử.

II. THỜI KHÓA TU TẬP

Chương trình tu học 7 ngày
được diễn tiến tuần tự như sau:

Mỗi ngày có 5 thời thiên tọa
(mỗi thời trung bình 50 phút), 6
thời kinh hành (mỗi lần 20-30
phút), 2 thời công phu, 1 giờ 20
phút đọc Chơn Lý của Tổ sư và 45
phút hành giả trình pháp.

Thiên đường là giảng đường
ngay bên dưới chánh điện rộng
thênh thang, phòng ốc vừa xây
khang trang thoáng mát, thanh
tịnh, không ồn ào vì cách lộ khá xa.
Đọc theo lối đi là những chậu hoa
kiểng được chăm sóc khá công
phu. Bao quanh bốn phía là những
cây sa kê rợp bóng, những tàu lá

chuối đong đưa, cành dừa vút cao in lên nền trời xanh. Màu xanh muốt của lá, của cây, màu sắc phong phú của hoa kiểng bao bọc quần thể các khu kiến trúc khiến cho toàn khung cảnh tòa lên nét tươi mát, thanh lịch, làm êm dịu lòng người.

III NỘI DUNG TU HỌC

Ngày thứ nhất trước giờ diễn ra Lễ khai mạc, một số Tôn đức trưởng lão Ni, cùng hơn trăm hành giả Ni đi trì bình khất thực, ôn lại truyền thống trì bình của Phật Tăng xưa. Gần nhất là hình ảnh Đức Tổ sư với đoàn Du Tăng của Ngài hành Tứ Y Pháp với tôn chỉ “NỐI TRUYỀN THÍCH CA CHÁNH PHÁP”.

Lễ Khai mạc khóa tu được bắt đầu lúc 8 giờ 30 sáng cùng ngày.

Đến chứng minh và tham dự lễ có: Ni trưởng đương kim trưởng Ni giới hệ phái Khất Sĩ và Ni trưởng trụ trì Tổ đình Ngọc Phương. Sau những lời chứng minh và sách tấn cầu chúc tốt đẹp đến thiện sinh, quý Ni trưởng giáo phẩm như NT. Tân Liên và NT. Thâm Liên triển khai pháp tu qua lời dạy của Tổ sư và Đề Nhất cố Ni Trưởng được ghi chép trong quyển “Pháp tu Thiền của hệ phái Khất Sĩ” đặt nền tảng trên Chơn Lý “Sổ Túc Quan” của Đức Tổ sư.

Ngày thứ 2 và những ngày sau đó, NT. Minh Liên và NT. Viên Liên đọc và triển khai Chơn Lý “Nhập Định”.

- NT. Nhã Liên và NT. Tố Liên đọc Chơn Lý “Khất Sĩ” và “Y Bát Chơn Truyền”.

- NT. Giới Liên đọc Chơn Lý “Học Chơn Lý”.

Đặc biệt khóa tu được đẩy đủ phúc duyên và vinh hạnh đón tiếp sự viếng thăm và giảng giải giáo pháp của HT. Giác Toàn (Phó Ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái) và TT. Giác Ánh (Trụ trì Tịnh xá Ngọc Hòa – Vĩnh Long).

HT. Giác Toàn sau lời sách tấn chư Ni, đã chia sẻ ý pháp qua chủ đề “Tư tưởng Thiền của Tổ sư Minh Đăng Quang trước môi trường sống và gội sạch tâm thức tự thân” qua ba bài Chơn Lý “Thân Mật”, “Xử Thiền Đường” và Chơn Lý “Vị Hung Thân” của Đức Tổ sư. Con người tạo nghiệp để trôi lăn trong sanh tử do thân, khẩu, ý. Muốn tu thiền, hành giả phải dọn mảnh đất tâm, nghĩa là phải giữ ba thân mật: thân mật, khẩu mật và ý mật. Do vậy hành giả quán chiếu, tu tập ba nghiệp thân, khẩu, ý chẳng những không cho gây tạo nghiệp quả, tội báo mà còn thu nhiếp chúng, hộ trì chúng khi cần tiếp xúc với trần. Trong môi trường văn minh, khoa học của thế kỷ XXI, chúng ta cần luôn luôn tỉnh giác không để các vi trùng ác hại xâm nhập, khống chế. “Cố gắng thắng phục vi trùng xấu, dưỡng nuôi giúp sức cho giác trùng tốt để đến cõi thuần phục trang nghiêm” (Tổ sư Minh Đăng Quang). Khi nào con

người nhận ra tâm tánh tự ngã phạm phu của chính mình và từ bỏ nó như từ bỏ vị hung thần xấu xa từ trong sâu thẳm của tâm thức, nghĩa là tu làm sao biến “vị hung thần” trở thành “hiền thần”, thì con người sẽ không còn tội lỗi, ác quấy. Khi ấy con người sẽ nhận ra chơn tánh của chính mình, tức là sẽ thành Phật, an trú Niết-bàn bất sanh bất diệt.

TT. Giác Ánh thuật lại những sự liên hệ trong đời sống tu tập mà Tổ Thầy đã dạy. Qua đó Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa chúng sanh thoát khổ. Tu muốn đạt kết quả, hành giả phải phát huy: Niềm Tin đối với Tam Bảo và Tự tin vào khả năng thành Phật của chính mình. Tu tập là đi trở về nhà của chính mình, vì chúng ta đã lạc lối. Tâm chúng ta do tập khí nhiều đời, nó âm i lén lút nhiều điều bất thiện. Khi gặp điều kiện hoàn cảnh nó sẽ bùng ra. Do vậy, ta phải khéo uốn nắn tâm như người thợ khéo uốn cây cung. Và ta cũng phải khéo bảo hộ thân này, làm chiếc bè để tinh tấn vượt qua dòng sông sanh tử, đừng để thời gian luống trôi và không giá trị. Tâm vốn nó bình yên nhưng nó lay động là do ta bận bịu với thế sự, không phát triển được Giới, Định, Huệ. Nếu ta khéo léo huấn luyện tâm thì chắc chắn ta sẽ đạt Định Huệ.

Giờ trình pháp cuối ngày là giờ sinh động nhất. Những ngày càng về sau thiện sinh càng thấy rõ





sự lợi ích của việc trình pháp. Nhưng đa số các thiền sinh còn nhiều rụt rè, chưa dám trực tiếp trình bày.

IV. KHÂU ẨM THỰC VÀ ĐỜI SỐNG

Nhờ ơn Tam Bảo gia hộ, nhờ ơn đức Tổ Thầy, ơn đức của hàng giáo phẩm Ni giới hệ phái, nhờ phước đức của NT. Trụ trì Tịnh xá Ngọc Liên, hạnh tu, hạnh nhẫn, hạnh vô ngã vị tha, hy sinh vì đại thể, đã chiều cảm những tấm lòng vàng của nam nữ Phật tử, ngoại hộ nhiệt thành. Mỗi ngày tu đều có các Phật tử cùng gia đình chung tay góp sức sốt bát cúng dường, thức ăn phong phú, vật thực dồi dào. Quý Sư cô và Phật tử trong ban trai soạn chăm chút thay đổi khẩu vị món ăn chọn lựa hằng ngày, thức uống phong phú giúp thiền sinh sức khỏe tăng trưởng, trợ duyên tu hành càng thêm tinh tấn.

Nhìn số lượng Phật tử trên 20 người thuộc Tịnh xá Ngọc Liên tham gia vào tất cả các Tiểu Ban của Ban Hộ Thiền, mỗi việc đều được chuẩn bị sắp xếp chu đáo, từ khâu điện nước, âm thanh, ánh sáng, treo dây mừng thiền đến ẩm thực, vệ sinh... mỗi mỗi đều tận tình chu đáo, thật đáng tán thán và tuyên dương.

V. NHẬN XÉT

Nhìn chung khóa thiền đã diễn ra vô cùng tốt đẹp. Sau khóa tu 7 ngày Ban Tổ chức và thiền sinh đều rất phấn khởi. Đúng như lời nhận xét của Ni trưởng Minh Liên (Viện chủ Tịnh xá Ngọc Tâm Long An): Mỗi khóa tu càng ngày càng dung càng miên mật hơn, nề nếp hơn và chất lượng hơn. Thiền sinh có cố gắng chấp hành nội quy, nhất là hạn chế nói chuyện, không giữ tiền, không dùng điện thoại di động, cắt mọi ngoại duyên giao tiếp với bên ngoài để chuyên tâm tập trung chánh niệm, càng ngày càng tốt hơn. Mặc dầu ý thức chánh niệm trong sinh hoạt hàng ngày khi ra khỏi thiền đường chưa thật triệt để, nhưng chiều hướng phát triển như thế là hứa hẹn một triển vọng khả quan. Qua số lượng vượt trội tham gia nhiệt tình tu tập cho chúng ta thấy tinh thần ưa thích tu thiền của chư Ni và hàng giả Phật tử ngày càng tiến bộ. Điều này đã khiến quý Ni trưởng hàng giáo phẩm, nhất là Ni trưởng trụ trì Tịnh xá Ngọc Liên hết sức hoan hỷ, quên cả bao nhọc nhằn, quên cả thân tứ đại hao gầy, bệnh duyên của mình.

Pháp tu đã triển khai bước sang phần THÔNG TUỆ, đến giai

đoạn 5, trang bị cho thiền sinh những kiến thức cơ bản về lý thuyết. Kết quả tu tập sẽ còn là quá trình thời gian, tùy thuộc vào sự gia công tinh tấn hành trì của riêng mỗi người con Phật, như cố Ni trưởng Huệ nhất từng nhắc nhở:

*"Nhà ta sẵn báu trân
Tuệ nghiệp sẵn riêng phần
Con phải chăm gìn giữ
Con là vị chủ nhân".*

(Về đây - NT. Huỳnh Liên)

Ơn đức của chư vị Ni trưởng, trưởng lão Ni hàng giáo phẩm Ni giới hệ phái đối với chúng con là vô lượng. Ơn đức của Ni trưởng trụ trì Tịnh xá Ngọc Liên và Ni chúng, của đàn na tín thí công ơn thật vô cùng lớn lao ! Chúng con nguyện tinh tấn tu, tinh tấn học để phát huy Tuệ nghiệp, đệ huynh đoàn kết một lòng, hoằng truyền chánh pháp Như Lai, Tổ Thầy để ánh minh quang ngày càng tỏ rạng, làm lợi lạc chúng hữu tình. Chúng con nguyện:

*"Hằng dùng Giới hương xoa vớt
sáng
Thường gìn Định phục để giúp
thân
Hoa mẫu Bồ Đề khắp trang
nghiêm
Tùy theo chỗ ở thường an lạc".*

**Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ
Tát Ma Ha Tát. ■**

CẨM ƠN KHÓA TU

DO NI GIỚI HỆ PHÁI KHẤT SĨ TỔ CHỨC LẦN 7

● PT. Thiện Hữu



Ngưỡng bạch chư Tôn thiên đức,
Thật hạnh phúc và may mắn cho con, khi con đã được tham dự nhiều khoá tu truyền thống Khất Sĩ và làm thị giả cho chư Tôn đức Tăng trong khoá tu được đăng cai và tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Liên - trụ trì Tịnh xá Ngọc Liên. Cho con xin phép được gọi một cách thân mật như hằng ngày con vẫn thường gọi là Sư Bà Ngọc Liên, người mà con rất tôn kính và ngưỡng mộ. Sư Bà đã sống một cuộc sống trọn vẹn cho đạo pháp và nhơn sanh, mặc cho tuổi già sức yếu với nhiều con bệnh đến thập tử nhất sinh. Cũng như TT. Giác Ánh trụ trì, và hôm nay con lại có duyên lành được làm ngoại hộ cho khoá tu Truyền thống Ni giới hệ phái Khất Sĩ lần đầu tiên được đăng cai và tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Liên thành phố Cần Thơ (từ 22/9 - 28/9 Nhâm Thìn), nơi mảnh đất mà con được sinh ra và lớn lên.

Trong suốt bảy ngày làm ngoại hộ cho khoá tu, con cảm thấy mình lớn hơn rất nhiều, học được rất nhiều bài học quý báu từ chư Tôn đức Ni và được làm rất nhiều điều có ích cho đạo pháp và bản thân, nhưng đặc biệt nhất là

được góp chút công sức nhỏ nhoi của mình để giúp đỡ cho NT. GIỚI LIÊN - trụ trì Tịnh xá Ngọc Liên. Cho con xin phép được gọi một cách thân mật như hằng ngày con vẫn thường gọi là Sư Bà Ngọc Liên, người mà con rất tôn kính và ngưỡng mộ. Sư Bà đã sống một cuộc sống trọn vẹn cho đạo pháp và nhơn sanh, mặc cho tuổi già sức yếu với nhiều con bệnh đến thập tử nhất sinh. Cũng như TT. Giác Ánh đã giảng tại khoá tu Ni giới lần này có đoạn: *"Được làm thân người đã khó, được gặp chánh pháp lại càng khó hơn. Cho nên phàm đã được làm người thì phải sống cho thật hữu dụng và phải có lý tưởng. Sống mà không có mục đích lý tưởng thì thật uổng cho một kiếp người"*. Thật vậy, khi đã sống có lý tưởng thì chúng ta mới có động lực để cố gắng vượt qua được những thử thách chông gai, tiến đến lý tưởng và mục đích mà chúng ta đã đặt ra.

Sư Bà cũng thế, vì lý tưởng cao cả của đời mình, Sư Bà đã vượt khỏi bệnh tật, chống chọi với tử thần, giành lấy quyền sống, có thể dành khoảng thời gian quý báu còn lại của mình để phục vụ cho Phật pháp bằng cách mở khoá tu Thọ Bát quan trai, để cho quý Phật tử gần xa có thể đến tham dự và giữ 8 giới trong suốt một ngày đêm, mỗi tháng 2 ngày như thế. Dù đã trên 80 tuổi, nhưng Sư Bà vẫn lo lắng và chăm sóc cho các Phật tử về tham dự khoá tu từ miếng ăn đến giấc ngủ... Quả là tấm lòng cao thượng của người mẹ luôn luôn lo lắng cho các con, phải vạch sẵn hướng đi để các con không bị lầm đường lạc lối mà sớm ngày được trở về ngôi nhà tâm linh.

Thượng toạ Giác Ánh khi giảng trong khoá tu kỳ này đã có câu: *"Quý vị phải cố gắng tu tập cho tinh tấn để có thể sớm trở về quê xưa cảnh cũ của chúng ta, nhưng quan*



trọng là phải đi cho đúng hướng để không bị lạc lối về". Lời dạy của Thượng tọa đã làm thức tỉnh tâm thức của con, nhắc con phải chuyên tâm tu tập và hướng đến điều thiện để không bị lầm đường lạc lối, để sớm trở về ngôi nhà xưa.

Để những khoá tu Thọ Bát Quan Trai tại Tịnh xá được duy trì và phát triển thì không thể không nhắc đến sự dẫn dắt và dạy dỗ cho Phật tử tu tập thuần thành của hai vị Tiến sĩ Phật học vừa du học từ Ấn Độ trở về, đó là NS. Tín Liên và NS. Phụng Liên. Hai vị đã phải lặn lội từ TP. HCM về đến Cần Thơ để hướng dẫn cho Phật tử tu tập, và vì Phật sự đa đoan nên hai vị phải trở về trú xứ ngay sau giờ khoá tu kết thúc. Thật là công đức vô lượng vô biên, vì mục đích hoằng pháp lợi sanh nên phải dấn thân, đây cũng là một bài học đáng để cho con học tập.

Trải qua những ngày sống trong khoá tu con mới cảm nhận hết những phẩm chất đáng kính của quý Ni trưởng. Chúng con không sao quên hình ảnh Ni trưởng trụ trì vì sức yếu, chân đi khập khiễng vẫn nở nụ cười và thường hỏi Phật tử ngoại hộ chúng con: *"Con dùng điểm tâm chưa con? Con ăn có no không?"*... Chúng con thật sự rất cảm kích và xúc động. NT. Viên Liên, với một nụ cười và giọng nói nhân từ, phúc hậu, dù chỉ có duyên được tiếp xúc trong ít phút ngắn ngủi, hình ảnh một người mẹ đôn hậu nhưng không thiếu phần trang nghiêm đã in sâu trong tâm trí con. Không biết khi đọc bài viết này, Ni trưởng có còn nhớ đến con không? Phật sự đa đoan, Ni trưởng phải đi nhiều nơi để hoằng pháp độ sanh, nên không nhớ được con cũng là lẽ thường tình, nhưng con thì lúc nào cũng nhớ Ngài như đại diện cho hình ảnh một vị nữ tu hoàn hảo nhất. Ấn tượng nhất với con có lẽ là giọng khàn khàn đặc biệt và

đáng người cao lớn của NT. Minh Liên ở Long An. Mặc dù sức khỏe không cho phép vì đã gần ngưỡng của 90, nhưng Ni trưởng vẫn cố gắng chỉ bảo, dạy dỗ và nhắc nhở cho các hành giả cố gắng tu tập cho đúng với tôn chỉ của khoá tu Giới-Định-Tuệ.

Trong khoá tu 7 ngày, điều mà được ban tổ chức quan tâm đến nhiều nhất đó là phương pháp thiền tọa đúng cách. Ban tổ chức đã sắp xếp nhiều thời khoá tọa thiền cho các hành giả trong một ngày, để các hành giả có cơ hội được thực hành và cọ sát với bài học. Nhiệm vụ của ban Giám thiền vô cùng quan trọng. Ngoài sự giám sát gắt gao của NT. Thẩm Liên thì NT. Tố Liên lại là vị giám thiền nhẫn nại, đã đi đến từng hành giả để nhắc nhở và chỉnh sửa cho lưng khi ngồi được thẳng và kiểm soát hơi thở ra vào được điều hoà. Con cũng là một trong những người luôn được Ni trưởng nhắc nhở khi ngồi tọa thiền mà lưng chưa thẳng (những lúc rảnh rỗi con cũng theo quý hành giả thực hành tu tập, nhưng không chính thức và xuyên suốt). Sau giờ giám sát tọa thiền gắt gao thì NT. Thẩm Liên lại có một tâm hồn thật tươi trẻ và hoà chúng, toàn thể đại chúng phải vỗ tay tán thưởng bài thơ mà NT. Thẩm Liên viết tặng Ni trưởng trụ trì, thật vui tươi, dí dỏm, chân thật và đã được đọc vào ngày bế giảng khoá tu Truyền thống Ni giới Khất Sĩ lần thứ 7.

Còn vị Ni trưởng nghiêm nghị nhất và ít cười nhất là NT. Tân Liên - Gò Công. Với vai trò là một vị Thiền chủ, Sư Bà luôn luôn quan tâm đến các hành giả và trái với vẻ bên ngoài nghiêm nghị, bên trong tấm lòng của Sư Bà lại chứa đựng một tình yêu thương vô bờ bến. Lúc đầu con nhìn thấy Sư Bà thì con liền liên tưởng đến hình ảnh ông Thọ (một trong 3 vị Phước Lộc Thọ mà người đời vẫn tôn thờ),

thật đẹp làm sao!!!.

Còn với dáng dấp nhỏ nhắn hiền hoà, nhân hậu, với đôi mắt biết cười và khuôn miệng luôn nở nụ cười trên môi của NT. Nhã Liên ở Dĩ An, nếu ai được gặp qua một lần thì sẽ cảm thấy ấm áp và rất hạnh phúc. Sư Bà luôn động viên và khuyến bảo con nên cố gắng tu tập theo sự chỉ dạy của Thầy con (TT. Giác Ánh) vì đó cũng là duyên lành của con từ nhiều kiếp, con nên cố gắng thật nhiều con nhé!

Nói tóm lại, cứ mỗi lần được sống cùng khoá tu suốt 7 ngày, là 7 ngày may mắn và 7 ngày hạnh phúc nhất của con, vì các Ngài đang thực hiện lời di huấn của đức Tổ sư Minh Đăng Quang: *"Nên tập sống chung tu học, cái sống là phải sống chung, cái biết là phải học chung, cái linh là phải tu chung"*. Đây phải dễ dàng để có duyên được gặp cả Tăng đoàn hoặc Ni đoàn hội tụ về một trú xứ để sống chung tu tập như thế!

Còn rất nhiều điều hay và nhiều bài học mà con đã học được từ quý Ni trưởng, các hành giả, và ngay cả những Phật tử làm ngoại hộ chung với con mà con không sao nói hết được trong bài viết này. Con chỉ biết cảm ơn khoá tu đã giúp ích cho con thật nhiều, từ những điều nhỏ nhặt nhất, và con xin cầu chúc cho quý Ni trưởng, Ni sư, Sư cô, sức khoẻ dồi dào và luôn là ngọn đuốc sáng để soi đường cho hàng Phật tử chúng con tiếp bước, noi theo.

Nam mô Chứng minh sư Bồ-tát Ma-ha-tát. ■



BÁO CÁO VỀ KHÓA TU SA-DI, SA-DI-NI LẦN 2

DO GIÁO ĐOÀN III TỔ CHỨC

● TK Giác Đoan

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Ngưỡng bái bạch chư Tôn thiên đức chứng minh,

Với tinh thần truyền đăng tục diệm, Hòa thượng Trưởng giáo đoàn III cùng chư Tôn đức Giáo phẩm trong Giáo đoàn đã vạch ra đường hướng đào tạo, bồi dưỡng những mầm non trong giáo pháp để giúp cho hạt mầm này đâm chồi nảy lộc và phát triển vững vàng trong chánh pháp của đức Thế Tôn. Ban lãnh đạo Giáo đoàn đã quyết định tổ chức những khóa tu dành cho Thúc-xoa, Sa-di, Sa-di-ni, cùng tập sự nam nữ tại Tịnh xá Ngọc Đà – Đà Lạt – Lâm Đồng vào ngày 18 đến 28 tháng 7 năm Nhâm Thìn (03 đến 13/9/2012), nhằm rèn luyện đời sống giới hạnh oai nghi, cũng như giúp cho Sa di nhận thấy rõ con đường cao đẹp mà mình đang đi, để từ đó hình thành nên đời sống chuẩn mực của phạm hạnh sa-môn.

Tiếp nối tinh thần trao truyền đó, quý Ngài đã tiếp tục mở khóa tu thứ hai. Giờ đây chúng con xin

kính trình lên quý Ngài về tình hình sinh hoạt cũng như nội dung mà chư Tôn đức giáo thọ đã truyền trao cho hàng hậu học chúng con:

Khóa tu lần này có 120 Sa-di, Sa-di-ni và tập sự nam nữ về tham gia, đông hơn lần thứ nhất.

Ban tổ chức khóa tu gồm: HT. Giác Dũng - Trưởng giáo đoàn III làm Trưởng ban tổ chức; TT. Giác Thuận - Phó ban Tổ chức kiêm Giám luật, Giáo thọ; TT. Giác Minh - Trụ trì Tịnh xá Ngọc Đà - Phó ban Tổ chức kiêm Hóa chủ, Kiểm soát và Giáo thọ; TT. Giác Trí, TT. Giác Trọng, TT. Giác Phương, ĐĐ. Giác Hoàng làm giáo thọ; TK Giác Đoan làm Tri sự; Bên Ni có NT. Hiệp Liên làm giáo thọ, SC. Hiếu Liên làm Kiểm soát Ni chúng.

Về thời khóa tu tập, không có thay đổi nhiều so với lần thứ nhất: sáng 3 giờ 30 phút thức chúng đến 4 giờ - 5 giờ 30 phút tụng kinh, thiền tập, ... và kết thúc lúc 9g tối. Trong thời khóa này có 2 thời tụng kinh, 2 thời thiền hành, 2 thời chư Tôn giáo thọ giảng thuyết, truyền trao giáo pháp cho hội chúng, 3 thời thiền tập





và cuối ngày vào lúc 7 giờ 30 phút- 9 giờ là thời sám hối về những sơ sót trong một ngày tu tập.

Về nội dung: Ngày 18/7 Nhâm Thìn (nhằm ngày 03/9/2012) đã diễn ra lễ khai mạc cho khóa tu. Hòa thượng Giác Giới - Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái và Hòa thượng Giác Dũng - Trưởng giáo đoàn III cùng chứng minh, và sau đó Hòa thượng Trưởng ban Thường trực chỉ dạy cho hội chúng trong ngày khai mạc cũng như vào sáng ngày 19/7 làm thế nào phải xác định hướng đi của một vị Khất Sĩ cần phải có, và con đường làm thế nào để thành tựu chánh tri kiến, chứng được quả vị Tu-đà-hoàn, quả vị bảo đảm không bao giờ bị rơi rớt trở lại vào ác đạo. Ngài đã dẫn lời kinh *Pháp Cú số 178 để minh chứng cho sự tối thắng ấy: "Hơn thống lãnh cõi đất/ Hơn được sanh cõi trời/ Hơn chủ trì vũ trụ/ Quả Dự Lưu tối thắng"*. Bên cạnh đó, Ngài mượn lời kinh đề cập đến 3 hạng Thanh Văn, Duyên Giác và Chánh Đẳng Chánh Giác để khẳng định rằng chúng ta cần phải nghe giáo pháp với "như lý tác ý" để đi đến con đường thành tựu tứ quả Thanh Văn. Đồng thời Ngài khẳng định chỉ có mến pháp, thích pháp và suy tư về chánh pháp thì mới có thể lia bỏ những cấu uế, thành tựu được tinh thần sống chung tu học mà Tổ sư đã chỉ dạy. Hòa thượng đã lấy bài "Tiểu Kinh Khu Rừng Sừng Bò" trong *Trung Bộ Kinh* để vạch ra mô hình sống chung hòa hợp, hay đường lối đi đến sự hòa hợp thanh tịnh trong tinh thần sống chung.

Chiều ngày thứ hai (19/7), NT. Hiệp Liên đã nhấn nhủ đến hội chúng chư Ni về tinh thần bát kinh pháp nhằm mục đích diệt trừ ngã mạn, trường dưỡng công đức. Sau đó Ni trưởng đã trình bày tóm tắt nội dung bài "Kệ Giới" trong *Luật Nghi Khất Sĩ* để giúp cho hội chúng thấy được tầm quan trọng của giới luật đối với vị sa-môn khất sĩ: Nếu như không có trái đất thì muôn loài cỏ cây không thể sinh tồn, phát triển được, thì lấy đâu ra thành quả là trái ngon quả ngọt. Cũng như thế,

vị khất sĩ mà không có giới hạnh oai nghi, không hành trì giới luật thì làm sao đắc định, phát sanh trí tuệ được. Nếu không giữ giới sẽ dẫn đến sự suy tàn của đạo Phật. Đồng thời Ni trưởng còn triển khai và nhấn mạnh ý pháp "*Sự tu hành chẳng phải không chuyên mà thành, không hành mà đắc*" để nhắc nhở sự tinh tấn tu tập đối với hội chúng. Và cuối cùng Ni trưởng đã trình bày, chính nhờ giới luật mới có thể khiến cho hàng sa môn khất sĩ trở nên bình đẳng, cùng giới phẩm và hòa nhập vào Giáo hội mà không có sự phân biệt giàu nghèo sang hèn... hình thành nên phạm hạnh của vị sa-môn. Hơn nữa, Ni trưởng còn nhấn mạnh người theo đạo Phật mà không tuân thủ hành trì giới luật thì sẽ dẫn đến sự khinh khi giáo pháp, cũng có nghĩa là khinh khi Phật.

Vào ngày thứ ba (20/7), TT. Giác Phương đã trình bày kệ "Ý" trong *Luật Nghi Khất Sĩ*. Ở đây Thượng tọa đã chỉ cho hội chúng thấy được ý nghĩa "vốn hai" của con người. Vốn hai ở đây không chỉ là sự thay đổi của tâm ý mà đó là hai thái cực, hai cặp phạm trù đối đãi: ưa thích, ghét thương, có không... Cái này là thuốc chữa bệnh cho cái kia. Thượng tọa đã triển khai tinh thần phá chấp trước, nhằm tháo gỡ cái ngã sở và cái tự ngã của ta bằng lời dạy trong bài Ý "*đến khi vô chấp mới hòa thuận nhau*". Thượng tọa đã chỉ dạy chỉ có chánh niệm để kiểm soát hành vi trong mọi oai nghi mới thấy được bản chất giả tạm của các pháp, nhằm buông bỏ ngã chấp, chữa chúng bệnh mê lầm của chúng sanh, đi đến quả vị giác ngộ.

Đến ngày thứ tư (21/7), Hòa thượng Trưởng giáo đoàn đã trình bày về sự thành lập Đạo Phật Khất Sĩ của Tổ sư và đề cập pháp tu thiền định mà vị Sa-di cần phải đạt được trước khi thọ giới cụ túc. Hòa thượng đã dẫn lời của Tổ sư: "*Sa di phải trọn lễ hầu thầy và tu thiền có ấn chứng*" mới được lên lớp tỷ-khưu. Hòa thượng đã hướng dẫn phương pháp thiền tọa qua 3 yếu tố: điều thân, điều tức, điều tâm và triển khai 5



thiền chi để giúp cho hành giả vượt qua chướng ngại của 5 triền cái, đoạn trừ những não phiền đang ẩn tàng trong tâm thức của mỗi hành giả. Sau đó, Ngài còn chỉ dạy cách hành xử trong đời sống thường nhật sao cho tâm được bình thản, biết yêu thương và tránh chỉ trích lỗi người trong tinh thần bực bội. Không nên nhìn lỗi người mà nên quay lại nhìn chính mình. Chính từ đây Hòa thượng mới dẫn lời Tổ sư nói: *“Pháp không có mặc hay thịnh, mà thịnh hay mặc đều do nơi con người có hành trì hay không mà thôi”*.

Qua ngày thứ năm và thứ sáu (22 - 23 /7), TT. Giác Thuận đã quay lại với những oai nghi giới hạnh mà một vị Sa-di cần phải lưu tâm hành trì: từ việc ăn mặc làm sao cho trang nghiêm thân tướng, đến việc hành trì những câu chú nguyện nhằm thiết lập chánh niệm trong đời sống thường nhật. Tất cả đều xoay quanh việc thiết lập thân hành của vị Sa-di, làm như thế nào để hoàn thiện nhân cách, để một người tín chủ khi nhìn vào sanh tâm kính tin Tam bảo. Thượng tọa đã triển khai từ bài “Môn oai nghi” cho đến bài “Theo chúng ăn” và dạy cho hội chúng đời sống hòa chúng muôn người như một, như in một người.

Ngày thứ sáu và bảy (23-24 /7), TT. Giác Minh đã chia sẻ kinh nghiệm tu tập cũng như con đường hoằng pháp mà Thượng tọa đã trải qua, từ phong cách của một vị giảng sư như thế nào, thân tướng phải trang nghiêm ra sao cho đến việc cấp thiết là phải trau dồi nội lực tu tập cũng như việc nghiên cứu kinh điển để làm hành trang. Ở đây, Thượng tọa đã nhấn mạnh đến yếu tố nội lực, rằng ta phải rèn luyện sao cho tâm ta vững chắc như đá tảng kiên cố, khi tiếp xúc với những nghịch cảnh cũng không bị chúng kéo đi và nhấn chìm trong dòng thác đó. Chính yếu tố nội lực mới giúp cho vị giảng sư hình thành đời sống phạm hạnh, xứng đáng với vị trí người thầy dạy đạo từ ngôn thuyết cho đến thân hành. Và chính thân giáo mới tác động ảnh hưởng mạnh đến cuộc đời của người học trò cũng như bá tánh

khi tiếp xúc với mình. Đồng thời Thượng tọa còn nhấn mạnh đến tinh thần bình đẳng trong con đường dạy đạo để tránh việc tranh cãi và nhiếp phục mọi người quay về với Phật pháp một cách dễ dàng hơn.

Sáng ngày thứ 8 (25/7), TT. Giác Trọng đã nhấn mạnh với hội chúng về tầm quan trọng của giới luật trên con đường tu tập tìm về bản thể thanh tịnh của chính mình bằng cách dẫn lời của đệ nhất giới luật tôn giả Upali: *“Ngoài thân không giới / ngoài giới không thân / thân giới không phân / tức thành Phật quả”* để khuyến tấn hội chúng chuyên tâm hành trì giới luật.

Cùng ngày, ĐĐ. Giác Hoàng đã chia sẻ về những hành trang của một vị sa-môn Khất Sĩ cần phải trang bị. Đại đức đã dẫn dụ bài kinh nói về ba pháp: đó là pháp học, pháp hành, và pháp thành để nhắc nhở hội chúng Sa-di trẻ tuổi không nên quá sa đà vào việc học mà xao lãng, bỏ quên đi tinh thần tu tập. Bởi chính Tăng bảo là hình ảnh và là hiện thân của Tam bảo để nhiếp phục, khuyến hóa mọi người kính Phật, trọng pháp. Ở đây, Đại đức còn nói người tu sĩ không nên chỉ biết lo cho tự thân mà không lo trau dồi tri thức, tri kiến để giúp chúng sanh tháo gỡ những quan niệm tà kiến sai lầm. Bởi chỉ cần một vị Tăng sĩ có quan điểm sai lầm sẽ dẫn đến hàng ngàn người sai lạc, nên Đại đức đã khuyến khích hàng Tăng trẻ phải biết trau dồi cả hai: trí và đức để trở thành Tăng nghĩa tăng. Đồng thời để trở thành vị tỷ-khưu đúng nghĩa thì cần phải biết nhận ra đâu là não phiền và biến chúng thành đối tượng, chất liệu để nuôi dưỡng tâm tu tập. Để từ đây vị tăng sĩ mới có khả năng mở rộng trái tim thương yêu và giúp cho mọi người cùng thoát khổ.

Đến ngày thứ 9 (26/7), TT. Giác Phùng đã truyền trao tinh thần sống chung tu học của Tổ sư và con đường đi đến sự đoàn kết, hòa hợp để trang nghiêm Giáo hội. Con đường để thực hiện không ra ngoài giới luật nhằm thiết lập đời sống phạm hạnh của người xuất gia, mà đặc biệt là hạng người thân tâm xuất gia. Chỉ có



hạng người thân tâm đều xuất gia mới có thể làm cho tốt đời đẹp đạo được. Và một lần nữa Thượng tọa nhắc lại giới hạnh oai nghi của người Sa di phải biết trọn nghĩa hầu thầy và nương tựa chúng tăng để tu tập.

Và ngày cuối cùng của khóa tu (27/7), TT. Giác Trí đã triển khai ba hạng người xuất gia: đó là do mến đạo, do hoàn cảnh, và do lý tưởng giải thoát. Ở đây, Thượng tọa chỉ cho hàng Sa-di phải nhận định và xác định rõ lý tưởng xuất gia. Sau khi xuất gia phải sống đời sống trái lòng để buông bỏ những nỗi phiền, tiến đến con đường giải thoát. Đồng thời hành giả phải biết nhìn lại chính mình để thể nghiệm đời sống tu chung, học chung nhằm mang lại niềm vui cho mình và người. Để đạt được việc sống chung tu học đó, Thượng tọa trình bày phương pháp chánh niệm để ghi nhận rõ ràng cái biết hiện hữu trong giây phút hiện tại. Đồng thời, Thượng tọa trình bày về 5 việc làm trong ngày của đức Phật như sáng trì bình khất thực, chiều thuyết kinh giảng pháp, tối nhập định, khuya trả lời cho chư thiên, sáng sớm quán sát nhân duyên và làm bài học sống động cho hành giả noi theo.

Bên cạnh những thời khóa thuyết giảng, chư tôn đức giáo phẩm như TT. Giác Thuận, TT. Giác Phùng, TT. Giác Minh, ĐĐ. Giác Hoàng đã tận tình chỉ dạy, khuyến tấn cho hội chúng trong những giờ sám hối nhằm giúp cho Sa-di ngày một hoàn thiện hơn về đời sống phạm hạnh. Đây cũng chính là hành trang mà chư Tôn đức đã truyền trao cho hội chúng. Chính sự tận tình trao truyền ấy đã giúp cho hành giả nhận được món quà tinh thần vô cùng quý giá và đánh thức được tâm tinh tấn tu tập của hội chúng. Ngoài ra, còn có ĐĐ. Giác Như cũng tranh thủ thời gian đến với đại chúng cùng tu tập ngày cuối, góp thêm năng lượng tinh tấn cho toàn thể hội chúng.

Qua 10 ngày của khóa tu, hội chúng đã thu được những kết quả khả quan về sự chuyển hóa khá rõ nét trong đời sống phạm hạnh của vị Khất Sĩ. Điều này minh chứng qua lối sống chung tu học, qua cách ăn

hòa chúng, đồng oai nghi trong khi xá chào, v.v... Và đặc biệt là nhận thức, ý chí tu tập được nâng lên khá cao, vượt qua những chướng ngại như lạnh lẽo, mệt mỏi... Đây cũng chính là điều mà hàng Sa-di đã thể hiện để đền đáp lại công ơn mà chư Tôn đức đã lao tâm, mở khóa tu dành cho hàng Sa-di, Sa-di-ni. Đáp lại sự nỗ lực chuyển hóa đó, một số Sa-di, Sa-di-ni tiêu biểu được biểu dương: Giác Tân (TX. Ngọc Hải – Cam Ranh), Giác Minh Từ (TX. Ngọc Vạn – Khánh Hòa), Giác Minh Tôn (TX. Ngọc Quang – Ban Mê Thuột), Tường Khiêm (Tu viện Hạnh Nghiêm – Bà Rịa Vũng Tàu), Liên Phiên (TX. Ngọc Kỳ - Chư Phá - Ban Mê Thuột), Liên Thái (TX. Ngọc Chánh – Eahleo – Ban Mê Thuột), Liên Thắm (Tịnh Độ Ni Giới – Nha Trang), Ngọc Thor (TX. Ngọc Đức - Đảo Lý Sơn - Quảng Ngãi).

Ngày bế mạc khóa tu đã diễn ra trong không khí trang nghiêm và thâm tình đạo vị. Nhờ sự khích lệ, động viên của Đại đức Giác Hoàng mà tất cả hành giả đều thể hiện nhận thức của mình qua những vần thơ, những bài văn đong đầy chất liệu tri ân và hướng thượng. Qua 3 thời “nói lời tri ân” từ đêm trước ngày bế mạc mà những trang ký sự của những ngày tu tập nơi trú xứ Ngọc Đà vẫn chưa thể hiện hết. Điều đó cũng minh chứng cho khả năng vô tận đang tiềm tàng trong mỗi hành giả và khi có cơ hội nó sẽ được diễn bày trong cung cách mà người nghe như là lời thỏ thẻ của người con đối với cha mẹ, như là lời réo gọi của những đồng hành đang hướng về phía trước vì lý tưởng giác ngộ, và cảnh tỉnh biết bao tâm hồn đang say mê tục lụy. Tiếng lòng đó đã được chư Tôn đức Tăng giáo phẩm Giáo đoàn hoan hỷ, tán thán và đáp lại là những lời ngưỡng mộ của các Phật tử.

Và cuối cùng, chính sự trang nghiêm cùng sự chuyển hóa của hội chúng tu tập đã làm cho Phật tử phát tâm hộ trì khóa tu thêm phần kính tin Tam bảo cũng như hoan hỷ với thiện sự hộ trì khóa tu.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chúng minh. ■

HÀNH TRÌNH phía trước

● Chơn Duyên

"Gót tu sĩ bốn phương trời rào bước

Cõi ta bà đâu chẳng phải nhà ta".

Một phương trời thông dong trước mắt những người con xuất gia tầm đạo – con đường đưa đến hạnh phúc thật sự, đến giải thoát Niết-bàn. Ta không còn đối diện với khổ đau, với sự có rồi mất, tan rồi hợp, đến rồi đi, bởi ta nhận rõ vạn vật vốn dĩ vô thường. Cuộc đời như giấc mộng Nam Kha. Ta có lúc say mộng rồi tỉnh mộng, rồi ta cũng chẳng biết ta là ai giữa cuộc đời này!

Thân thể ta chính là gia tài quý báu mà tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã truyền trao cho ta qua bao nhiêu thế hệ. Sự hiện diện của ta dù chỉ rất nhỏ nhưng trong thân thể ta là

sự tuôn chảy mẫu nhiệm của quá khứ hào hùng, của bao chiến sĩ oanh liệt đã ngã mình cho Tổ quốc đơm bông kết trái, cho ánh sáng chiếu rọi khắp muôn nơi. Ta chính là trùng trùng duyên khởi, duy trì và tiếp nối. Ấy vậy mà chính ta lại đẩy ta vào những trò giải trí, những suy nghĩ, hành vi vô bổ, khiến thân thể ta kiệt sức, gầy gò, ốm yếu. Lẽ nào ta nhẫn tâm ngược đãi với ta như vậy sao? Trái tim ta như bóp chặt lại, đau đớn vô cùng! Hãy đối xử với ta tốt hơn bằng cách sống có chánh niệm tinh giác, đừng thờ hờn hển nữa, mà hãy dừng lại thờ thật chậm rãi, nhẹ nhàng. Hãy mỉm cười để ta thật sự được đắm mình trong phút giây tĩnh lặng.

Mỗi người hãy tự vạch cho mình một "hành trình phía trước". Cũng vậy, người tập sự xuất gia

cần phải chuẩn bị cho chính mình một số tư trang cần thiết cho chuyến hành trình đến bờ giác ngộ giải thoát này.

Thứ nhất, ta cần phải hiểu và tôn kính Phật. Đạo Phật là con đường đưa ta đến giác ngộ, giải thoát hoàn toàn, đưa ta tìm lại chính ta. Đức Phật Thích Ca ra đời chính vì một nhân duyên: "*Khai thị chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến*", để cho chúng sanh được nhờ đó mà đổi mê ra ngộ, thấy tánh tỏ tâm, vượt sống khỏi chết, lìa khổ được vui. Ta cứ mãi trôi lăn, lăn lộn trong kiếp luân hồi, ta đang phải sống trong cảnh giới tối tăm, buồn tủi, khổ đau. Ta bị không biết bao nhiêu nghịch cảnh chi phối, ràng buộc như kẻ tội nhân bị giam hãm trong bốn bức tường chật hẹp. Đạo Phật ra đời đem đến cho ta một quả vị không bao giờ bị luật



vô thường chi phối. Đạo Phật đem đến cho ta một niềm an vui trọn vẹn và bất tận. Đạo Phật khiến cho ta thực hiện được những ý nguyện tốt đẹp đạo, hoằng hóa chúng sanh, sống cuộc đời an nhiên tự tại, thong dong chốn ta bà này.

*“Nguyện cho con đi mãi
Không đứng lại giữa đường
Đến tuyệt đối vô biên
Tâm đồng tâm chư Phật...”*

Chỉ khi tôn kính Phật, ta mới có thể học tập và thực hành theo giáo lý của Ngài. Vì biết tôn kính Phật, ta sẽ xây dựng cho mình một niềm tin tuyệt đối vô biên, biết xây dựng nơi mình những tâm hạnh tốt đẹp để giúp cho cuộc đời ta trở nên an lạc, hạnh phúc hơn. Vì tôn kính Đức Phật, cố gắng học theo những hạnh nguyện của Ngài thì ta mới có đủ tư cách hoằng hóa độ sanh được. Ví như, lòng từ bi vô hạn của Đức Thế Tôn đối với chúng sanh là một nghĩa cử cao đẹp, cả thế gian ai cũng ngợi khen. Nếu không tôn kính Phật, chúng ta không thể nỗ lực xây dựng và phát triển lòng từ bi được. Hoặc như, hằng ngày ta đều đối trước Phật đài lạy Phật xin phát nguyện, sám hối. Hãy lắng lòng, năm vóc sát đất thành tâm kính cẩn lễ lạy, tự mình phấn đấu muốn trở thành con trai hay con gái của Đức Phật thực sự, không phải lạy bằng hình thức hay đếm số lượng. Và ngày nào đó ta cũng sẽ thành tựu dần dần những phẩm chất cao quý của Đức Phật. Hơn nữa, công đức tôn kính và lễ Phật sẽ nằm sâu trong tâm ta, tạo cho ta một sức mạnh và trí tuệ sáng suốt giúp ta có cái nhìn sâu sắc và giải quyết vấn đề đúng với phẩm cách của người xuất gia. Nhờ trí tuệ phát triển, sáng suốt hơn mà ta có thể nhìn nhận ra lỗi lầm của mình và khắc phục dần những thói hư tật xấu bị hun đúc từ vô thi kiếp cho đến ngày nay. Và một ý chí kiên cường giúp ta vượt qua bao thử thách chông gai trên lộ trình đi đến giải thoát.

Thứ hai, mỗi người xuất gia cần phải tự thân nỗ lực bằng cách lập những chí nguyện, quyết tâm phấn đấu vươn lên. Như vậy, việc tu học mới không uổng phí. Thực sự, xuất gia là một chí nguyện không phải ai cũng có thể làm được. Đừng vì cảm mến một vị thầy hay một vị sư cô nào đó, hay vì bất cứ một nghịch cảnh nào mà ta đến với chùa. Ta trở về với mái già lam này là vì ta mong muốn tu học theo gương của Đức Phật, theo gương của Thầy Tổ. Ta nguyện rời bỏ cuộc sống hồng trần, cắt bỏ ái dục, sống một cuộc đời trang nghiêm, thanh tịnh, suốt đời nghiêm trì giới luật. Ngoài ra, cần phải ý thức được rằng xuất gia là con đường tu học và hành trì lâu dài, hãy xây dựng lòng kiên nhẫn

và những chí nguyện cao cả để vượt qua mọi thử thách, chướng duyên trong lộ trình tu tập này. Không đắm chìm trong đau khổ quá lâu, cũng không tận hưởng niềm vui khoái lạc quá nhiều, đừng mong cầu vọng tưởng bất cứ gì cả. Bởi vô thường ta đã hiểu, nhân quả nghiệp báo cũng đã hay. Mọi vật trên đời chỉ là cái mượn, cái vay, duyên tan duyên hợp. Sống tham lam và buông lung phóng túng chính là ta đang tự giết mình. Thay vào đó, ta nên lấy giáo lý của Đức Phật làm kim chỉ nam, là ngọn đuốc sáng dẫn đường soi lối ta đi. Ta cần phải ý thức được rằng xuất gia là tập sống theo lý tưởng độ sanh của Đức Phật và các bậc Tổ sư. Ta nguyện sống trọn đời, hy sinh





thân mạng vì đạo pháp không kể từ nan. Suốt cuộc đời này, trải lòng từ bi vị tha và đem trí tuệ, niềm an lạc đến với chúng sanh, để ta và chúng sanh đều được sống an lành trong giáo pháp của Đức Phật.

"Tin giáo lý nghiệp duyên nhân quả

*Thiện ác rồi phải trả nếu vay
Nên từng giây phút hôm nay
Chấp tay cung kính vạn loài
chúng sanh"*

Hành trang thứ ba là xây dựng cho mình phẩm chất khiêm hạ. Vì sao phải tu tập hạnh này? Bởi lẽ, khi con người đạt được quá nhiều thành công hay sự toại nguyện nào đó thì tâm kiêu mạn xuất hiện. Tâm kiêu mạn ấy là tâm khoái trá, hả hê sung sướng khi mình vượt trội hơn người khác. Loại tâm này tạo cho ta có cảm giác hạnh phúc tràn đầy và tai họa sẽ bắt đầu phát sanh. Những đức tính cao đẹp có sẵn trong tâm ta hay do ta tự bồi đắp sẽ đổ vỡ. Một con người trầm tĩnh có lòng kiêu mạn xuất hiện thì thay vào đó là một con người hấp tấp, vội vã, hay nóng giận, không còn chừng mực nữa. Hay từ một người hiền lành chất phác, khi tâm kiêu mạn xuất hiện, biến thành một con người ngênh ngang, có tâm xử sự ác hay có cách sống thù đoạn đối với mọi người, tự cao tự đại, ra vẻ mình luôn biết, v.v...

Tâm ta không còn trong sạch. Đến khi ta nhận ra, ân hận thì cũng đã muộn. Hãy quán sát tâm kỹ lưỡng trong từng sát na. Xin nguyện tôn kính mọi người, dù là bạn hữu hay kẻ thù, dù là người tật nguyền hay lành lặn, thông minh hay u tối, giàu sang hay nghèo khó vì ai cũng là vị Phật tương lai. Hôm nay và cho trọn cuộc đời này, trong từng phút giây, xin "chấp tay cung kính vạn loài".

Cuối cùng, trên lộ trình đi tìm hạnh phúc tròn đầy, đạt quả giải thoát Niết-bàn, ta cần phải tạo dựng hạnh nhẫn nhục, bởi "không nhẫn không gần được đạo". Vâng, quả là như vậy, nếu như không trang bị cho mình hạnh nhẫn nhục cao, chúng ta sẽ không có ý chí vượt qua khó khăn và sẽ nhanh chóng nhận lấy thất bại. Nghịch cảnh là điều kiện thuận lợi cho ta tự điều phục, thuần hóa tâm mình; là cơ hội tốt cho ta rèn luyện sức chịu đựng để đối phó với những khó khăn trong cuộc sống, cũng như trên lộ trình tu tập.

"Không đau khổ lấy chi làm chất liệu

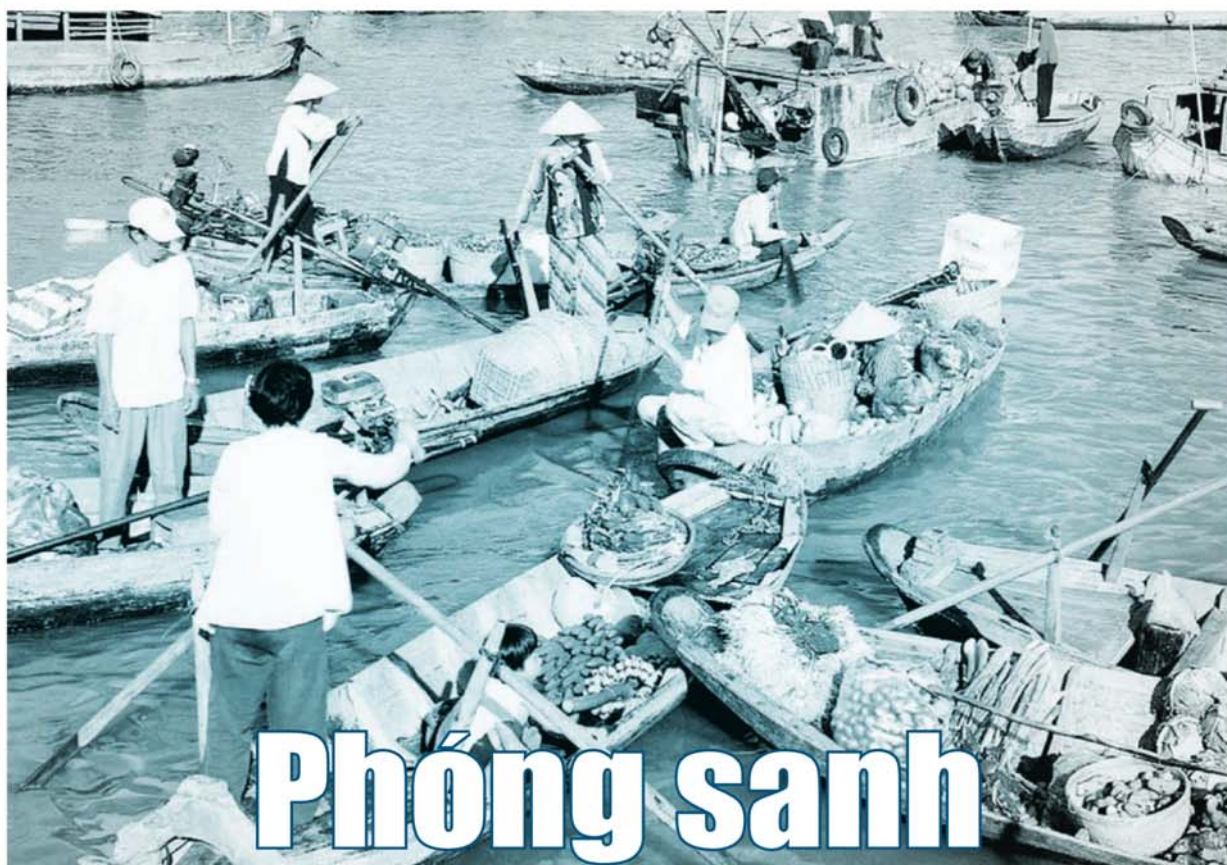
*Không buồn thương sao biết
chuyện con người"*

Bởi vậy, hạnh nhẫn nhục là một trong những hạnh rất quan trọng để làm tăng đạo lực của bậc xuất gia. Đau khổ chính là đề bài

được đặt ra buộc ta phải hóa giải, là điều kiện tốt nhất để ta rèn luyện bản thân. Nếu như không có sự quyết chí đấu tranh với tâm khổ đau, buồn thương ấy làm sao ta có thể biết chia sẻ nỗi niềm với chúng sanh được chứ? Tất cả chỉ là những thử thách mức độ nhẫn nhục của ta mà thôi. Đức Phật chỉ là người vạch ra con đường, ta là người noi theo con đường ấy thanh lọc tâm trong sạch. "Ta làm cho ta trong sạch. Ta làm cho ta ô nhiễm". Cố gắng là điều quan trọng nhất. Đừng nuôi dưỡng hận thù, sân hận bên trong tâm hồn bản nhiên. Hãy buông xả, sống đời vị tha, không phiền não. Đây chính là tâm nhẫn nhục cao quý của đạo Phật.

Hãy biết "thân này không phải là ta; đây không phải là ta; đây không phải là linh hồn của ta". Ta đang nương nhờ nó, vì vậy hãy trân trọng nó nhưng đừng quá nuông chiều cũng đừng quá hành hạ nó, sẽ không có một sự thành tựu nào cả. Tu tập theo con đường trung đạo như đức Bốn sư Thích Ca đã truyền dạy cho chúng ta là cách tối thượng nhất, cũng là mục tiêu cứu cánh mà ta có thể thành tựu trong kiếp này. Hãy cố gắng lên những chiến sĩ kiên cường! ■





Phóng sanh

TRÊN MIỀN TÂY SÔNG NƯỚC

● Lê Quỳnh

Ai đó đã từng ghé về miền Tây, nơi cây cối xanh tươi, thiên nhiên ưu đãi bởi lượng phù sa bồi đắp mỗi năm một nhiều. Nói đến miền Tây là nói đến miền sông nước, người ta không chỉ đi đường bộ mà đa số ở những vùng sâu, người ta thường di chuyển bằng ghe

xuống trên sông. Cái mát của hơi nước dòng sông cùng với những rặng thủy liễu trước ánh bình minh làm cho lòng người cũng trở nên dịu mát. Cũng bởi vậy mà người miền Tây sống tương đối hiền hòa, chất phác, đôn hậu, hồn nhiên như bản chất vốn có của miền đồng bằng trù phú.

Dừng chân tại bến phà Bắc Cao Lãnh, chúng ta sẽ có dịp được nghe ca khúc: “*Nắng vừa lên lung linh nét mặt làng quê, trào dâng sóng nước Cửu Long, ghi chiến công thầm đượm nghĩa tình...*”. Bài hát như một văng thơ, một bức tranh tràn đầy sức sống, đã lột tả phần nào những đặc trưng của con người miền sông nước. Nét mặt làng quê không gì đẹp hơn là nét mặt của một cô gái trẻ có đôi má bầu bĩnh, nụ cười duyên ấp ủ dưới chiếc nón

lá rộng vành, với chiếc áo bà ba mộc mạc quen thuộc, cầm mái chèo lướt đi trên sông nước dưới ánh ban mai. Không ngờ trong thời chiến mà người nhạc sĩ lại viết nên những ca từ, hình ảnh đẹp chân chất, hồn nhiên đến thế.

Mảnh đất này còn là cái nôi ươm mầm và nuôi dưỡng cho hạt giống thiện lành của Phật giáo ngày càng phát triển. Những người con Phật nơi đây luôn thấy rằng mình đang hạnh phúc và muốn dâng cả niềm hạnh phúc ấy chia sẻ cho tất cả sinh linh, vạn loài, để cho đời vui bớt khổ đau. Dù là tu sĩ, người đang thực hành sống lối sống thiểu dục, tri túc nhưng vẫn cảm thấy mình đang được thụ hưởng quá nhiều. Cũng lạ, càng ít ham muốn thì người ta lại thấy mình thật dư giả. Triết lý



sống thật đơn giản mà đôi khi cũng ít người biết đến.

Những con cá chép vàng đỏ, vàng tía... long lanh sắc màu được mua về từ chợ, từ nơi ngấm nghe bên cửa từ bởi bàn tay vô minh của biết bao người lần lượt được trải tim bao dung, từ bi của người con Phật khai sanh một lần nữa. Cái quẫy đuôi mạnh mẽ hòa mình vào lòng sông Tiền lồng lộng gió để được hít thở mạch nước đầu nguồn là cả một khung trời tự do của sự sống. Đơn giản nhưng thật khó tìm. Ai bảo làm thân cá để rồi phải chịu trầm luân, khổ hải. Trong bài quy y cá, người ta đọc: *"Này các loài hạnh đồ, hãy lắng nghe lời Phật dạy, bởi các ông lòng tham dục thì nhiều, tâm tưởng lạnh lại ít, nay phải làm thân thủy tộc, hằng ngày chịu một trăm lần chết mới được một lần sống, mạng gửi dao thớt, hôn nương nước nóng lửa than..."*. Thế đấy, thân phận chúng sanh thật bọt bèo, thô thảm. Nghĩ lại, con người có khác gì cá. Một niệm đam mê thôi mà phải chịu vĩnh kiếp luân hồi, sanh tử. Thương xót cho cá hay là xót thương cho chính ta, cho chính cái lầm đường lạc hướng này, chẳng biết nơi đâu là bến đỗ. Ôi! Thôi, chỉ trầm tư như vậy mà sợ, mà rùng mình, không muốn nghĩ thêm nữa. Phóng sanh cho cá, có nghĩa giải phóng cho nó khỏi bị chặt đầu, lột da, cho nó đặc ân thêm một cơ hội sống sót được giành giật từ lưới hái từ thân; để nó được tự do, thênh thang trên sông nước, trở về từ nơi mà nó được sinh ra. Còn chúng ta? Có thể được trở về hay chẳng? Hay còn đang lang thang từ chiếc lồng này sang chiếc lồng khác? Có lẽ quên chăng, quên rằng mình đang bị nhốt chăng? Lang thang những nẻo đường của ý, rồi quên mất chính mình. Khi sức tỉnh mới thấy rằng đã đi quá xa nguồn cội. Cũng phải cần như cá, phải chạm đến bờ sinh tử để làm cho mình một cuộc phóng sanh, phóng cho chính mình chứ không chờ, không đợi bất cứ

một ai có thể dang rộng đôi tay cứu vớt. Bởi chiếc lồng ấy cũng do chính ta tự giăng thì chính ta là người phải gỡ. Chư Phật, Bồ-tát là những người đã thoát khỏi chiếc lồng, đã hoàn toàn tự do và cũng do chính các Ngài nỗ lực để phá vỡ những cạm bẫy do màn vô minh giăng lối. Nương theo sự chỉ bảo của các Ngài, chúng ta cũng vậy, phải đi hết hành trình của cuộc đời này để tự một lần phóng sanh, như cá thoát khỏi lưới rập, để quay về với cội nguồn sông nước của chúng ta.

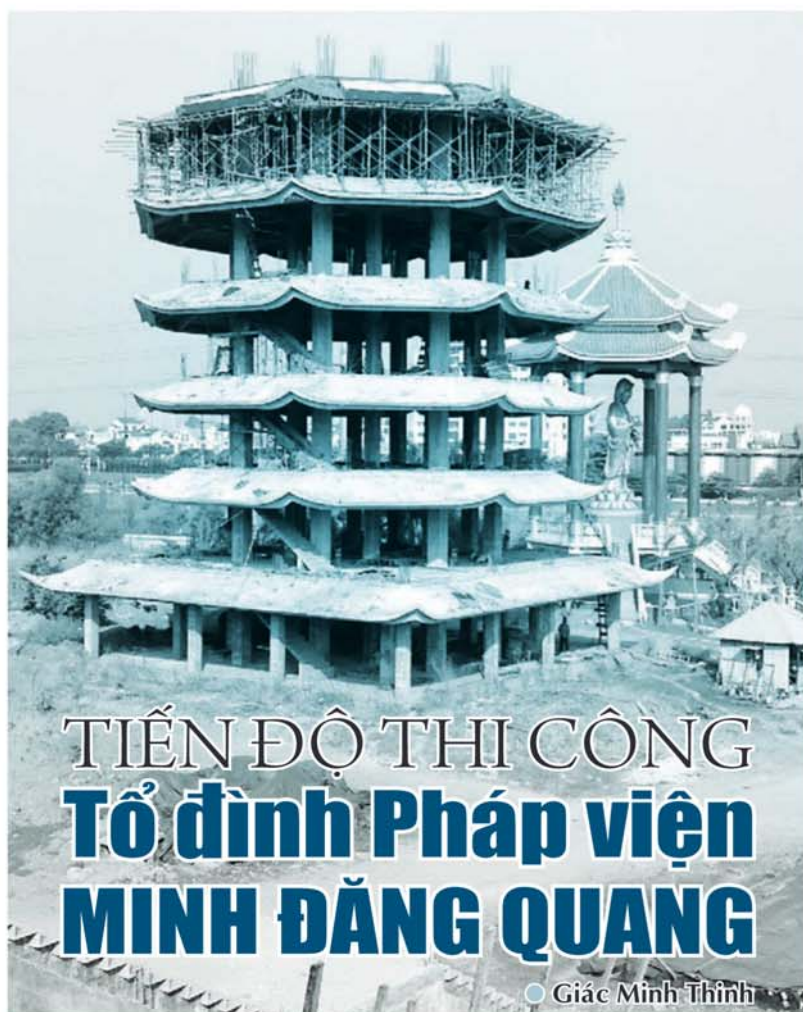
Miền man suy nghĩ, miền man theo những con sóng lần lần, li ti tiếp nối mãi không ngừng, vô thường là thế, có con sóng nào riêng biệt bao giờ. Hợp tan, sóng cũng chỉ là giả tạm, sóng là nước, nước cũng là sóng, vô thường chính là thường hằng, là thực tại hiện tiền, là vậy, là như thế, như thế... Chú cá chép vàng lại quẫy đuôi một cái thật mạnh, ngóc đầu lên như cúi chào chủ nhân của nó lần cuối, người chủ nhân giặt mình trở về thực tại. Ồ, lại lạc lối nữa rồi, thôi chào nhé, chào nhé.

Gió vẫn thổi mát cả dòng sông, không xanh thắm mà đục



đục, nước miền Tây có lẽ không phải là vị nước trong mát như bao dòng sông được mô tả trong thơ ca. Nó đục bởi nó chở nặng phù sa, bởi nó muốn tưới tắm cho cả muôn loài, vạn vật, những nơi mà nó đi qua bằng chất phù sa bổ dưỡng. Xem ra nó thật dè dặt, nhưng nghĩ cho cùng sự chuyên chở ấy chính là sự chuyên chở của một tình yêu thương rộng khắp. Rồi một ngày, dòng sông ấy cũng hòa mình vào biển lớn, hòa mình vào lòng đại dương vô tận, hợp nhất làm một với biển xanh mênh mông, để người ta khi ra biển không thể nào phân biệt được đâu chính là giọt nước của con sông nhà mình. ■





TIẾN ĐỘ THI CÔNG Tổ đình Pháp viện MINH ĐĂNG QUANG

● Giác Minh Thịnh

Pháp viện Minh Đăng Quang với tổng diện tích trên 27.500m², tọa lạc tại số 505 xa lộ Hà Nội, phường An Phú, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh được Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên - một trong những đại đệ tử của Tổ sư Minh Đăng Quang cùng chư Tôn đức Tăng trong Giáo đoàn IV kiến lập vào năm 1968.

Nhận thấy nơi đây có nhiều thuận lợi (diện tích rộng lớn, nằm ngay trục giao thông huyết mạch, cửa ngõ của TP. HCM – thành phố lớn nhất cả nước), chư Tôn đức hệ phái Khất Sĩ đã quyết định xây dựng ngôi đạo tràng này thành Trung tâm Hoằng pháp của Hệ phái nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trú tu học, nghiên cứu, hoằng

pháp của Tăng Ni Khất Sĩ, đồng thời là địa điểm hội họp cũng như là nơi tổ chức các lễ hội của Hệ phái trong thời gian tới. Tháng 4 năm Bính Tuất (2006), nhân mùa Phật đản PL.2550, lễ đặt đá khởi công đại trùng tu Pháp viện Minh Đăng Quang đã diễn ra trọng thể với sự chứng minh, tham dự của hàng ngàn chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử, nhưng mãi đến ngày 28-2-2009 (thượng tuần tháng 2 năm Kỷ Sửu) công trình mới chính thức được khởi công xây dựng.

Theo mô hình tổng thể, có 4 ngôi tháp án ngữ tại 4 góc của chánh điện. Hai tháp phía trước hình bát giác gồm 9 tầng, cao 37m; hai tháp phía sau hình tứ giác, 13 tầng, cao 49m. Đến nay, sau gần 5

năm xây dựng bằng tất cả tâm huyết và nỗ lực của Tăng – Ni và thiện tín, Pháp viện Minh Đăng Quang đã hoàn thành được điện thờ Bồ Tát Quan Âm và Di Lặc ở phía trước. Ba tầng dưới với diện tích sàn 2.934m² gồm: tầng hầm, thiền đường, giảng đường, đã được đổ bê-tông, xây vách ngăn và đang trong giai đoạn hoàn tất phần tô và ốp gạch.

Thế theo thông báo của HT. Giác Toàn về việc tôn trí phù điêu tại Giảng đường và Thiền đường PV. Minh Đăng Quang, ký ngày 20 tháng 12 năm 2012:

Hiện công trình đang đi vào phần trang trí nội thất:

1- Tầng Giảng đường có 32 bức phù điêu về cuộc đời hành đạo của Tổ sư Minh Đăng Quang và những lời Chơn lý rút gọn của Tổ sư.

2- Tầng Thiền đường có 33 bức phù điêu về 33 vị Tổ sư Thiền tông Ấn – Hoa.

* Diện tích mỗi bức phù điêu: dài 5m x rộng 2m = 10m².

* Phí thi công: 10 triệu đồng/bức (trung bình mỗi m² từ 800.000đ - 1.000.000đ).

Quý Phật tử phát tâm cúng dường sẽ được ghi tên hoặc pháp danh vào bên góc trái, phía dưới bức phù điêu.

Ngôi Chánh Điện đang được tiến hành xây dựng phần mái trên. Hai ngôi bảo tháp 13 tầng phía trước hiện nay đã hoàn thành đến tầng thứ 6. Các hạng mục còn lại như: cổng tam quan, hai ngôi bảo tháp phía sau, nhà thờ Cửu Huyền, nhà Tăng, nhà Khách... sẽ được tiến hành thi công trong thời gian tới đúng theo chỉ tiêu của chư Tôn giáo phẩm Hệ Phái đề ra: “Công trình xây dựng Pháp viện Minh Đăng Quang sẽ tương đối hoàn thành vào cuối năm 2013, chuẩn bị tổ chức Đại lễ tưởng niệm 60 năm ngày Tổ sư vắng bóng mùn g 01/02 Nhâm Ngọ (01/3/2014)”. ■



TỈNH XÁ TRUNG TÂM Điểm lại những hoạt động Phật sự trong sáu tháng cuối năm

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN (Giác Minh Luật ghi)

Nhằm chia sẻ và giúp đỡ đồng bào dân tộc nghèo vùng sâu vùng xa, bệnh nhân chất độc da cam, hội người mù, bệnh viện tâm thần và người có đời sống kinh tế đặc biệt khó khăn. Ban Từ thiện xã hội Tỉnh xá Trung Tâm, Q. Bình Thạnh đã thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, giúp đỡ, trao tặng nhà tình thương, xây cầu, tặng quà cho đồng bào nghèo.

Điểm lại những hoạt động vừa qua trong 6 tháng cuối năm 2012. Do Chư Tăng và Phật tử

trong Ban từ thiện xã hội tổ chức các chuyến đi thăm và tặng quà tại các tỉnh thành còn gặp nhiều khó khăn như: Bạc Liêu, Cà Mau, Quảng Ngãi, Tiền Giang, Đồng Tháp, Gia Lai, Đắk Lắk,...

Tại xã Long Điền Đông A, tỉnh Bạc Liêu và xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đoàn đã đến ủng hộ xây dựng 2 cây cầu, 1 con đường liên thông 2 xã Khánh Lâm và Khánh Tiến, 2 căn nhà tình thương, với số tiền trên 300.000.000 đồng.

Tại thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành và huyện Chợ Gạo đoàn đã trao tặng 500 phần quà cho Hội người mù, trẻ em chất độc màu da cam tại chùa Linh Phong,

mỗi phần trị giá 350.000 đồng. Ngoài ra đoàn cũng đến tặng 700 phần quà cho chùa Phước Thiện ở tỉnh Prey Veng và tỉnh Siem Riệp, Cam Pu Chia.

Tại hai tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk đoàn đã tổ chức trao tặng 620 phần quà cho đồng bào dân tộc nghèo của hai tỉnh. Với số lượng 200 phần ở tỉnh Buôn Ma Thuột, 120 phần quà ở Phú Cường, 300 phần quà ở Chư Sê. Mỗi phần bao gồm: 10 Kg gạo, 01 thùng mì, đường, muối, nước tương, mùng, mền, v.v...

Tại huyện Tây Sơn và huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi đoàn đã đến thăm và trao tặng 700 phần quà tết cho đồng bào nghèo có đủ



điều kiện đón chào cái tết được ấm cúng, ngoài ra đoàn cũng đến thăm và trao tặng 500 phần quà tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, mỗi phần trị giá 480.000 đồng, nhân dịp cuối năm 2012. Cho đồng bào dân tộc nghèo, bệnh nhân chất độc da cam và người mù có đủ điều kiện đón xuân Quý Tỵ 2013 được phần nào ấm áp và hạnh phúc.

Trong các phần quà đều bao gồm lương thực, thực phẩm, chăn đắp và tiền mặt. Đặc biệt hơn nữa là nghĩa tình tương thân tương ái, giúp đỡ những mảnh đời bất hạnh đang gặp khó khăn trong đời sống quanh ta.

Tổng trị giá cho các đợt vận động và hỗ trợ người nghèo, dân tộc và trẻ em khuyết tật, người mù lên đến hàng chục tỷ đồng từ các mạnh thường quân, Phật tử gần xa ủng hộ.

BAN TRỢ DUYÊN PHẬT PHÁP (Giác Minh Luật ghi)

Ban trợ duyên Phật pháp – Tịnh xá Trung Tâm, Q. Bình Thạnh là một phần không thể thiếu trong mọi hoạt động hộ trì Phật pháp tại tịnh xá qua nhiều lĩnh vực giáo dục, từ thiện, hỗ trợ Tăng – Ni, ấn tống kinh điển,... Theo báo cáo của quý vị đại diện trong Ban trợ duyên Phật pháp, trong một năm qua, Ban trợ duyên đã đóng góp không nhỏ trong việc phát triển hoằng pháp của Hệ phái nói chung và Tịnh xá Trung Tâm nói riêng.

Những hoạt động cụ thể của năm 2012 vừa qua về giáo dục: Ủng hộ Học viện PG Nam Tông, Trường TSPH Tiền Giang, Bạc Liêu, Long An, Vĩnh Bình, Lớp sơ cấp Phật học Bến Tre, Học viện PG TP. HCM, Lớp giảng sư Hòa Khánh,... với tổng số tiền trên 300 triệu đồng.

Hoạt động Phật sự: Cúng

đường chư Tôn đức, Giảng sư, Lễ Phật đàn, Khóa Bồi dưỡng trụ trì,... với số tiền trên 200 triệu đồng.

Từ thiện xã hội: Tuệ Tĩnh Đường TXTT, từ thiện nấu cháo cho đồng bào nghèo, tặng gạo và mì cho người nghèo,... trên 100 triệu đồng. Ngoài ra, còn có các hoạt động Phật sự khác như: Ủng hộ tổ chức khóa tu Hệ phái, Ủng hộ chư Tăng du học nước ngoài, xây dựng Pháp viện Minh Đăng Quang,... Với tổng số tiền tổng kết trong năm 2012 mà Ban trợ duyên Phật pháp đã làm được là trên 900 triệu đồng.

KHÁNH THÀNH BẢO TƯỢNG BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM (Minh Trúc ghi)

Sáng 2-11-2012 (19-9 ÂL), nhân lễ vía Bồ-tát Quán Thế Âm thành đạo, tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh) đã **trang nghiêm tổ chức lễ lạc thành** bảo tượng Bồ-tát lộ thiên.

Đến chứng minh và tham dự có chư tôn giáo phẩm: HT. Giác Ngộ - Viện chủ Tịnh xá Ngọc Thiên, TP. Đà Lạt; HT. Giác Lai, Trụ trì Pháp viện Minh Đăng Quang, Q. 2; HT. Giác Toàn - Trụ trì Tịnh xá Trung Tâm, cùng chư tôn đức Tăng

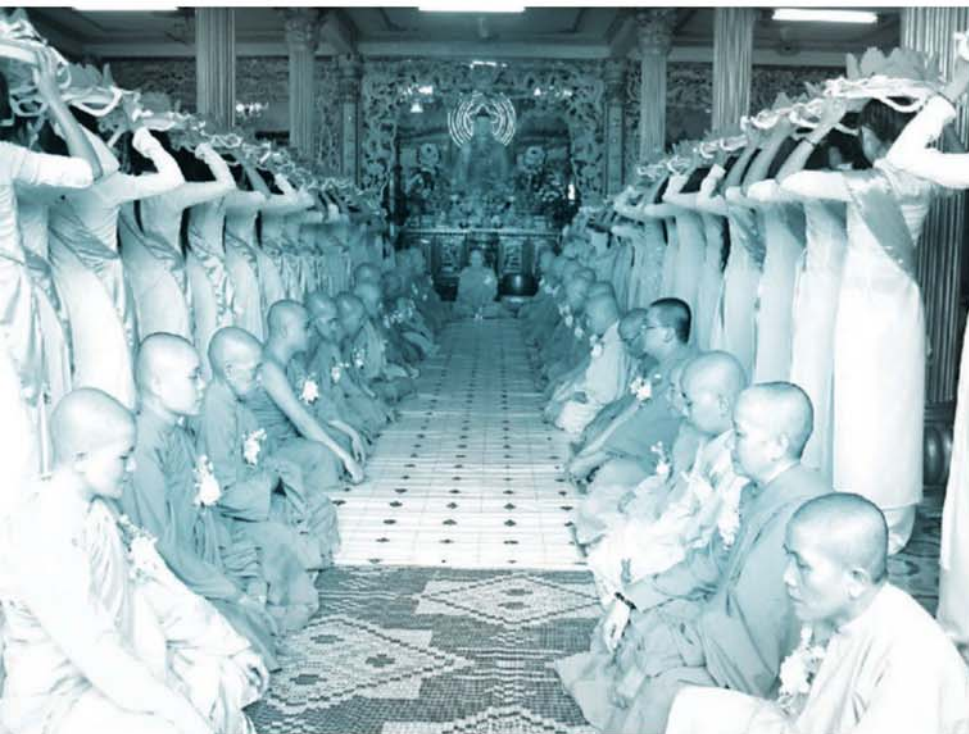
Ni trụ trì các tịnh xá lân cận, chư Tăng trụ xứ tịnh xá Trung Tâm cùng đồng đạo Phật tử gần xa.

Bảo tượng Bồ-tát Quán Thế Âm cao 13,5m, đã được tôn tạo tại tịnh xá vào năm 1982 để bá tánh, Phật tử được chiêm bái, đánh lễ, tạo phước duyên tu học. Sau 30 năm, đầu tháng 9 năm 2012, nhân duyên hội đủ, Hòa thượng trụ trì Tịnh xá Trung Tâm đã tiến hành đại trùng tu bảo tượng Bồ-tát theo lời thỉnh cầu của nam nữ Phật tử.

Tại buổi lễ, Hòa thượng trụ trì kể lại nhân duyên thù thắng kiến tạo bảo tượng Bồ-tát Quán Thế Âm cũng như thành kính tri ân sự quang lâm chứng minh và tham dự của chư tôn đức Tăng Ni cùng nam nữ Phật tử. Buổi lễ lạc thành được tổ chức theo nghi lễ của hệ phái Khất Sĩ.

Trong dịp này, Hòa thượng cũng sáng tác hai bài thơ để ca ngợi công hạnh hóa độ chúng sanh của Bồ-tát Quán Thế Âm. Đồng thời, Hòa thượng cũng có thời thuyết pháp ngắn nhằm nhắc nhở, sách tấn Phật tử noi gương tu tập đức hạnh từ bi, kham nhẫn của Bồ-tát. Buổi chiều cùng ngày, Tịnh xá đã trao tặng 108 phần quà cho bà con nghèo tại địa phương. ■





TX. LỘC UYỄN

Tổng kết Phật sự cuối năm 2012

● ĐD. Giác Nhuận

Trải qua một năm dài với biết bao Phật sự quan trọng, đạo tràng Tịnh xá Lộc Uyển - Trung tâm Giáo đoàn VI đã hướng dẫn quý Phật tử thực hiện nhiều việc làm hữu ích tốt đạo đẹp đời. Kết thúc năm cũ bước sang năm mới, Ban điều hành xin tổng kết lại tất cả công tác Phật sự để tạo đà phát triển cho Phật sự năm sau.

LỄ PHẬT ĐẢN

Diễn ra vào rằm tháng tư hàng năm, đại Lễ Phật đản là một sự kiện trọng đại được Ban điều hành Tịnh xá tổ chức đều đặn. Đêm văn nghệ ngày 14 năm Nhâm Thìn có

40 ca sĩ đóng góp lời ca tiếng nhạc cúng dường lên đức Phật. Khoảng 2000 Phật tử trở về tham dự đại lễ chính thức ngày 15 tháng 4 năm Nhâm Thìn dưới sự chứng minh của chư Tôn đức tại trú xứ.

LỄ VULAN

Nhằm chỉ dạy cho các Phật tử thể hiện đúng nghĩa việc báo ơn cha mẹ, Ban điều hành Tịnh xá Lộc Uyển tổ chức Đại lễ Vu Lan và dâng y ca-sa vào lúc 8 giờ ngày rằm tháng bảy với 50 chư Tôn đức Tăng Ni chứng minh và khoảng 6.000 Phật tử khắp nơi về tham dự.

LỄ VÍA BỒ TÁT QUAN ÂM

Bồ tát Quán Thế Âm phát nguyện độ sanh qua hạnh lắng

nghe đã trở thành một biểu tượng tâm linh không thể thiếu trong lòng người con Phật. Với tay cầm tịnh bình, tay cầm nhánh dương liễu, Ngài đã cứu độ chúng sanh tại cõi ta-bà này trong vô lượng kiếp. Nhằm để tỏ niềm tôn kính đức Bồ-tát, Ban điều hành đã tổ chức Lễ vía Quán Âm trọng thể vào ngày 19 tháng 9 qua khóa tu một ngày an lạc, khoảng 300 Phật tử tham dự.

LỄ VÍA PHẬT A DI ĐÀ

Hòa chung không khí tu học diễn ra ngày càng phổ biến trong cả nước, Ban điều hành Tịnh xá Lộc Uyển đã tổ chức khóa tu một ngày niệm Phật và tổ chức đêm hoa đăng làm lễ vía Phật A Di Đà vào ngày 17 tháng 11. Nhờ có chương trình tu cụ thể và phù hợp, Phật tử tham dự đều tinh tấn tu học theo đúng chương trình, giúp ngày tu đạt được nhiều điều an lạc. Vào lúc 19 giờ với sự tham dự của gần 2000 Phật tử, Ban điều hành chính thức làm lễ hoa đăng vía Phật A Di Đà. Đây cũng là phần cuối trong chương trình một ngày tu niệm Phật.

LỄ TỔNG KẾT THỌ BÁT

Tịnh xá Lộc Uyển tổ chức lớp Thọ bát quan trai 2 lần vào ngày rằm và 30 mỗi tháng để giúp hàng Phật tử tập tu một ngày xuất gia, lần theo con đường chánh giác. Tham dự mỗi kỳ có khoảng 260 Phật tử trong thành phố và đến từ Chợ Gạo - Mỹ Tho.

Lễ tổng kết diễn ra vào ngày 15 tháng 12, nhằm ôn lại nội dung





tu học cả năm. Trong lễ tổng kết, chư Tôn đức trao giấy chứng nhận thọ bát và phát quà khuyến khích tinh thần cho các Phật tử đạt thành tích tốt nhất.

LỄ TỔNG KẾT LỚP GIÁO LÝ

Trong xã hội ngày càng phát triển, tri thức con người ngày càng cao, sự khát ngưỡng học tập giáo lý Phật-đà cũng được lan tỏa rộng khắp. Những năm gần đây, nhiều lớp giáo lý được hình thành khắp mọi miền đất nước để đáp ứng nhu cầu học Phật của quý Phật tử gần xa. Hòa cùng không khí học Phật và tu tập đó, chư Tôn đức điều hành Tịnh xá Lộc Uyển đã mở lớp giáo lý từ 18 giờ 30 đến 20 giờ chủ nhật hàng tuần với 60 học viên để cung cấp kiến thức Phật học cho quý Phật tử có tín tâm.

Sau hơn một năm hoạt động, nhân dịp cuối năm, chư Tôn đức Ban điều hành tổ chức lễ tổng kết nhằm đánh giá lại những ưu khuyết điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm để xây dựng đường hướng phát triển tốt hơn trong những năm sau.

LỄ TỔNG KẾT TỪ THIỆN

Từ bao đời nay, mái chùa luôn gắn liền với nếp sống đạo đức của con người Việt Nam. Nơi đây, ngoài việc tu hành giải thoát về tâm linh còn diễn ra rất nhiều sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Đặc biệt, trong nhiều năm qua tại Tịnh xá Lộc Uyển, công tác từ thiện giúp đỡ những người nghèo,

người bệnh tật rất được chư Tăng, các vị lương y cùng với quý Phật tử quan tâm bằng tất cả tấm lòng từ bi của người con Phật. Muốn tâm an thì thân phải khỏe mạnh, no đủ về phẩm vật. Công tác từ thiện giúp đỡ đồng bào nghèo và chăm sóc bệnh nhân là những việc làm thiết thực nhất của hội từ thiện và Tuệ Tĩnh đường.

Xin tóm lược quá trình công tác từ thiện như sau:

a. Cứu trợ các tỉnh:

- 09/01/2012: Tây Ninh 81.000.000đ

- 10/02/2012: Lâm Đồng 75.000.000đ

- 15/04/2012: Tây Ninh 60.000.000đ

- 10/07/2012: phường 12, quận 6: 230.000.000đ

- 30/08/2012: Quảng Ngãi, Quảng Trị, Hà Tĩnh 225.000.000đ

- 06/10/2012: Campuchia 150.000.000đ

- 07/12/2012: Huế: 140.000.000đ

- 30/12/2012: Bình Phước 120.000.000đ

Bến Tre 75.000.000đ

b. Xây nhà tình thương, xây cầu và cúng dường trường Hạ: 350.000.000đ

c. Phóng sanh 3 lần tại Đồng Tháp: 350.000.000đ

d. Phòng thuốc từ thiện: 320.000.000đ

e. Phát thuốc từ thiện các tỉnh: 250.000.000đ

TỔNG CỘNG: 2.426.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng)

TIỆC BUFFET CHAY ỦNG HỘ XÂY PHÁP VIỆN

Đáp ứng lời kêu gọi, cả Hệ phái hướng về xây dựng ngôi Tổ đình Pháp viện Minh Đăng Quang, Ban tổ chức tiệc buffet chay có nhã ý mượn đạo tràng làm nơi chiêu đãi. Do đây là một Phật sự ý nghĩa nên đông đảo quý Phật tử cũng như người dân trong khu vực đã tham gia và phát tâm ủng hộ xây dựng rất nhiệt tình. Đây cũng là dịp để chúng ta giới thiệu các món chay thanh đạm, bổ dưỡng có nguồn gốc từ rau củ xanh tươi bên cạnh chúng ta.

Ban tổ chức tiệc buffet chay đã tổ chức hai lần tại Tịnh xá Lộc Uyển đều rất thành công.

ĐÓN XUÂN QUÝ TỶ

Sau một năm với biết bao Phật sự hữu ích tốt đời đẹp đạo, Ban điều hành Tịnh xá chuẩn bị công tác đón Tết Nguyên đán trở về. Xuân Quý Tỵ này mở đầu bằng nghi thức tụng kinh cầu quốc thái dân an lúc 23g, sau đó Phật tử khắp nơi tề tựu đón giao thừa cho đến 4g sáng. Mỗi năm có trên 2000 Phật tử cúng giao thừa tại Tịnh xá và từ ngày mùng 1 đến mùng 8 âm lịch, các đoàn Phật tử hành hương lần lượt đến lễ chùa rất trang nghiêm và trọng thể. ■

Phó ban điều hành TX Lộc Uyển





GIỚI THIỆU TRANG WEB “Đạo Phật Khất Sĩ”

● TK. Giác Hoàng

Hệ phái Khất Sĩ ra đời tại miền Nam nước Việt, do Tổ sư Minh Đăng Quang khai sáng là một trong những thành viên thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Gần 70 năm có mặt và đồng hành cùng dân tộc qua những thăng trầm của lịch sử, ngày nay hình ảnh đạo tràng tịnh xá, Tăng – Ni Khất Sĩ đã có mặt khắp cả nước. Hơn 30 năm sống trong lòng Giáo hội, Tăng – Ni hệ phái Khất Sĩ đã thể hiện tinh thần hòa hợp như nước với sữa, gắn bó thân tình, đồng thời ra sức cống hiến, phục vụ Giáo Hội trên nhiều lĩnh vực, đưa Giáo Hội ngày một phát triển trên tinh thần “Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bốn hoài” của người con Phật.

Mười năm trở lại đây, bằng sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, đặc biệt là Internet đã đưa Việt Nam hòa nhập với thế giới và tạo dựng một vị trí xứng tầm trong khu vực. Bằng Internet, mọi người có thể tiếp nhận thông tin từ khắp nơi trên địa cầu bất cứ

thời gian nào họ muốn. Ngoài ra với sự phát triển đa dạng, tương tác hai chiều cùng với sức chứa khổng lồ, Internet vừa là nguồn cung cấp thông tin, nơi trao đổi, chia sẻ quan điểm, ý kiến, vừa là kho tư liệu vô tận của nhân loại. Bằng những tính năng điển hình kể trên, chư Tôn đức lãnh đạo Hệ phái Khất Sĩ đã nhất trí cho ra đời trang web: daophatkhatsi.vn nhằm hòa nhịp với sự phát triển chung của xã hội, cũng như hưởng ứng công tác hoằng pháp đang được đẩy mạnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay.

Trang web được ra đời là một biểu hiện tích cực cho việc đem đạo vào đời, thể hiện tinh thần tùy duyên hóa độ chúng sanh nhưng vẫn giữ được trọn vẹn tinh hoa của giáo pháp giác ngộ đúng theo đường lối, tôn chỉ của Tổ sư Minh Đăng Quang. Một website Phật giáo xuất hiện như ngôi đạo tràng được mọc lên nơi thế giới công nghệ, nơi ấy như một bến đỗ tâm linh, là nơi ươm mầm cây đạo đức, gieo hạt giống từ bi, hướng mọi người, đặc biệt là giới tri thức trẻ

đến một đời sống chân thiện mỹ, từ đó tiến đến nấc thang cao hơn là thực hành đời sống “trung đạo”, tu tập theo giáo lý nhân bản, từ bi và trí tuệ mà đức Phật đã dạy, để tâm hồn được thanh tịnh an lạc, góp phần làm cho xã hội ngày càng tiến bộ, văn minh hơn. Cũng trên nền tảng này, đi sâu vào công phu tu tập sẽ chứng đạt trí tuệ, giải thoát mọi khổ đau phiền não trong kiếp nhân sinh.

Đặc biệt, daophatkhatsi.vn còn là nơi để Phật tử trong và ngoài nước có dịp tìm hiểu về cuộc đời và đạo nghiệp của Tổ sư Minh Đăng Quang cùng chư vị Trưởng lão Tăng – Ni, cũng như đường lối giáo lý, phương pháp tu tập, hành đạo và sự phát triển theo dòng thời gian của hệ phái Khất Sĩ. Đây là một thư viện lưu trữ toàn bộ các sử liệu, công trình nghiên cứu, và các ấn phẩm văn học, nghệ thuật, thi ca cũng như những sáng tác của chư Tăng Ni hệ phái Khất Sĩ. Bên cạnh đó, đây còn là nơi cung cấp hình ảnh, âm thanh, video, thông tin chính thức, về các hoạt động, công tác



Phật sự như: Hoằng pháp, giáo dục, từ thiện, văn hóa, Phật giáo và tuổi trẻ v.v... của hệ phái. Sự phong phú, mới mẻ của trang web còn được thể hiện qua sự tương tác hai chiều giữa độc giả và Ban biên tập thông qua chuyên mục Phật pháp vấn đáp. Quả thật, đây đúng là một ngôi đạo tràng tâm linh, là nơi đáp ứng mọi nhu cầu nghiên cứu, tu học cũng như tìm hiểu văn học nghệ thuật, tâm linh Phật giáo.

Để thực hiện được những mục tiêu nêu trên, chắc chắn không thể thiếu sự hỗ trợ của chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử tri thức thập phương. Quý vị hoan hỷ gọi các bài nghiên cứu, dịch thuật, sáng tác về địa chỉ banbientap@daophatkhatsi.vn. Đối với các tin tức, rất mong quý cộng tác viên hoan hỷ gửi hình đính kèm qua attachment. Đối với các bài có tính chất nghiên cứu, mong quý vị gửi hình minh họa để

làm cho bài viết được sinh động hơn. Ngoài ra, chư Tôn đức có thể gửi các files âm thanh, video phóng sự, hoặc băng đĩa hoằng pháp, góp phần vận chuyển bánh xe Pháp của đấng Giác Ngộ và chư liệt vị Tổ sư, tiền hiền.

Kính chúc chư Tôn đức pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu. ■

Tịnh xá Trung Tâm,
25 tháng 11 năm Nhâm Thìn.

Đạo Phật Khất Sĩ
NÓI TRUYỀN THÍCH CA CHÁNH PHÁP

ĐỨC PHẬT | PHẬT HỌC | SỰ HỆ PHÁI | GIÁO PHÁP KHẤT SĨ | ẨM PHẨM | THIỀN HỌC | GIÁO DỤC PHẬT GIÁO | VĂN HÓA PHẬT GIÁO
VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT PG | PHẬT GIÁO & CÁC NGÀNH | PHẬT PHÁP TRẺ | HOẠT ĐỘNG HỆ PHÁI | HÌNH ẢNH | PHÁP ÂM

BÀI MỚI

- ▶ Cẩm tượng tham dự khóa tu Sa-di, Sa-di-ni...
- ▶ Cẩm tượng của khóa tu Sa-di, Sa-di-ni Giáo...
- ▶ Những dấu chân sen
- ▶ Ngã rẽ cuộc đời
- ▶ Thiền Vipassana giúp tôi thoát khỏi ma túy
- ▶ Tự tỉnh
- ▶ Trần Quê Hương
- ▶ Nhớ nhớ ẩn xưa
- ▶ Điều văn tướng niệm cổ Trưởng lão...
- ▶ Tiểu sử Trưởng lão Giác Luận (1934 - 2012)...
- ▶ Kỷ sự khóa tu Thiền tại Tịnh xá Ngọc...
- ▶ Đón đọc Đuốc Sen số 17
- ▶ Đợi xuân
- ▶ Giáo đoàn III tổ chức khóa tu lần 3 cho...

TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

Trang nhà Đạo Phật Khất Sĩ ra mắt độc giả

Trang nhà www.daophatkhatsi.vn là trang thể hiện tiếng nói chính thức của hệ phái Khất Sĩ, sau nhiều năm trên trời. Nhân dịp đến ngày Tưởng niệm Đức Trưởng lão Tăng chủ Giác Tánh viên tịch, đồng thời



CÂU LẠC BỘ TẮM LÒNG VÀNG

“về nguồn”

● Viên Anh

Xưa nay, khi nói đến nguồn cội người ta sẽ nghĩ về ông bà, tổ tiên, hoặc quê hương – nơi chôn nhau cắt rốn của mình, nơi ghi dấu ấn mà bao thế hệ mai sau mãi nhắc đến. Với những thanh niên Phật tử làm công tác thiện nguyện chúng tôi, về nguồn là trở về quê hương Tổ sư Minh Đăng Quang.

Trên chuyến xe từ tò mò sáng, đoàn từ thiện CLB Tắm Lòng Vàng chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình “Trung thu yêu thương”, về quê Tổ ở Vĩnh Long. Chúng tôi đã được hiểu, được nghe và được sống trong những giây phút thiêng liêng chưa từng trải qua trong cuộc đời. Dáng vẻ vừa thân thiện vừa toát lên vẻ uy nghi của vị sư dẫn đoàn – người thầy trong mảnh y vàng, vai đeo bình bát, là hình ảnh chúng ta dễ dàng bắt gặp đâu đó, nhưng hiểu một cách

tường tận thì không có mấy ai. Quý sư đã tận tình giải thích những thắc mắc của chúng tôi, ví như: “Hệ Phái Khất Sĩ do Tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập với y bát chơn truyền, quý Sư của hệ phái đắp y tựa như quý sư Nam truyền, chùa gọi là tịnh xá, quý sư ăn chay như quý thầy ở phái Bắc tông...”.

Điểm dừng chân đầu tiên là Tịnh xá Ngọc Huệ ở Cai Lậy (Tiền Giang). Chúng tôi nghỉ trưa và dùng cơm trong chánh niệm. Những bờ ngõ tiếp nối, nhưng không kém phần thú vị. Lung ngổi thẳng, đầu hơi cúi, trước khi ăn phải đọc bài kinh cầu nguyện, rồi được quý sư chỉ dẫn oai nghi trong cách ăn, cách cầm muỗng, cách nhai khi ăn...

Điểm thứ 2 chúng tôi đến là Tổ đình Tịnh xá Ngọc Viên, TP. Vĩnh Long – ngôi tịnh xá mang dấu ấn một thời hành đạo của Tổ sư. Từ sân chánh điện cho đến các cột trụ,

hành lang... tất cả đều bằng gỗ, mộc mạc nhưng lại rất tinh tế về mặt văn hóa kiến trúc. Đánh lễ Tam Bảo xong, chúng tôi được thăm viếng Hòa thượng trụ trì. Dẫu là Phật tử thuần thành, hay là người đầu tiên bước vào cửa đạo, chúng tôi đều cảm nhận được phong cách nhẹ nhàng và lòng từ bi của Ngài. Một số thành viên trong đoàn đã phát tâm quy y Tam Bảo. Hòa thượng ân cần giảng giải về ý nghĩa quy y, về con đường để đạt đến chơn lý rốt ráo trong cuộc đời này. Hòa thượng đã truyền giới và đặt pháp danh cho từng thành viên. Trong không khí trang nghiêm, lời Hòa thượng ôn tồn, trìu mến dặn dò chúng tôi: “Thuyền phải có lái, ngựa phải có cương và con người phải có chí hướng. Trong cuộc đời của chúng ta đã có những phút giây thiêng liêng, thì giờ đây, phút giây được quy y Tam Bảo là phút giây thiêng liêng nhất,



đánh dấu bước ngoặt lớn nhất của cuộc đời mỗi người. Từ đây trở đi, quý vị hãy quyết tâm tu hành, giữ giới, thân cận các bậc thiện tri thức, học Phật nhiều hơn nữa, chứ không hẳn cứ là quy y rồi sẽ có được một chỗ an toàn về Tây phương". Lòng trào dâng lên niềm ấm áp, thân thương lẫn nhưng lại vô cùng tôn kính, đó là cảm nhận của tất cả những ai có được phước duyên hiện diện trong phút giây mẫu nhiệm này.

Tiếp theo chương trình, chúng tôi đến tặng quà Trung Thu ở Trường Tiểu học Lê Văn Lăng, xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long – quê hương của Tổ sư Minh Đăng Quang.

Điểm đến cuối cùng của đoàn

chúng tôi là Tổ đường, nằm trên khuôn viên đất mà cha mẹ và các anh chị em của Tổ đã từng sinh sống. Giờ đây Tổ đường đang được trông coi bởi người chị thứ 3 của Tổ là bà Nguyễn Linh Hoa và người con gái bà là cô Phan Thị Mai Phụng, PD. Hoa Ngọc. Trên căn gác gỗ, trước bàn thờ, quý chư Tôn đức và các thành viên trong đoàn thấp nén hương để tưởng niệm tỏ lòng thành kính dâng lên Tổ cùng Cửu Huyền Thất Tổ của Ngài. Trong lòng bỗng nghẹn ngào, vẫn như mới đầu đây. Mọi thứ không phải trong truyện kể mà chúng tôi đã được cảm nhận từ thực tế. Tổ sư không hề xa xôi, những người thân của Ngài vẫn



còn đây và họ kể cho chúng tôi nghe về những ngày đã qua, khi Tổ còn sống với gia đình, về hạnh nguyện của Tổ khi Ngài ra đi tìm con đường giải thoát.

Phía trước, đối diện nhà thờ Tổ là khuôn đất rộng 20.000m², đang được thi công xây dựng Tổ đường Minh Đăng Quang. Hòa thượng Giác Giới cho biết, không gian của Tổ đường sẽ chia thành hai khu, khu nội tĩnh tu và khu ngoại sinh hoạt. Đây sẽ là nơi lưu giữ, bảo tồn các di vật của Tổ, duy trì truyền thống, nếp tu theo Tổ. Sau này chư Tăng Ni, Phật tử sẽ có được nơi chốn để nương vào khí thiêng của Tổ sư, trở về tu tập các khóa tu Giới - Định - Tuệ truyền thống của hệ phái, cũng như hành hương về thăm viếng, chiêm bái.

Từ đằng xa, tiếng trống tiếng nhạc của các em thiếu nhi đã vang lên để đón chào đêm hội Trăng rằm. Các cấp lãnh đạo và Ban Giám hiệu đã có mặt. Hòa thượng Giác Giới cùng quý chư Tôn đức, các ban ngành địa phương và các tình nguyện viên đã chia sẻ niềm vui Tết thiếu nhi với các cháu nhỏ. Những món quà trao đi, những lời động viên chân tình đã mang cho các em thơ niềm vui nô nức trên quê hương thanh bình, ấm áp tình đạo, tình đời.

Về nguồn, về với điều thiêng liêng, bình dị nhất trong con người, trong cuộc đời. Để nhận ra rằng đó là chọn lý, là điều gì đó dù xa xôi mà gần gũi, là quá khứ nhưng không rời xa hiện tại, là chân thực mà hư vô. ■



DANH SÁCH PHÁT TÂM ỦNG HỘ ĐUỐC SEN (Tập 17) KÍNH MỪNG XUÂN QUÝ TỶ PL. 2556

I. CÁC GIÁO ĐOÀN

Giáo đoàn I: 200 cuốn (TK. Minh Viên – TX. Ngọc Viên)
Giáo đoàn II: 300 cuốn (ĐĐ. Giác Phước – TX. Ngọc Đăng)
Giáo đoàn III: 400 cuốn (ĐĐ. Giác Đoan – TX. Ngọc Đà)
Giáo đoàn IV: 500 cuốn (TK. Minh Nhân – TX. Trung Tâm, Q. Bình Thạnh)
Giáo đoàn V: 200 cuốn (TT. Giác Pháp – TX. Trung Tâm, Q. 6)
Giáo đoàn VI: 400 cuốn (ĐĐ. Giác Nhuận – TX. Lộc Uyển)
Giáo đoàn Ni giới: 400 cuốn (NS. Tín Liên – TX. Ngọc Phương)
Ni chúng Giáo đoàn IV: 250 cuốn (SC. Tùng Liên – TX. Ngọc Phú)

II. CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG VÀ PHẬT TỬ

HT. Giác Tường (TX. Trung Tâm, Q. Bình Thạnh): 5.000.000đ.
TT. Giác Nhân (TX. Ngọc Lợi - Tiền Giang): 100 cuốn
TT. Giác Tây (TX. Ngọc Đồng - Tiền Giang): 100 cuốn
ĐĐ. Giác Nhuận (TX. Ngọc Đạt – Đak Nông): 50 cuốn
ĐĐ. Giác Khoan (PV.Thánh Sơn - Nha Trang - Khánh Hòa): 100 cuốn
ĐĐ. Minh Nhân (Tịnh thất Liên Hoa - Thốt Nốt): 2.000.000đ
NS. Nhu Liên (TX. Ngọc Tâm, Rạch Giá – Kiên Giang): 100 cuốn
Phật tử TX. Trung Tâm (Q. Bình Thạnh): 5.000.000đ
Ngọc Châu (TX. Trung Tâm - Q. Bình Thạnh): 1.000.000đ
Ngọc Yến (TX. Ngọc Quang - Ban Mê Thuột - Daklak): 100 cuốn
Ngọc Nhật (TX. Ngọc Chơn - Buôn Hồ - Daklak): 50 cuốn
Thiện Sơn và Ngọc Cương (TX. Ngọc Chơn - Buôn Hồ - Daklak): 50 cuốn
BS. Ái Mẫn (TX. Ngọc Pháp – Nha Trang – Khánh Hòa): 100 cuốn
Ngọc Thuận (Chùa Thanh Lương – Hà Tĩnh): 100 cuốn

ĐUỐC SEN

Tập 17

Chủ biên: HT. GIÁC TOÀN

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập
CẨM HỒNG

Sửa bản in
HỒNG ANH

Thiết kế bìa & trình bày
VÔ TRÍ SĨ

Phụ trách in
GIÁC MINH TƯỜNG

Phát hành
TK. MINH NHÂN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1

ĐT: 3822.5340 – 3829.6764 – 3824.7225

Fax: 84.8.3822.2726

Email: nxbtphcm@vnn.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

Thực hiện liên doanh: TỊNH XÁ TRUNG TÂM

21 Nguyễn Trung Trực, Q. Bình Thạnh, TP.HCM.

ĐT: 083.515.8278

In lần thứ nhất, số lượng 3.000 cuốn, khổ 20x28cm

Tại địa chỉ: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng

Giấy phép xuất bản số: 57-13/CXB/26-190/THTPHCM

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2013

Góp ý và cộng tác



Chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử có nhu cầu thỉnh thêm hoặc đặt các tập sau, liên hệ với ĐĐ. Giác Hoàng (0937103910) hoặc Sư Minh Trúc (083.5158278 – văn phòng Tịnh xá Trung Tâm). Chư Tăng sẽ gửi Đuốc Sen đến quý vị theo địa chỉ do quý vị cung cấp hoặc phân phối đến quý vị tại Tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. HCM). Email liên lạc và gửi bài: tapsanduocsen@gmail.com.

Đuốc Sen thành kính tri ân chư Tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử, pháp hữu gần xa đã ủng hộ tinh thần hoặc phương tiện tịnh tài để Đuốc Sen luôn được ra mắt độc giả kịp thời. Nguyên cầu chư Tôn đức pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu. Nguyên cầu chư Phật chứng minh, hộ trì quý Phật tử được an lành trong Chánh pháp. Nguyên đem công đức pháp thí này hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều sống an lành trong ánh sáng của mười phương Tam bảo. Cầu nguyện cho Phật pháp cứu trợ ta bà, lợi lạc quần sanh.

Trân trọng,
Ban Thư ký.

Đón đọc Đuốc Sen 18 (Thành kính tưởng niệm 59 năm ngày Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng)

KHÓA TU GIỚI ĐỊNH HUỆ LẦN VI VÀ LẦN VII



Chư Tôn Đức Ni tham dự khóa tu Giới Định Huệ lần VI



Quý Ni trưởng Chứng minh



Học Chơn Lý



Thiền tọa



Thiền hành



Độ ngo



ĐUỐC SEN

TẬP 017 - 01.2013 - PL.2556

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ HỆ PHÁI TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2012



Lạc thành bảo tượng Quán Thế Âm tại Tịnh xá Trung Tâm



Lễ bổ nhiệm trụ trì Tịnh xá Đức Niệm



Khóa tu dành cho Sa-di, Sa-di-ni và Tập sự Giáo đoàn III



Hoạt động từ thiện Tịnh xá Trung Tâm



Lễ viếng đức Phật A Di Đà tại Tịnh xá Lộc Uyển



Khóa Thiền tập dành cho Tăng, Ni và Phật tử tại Tịnh xá Ngọc Đà